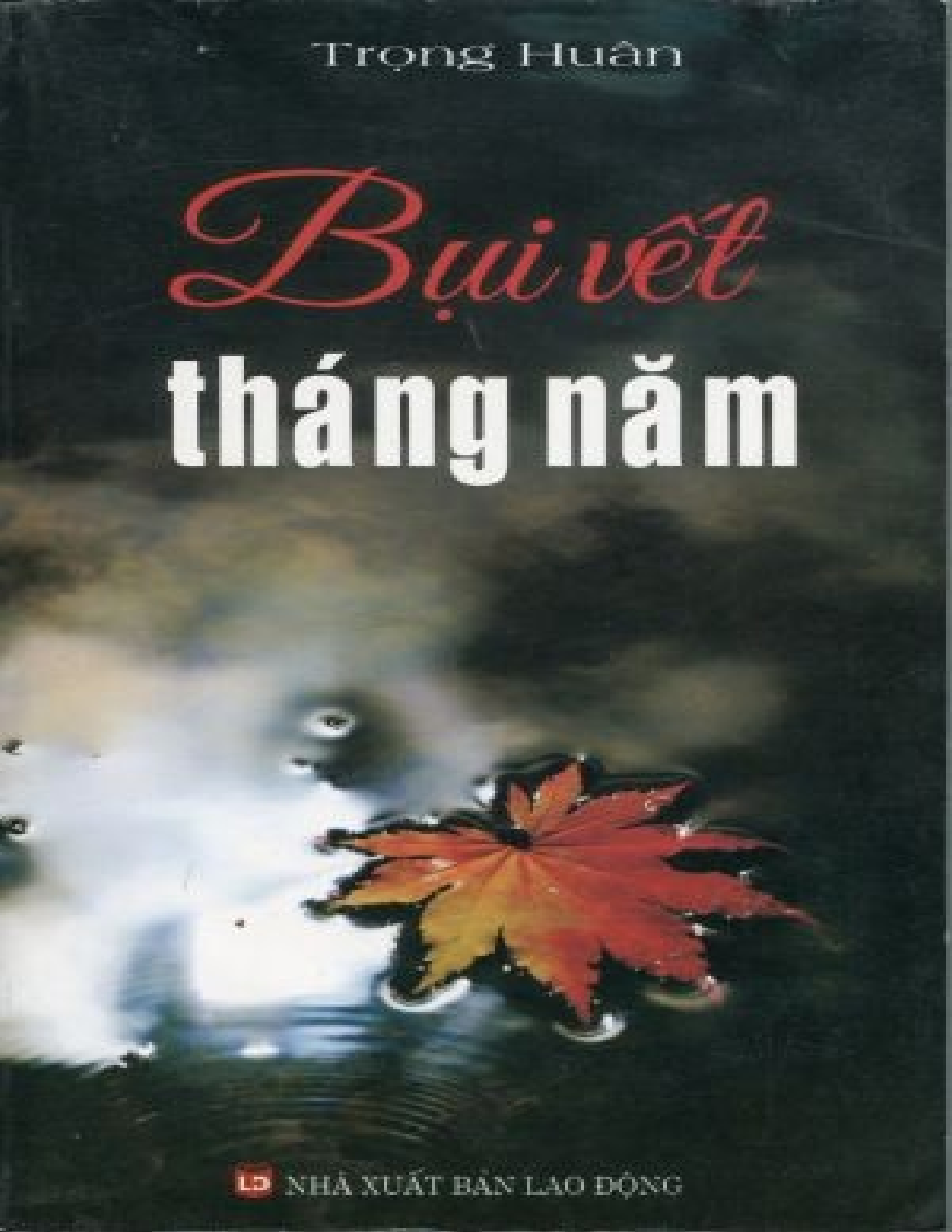


Trọng Huân

Bụi vết
tháng năm



 NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



Bụi Vết Tháng Năm

Trọng Huân

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Nghĩ ngợi:

Vua Lê Thánh Tông đòi xem sử. Nhà vua muốn nhìn lại vết dấu của mình để lại trên đời ?

Kiếp vờ vờ mỏng mang, trên dòng nước mùa đông ken, để lại vết đời tấm cánh, lững lờ trôi.

Một nhà thơ phương Tây viết: Ngay cả một sợi tóc gầy guộc cũng để lại bóng râm của mình trên mặt đất.

Trang viết là dấu vết. Vết đậm.

Gương xưa ba đời viết sử, cha viết, chém cha, con vẫn viết vậy, chém con và cháu vẫn viết thế...

Tác phẩm nghiên cứu ở một viện nọ, thỉnh thoảng thấy vài trang bị xé. Người xé lại chính là tác giả.

Đấy là họ tự viết đấy chứ!

Chẳng lẽ, những bậc thức giả không muốn để lại vết dấu của mình, cái gọi là một kiếp nghĩ ư?

Chắc nay ngượng với người, với đời, mà xé.

Nếu biết tự ngượng với họ, thì họ không xé.

Hàng ngày ta soi gương. Soi để người nhìn, mà lại cho ta.

Nếu như ai cũng soi mỗi hành động, suy tư của ta, bụi vết chúng sẽ hằn ở lại, và ta muốn để lại.

Ngậm mồm ăn tiền. Ngậm bút ăn tiền. Theo thời mà viết ăn quyền, được chức, đạt danh cũng nên!

Nói thật. Viết thật. Sống thật. Khó thật. Thôi thì đành kể vậy.

CHƯƠNG I - CHUYỆN QUÊ

Quê gốc tôi ở Hà Nam, nhưng sinh ra, lớn lên bên bờ sông Luộc, địa phận đất Hải Dương, nên coi nơi đây là quê hương của mình.

Kỷ niệm của tôi về dòng sông, vào mùa nước đông ken, vờ vờ chơi vui bay trên mặt sông. Sau đợt rét đậm, sẽ có ngày thời tiết ấm áp. Vào những hôm như vậy, buổi sáng sương mù giăng trên sông. Đi bên sông cảm giác như ta bỗng bênh trong mây.

Không trung trên mặt nước những con vờ vờ bay lượn. Vờ vờ to bằng độ con châu chấu, trắng muốt. Thấy bảo, có người bắt vờ vờ về ăn - món vờ vờ rang. Chắc chẳng ngon nghề gì. Thế nên, vùng quê tôi có thành ngữ: xác như vờ vờ.

Vào những hôm sương mù, bọn trẻ phố tôi đi học, chúng cứ men theo mép nước đến trường. Đường xa hơn đấy, lũ trẻ vẫn chọn con đường đó. Bởi chúng còn nghịch ngợm và xem vờ vờ bay.

Trên sông, sáng sớm, vờ vờ khoẻ, dập dờn lượn. Sau bay lượn mệt, chúng sà thấp dần, chao đảo, có con rớt xuống nước, rồi vùng vẫy, cố cất mình lên. Dưới sông, đàn cá mương hau háu đớp bóng, quẫy đạp, chờ đợi... Mặt trời cao dần, ánh nắng chiếu rọi, cũng là lúc vờ vờ đuối sức, rớt xuống mặt nước, mà không cất mình lên nổi. Đàn cá mương châu chực, lúc này xúm lại. Nhìn những con vờ vờ xấu số, bị lũ cá mương đớp rĩa, thân mình tả tơi, để cuối cùng mất dạng dưới làn nước mùa đông lạnh giá. Nghĩ mà thương!

Mặt trời cao dần, không còn con vờ vờ nào nữa. Mặt nước sông chỉ còn những cánh trắng mỏng mang, dập dờn trôi. Đàn cá mương cũng kết thúc cuộc săn mồi, lặn mất tăm.

Dòng sông mùa đông ken, nước lững lờ. Nếu không có những cánh vờ vờ mỏng mang, lơ vờ, ai mà biết được, trên sông vừa xảy ra cái quy luật khắc nghiệt của tạo hoá... Con vờ vờ yếu đuối là một mắt xích của chuỗi sống tự nhiên và để lại trên thế gian bụi vết sinh tồn.

Nhà tôi ở bên bến đò Ảnh. Bến đò nằm ở ranh giới mấy tỉnh con gà gáy nghe tiếng. Ngã sông được tạo ra trước năm 1284. Cuộc chống quân Nguyên Mông lần thứ hai, Trần Hưng Đạo đóng quân dọc lưu vực sông Hoá. Trong cuộc hành binh, có câu chuyện cảm động. Khi vượt sông, con voi chiến chở Trần Hưng Đạo bị sa lầy, mãi mà không cứu được. Nước sông dâng cao dần, voi rống lên, nước mắt rùng rùng, vầy vời vái chủ. Sau này bên bờ sông, dân lập đền thờ Ông Voi.

Sông Hoá nối vào sông Luộc. Lúc ấy hệ thống sông Luộc, sông Hoá tách biệt với sông Thái Bình. Trần Hưng Đạo thấy thuyền từ sông Luộc phải qua sông Hoá, rồi ra gần biển, mới vào được sông Thái Bình, quyết định đào nối hai hệ thống sông trên. Vậy nên nay sông Luộc mới nối được với sông Thái Bình.

Đối diện quê tôi, bên kia sông là Vĩnh Bảo, một vùng quê có đặc sản nổi tiếng một thời, thuốc Lào. Mấy ông nghiện thuốc, ai chẳng hay câu:

Nhớ ai như nhớ thuốc Lào

Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên.

Cây thuốc Lào cao cỡ hơn mét. Lá to bằng cánh cái quạt trần. Phải so sánh vậy cho nhiều người dễ hình dung. Thuốc Lào mỗi vùng có sự khác nhau. Thuốc Lào vùng núi thường mỏng, sợi nhỏ và màu vàng nhạt. Riêng thuốc Lào anh Vĩnh Bảo, sợi dày, màu đậm.

Dân vùng thuốc, phụ nữ hút là chuyện thường, chồng hút, vợ hút, bố hút, con hút, nam thanh nữ tú cùng hút, cứ điềm nhiên rít, điềm nhiên nhả khói và ngả ngón say. Sự say thuốc Lào đến buồn cười, lại thường diễn ra vào độ sáng sớm. Mở mắt ra, chưa súc mồm súc miệng, dân nghiện đã lôi cái điếu, điếu cày hay điếu bát, nhồi mồi thuốc to cỡ hạt lạc, châm lửa, làm một rít. Thế là say. Say lăn đùng ra đất. Say vật ngửa ra ghế. Người say dãi rớt trào ra miệng, mặt mũi tái đi. Nhưng chẳng sao, một lúc là tỉnh. Nhìn điệu bộ lơ đãng của kẻ say thuốc, trông đến buồn cười. Say như vậy, mà chẳng ai chừa, lại hút, lại say, lại hút...

Nhìn kẻ say thuốc Lào đã buồn cười, nhìn con cóc say thuốc Lào còn buồn cười hơn. Đám trẻ bắt cóc, vạch miệng ra, tổng thuốc Lào qua, tổng xuống tận tù và. Một lúc sau, con cóc say. Nó đứng đờ, đi không được, đứng không xong, cứ lạng chạng, lắc lư. Chưa kể nó ho, ban đêm, người yếu bóng vía nghe, sợ phát khiếp con cóc say thuốc Lào.

Người ta bảo, tang thuốc ngon hút phải đậm, êm,... Mấy bà buôn thuốc, đấu thuốc ngon với thuốc gốc, thuốc mới với thuốc cũ. Lúc đấu, họ rải từng lớp, rồi chân đất đập, giẫm, thỉnh thoảng còn phì phì phun nước chè đặc vào thuốc. Dân ăn trầu, lại chả đánh răng, thế mà các ông cứ khen, tang thuốc này ngon, êm và đậm.

Để có anh tang thuốc ngon, êm và đậm, không thể thiếu giống phân bắc. Phân bắc, tức là cứt người. Kinh nghiệm truyền đời của dân vùng thuốc Vĩnh Bảo là vậy, nên họ quý phân bắc lắm. Thời tôi biết, phân bắc được quản hẳn hoi, không có chuyện luân chuyển, lưu thông tự do. Vùng nào quản chặt vùng đó, chính sách rõ ràng. Dưới thời bao cấp, mọi thứ hàng hoá đều được quản lý hết.

Thị trấn hơn năm ngàn khẩu, một phần tư là dân nông nghiệp, sống bằng cây lúa, còn lại ba phần tư dân ăn gạo sỗ, hay gọi là gạo bông. Dân ăn gạo bông chẳng cần gì đến phân, nên địa phương tôi, phân bắc dồi dào.

Xin lan man thêm về ăn gạo sỗ. Gạo sỗ còn có tên là gạo bông. Gọi như vậy có lẽ xuất xứ từ thóc xay ra, gạo để quá lâu đến mục đi, nấu lên nở bung và mùi rất hôi. Thứ gạo này dân làm bún thích lắm, vì bún trắng và làm rất dôi. Ở nước ta cái tên gạo bông có từ thời đời năm Bốn Lăm. Lúc đó chính quyền Pháp - Nhật áp dụng chế độ tem phiếu bán gạo cho dân nội thành Hà Nội.

Sau này vào quãng đầu những năm 1960, thì ta lại áp dụng sổ gạo. Tem phiếu cho đối tượng là dân thành thị, cán bộ công nhân viên, giáo viên, học sinh chuyên nghiệp, công an và bộ đội. Tùy theo đối tượng, thấp nhất là các ông bà giáo viên, mỗi người mười ba cân, diện lao động ít tốn sức lực; cao nhất là bộ đội, hai mươi bốn cân, ăn khoẻ thật, ngày tám lạng gạo. Thời đỉnh điểm cả nhà tôi, gồm năm nhân khẩu, được mua năm mươi tư cân, vừa đầy cái chậu sành.

Diện ăn gạo bông mỗi nhà có một quyển sổ, gọi là sổ gạo. Hằng tháng các nhà đến cửa hàng mậu dịch xếp hàng mua gạo. Ai mất sổ gạo là một tai hoạ. Có thành ngữ *như mất sổ gạo*. Gọi là sổ gạo, nhưng không chỉ có bán gạo, mà còn độn thêm nhiều loại lương thực khác và cỡ từ năm 1965 áp dụng chế độ bán độn. Tùy theo vùng, miền, mà độn khác nhau, như ngô, khoai, sắn, mỳ, bo bo. Về mỳ có mì bột, mỳ sợi, đây là lương thực độn nhiều nhất, do ta nhận được viện trợ từ Trung Quốc và Liên Xô.

Ngoài tem phiếu, sổ gạo, thì còn có tem phiếu và sổ mua bán cho các đồ dùng, vật dụng: than, dầu, vải, thịt, đậu, nước mắm, mì chính, đường, xà phòng, rượu, khăn rửa mặt, thuốc đánh răng, nan hoa xe đạp, bi, sấm lốp, bát đĩa,... Tùy theo cấp bậc, lương bổng, mà chế độ tem phiếu khác nhau, như phiếu vải, thì dân thường bốn mét một năm, còn cán bộ năm mét một năm. Có thời ở một số nơi, khi đăng ký kết hôn, đôi uyên ương được mua chiếc giường và cái màn, còn nếu ai chết, có giấy chứng tử của ông uỷ ban xác nhận, thì đến cửa hàng được mua một cỗ gỗ.

Riêng quê tôi do có nhà máy xay to nhất Đông Dương, nên thêm loại phiếu trấu, tức thóc xay ra, thành gạo và vỏ trấu. Mỗi nhà một tháng được phân phối mười bao trấu. Thôi, tem phiếu rất phức tạp, để các nhà tem phiếu học trình bày.

Quay về việc quản phân quê tôi. Giữa một địa bàn dồi dào phân như vậy, hơn ba ngàn nhân khẩu ăn gạo bông, nhà nhà có hố xí, thì dân quanh vùng sẽ xúm vào cái mỏ đó. Mấy anh trồng lúa đất Thái Bình bên kia sông và mấy xã xung quanh, nhòm ngó cũng vừa vừa thôi. Riêng anh thuốc Lào, họ quan tâm nhất. Khổ nỗi, đất Vĩnh Bảo cách sông, cách đò, lại vương khâu quản lý chặt chẽ, nên việc vận chuyển khó. Mấy anh không cách sông, cách đò, cứ gánh ào qua địa giới là xong. Đêm ngày, sáng tối, lấy cán bộ đâu ra quản cho đủ.

Dù việc quản lý ngặt nghèo, con đường vận chuyển khó khăn, phân bắc vẫn lén lút bị chuyển từ quê tôi sang Vĩnh Bảo. Cửa ngõ tiếp tay cho hành động phi pháp kia là cai bến đò Ảnh. Vì bến đò trước nhà tôi, nên bao lần, tôi mục kích, không chỉ thấy, mà cả xóm còn phải ngửi thứ mùi phân thum thum. Vào mùa cao điểm, tức là lúc thuốc Lào cần phân, dân vận chuyển lậu tập trung thu gom và vận chuyển.

Cũng lạ, quản lý chặt chẽ, khít khao vậy, mà họ vẫn thu gom, vẫn vận chuyển được. Bảo cái kim, sợi chỉ, giấu trong túi quần, túi áo, thì bí mật được. Đàng này, nó chình ình ra đấy, vận chuyển phải bằng gánh, bằng sọt, rồi sức người quần quật, nhất là cái mùi thối hoăng lên của nó, thế

mà họ vẫn giấu được. Thật tài tình! Cứ mỗi người một gánh, khối lượng không dưới năm mươi cân, tập kết về bến đò Ảnh.

Khoảng bảy, tám giờ tối, nơi bến đò tập kết, mỗi chuyến khoảng hai chục gánh. Tại sao phải tập kết đông vậy? Không thể một gánh, mấy ông nhà đò chở sang luôn. Phải đông mới bỏ chuyến, đủ phí trả ông đò. Điều nữa là ông đò không sức đâu chuyển ngay thứ hàng lậu, hàng phi pháp kia, họ cứ để đó ngâm, cho cánh vận chuyển đủ lo sợ, sợ như cậu ông trời, lúc thu tiền, đỡ kẻo nheo.

Ông nhà đò nhiều khi làm phách, lại làm phách quá đáng, dẫn đến cảnh khó coi. Đó là những hôm khách hàng tập kết đông đủ, nhà đò vẫn chưa chịu sang. Đôi co lời qua tiếng lại, ông đò nổi xung, cứ gánh, sọt hất tung. Thật kinh khủng, phân tro bừa bãi. Cửa đau con xót, mấy người mắt của phải thu gom lại, thu bằng tay. Dù xót xa đến mấy, cũng chả ai gom hết được. Những lần như vậy, dân xóm bến đò được cả đêm ngủi, rồi ngày hôm sau, khách qua đò chịu trận. Họ lại đem lũ chuyển phân lậu đêm qua ra chửi.

Quê tôi có một bà, tôi tránh gọi tên tục của bà này ra, chỉ tạm đặt cái tên là N. Bà N làm công việc thu gom phân bắc. Cứ như bây giờ ta gọi là chủ gom hàng. Làm cái nghề này, bà ta biết hết hộ nào, cơ quan nào trong thị trấn có nhà vệ sinh. Dân phố thị cơ bản sống bằng buôn bán, nên thứ phân bắc kia, chả nhà ai dùng.

Bước sang thời kỳ làm ăn tập thể, khi người ta quản, sẵn cầu mà hiếm cung, hàng hoá thành có giá. Giá của phân, một gánh là ba đồng, tương đương hai cân gạo. Vậy là nhà ai cũng giữ. Trong bối cảnh vậy, muốn có hàng, bà N phải tìm đủ cách. Về thu gom, bà N có hai cách chính:

Thứ nhất là mua của từng nhà, mua rẻ, bán đắt, hoặc làm phân giả. Bảo bây giờ mới có hàng giả, chứ thực ra không đúng. Manh nha làm đồ giả có từ lâu rồi, đến cái bà N quê tôi, hồi còn bao cấp đã làm hàng giả. Bà hoà nước, rồi độn đất sét, cứ hai gánh chộn thành ba, phân vẫn thối, vẫn đặc và màu vàng tươi, ai thẩm định nổi, giả thật.

Cách thứ hai là bà thuổng.

Đồ nghề của bà N là đôi quang sọt và hai rẻ xương sườn trâu, nó dùng để múc. Lắm lúc vội, bà vốc thẳng bằng tay. Một lần bà thuổng, bị chủ nhân bắt được. Lần đó vào khoảng đầu năm 1964, bà mò vào trường cấp hai, ngôi trường ở giáp sau nhà tôi. Trong lúc bà đang thuổng, thì ông giáo tên là Long bắt được.

Trộm cắp bị bắt quả tang, tưởng hết đường chối cãi, vậy mà bà N vẫn lý sự:

- Ông giáo ạ! Cứt này ... bí ban ra quyết định rồi. Các ông, bà giáo diện ăn gạo bông, gạo do Nhà nước cấp, nên cái này thuộc về Nhà nước quản.

Lý như vậy đúng quá, ai cãi được. Mà cãi thì lên ông uỷ ban mà cãi. Có mấy bãi phân, các ông giáo, bà giáo rồi hơi lên cửa quan, dành cho qua. Đám phân ăn trộm được thoát hiểm.

Trường cấp hai có khu vườn cây khá rộng, trong đó trồng nhiều chuối. Lũ trẻ con quanh trường thường trèo sang chặt trộm chuối, rồi giẫm ngay trong vườn trường. Chúng đào hố, vùi chuối xuống.

Một lần tôi và thằng em họ mò sang. Chúng tôi khôn lỏi, không chịu chặt, dẫm chuối, thỉnh thoảng nắn tay trên của đám kia. Thằng em tôi nhanh mắt, phát hiện ra cái hố, dù được xoá dấu vết cẩn thận. Nó hăm hở móc tay, luồn sâu xuống. Bất ngờ, thấy nó rút vôi lên. Eo ơi, bàn tay nhoe nhét và thối. Hoá ra nó móc phải hố phân giấu trộm của bà N, bà thuổng từ nhà vệ sinh của trường.

CHƯƠNG I - 2

Nước Việt ta sao lắm chiến tranh. Dân Việt hiếu chiến ư? Quân Mông Cổ đòi mượn đất Việt sang đánh Chiêm Thành; đế quốc Mỹ hạm đội giăng khắp bốn biển, năm châu, bảo ta dùng cái tàu ọp ẹp ra gây sự với chúng; còn Nhật, Pháp nữa,... toàn cái lý cùn của kẻ mạnh. Có năm châu, thì đế quốc ba châu, từng sang giày xéo nước ta, lính; thì đủ sắc tộc: Á, Âu, Phi, Mỹ, Úc kéo sang đánh hôi.

Riêng một huyện như quê tôi, từ kháng chiến chống Pháp tới nay đã hy sinh tới 3.999 liệt sỹ. Nếu cả nước, chỉ cần tính trên năm trăm quận, huyện thôi, thì riêng binh sỹ một phía, thiệt mạng tính toán tới hai triệu người, chưa kể dân thường và binh sỹ phía bên kia và hàng triệu nạn nhân trong trận đói bốn lăm. Số người chết là bao nhiêu triệu người?

Thời kỳ đầu cuộc ném bom của không quân Mỹ, gia đình tôi sơ tán đến làng Rùa, làng nửa lương, nửa giáo, thuộc huyện Tứ Kỳ. Nhà có mẹ và ba chị em tôi sơ tán, còn cha tôi là dân quân, nên ở lại nhà. Chủ gia đình tôi sơ tán tên là vịnh, vợ chồng rất tốt tính, họ dành cho mẹ con tôi hẳn ba gian nhà ngang.

Vợ chồng ông bà chủ có hai người con. Tôi nhớ: chị Gái và thằng Ghẻ. Chị Gái hơn tôi ba, bốn tuổi, còn thằng Ghẻ xấp xỉ tuổi tôi. Nó được gọi tên ấy vì người ghẻ kèn càng. Một điều nữa ở nó là mũi lúc nào cũng thò lò xanh lét. Ngày ấy trẻ nhỏ thường mũi xanh thò lò.

Bà chủ nhà rất quan tâm đến gia đình tôi. Nhà có món tươi nào, như con cua, mớ cá bắt được trong buổi làm đồng, bà đều san sẻ cho, không chí ít, thì bà gắp đĩa rau muống sang. Mẹ tôi nhiều lần từ chối, mà không được.

Trong đám tài sản sơ tán của nhà tôi có chiếc tủ đứng và chiếc đồng hồ côn là quý giá nhất. Sơ va đập, bố tôi lấy gỗ đóng kín, che tấm gương chiếc tủ lại, còn chiếc đồng hồ, treo ở bên trong. Cứ mười lăm phút một lần, đồng hồ giống giả bính boong. Mỗi lần gõ chuông, thằng Ghẻ sán lại, áp tai vào cánh tủ, nghe. Như dạng chiếc đồng hồ này, hồi ấy cả thị trấn quê tôi có độ mười chiếc. Trong dịp sơ tán, chị Huyền, chị gái cả tôi, phải đội nó chuyển hết vùng này tới vùng kia. Vì di chuyển nhiều, nhà tôi đành bán cả tủ gương và chiếc đồng hồ đi.

Ông chủ nhà là cán bộ hợp tác xã nông nghiệp, hình như là phó, hay chủ nhiệm. Sau này ông bị cách chức. Mãi khi lớn tôi mới hay. Có lẽ ông vướng vào công quỹ, hoặc do mâu thuẫn nội bộ, nên bị cách chức. Trước kia ông từng tham gia đội Việt Hùng, một tổ chức thành lập ở vùng tề để thủ tiêu việt gian.

Khi cuộc ném bom của không quân Mỹ chấm dứt, ông bà chủ nhà nơi gia đình tôi sơ tán, thỉnh thoảng đi chợ thị trấn, có ghé vào nhà tôi chơi. Bẵng đi một thời gian, quan hệ hai nhà thưa thớt dần. Chiến tranh qua đi nhiều năm, sự biết ơn, ân huệ phai nhạt.

Quãng sau năm bảy lăm, dân trong vùng nhao nhao tin về vụ đắm đò, chết mấy chục người ở ngôi làng lương giáo kia. Vụ đó lại liên quan đến chủ nhà mà gia đình tôi sơ tán. Sự việc bắt đầu từ chuyện chị Gái đi lấy chồng. Nhà gái và nhà trai cách nhau con sông. Đưa dâu xong, khách nhà gái trên đường trở về, đò qua được nửa sông, bất ngờ xảy ra tai nạn. Đại diện, họ hàng nhà gái bị chết tới mười bảy người, xác vớt lên, đưa về sân kho Hợp tác. Cảnh thật rùng rợn. Trên sân kho, xác người xếp thành dãy.

Trong vụ đắm đò, người day dứt nhất là gia đình ông bà Vịnh. Vì đám cưới con gái, mà họ hàng, dân làng nhiều người thiệt mạng. Ông bà còn day dứt hơn, nhà mình không ai bị gì. Giá như nhà họ cũng có, thì đỡ dần vất hơn. Trong tang tóc, có nhà trong làng không kìm nổi, khóc day dứt ông bà. Người ta lôi ra cả chuyện ngày xưa, ông từng làm Việt Hùng, hồn ma trả thù, họ bị vạ lây.

Tưởng số phận ông bà Vịnh hẩm hiu đến thế là cùng, đến quãng năm tám mươi, tai họa lại ập xuống. Người con dâu - là vợ thằng Ghẻ, một hôm cả nhà đi vắng, nó lôi cậu em chồng, cùng thằng con trai vào buồng, rồi dùng chày giã cua, đập đến chết hai đứa bé. Lúc này dân làng càng xúm vào đàm tiếu. Cô con dâu kia bị những hồn ma, do ông bố chồng giết trước đây, nhập vào, đập chết hai thằng bé. Tang tóc kinh hoàng và trước cả những lời xàm xì tai ác, ông bà sống sao nổi ở quê. Tuổi ngoài năm mươi, họ đành dắt díu nhau rời làng. Nghe nói, ông bà đi kinh tế mới tít tận Sơn La.

Chuyện oán thù, hồn ma với gia đình ông bà chủ nhà tôi sơ tán chẳng rõ thực hư thế nào, nhưng câu chuyện sau đây thật khó hiểu. Ông ta tên là An, Trưởng bến đò Ảnh. Thấy bảo trước từng là đội viên đội Việt Hùng. Bọn trẻ con ở xóm bến đò rất sợ ông bến trưởng. Muốn dọa trẻ, người lớn thường mang ông An ra hù dọa.

Trưởng bến đò An đã có vợ. Vợ chồng đứng tuổi, qua mấy đặng sinh, không đặng đứa con nào. Họ là cặp vợ chồng hữu sinh vô dưỡng. Người ta bảo hồn ma lộn vào đấy. Dân xóm bến đò rỉ tai nhau câu chuyện về ông An. Sau nhiều lần mất con, đến lần đó, để nó không lộn được nữa, ông An đem mổ bụng, móc ruột gan xác đứa con do vợ vừa sinh ra. Ông còn lật sấp đứa trẻ, trước khi nhập quan cho nó. Sau lần ấy, vợ ông không sinh nở nữa. Chắc hồn ma không lộn được. Khi tôi lớn, ông An đã nghỉ hưu, thỉnh thoảng còn thấy ông. Ông đi buôn cáy từ Vĩnh Bảo về quê, bán cho dân làm mắm. Cái dáng ông cao lòng còng, hom hem, gò lưng đạp xe cáy, trông cứ tội tội.

CHƯƠNG I - 3

Trước năm 1945, dưới thời Pháp thuộc, phổ phủ quê tôi có bảy ngàn dân, người tứ chiếng, có cả dân gốc Hoa, tới trăm hộ.

Lỵ sở quê tôi được đặt ở đây từ năm 1830. Xa xưa, quê tôi thuộc đất Hồng Châu, dưới thời Trần, thuộc đất Hạ Hồng, tới nhà Nguyễn, đặt thành phủ và có cái tên như ngày nay. Vùng đất này gắn với rất những nhân vật nổi tiếng.

Cuối đời Đường, Trung Quốc, thổ hào Khúc Thừa Dụ người Cúc Bồ, Hồng Châu chiếm cứ lấy thành, tự xưng là Tiết Độ Sứ. Ba cha con ông truyền đời kế nghiệp từ năm 906 đến năm 930. Thời này có những cải cách của cha con ông: "Sửa lại chế độ tô, thuế má và lực dịch, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch, lập sổ hộ khẩu, kê rõ quê quán,...". Sử sách ghi nhận: "dưới thời Khúc Hạo bộ mặt đất nước ta bước đầu chuyển biến thuận lợi, đời sống nhân dân dễ chịu hơn..."

Nguyễn Minh Không khi xuất gia với cái tên Thiền sư Dương Không Lộ (1065-1141), quê ngoại ở làng Hán Lý. Ông từng là Quốc sư nhà Lý.

Trời xanh nước biển muôn trùng

Một thôn sương khói một vùng dâu dầy

.....

Ông chài ngủ tít ai hay

Quá trưa tỉnh dậy tuyết bay đầy thuyền

Những câu thơ rất đời và nhàn tản.

Dấu chân Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, chắc từng nhiều lần qua đây, bởi ông vốn quê ở huyện Vĩnh Lại. Mãi đến năm Minh Mạng thứ mười chín mới cắt năm tổng của huyện Tứ Kỳ, ba tổng của huyện Vĩnh Lại thành lập ra huyện Vĩnh Bảo.

Do vị trí quân sự quan trọng, trong cuộc tranh giành Trịnh - Mạc, năm 1594 Trịnh Tùng cử Nguyễn Hoàng, sau là chúa Nguyễn, đem thủy quân về Vĩnh Lại đánh quân Mạc Kính Cung. Vào một số năm dưới thời Lê Trung Hưng, đây là một trong những địa bàn hoạt động của Quận He - Nguyễn Hữu Cầu.

Sau này nữa, vào năm 1897, Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định thành lập bảy trung tâm hành chính ở Bắc kỳ, trong đó phổ phủ quê tôi là một trong bảy trung tâm đó. Đứng đầu trung tâm là một quan chức tương đương Phó công sứ. Đầu năm 1950, Pháp lập ra tỉnh mới, phổ phủ quê tôi là tỉnh lỵ.

Phủ lỵ, tỉnh lỵ, huyện lỵ, người phố thị tự hào lắm về truyền thống lâu đời của phố thị mình, sắp tới hai trăm năm ngày lập thị.

Phố thị quê tôi có đến năm, bảy ngôi đền, chùa. Đây là trước năm 1945. Có cả đền thờ sao trời. Một năm thiên thạch rơi xuống. Thấy sự lạ, dân dựng đền, gọi đền Cống Sao. Các đền gồm có: Đền Đức Đức Thánh Trần, đền Cậu, đền Cô, đền Phủ Bà, đền Đoan, đền Cây Si...

Nổi tiếng nhất là đền thờ Quan Lớn. Quan Lớn là một trong Ngũ vị quan lớn. Truyện "Đối tụng ở Long cung" ở cuốn *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, viết vào thế kỷ XV, chính là viết về Quan Lớn.

Hiện nhiều nơi thờ Ngài, ở nhiều nơi như Ninh Giang, Hải Dương, Phủ Giày, Nam Định; Kỳ Cùng và Bắc Lệ, Lạng Sơn; đường Lê Văn Sỹ, thành phố Hồ Chí Minh,... Đền Quan Lớn trong lễ hội trước đây có tục xuyên linh và thịnh lên đồng. Xuyên linh, người ta xuyên thanh sắt nhọn qua má ông đồng.

Đền, chùa ở đâu thì cũng khấn vái, lễ Phật, cầu Thánh. Quê tôi có chuyện hơi đặc biệt về các ông đồng. Đạo mẫu có tục đồng bóng, dòng đồng bóng có bà đồng, ông đồng. Bà đồng thì không có gì đặc biệt, họ là những phụ nữ tính đồng bóng và rất nghiện hầu đồng. Họ mà không hầu, thì ốm đau quặt quẹo, làm ăn không mát mẻ. Riêng các ông đồng, hay gọi cô đồng, là hơi đặc biệt. Gọi cô đồng, nhưng họ là nam giới, còn tính khí giống như dân pê đê bây giờ.

Trong những cô đồng ở quê tôi có hai người đáng chú ý. Cả hai ông cô đồng này đều dính vào buôn thuốc phiện, người phải tù, kẻ khuynh gia bại sản. Đạo có chính đạo, tà đạo; kẻ tu hành người thành chính quả, kẻ phá giới vì lòng đầy tà dâm. Hai ông cô đồng này có phải bị thánh vật không?

Ông cô đồng thứ nhất nhiều tuổi, bị tù cỡ dăm, bảy năm. Tính vắt vẻo, chua ngoa, ông ta nhìn người bằng nửa con mắt. Chính ông này lại dính vào nhà tôi một chuyện. Ngày ấy, quãng năm sáu tám, đang lúc chiến tranh bắn phá miền Bắc, ra-đi-ô còn là của hiếm, rất ít nhà có. Để nghe đài, người ta lắp ga-len, hoặc tự lắp ra-đi-ô. Họ lùng mua bóng bán dẫn gỡ ra từ các vụ máy bay Mỹ rơi. Một ra-đi-ô tự lắp có từ ba đến năm bóng. Càng nhiều bóng bán dẫn, bắt sóng ra - đi - ô càng nhạy.

Trong số người say mê lắp ra-đi-ô ở thị trấn, có cha tôi. Ông nhờ con gái học ở trường kỹ thuật phát thanh, mua sách về xem và lúi húi lắp đặt. Sau nhiều tháng mày mò, cha tôi dựng thành công chiếc ra-đi-ô. Chiếc đài có ba bóng bán dẫn, bắt được cả sóng đài BBC. Tiếng về cái đài của cha tôi lan truyền trong giới chơi ra-đi-ô ở thị trấn.

Cha tôi là cán bộ khu phố, đảm nhiệm chân an ninh trật tự. Chiến tranh, nên dân thị trấn đi sơ tán hết. Một đêm, sau đợt tuần tra về, ông tá hoả khi phát hiện chiếc đài không cánh mà bay. Thật là sét đánh. Cha tôi thần thờ, chán nản cả tuần. Rồi ông âm thầm dò tìm kẻ trộm cắp kia. Gần một tháng sau, thủ phạm bị phát hiện. Trớ trêu thay, nó lại là rể trưởng của ông cô đồng kia. Để chạy cho chàng rể khỏi bị tù đày và giữ thể diện gia đình, ông đồng phải đích thân đến

gặp cha tôi nhận nhục và mang theo hiện vật ăn trộm đến trả. Do đêm hôm không đèn đóm, lại quá vội vàng, anh chàng ăn trộm giật bung hết linh kiện chiếc đài. Lấy trộm mà chả dùng được, kể cũng tội cho thằng ăn trộm. Sau khi nghe ông cô đồng trình bày, với lời lẽ thống thiết, cha tôi tuyên bố, tha bổng. Chắc lúc đó ông cô đồng sượng phát điên.

Sau sự việc đó, chẳng bao giờ cha tôi sờ đến dụng cụ, hay hàn lắp ra-đi-ô nữa và cũng không kể ra trước thiên hạ câu chuyện kia. Nhỡ khi giáp mặt với cha tôi, ông cô đồng nhũn như con chi chi.

Cô đồng thứ hai trẻ hơn cô đồng trước cỡ mười lăm tuổi. Anh cô đồng này cũng buôn thuốc phiện. Nghe nói trong một vụ buôn chung, bị cô đồng già lừa một vố, mất cả chì lẫn chài. Tức mà không thể đưa ra cửa quan được. Uất quá, một dạo anh cô đồng này phát điên, cứ dọc các phố hò hát, nhảy múa, thỉnh thoảng nhớ nghề, còn nhảy đồng tâng tâng giữa phố.

Đến khi khỏi bệnh, anh cô đồng ta chẳng còn tâm trí đâu buôn bán thuốc phiện nữa, mà chuyển sang mở quán giải khát. Nhà anh này có cửa hàng mặt phố, buôn bán rất tiện. Anh ta cất ngôi nhà ba tầng, tầng dưới bán giải khát, tầng hai để ở và tầng ba lập điện thờ. Thật quá tiện, vừa là chỗ kinh doanh, ở, vừa là nơi thoả mãn nhu cầu tâm linh.

Mới đầu tầng hai dùng làm nơi sinh hoạt gia đình, tiếp đó nó được chuyển thành nơi cho hai cô con gái tiếp khách. Đó là quãng năm 1980. Thời kỳ ấy nhà máy xay hoạt động hết công suất. Ngày nào cũng có đoàn vận tải ô tô Cột Cờ Hà Nội về lấy gạo. Các anh tài lăm tiền là khách sộp cho quán xá phố thị quê tôi, ngày họ tiêu mấy chục đồng. Để hút khách, quán xá các nhà trong phố giở đủ trò.

Tất nhiên, anh đồng cô kia cũng ra công chiều chuộng khách. Nhà anh cô đồng có nhiều lợi thế. Một trong những lợi thế là có những hai cô con gái măng tơ. Món này, mời các ông tài, hợp quá. Giải khát ở tầng một xong, khách nhót lên tầng hai, có hàng phục vụ ngay. Đâm ra nhà anh đồng cô này khách hàng lúc nào cũng chen chúc.

Cái tầng ba là nơi lập điện thờ và anh cô đồng dùng để yêu trai. Tôi cũng một lần được lên điện thờ đó. Mẹ tôi buôn bán tạp pín lù. Vào dịp tôi về nghỉ hè đại học, tôi được mẹ giao mang cây thuốc lên nhà hàng anh ta. Nhận hàng xong, anh ta tùm tùm cười, bảo tôi lên gác nhận tiền. Anh ta lên trước, tôi theo sau. Qua tầng hai, liếc qua cửa nửa khép nửa mở, thấy mấy gã trai trần trùng trực, lăn lóc, ngả ngốn, tiếng cười nói của đàn ông, đàn bà trong phòng vọng ra. Lên tới tầng ba, tôi thấy điện thờ nển hương nghi ngút, trên ban thờ bày nhiều hình nhân, cùng mũ mã sặc sỡ.

Tôi lúc ấy tuổi đôi mươi, thư sinh trắng trẻo. Vì còn trẻ nên tôi bất ngờ, khi thấy thái độ khác lạ của anh cô đồng kia. Hoảng quá, tôi chạy quanh điện thờ, cuối cùng tụt xuống tầng một. Một lúc sau anh cô đồng hậm hực bước xuống.

Giữa thanh thiên bạch nhật, người qua lại đông đúc, còn dám làm ăn gì. Anh cô đồng gắt: Thôi về đi. Hôm khác tôi trả tiền cho mẹ cậu! Mấy hôm sau không thấy mẹ sai tôi đưa thuốc cho nhà hàng anh ta nữa. Mẹ bảo, anh kia nói: Con nhà bà vía nặng. Cây thuốc mua mấy ngày, mà không bán hết. Lần sau, đừng có sai nó! Tôi nhẹ cả người, không phải mang thuốc cho anh cô đồng nữa.

Một dạo có anh cô đồng ở đâu đó lạc đến quê tôi. Anh này hơi lạ, mặc chiếc áo dài đỏ thắm, quần ta vải dũi vàng, trên đầu quấn tấm khăn xanh lợt. Anh ta dạo khắp phố, múa hát nhí nhố. Cô đồng này khá tài tình, cuỡi trên chiếc xe đạp, tay lái xoay tít được quanh cổ phốt, mà vẫn phi vèo vèo. Có lúc bánh trước và tay lái rời ra, chiếc xe tách thành hai phần, anh ta vẫn cỡi xe uốn éo đi trên phố. Thật y như diễn viên xiếc.

Đồn rằng, anh cô đồng này cao tay. Mấy bà có số hầu thánh ở quê tôi sùng kính anh chàng tợn, lúc nào cũng một đàn, một lũ các bà rờng rần theo sau. Anh ta thì múa hát, còn mấy bà kia ra công khẩn vái. Chẳng rõ các bà lắm nhắm cái gì, chắc lại cầu khẩn xin thêm nhiều tiền, nhiều lộc.

Nói về anh cô đồng lạc kia, hôm ấy anh ta cũng cuỡi xe, đằng sau cũng mấy bà có số hầu thánh lẻo đẻo theo. Đi loăng quăng một lúc trong phố, anh ta phi xe ra hướng bờ sông, mấy bà kia cũng luống cuống theo sau. Tới bờ sông, quẳng xe sang một bên, anh chàng bông nhông luôn xuống sông. Sau một lúc ngụp lặn gần bờ, anh ta bơi ra xa, tay giơ lên múa múa. Mấy bà theo sau lúc này hãi quá, không hiểu ý người nhà thánh là gì, bơi ra thì không được, đứng trên bờ vái, dậm ra thất lễ. Bí quá, các bà đành trên bờ vái vọng.

Được một lúc anh cô đồng bơi xuôi theo dòng nước. Mấy bà kia vừa khẩn vái, vừa lần bước trên bờ theo. Vùng vẫy lâu, hình như mệt, người nhà thánh bơi dần vào bờ. Chỗ anh ta bơi vào gần chỗ bến đò Ảnh. Lúc này bến đò đông khách. Thấy cảnh lạ, một đám trẻ con lâu nhâu bầu tới. Kể cả mấy bà có số hầu thánh, khách qua đò và đám trẻ con, bến đò có tới non trăm người. Anh người nhà thánh bơi vào đến bờ, lững thững bước lên. Nước từ trên đầu, trên cổ long tong chảy xuống. Cái áo dài bó sát lấy thân mình. Thấy anh ta chuẩn bị leo lên bờ, mấy bà tiến sát cả lại. Các bà vái dài và khẩn khứa rất hăng. Kia, anh ta bước lên khỏi mặt nước. Nước đến bụng, đến háng và rồi đến đầu gối, các bà vẫn tiếp tục vái. Khi anh chàng bước lên, nước qua đầu gối, qua bắp chân, xuống mắt cá, chợt rộ lên tiếng hò reo của đám trẻ:

- Ở kìa! Người nhà thánh cỡi trường chúng mày ơi!

Bến đò rộ lên tiếng cười. Anh ta cứ thỗn thện bước. Cho đến lúc này mấy bà có số hầu thánh mới kịp ngó lên nhìn. Khẩn vái nữa chẵng, có bà đang giơ tay cao, hạ xuống, trôn trôn ngó nhìn. Giờ mấy cô đồng già lớp trước ở quê tôi chết ráo rồi. Tre già măng mọc, nay lại nảy ra khối anh cô đồng mới. Bây giờ đời sống nâng cao, dân lắm tiền, nhiều kẻ sùng kính, có người bỏ ra mấy

chục triệu cho một đêm hầu. Cứ yên tâm, cánh đồng cô quê tôi chiều tuốt. Các anh cô đồng này khoẻ lắm, thâm đêm suốt sáng, mấy chục giá hầu, họ vẫn nhảy tốt.

CHƯƠNG I - 4

Quê tôi nhiều đặc sản, lại toàn ngon và bổ. Chứ không như nhiều nơi, dọc đường, treo toàn biển phô tinh lợn ngoại, vớ nháy lợn giống linh tinh. Có lần tôi đùa, hỏi mấy anh bạn, quê mình nổi tiếng nhất là đặc sản và nghề gì? Ai cũng nhao nhao, bánh gai. Bánh gai thì quá rõ, chả phải nói. Bánh gai quê tôi nổi tiếng cả nước.

Bánh gai được làm từ bột gạo nếp và lá gai. Lá gai khô, ninh nhừ, giã nhuyễn, nhào vào bột gạo nếp ướt, bọc nhân là đỗ xanh luộc chín, giã kỹ, cùng mỡ tươi xắt hình hạnh nhân đã tẩm đường, rồi gói lại bằng lá chuối khô, hấp chín. Thành phần và công đoạn như vậy, nhưng làm bánh gai ngon phải có bí truyền. Hồi Pháp thuộc, bánh gai ngon có tiếng là của các nhà Ngọc Chân, Bếp Bái, Hương Tụ.

Thấy các bạn bình bầu bánh gai, tôi cười: Còn nữa! Mãi mà chẳng ai chỉ ra được. Sau rồi có người tiến cử thêm nhà máy xay quê tôi, vì nó to nhất Đông Dương, mỗi ngày xay được 270 tấn thóc, cung cấp cho dân gạo số cả thành phố Hà Nội. Tôi bác: Không đúng. Đã bảo là đặc sản, hoặc nghề cơ. Anh bạn kia vớt vát: Thế cám nhà máy xay, không là đặc sản à? Phố thị trấn lúc nào cũng ngào ngạt mùi cám. Mỗi tháng, công nhân nhà máy ai chẳng sung sướng được phân phối tạ cám, nuôi cả nhà.

- Cám thì quý đấy! Nuôi sống cả nhà. Nhưng ông không sợ, người ta bảo, thị trấn mình là dân cám hấp?

Anh chàng kia tắc tị. Tôi bảo:

- Thế còn đặc sản rươi thì sao?

- Ừ nhỉ!

Quê tôi có câu ca:

Ước gì cho đến tháng mười

Bát cơm thì trắng, bát rươi thì đầy.

Mỗi độ heo may, không hiểu sao tôi lại hay nhớ về quê nhà, về tuổi thơ và thường nghĩ tới câu ca, nhắc đến thứ đặc sản rươi quê mình. Chẳng rõ tôi thuộc câu ca đó tự bao giờ, quê tôi mọi người đều biết. Rươi là đặc sản trong vùng, có nhiều nhất ở các huyện: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, đất

Hải Phòng, cùng Thanh Hà, Tứ Kỳ và quê tôi, xứ Hải Dương. Nơi đây còn câu tục ngữ về lịch rươi: *Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm*, có nghĩa là, cứ vào hai mươi tháng chín và mùng năm tháng mười âm lịch, quanh ngày đó sẽ có rất nhiều rươi.

Sau ngày đất nước thống nhất năm Bảy lăm, người em ruột của bà nội tôi vào Nam sinh sống từ trước năm bốn mươi, liên hệ với anh em, họ hàng ngoài Bắc, ông nhắn ra, xin món quà - hũ mắm rươi. Chiều ông em sau mấy chục năm viễn xứ, bà chị gái nhân vào chơi đã lịch kịch mang hũ mắm trên quãng đường ngót nghét hai nghìn cây số, giữa cảnh tàu xe chen lấn hồi ấy. Bao năm xa cách, kỷ niệm về quê hương của ông họ tôi, có thứ đặc sản rươi.

Hồi tôi học cấp một, cấp hai, lúc đó kinh tế đất nước còn khó khăn.

Chuyện bữa ăn có chất tươi, như thịt con gà, mua miếng thịt lợn là rất hãn hữu. Mỗi dịp như vậy, nó ngang ngày hội của bọn tí nhau. Tất nhiên, ngày rươi cũng là ngày hội đáng nhớ của trẻ vùng quê tôi. Giống rươi thường có rộ trong hai, ba ngày. Vào những ngày rươi, hầu như các nhà đều mua một, hai bát. Quê tôi mua bán rươi không dùng cân, mà bằng bát ăn cơm, đong. Đi ngoài đường, vào tầm mọi nhà nổi lửa, mùi chả rươi, rươi nấu, rươi kho thơm lừng.

Nhớ lại, trưa ấy đi học về, bụng đói meo, cộng thêm trên đường mùi các loại rươi như giục tôi rảo càng hơn. Tôi chắc mắm trong bụng, trưa nay nhà mình có các món rươi tuyệt ngon. Về đến nhà, sục vôi mâm cơm, trời... tôi ngó, chỉ thấy đĩa rau muống, bát nước trong veo và bát muối vừng. Mắt tôi hoa lên. Không hiểu mặt mũi rúm ró đến mức nào, mẹ phải dỗ mãi, tôi mới nuốt trôi bát cơm. Ngay chiều ấy mẹ mua đèn thẵng cún, bát rươi, kỳ cách nấu nướng. Câu chuyện gần bốn mươi năm rồi, sao tôi không quên?

Vùng quê tôi, độ hai, ba chục năm trước, nếu đào sâu xuống đất ruộng, hay đất ngập nước ven sông, khoảng hơn mét là gặp những con rươi rất dài, sặc sỡ màu xanh đỏ. "Ngày rươi" chính là kỳ sinh nở của chúng.

Vào cuối tháng chín, đầu tháng mười, gặp thời tiết phù hợp, tức có gió Đông Nam, trời âm u và mưa bóng mây, quê tôi gọi là mưa rươi, rươi sẽ nổi lên rất nhiều. Thời tiết vậy thì có rươi, nhưng rất độc, người già thấy khó chịu, mình mẩy ê ẩm, khớp xương đau nhức. Vài ngày trước đó, các

cụ thường chếp miệng về cái thời tiết rươi và dự báo, sắp có rươi. Song nếu trời lạnh, gió Đông Bắc, hoặc gặp trận mưa rào, gọi là mưa lấp lỗ rươi, "ngày rươi" sẽ mất.

Người ta dùng chiếc lờ chặn dòng nước trong đồng, rươi trôi qua, bị giữ lại. Cách bắt này lẫn cả rơm rạ, cặn vẩn. Một kiểu bắt khác là dùng vợt, hót từng con. Tuy được ít và mất nhiều công, nhưng toàn thứ rươi mập, tươi và sạch. Rươi được đựng trong chiếc thúng, muốn tươi lâu, người bán chim chim nắm cơm nhỏ, cho vào thúng rươi, hãm chúng.

Chế biến rươi là cả một nghệ thuật với những món khác nhau, như chả rươi, rươi kho, rươi nấu, mắm rươi. Gia vị không thể thiếu là lá lốt. Chả rươi là món đầu bưng. Những món khác như nấu, kho, mắm, thì thêm vỏ quýt, lát gừng.

Rươi mua về, dùng đũa gắp tạp vẩn, sau lấy đũa đánh cho nhuyễn, tiếp đó đập quả trứng và thịt nạc băm cùng lá lốt, tí vỏ quýt, hành rồi đánh đều. Khi chảo mỡ nóng già, dùng muôi múc, thả và dàn đều rươi thành lớp mỏng. Nếu để dày, rươi khó chín, ngoài thì cháy, trong lại sống.

Ngọn lửa rán chả rươi để lom dom.

Chả rươi ăn nóng, là món nhắm cực ngon, ăn với rau cải cúc, thứ nước chấm chanh ớt pha dệu, thêm tí gừng. Trẻ con, phụ nữ thích ăn chả rươi với xôi. Nên nhớ ăn ở mức vừa phải, bởi đông y xếp rươi vào món ăn có vị hàn - lạnh và nó lại giàu chất đạm, khó tiêu. Chỉ một lần ăn món chả rươi, khó mà quên được.

Đến bây giờ, tuy sống xa quê, nhưng cứ đến mùa rươi, nghe tiếng rao ời ời ngoài phố, tôi lại bảo vợ mua về, rán chả. Vợ chồng, con cái ăn, ăn vì nỗi hoài niệm quê hương và các con tôi biết về một miền đất nơi cha chúng từng sinh ra.

Không biết có phải thiên vị thứ đặc sản vùng quê mình, theo tôi, mắm rươi là thứ mắm ngon nhất. Rươi được muối trong hũ, cho ít thính gạo nếp rang, giã mịn và chút rượu, đập nút lá chuối kín, để góc bếp độ một, hai tháng. Khoảng vào Tết là mắm rươi vừa ngấu, đạt đỉnh ngon nhất. Mắm ngon có sắc đỏ sẫm, sánh quện. Có nhà khi mắm ngấu, múc ra làm đồ chấm luôn. Còn nếu ai yếu bụng, không dùng được tươi, thì cho tý gừng cùng chút vỏ quýt chưng lên. Vào Tết, hũ mắm rươi vừa độ ngấu, cũng đúng dịp thịt thà nhiều. Bữa cơm có đĩa thịt ba chỉ, hay đĩa

thịt chân giò luộc, ăn kèm rau sống, như xà lách, rau diếp, cùng hành muối, khế, chuối xanh thái lát và nhánh hành hoa và không thể thiếu món chấm mắm rươi.

CHƯƠNG I - 5

Lại tiếp chuyện tranh luận đặc sản quê hương, anh bạn sau khi đồng ý thêm đặc sản rươi, quay ra tấn công:

- Thế theo ông, đâu là thứ nổi tiếng nữa của quê mình? Trừ cái anh bánh gai và rươi vừa kể ?
- Lói ngọng. Nờ thành lờ, lờ thành nờ. Có bà chửi kể kia. Bà ta bấu, tức bảo nó ăn cái món ấy của bà. Cho ăn mãi, mà nó cứ trơ trơ ra cười. Bởi nó cứ tưởng bà ta mời nó món nộm.
- Bậy! Còn gì nữa?

Tôi thản nhiên:

- Nghề đánh đĩ!

Hát ca trù có từ xa xưa lắm.

Các văn nhân, như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát,... từng mê nghe hát và đặt lời cho ca trù. Sau này khi người Pháp sang, vào đầu thế kỷ XX, một số kẻ đem ca trù ra kinh doanh. Họ mở hàng hát cô đầu. Nhà hát cô đầu có đào hát, đào rươi. Nhiều khách tới chơi không chỉ nghe đàn, mà còn nhả nhót và qua đêm với đào rươi. Phủ lý quê tôi chắc xuất hiện quán cô đầu từ dịp người Pháp mới sang. Vậy nghề này đáng gọi là nghề truyền thống của quê lắm chứ, nó có tới cả trăm năm.

Phủ lý quê tôi có nhiều phố, tên phố Tây do người Pháp đặt, Rue des Radeaux, Rua des Chanteuses, rue des Objets Votifs,... nhưng người ta quen gọi với các tên ta: phố Bờ Sông, phố Giữa, phố Cửa Đền, phố Cổng Phủ, phố To, phố Nhỏ, phố To, Phố thị còn có hẳn một con phố mang tên Cô Đầu. Chắc cả xứ Bắc kỳ, duy nhất phủ lý ở đây có phố là thế. Phố Cô Đầu phục vụ các ông lý, phó lên phủ hầu quan. Trong lúc chờ đợi, họ nghe hát, uống rươi và trốn bà lý, bà phó, với đào rươi qua đêm.

Ngày bé tôi biết một bà cụ tên là Tín, tuổi ngoài bảy mươi. Mẹ tôi bảo, bà này trước kia là cô đầu. Bà ta không phải đào hát, mà là đào rươi, tức là kẻ hầu rươi và hầu cả đàn ông cái khoản kia. Sau khi có lưng vốn, bà lấy chồng, họ chẳng có con cái. Đã làm nghề này, lại làm đến khi có lưng vốn, thì để đái sao được nữa! Mẹ tôi còn kể ra tên khối người, trước cũng hành nghề, mà hành nghề tợn hơn các cô đào rươi, mẹ tôi gọi là bán hàng trắng, tức cái nghề ca ve, như bây giờ chúng ta gọi. Ở phố thị có nhà làm đến hai, ba đời, mẹ làm, con làm, cháu làm.

Chính tôi từng phải lòng một cô bé, gia đình làm nghề đó, truyền thống những ba đời. Hồi ấy dịp hè, tôi sinh viên về nghỉ. Chợt một chiều nhìn qua cửa sổ, tôi sững sờ thấy cô bé chừng mười sáu, mười bảy, đứng như chờ khách người nhà từ bến đò lên. Bé xinh quá!

Từ lúc nhìn thấy em, tôi thần thơ như người đang mơ, suốt ngày tư tưởng em. Em tên là gì, nhà ở phố nào, Bố mẹ là ai? Chiều đó, tôi được mẹ sai mang mấy cân đường xuống giao cho một

hàng nước. Phi xe đi phục vụ khách, đến nơi, tôi sững sờ! Đứng cửa hàng nhà bé. Tim tôi rộn ràng đập, về đến nhà còn thùm thụp. Gặp mẹ, tôi loay hoay tìm cách khai thác về cô bé. Đang lòng vòng gọi chuyện, bà thẳng tưng: Mẹ con nhà nó bây giờ cả hai đều bán hàng trắng. Đến nó là đời thứ ba. Nghe mẹ nói, tôi tá hoả, buồn đến cả tuần.

Nghĩ lại cũng may, suýt thì yêu phải em gái làm nghề bán hàng trắng. Các cụ nói, nhiều khi cũng sai. Xem mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo, cổ lòng mới ngon, có đúng đâu!

Hồi học lớp ba, tôi ngồi cùng bàn với hai cô bé. Gọi là bé, chứ họ hơn tôi một, hai tuổi. Chúng tôi ngày ấy thường học muộn, học trò trong lớp tuổi lỡ cỡ lắm. Tôi tuổi mười hai, còn hai cô kia, mười ba, mười bốn. Tuổi đó con gái đã biết nhiều chuyện, nhất là chuyện ấy. Hai đứa đó quen với một người đàn bà. Chồng chị ta là tài xế xe khách. Hồi đó nghề lái xe ai cũng ao ước. Anh tài bao vợ, chị nàng chỉ ở nhà ăn chơi và phục vụ chồng. Chị này tính khá lẳng.

Lẳng lơ là việc riêng của chị ta. Ác nổi, chuyện vợ chồng ân ái, chị ta đem tả hết cho hai cô bé nọ. Kể chưa đủ, chị ta còn bố trí cho chúng xem cảnh vợ chồng chị ta hành sự, như bây giờ ta xem phim sex, nhưng đây là sex tươi. Hai cô bé kia xem xong, thích quá, đến mức không thể giấu được để thưởng thức trong lòng, đem ra bô bô kể ở lớp. Tôi con trai, tuổi mười hai, còn quá tồ, nghe chả thấy thích.

Nọc độc của chuyện ấy, hai cô nàng kia hưởng trọn. Một hai năm sau, họ bỏ học, đi làm. Nghe nói cả hai đều sống bằng nghề làm *vợ khắp người ta*. Họ không làm ở quê, mà hành nghề ở vùng nhà máy điện Phả Lại. Sau một cô chết, không rõ có phải do hành nghề ấy mà chết?

Về chị vợ anh tài xế, do lẳng quá, chồng bỏ. Ngay khi bị chồng bỏ, chị ta bước luôn vào nghề bán hàng trắng. Làm ở Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, đến thời tàn tạ, chị ta về làm ở quê.

Chuyện chị này cũng lạ và một thời ầm tiếng khắp quê. Khi còn hành nghề nơi thiên hạ, có bận về quê chơi, bất chợt nhìn thấy một cậu bé, cậu trai này sáng sủa, chị nàng đem lòng yêu luôn và tuyên bố ra mồm, sau sẽ lấy cậu ta làm chồng.

Lúc đó cậu ta còn nhỏ, chừng mười lăm, mười sáu. Dăm, ba năm sau, khi phải dạt về quê hành nghề, chị nàng lấy được cậu kia. Cả nhà cậu này sốc. Gia đình họ vào hàng danh giá tại phố thị, con trai lấy điểm già, tai tiếng quá. Dù phản đối gay gắt, họ cũng không ngăn cản nổi, bởi cậu chàng được bà cô bao ăn và cả khoản cơm đen.

Giờ quê tôi, tuy không đến mức treo biển hành nghề công khai, nhưng khách vãng lai, truyền tai nhau về hai cửa hàng đi. Một dịp dư luận ầm lên, vì cạnh tranh, hai cửa hàng kia tố nhau. Đã tố thì phải xử, còn xử lý đến mức nào, thì dân không rõ. Dân kháo nhau, mỗi bên mất toi đến dăm mươi triệu. Lạ rằng, sau vụ ấy, chẳng anh cửa hàng nào chết, hai cai quán vẫn mở cửa, vẫn đón khách. Chắc là từ đó, cạch, chẳng ai đại gì sa vào vòng kiện tụng.

Cái nghề đó chẳng hay hóm gì. Thời đại, chế độ nào cũng khinh. Xã hội và dư luận luôn dè bủ.

Lạ sao nó cứ tồn tại và chiều hướng ngày một gia tăng. Người quê tôi bảo, tại quê mình có cái vườn hoa méo. Phải đập nó đi, hoặc sửa ra thành vuông, thì mới đỡ. Chả rõ có đúng không, đã ai thử thành vuông đâu mà rõ.

CHƯƠNG I - 6

Tôi bây giờ là dân Hà Nội, ở Hà Nội gần ba mươi năm, thế đủ là chuẩn giới thiệu mình dân Hà Nội và con cái khai quê Hà Nội.

Năm 1980 tôi bắt đầu học đại học ở Hà Nội. Hằng tuần, cứ chiều muộn thứ Bảy từ trường sang nhà chị gái. Hồi đó nhà anh chị tôi ở số 17 phố Phạm Đình Hồ. Ngày đó sinh viên đói lắm, thăm anh chị và các cháu thì phần ít, phần nhiều là kiếm bữa no. Ông anh rể rất chiều cậu em vợ, những quán ngon như phở Thìn, hay mấy quán cà phê, anh đều dẫn cậu em vợ tới. Tôi biết hương vị cà phê và thuốc thơm là do anh rể dắt đi quán, cho thưởng thức.

Những lúc đói san sẻ cho nhau mới quý. Nó ngon và quý hơn thời bây giờ no đủ, rất nhiều. Anh chị tôi làm người nhà nước, tháng ba cọc ba đồng, hai con nhỏ, vẫn bao bọc cậu em. Chủ nhật tôi ăn cơm trưa xong, bà chị gái nhồi mấy cân mì sợi, chai nước mắm, ít mì chính vào chiếc ba lộn cho thằng em. Đầu những năm tám mươi, một của sinh viên là cậu nào cũng cố kiếm cái ba lô bộ đội, xéo hết túi phụ ngoài và lộn ra, đeo lưng lẳng trên vai, đó mới là sinh viên. Quãng một giờ trưa anh rể đèo tôi ra bến Nứa. Trên đường ra bến, bao giờ anh cũng tạt vào quán, chiêu đãi thằng em thêm trà sữa, khi cốc cà phê, lúc cốc bột đậu xanh và anh em nhâm nhi điều thuốc lá thơm. Quãng hai rưỡi tôi lên xe buýt về trường.

Từ Hà Nội sang trường có chục cây số, hai rưỡi lên xe, mà có khi năm giờ mới sang tới nơi. Chen nhau lên xe, đợi khoảng hơn tiếng, nó mới bắt đầu rời bến, rồi lè rè bò qua cầu Long Biên. Có hôm tắc cầu, cả tiếng đồng hồ xe chưa qua nổi. Khốn nạn nhất là quãng thời gian trên xe chen nhau để chờ nó chạy. Tôi phải đi sớm cốt kiếm chỗ ngồi, còn nếu phải đứng, đành chọn nơi sát thành xe. Đứng ở đây, áp mặt và hai tay giơ ra, chống lên thành xe. Có thể đứng vậy mới chịu nổi làn sóng chen nhau, gồng tay lên mà chống.

Đói, về nhà anh chị được bữa cơm, nên ăn cố. Ăn từ trưa, hai rưỡi chiều mới lên xe, bụng vẫn no anh ách. Khi no, chen nhau mới khổ. Đúng là chen ợ mì ra và ngủi, thì đủ mùi hôi người. Nam giới còn đỡ, nữ giới chen xe, cơ cực khổ. Lợi dụng cảnh chen nhau, đám nam sinh cứ quây lấy chị em, tỵ cộ vào người ta. Nghe lại cảnh chen xe, vợ tôi bảo, một chị học ở trường sự phạm Xuân Hoà kể, có bạn lên trường bị đám nam sinh chà sát, ướt cả quần, áo, lúc tới trường phải thay.

Hồi mới ra trường, dịp đang hợp đồng, tôi ở nhà chú thím. Chú tôi công tác cả tuần, chỉ về nhà ngày chủ nhật. Ở nhà có ba mẹ con và thêm thằng cháu. Ít bà thím nào tốt vậy. Lại chuyện đói và san sẻ. Sáng tôi đi làm, bà thím chuẩn bị cặp lồng cơm cho thằng cháu. Thức ăn gồm rau luộc, mấy miếng đậu và cơm. Bao giờ cặp lồng suất trưa của tôi, bà cũng đơm nhiều hơn cặp lồng cơm của bà. Suất ăn của bà chỉ có rau, còn cặp lồng của tôi thêm đôi ba miếng đậu kho. Nhà tôi giờ ở ngã tư Vọng. Ngã tư nổi tiếng. Trước đây thời Pháp thuộc, nó là vùng ngoại ô,

người ta bảo, xuống mãi cổng Vọng cơ mà, gần đó là nhà thương Bạch Mai, rồi mấy nhà hát cô đầu. Coi đây là quê mới, tôi làm báo, nên từng tìm hiểu và viết vùng ngã tư này.

Phố vọng gần trại đói Giáp Bát năm đói Ất Dậu. Nhiều người Hà Nội gốc, nếu giờ qua đây, khó biết đâu là phố Làng Tám xưa. Nay nó là con đường Giải Phóng mở qua, hai bên nhà cửa san sát. Đã biết trước địa điểm ấy khó tìm, nên tôi gặp một cụ già gần tám mươi tuổi, dân gốc ở đây, nghe hỏi về trại cứu tế, cụ bảo, có biết trại ấy, nhưng bây giờ, không còn rõ.

Theo biển đề đường Giáp Bát, tôi rẽ vào làng Tám. Giờ làng Tám thành phố rồi. Dừng trước nhà thờ làng Tám, tôi tạt vào một quán nước. Trong lúc uống nước, trò chuyện, biết bà chủ và mấy nhà xung quanh đều dân mới ở đây. Vừa hay lúc đó có ông già chừng bảy mươi đi qua, bà chủ nhanh nhẩu giới thiệu ông cụ là dân gốc và mời vào. Hỏi ông về cái trại cứu tế Giáp Bát, địa điểm ấy nay ở đâu, ông ớ ra, rồi lắc đầu, bảo không biết. Vâng, điều xảy ra cách nay hơn 60 năm rồi. Có thể lúc đó ông còn nhỏ, không nhớ nổi, hoặc nhà cũng trong cảnh chạy ăn từng bữa, hơi sức đâu để ý đến cái trại tế bần kia.

Ngày đó tức đầu năm 1945, khi nạn đói xảy ra, Tổng hội Cứu tế lập trại Giáp Bát để cứu người đói. Trại nằm trên khu đất rộng khoảng 25 mẫu, gồm vài dãy nhà, tổng số 32 gian. Tất cả những người đói các địa phương vào thành phố xin ăn, được gom về đây. Tổng hội kêu gọi lòng từ thiện để tổ chức nấu cháo bố thí. Vào tháng tư năm 1945 số người trong trại khoảng 5.000 người.

Về trận đói, dân nội thành ít bị ảnh hưởng hơn so với dân quê. Dù sao chính quyền Pháp - Nhật hồi đó cần bộ mặt thành phố đỡ ám đạm, nên dân được mua gạo theo chế độ tem phiếu, lúc đó dân ta quen gọi là gạo bông. Tuy ít bị ảnh hưởng hơn, nhưng cảnh đói của kẻ quê, thì dân nội thành rất rõ. Hàng ngày dòng người đói lũ lượt kéo đi xin ăn khắp ngõ và xác người chết rải rác trên phố.

Chuyển xác đói, người ta dùng xe ba gác và xe móc. Lúc đó trên nhiều tờ báo đưa tin quyên góp thùng, chiếu, bao cói của các nhà hảo tâm để bọc xác đói. Hay xem mẫu tin trên báo Bình Minh, ra ngày 2/5/1945: "Ai thấy xác đói tại phố nào, thì thông báo cho Hội Hợp thiện ở 125 đường Henri d' Orleans..."

Để thành phố quang quẻ, không còn người đói, chính quyền thành phố xưa họ ra ngoại ô và tập trung vào hai trại, một tại Giáp Bát, một tại Cầu Giấy. Mặc dù trong trại có cứu tế, nhưng vẫn xảy ra cảnh chết đói. Thật thảm thương, xe chở gạo vào trại, lúc ra lại đưa xác đói đi chôn. Xác đói ở trại Giáp Bát và nhật nhạnh tại phía Đông, phía Nam thành phố, gom xuống chôn ở nghĩa địa Hợp thiện, làng Mai Động. Xác bó chiếu, bao cói, có xác để trần, tất cả đổ xuống chôn chung hố.

Muốn hình dung về mức độ ghê rợn của trận đói năm 1945, hãy tham khảo công trình nghiên

cứu của Tiểu ban hợp tác Việt - Nhật về nạn đói 1945 ở Việt Nam, do giáo sư Văn Tạo và giáo sư Furuta Motoo làm chủ đề tài, nghiên cứu từ năm 1991-1995. Công trình này ngoài tư liệu lưu trữ trong nước, quốc tế, các văn bản chính quyền hồi đó và báo chí, nó còn điều tra trên thực địa tại 23 địa điểm, thuộc 21 tỉnh thành, từ Quảng Trị đến Quảng Ninh.

Nhiều nhân chứng kể lại, có gia đình và dòng họ bị chết hết, nhiều xóm, làng bị xoá sổ. Một vài con số thông kê số người chết đói: Thái bình chết 28 vạn, Nam định chết 21 vạn,...

Thật là vô tình nếu sự kiện bi thương của dân tộc và bao số phận đốn đau bị lãng quên. Một tượng đài đói năm Ất Dậu rất cần phải dựng lên. Dựng để nhớ, dựng để không bao giờ dân tộc Việt này xảy ra thảm cảnh ấy nữa.

Ở vùng ngã tư Vọng, cũng cần kể thêm vài câu chuyện nữa, để nhớ về một thời nghèo khổ, lúc nào cũng đói và cái gì cũng chung.

Khu tập thể của tôi Mỹ ném nhiều bom đạn. Sau chiến tranh, năm 1973 cán bộ từ các nơi sơ tán lục tục kéo nhau về. Dân Hải Dương còn kéo lên ủng hộ, dựng mấy dãy nhà tranh. Trong khu còn đám nhà xây lổ mổ, cái biệt thự thời Pháp xây, cái thời ta xây.

Công trình ta xây, mang dấu ấn là mấy khu vệ sinh tập thể, dạng tự hoại. Bình thường, nếu các ống khí thông thoáng, thì chả làm sao. Đàng này nó lại tắc và có chuyện kinh hồn xảy ra. Vào một buổi sớm, quãng sau năm tám mươi, chắc là tờ mờ sớm, vì ông kia phải bật diêm dò đường. Cả khu tập thể đang trong giấc nồng, choàng tỉnh giấc. Tiếng nổ long trời lở đất, dân túa ra xem, nháo nhác hỏi nhau. Bom đạn gì chẳng. Hoà bình rồi sao còn bom đạn nhỉ.

Những rồi họ được giải đáp. Đó là tiếng nổ hố ga. Nơi nhà vệ sinh quang cảnh thật hãi hùng, máu tặc, phân nước vung vãi. Có cả máu.

Sau vụ này câu phát ngôn hài hước của ông nhạc sỹ Nguyễn Lương được truyền khẩu nhau.

Sáng ra, khi ông nhạc sỹ kia đến, thấy quang cảnh hỗn độn, buột miệng than:

- Ôi thôi! Một ngàn cái đít lại bơ vơ rồi!

Cái ông bật diêm mò mẫm, bị ga nổ toác mặt. Tai nạn nặng đến mức, sau nhiều tháng điều trị, khi xuất viện, còn hằn trên mặt ông ta toàn sẹo, dáng đi thì lệch lệch. Bị nặng vậy, mà sống khá dai, ông còn sống tiếp đến khoảng năm 2000 mới mất. Lúc sống thì độc thân, một mình thui thủi, lúc chết cũng kèn thờ, trống tế, vợ con khóc và người đến chia buồn tha thiết. Thấy bảo gian nhà của ông để lại, giá đến hai chục cây vàng!

Ngõ nhà tôi trông ra khu nhà vệ sinh này. Sau đó nó thành bãi rác của khu tập thể. Mấy nhà quanh đó suốt ngày ngửi mùi hôi thối. Ông Chu Nguyễn bạn tôi, bảo: Mỗi lần ra đổ rác, tôi thấy ngượng quá, bằng đem đổ thối vào nhà ông. Thế nên, cứ rình lúc nào ông vắng nhà, tôi mới đem ra đổ. Con tay nhà báo Lê Quốc, có mặt tôi, vẫn đổ thẳng tay.

Một Tết vào lúc trước giao thừa, có bà bày mâm cỗ gà xôi ra ngõ cúng trời đất. Thắp hương

khẩn khứa xong, bà này vào nhà, tàn tuần hương, định ra tạ và hạ lễ, thì không thấy cỗ đâu. Bà này im thin thít. Thành tâm cúng trời đất, các ngài hưởng rồi, ai lại chửi.

Có bà già từ quê ra chơi, mang con gà và túi quà, gồm ổi và chuối. Bà gõ cửa và hỏi nhà. Trong ngõ người lớn đi làm vắng cả, các nhà chỉ còn đám trẻ con. Bà kia hỏi đám trẻ tên chủ nhà, đám trẻ bảo đúng là tên bố mẹ chúng, chúng mở cửa cho bà vào. Bà nọ ra Hà Nội khám bệnh, định vào nhà cô cháu họ nghỉ nhờ. Bà chỉ biết mặt bố mẹ chúng, không tường đám trẻ; còn đám trẻ thấy bà nhà quê, xưng là bà họ mình, lại có túi quà to, sượng quá, xúm vào ăn. Túi ổi, chuối nhiều như thế, chúng xơi gần hết. Mấy đứa trẻ nhà hàng xóm giáp bên cứ đứng chầu mồm, chúng không cho một quả. Đến tầm tan ca chiều, bà già và vợ chồng nhà kia ngõ ngang nhìn nhau, vì họ không có họ hàng, không quen biết. Hoá ra bà già kia có họ với nhà hàng xóm trùng tên ở giáp bên. Quà bà mang ra đám trẻ ăn tiệt rồi, may có con gà, lũ trẻ bé quá, chưa mang ra giết thịt. Mấy đứa cháu họ của bà nhà quê chầu mồm lúc trước, chỉ còn quà con gà, đành ăn thịt vậy.

Nhà tôi tổng diện diện tích có chín mét vuông mặt đất. Tôi mua lại, vì diện tôi không được cơ quan phân nhà. Đó là gian nhà kho cấp bốn, cửa đôi. Chín mét vuông, bố trí bếp, nơi tắm rửa và chỗ ngủ cho bốn nhân khẩu, gồm mẹ già, hai vợ chồng và con gái, lúc đó tôi chưa sinh cháu thứ hai. Trước cửa lại là bãi rác tập thể, nên lúc nào nhà cũng đóng cửa im ỉm chống mùi hôi. Sống thật ngang súc vật. Tôi nghĩ, kiểu gì cũng phải phá nhà ra xây lại, chỉ mỗi tội chưa có tiền. Hồi đó dân trong ngõ tín nhiệm bầu tôi là trưởng ngõ. Tôi phân vân nhận hay không, cuối cùng quyết định nhận. Trưởng ngõ quản lý khoảng năm mươi hộ dân. Nói quản lý cho oai, chứ thực ra chỉ có hai việc. Thứ nhất là đi đến các gia đình thu đủ các loại tiền, bao gồm: tiền lao động công ích, tức tiền đắp đê, tiền ủng hộ thiệt hại bão lụt, tiền quyên góp cho người nghèo, tiền thương binh liệt sỹ, tiền góp để công an chống trộm, tiền cho các cháu thiếu nhi dịp hè,... nhiều khoản lắm. Thứ hai là hàng quý ra văn phòng uỷ ban phường họp, nghe chế độ chính sách mới, rồi tình hình chính trị, an ninh phường, quận, thành phố và cả nước. Những buổi họp đó tôi thường ra ngủ gật, vì mình suốt ngày nghe và tuyên truyền chính sách trên đài, nên nắm quá kỹ.

May đến thời tôi là trưởng ngõ, không còn phong trào vợ chồng cãi nhau, hay nhà mất cái bơm xe đạp, cái nồi cơm điện, cũng đến trình ông trưởng ngõ giải quyết. Chồng họ ngoại tình theo gái, vợ chồng đánh chửi nhau, ông trưởng ngõ hàn gắn vết thương làm sao được. Chẳng nhẽ ông trưởng ngõ đến bù đắp tình cảm cho bà vợ đang bơ vơ chằng?

Một bận các bà hội phụ nữ mời ông trưởng ngõ tôi đi dự họp, nội dung là kế hoạch hoá gia đình. Vợ tôi áp dụng rồi, nay các bà định sử dụng tôi đến từng nhà vận chị em và phát bao cao su, mình có làm được không, sợ nhất, họ vận động ông luôn ông trưởng ngõ làm gương, mang

xẻo cái quý của mình đi, chỉ nghĩ tôi phát hoảng, vội vàng từ chối ngay.

Về phụ cấp, mỗi tháng trưởng ngõ tôi được hưởng sáu mươi ngàn đồng.

Tôi nhận trưởng ngõ không phải vì định cống hiến chung cho dân ngõ, mà mục đích là nhờ ra sau này phá nhà mình ra xây, thì dân đỡ kiện. Cái mục đích đơn giản ấy cũng không xong. Ông trưởng ngõ vừa dỡ nhà, dân nửa ngõ đã xúm vào kiện, không có giấy phép xây, mà giám tự tiện phá nhà. Tôi xin, thi xin ở đâu ra bây giờ, ra đường xin ư? Lúc cần phá thì không được, lúc xây lên khang trang lại cứ đòi phá. Cũng may nhà tôi xây xong không bị dỡ, dù dân trong ngõ dân kiện hăng lắm. Tôi phải mất công, mất của lên trình bày hết lượt với ông phường, ông quận. Dân mình rất buồn cười, chỉ thích cùng khổ chung thôi, nghĩa là ai ai cũng khổ mới vui, mới hoà mình và có tính sống cộng đồng cao.

Sau khi tôi phá nhà mình, dân trong ngõ không tín nhiệm tôi nữa, họ họp lại, đồng thanh phế chức trưởng ngõ của tôi. Tôi chả tiếc, vì mục đích không kiện đã không xong. Thôi thì ai muốn kiện cứ kiện, gọi là tôi thành anh chí rồi.

Nay nhà tôi xây bốn tầng, cao chót vót, như cái tháp áp - phen chống giời. Tôi cứ đùa rằng, nó động đất cỡ ba, bốn độ rích te, đổ là cái chắc. Giờ thì cả ngõ, cả khu, cả thành phố đồng thanh dỡ nhà ra xây, chẳng ai còn thời gian kiện cáo nhau nữa, ai cũng dỡ nhà, ai cũng xây, thành phố đậm khang trang. Song nghĩ, hơn mười năm trước, tôi là tốp người tiên phong, đang lý phải được ghi công chứ!

CHƯƠNG II - CỨ VIỆC NHÀ MÀ KẾ

Trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam có 964 họ, người Kinh có 165 họ, người Hoa có 164 họ, người Nùng và người Mường ít họ nhất, mỗi dân tộc có 11 họ.

Ở phương Tây, họ hàng, ngoài quan hệ huyết thống còn là quan hệ hôn nhân, nó có thể trên phạm vi nhiều nước và mang tính xã hội hơn ở phương Đông. Phả hệ được ghi từ lâu đời, đầu tiên ghi các hoàng đế, quý tộc. Ở Pháp có lưu giữ cuốn "Lịch sử hoàng tộc Pháp", xuất bản năm 1674.

Dòng họ và ghi phả hệ phương Đông chủ yếu theo từng gia đình, từng dòng họ. Trung Quốc có phả hệ ghi từ đời Chu, vào năm 722 trước Công nguyên, chép các dòng dõi đế vương, quan khanh. Đến đầu công nguyên các sỹ tử đi thi phải khai tam đại, nên viết tộc phả là một yêu cầu tất yếu của sỹ tử.

Quyển phả hệ đầu tiên của Việt Nam là cuốn "Lý triều ngọc điệp", soạn triều Lý Thái Tổ năm 1026. Tiếc là hiện nay không còn tìm thấy cuốn này. Cho đến nay các dòng họ Việt Nam còn lưu giữ nhiều cuốn phả. Về số cuốn của riêng dòng họ gốc Nguyễn Bặc, triều Đinh, tìm được 300 cuốn. Hiện nay, Viện Hán Nôm còn lưu giữ 300 cuốn phả hệ và dòng họ ở nước ta.

Đại tự trên bức hoành phi nhà thờ họ tôi phiên âm là: Nhị ngũ hoá sinh, nghĩa rằng: Khí âm dương chung đúc nên. Thấy truyền rằng, bức hoành phi xin chữ của Tam Nguyên Yên Đổ, cụ Nguyễn Khuyến, quê bên Bình Lục.

Tôi gốc họ Bùi. Gia phả ghi, tính đến nay, tới đời thứ mười lăm. Gia phả bắt đầu ghi cụ Tổ họ vào cuối thế kỷ XVI. Đến đời cụ Tổ thứ tư, thì đổi họ. Trong gia phả, không thấy ghi lý do là tại sao. Đến nay ở làng, vẫn còn họ Bùi và họ tôi. Ngày giỗ, hai họ qua lại lễ Tổ và có tục, con cháu không được lấy nhau. Sau một đời đổi họ, cụ Tổ đời thứ năm làm nên công trạng.

Trịnh Doanh lên ngôi chúa, trong nước nhiều vùng diễn ra loạn lạc. Thế nhà Chúa thật ngả nghiêng. Đích thân chúa Trịnh Doanh phải nhiều lần xuất chinh. Năm 1740 Trịnh Quận Công Hoàng Công Kỳ được cử làm Đại tướng, thống lĩnh đạo Sơn Nam, đi dẹp quân nổi dậy. Cụ tổ của tôi là một trong những thuộc tướng của Quân công Hoàng Công Kỳ.

Đợt xuất chinh dẹp quân nổi dậy Đoàn Danh Phương ở Vĩnh Phúc, khi chúa Trịnh Doanh khao thưởng chư tướng tại bờ sông Hồng, bên thành Thăng Long, ngày 22 tháng 2 âm lịch năm 1751, cụ Tổ tôi được vua ban sắc, phong hàm Phấn Lực Tướng Quân, chức Bách Hộ. Phần mộ cụ hiện an táng ở quê nhà. Cụ từng tham gia chinh chiến các vùng: Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc và Nghệ An.

Cụ tổ trực hệ đời thứ chín của tôi sinh 1840 mất năm 1886. Cụ ra lính, đóng chức Chánh đội trưởng. Từng nghe cụ tham chiến và tử trận ở vùng Chợ Đồn, Thái Nguyên. Do tử trận, mất xác,

nên lễ an táng ở quê được tổ chức tượng trưng, đầu lâu - hoa gạo bằng sọ dừa. Trong khi dò tìm, phân tích để ghi chép lại gia phả, tôi cố hy vọng cụ Tổ của mình tham gia phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi chống Pháp. Bụi thời gian quá dày, chưa thể minh định, cụ đánh Tây, hay giúp Tây đánh ta. Thôi thì người đã khuất, không khiên cưỡng, uốn đặt gia phả.

Hồi tìm hiểu tư liệu viết gia phả, anh em trong cơ quan bảo tôi hâm. Gần hai tháng vào thư viện lục tài liệu. Điện thoại gọi đến, anh em đùa, ông ấy đang bận viết gia phả. Những tư liệu mà tôi thu thập được, kể ra cũng rất lý thú. Tôi xin kể một vài câu chuyện:

Trong số văn tự chữ Nho ít ỏi do một số gia đình trong họ cung cấp, tôi nhờ Viện Hán Nôm dịch ra quốc ngữ. Sau khi mày mò nghiên cứu, tôi phát hiện ra trong một cuốn gia phả lại ghi rất sơ sài, bỏ qua một số nhánh và đời trong chi phái đó. Nếu theo ngày tháng và tên người chép, thì lúc đó ông này mới bảy tuổi. Bảy tuổi mà viết nổi gia phả bằng chữ Nho, họa có thần đồng. Thôi rồi, một văn tự khuất tất. Đến gia phả một chi phái, người ta còn sửa chữa, thì không lạ gì, có những điều to tát hơn, bị bóp méo.

Một tài liệu khác khi dịch ra, lại không liên quan đến gia phả, mà là bản chúc thư chia tài sản. Điều thú vị ở đây là, tại một vùng quê nghèo nàn, heo hút Hà Nam, vào đầu thế kỷ trước, niên hiệu vua Duy Tân thứ năm (1911) người ta đã rất văn minh, có di chúc chia tài sản. Bà cụ ngoại tôi là chị cả được chia bảy sào ao. Tất nhiên bà được chia ít hơn so với các em trai, nhưng như thế là bình quyền đấy chứ. Trong chúc thư, ngoài chữ ký người cha lập, còn có tất cả chữ ký của con cái và triện, cùng chữ ký của lý trưởng và thấy một người có hai chữ ký, với hai tư cách, con trai và lý trưởng. Nếu văn minh kia được duy trì, phát triển, thì đến bây giờ, tránh cho không ít gia đình rơi vào cảnh, khi cha, mẹ mất, con cái đánh chửi nhau, vì *di sản* của bố mẹ để lại.

Trong quá trình sưu tầm, tìm hiểu gia phả, tôi khám phá ra một chuyện khá lạ và hài hước, phái trưởng thờ cúng, trông giữ nhà thờ họ hiện nay, gốc gác từ giống người Tây. Có lẽ ở Việt Nam ta, ít thấy trường hợp nào đặc biệt đến vậy - ông lai Tây làm trưởng họ.

Việc xảy ra vào cuối thế kỷ XIX, khi Pháp mới sang đô hộ Việt Nam. Ở phái Nhất có ông trưởng họ ra lính. Đi binh về quyền, sau mấy năm ra lính quay về làng, ông thành người oách, có chức vị nhà binh. Ngoài tên gọi trước đây, dân làng còn phải gọi thêm cái chức hồi ông đóng lính. Ra đình, ông đủ chuẩn ngời chiếu trên với các cụ. Ngoài cái danh mang về làng và cả làng phải trọng, ông còn rước về cô vợ bụng chứa tướng.

Giữa một vùng quê Bắc bộ, nói giọng bèn bẹt chiêm trũng, vợ ông giọng Huế trọ trẹ, làm người làng nghe rất lạ tai. Chuyện của ông dân làng kháo cả tháng không hết. Tiếp đó họ lại được một châu thì thằm nữa. Đó là khi bà vợ sinh con, đứa trẻ trai chẳng giống trẻ mỗ xứ ta, mà nó da trắng tuyết, tóc râu ngô, mắt mèo xanh biếc.

Thuở ấy dân làng đã ai trông thấy giống người Tây Dương đâu. Họ kháo nhau, hay là do ông ra

lính, đến vùng rừng thiêng nước độc, nên sinh ra giống con như vậy. Cũng có thể do bà vợ là người miền trong, nên sinh ra, trẻ mỗ nó khác. Mãi sau này, khi gặp quan Tây, dân làng mới ngẫm ra, rồi suy đoán: Bà vợ kia chữa trước với ông Tây. Kẻ ăn ốc, người đổ vỏ.

Để đổ đám vỏ ấy, ông được quan Tây trả cho cái danh nhà binh về làng, song ông phải rước bà kia về quê làm vợ. Ông vốn là trai trưởng, cháu trưởng, phái trưởng, nên là trưởng họ. Là người biết rõ đứa trẻ kia không phải dòng giống mình, nhưng ông không nói ra. Không nói ra, đứa con trai lai kia tất thành trai trưởng. Anh em và họ hàng ai dám nói.

Thời gian trôi đi, ông qua đời. Lúc này anh em có sự xì xào, nhất là ông em út, ông này từng là lý trưởng, định làm ầm lên, muốn truất thẳng cháu trưởng lai. Rồi chuyện chẳng đi đến đâu, giờ ra chỉ tổ vạch áo cho người xem lưng. Thế là giữa một vùng quê dày lệ tục, cậu Tây lai vẫn thành trưởng họ. Sờ sờ ra đấy, cả làng biết, cả họ biết,... Thế thì những chuyện thâm cung bí sử, chịu là đúng.

Mấy cụ cao niên ở làng đó còn nhớ về cụ Tây lai. Cụ mắt xanh như mắt mèo, mũi lõ, một búi tóc to sau gáy và rất sành chữ Nho. Nếu còn sống, ông cụ Tây lai trưởng họ tôi cũng hơn trăm tuổi. Hậu duệ của cụ, giờ đã tới hàng chít. Nay đám cháu, chắt của cụ, họ chẳng còn mắt xanh, mũi lõ nữa, nhưng dáng vẫn hơi khác, cứ cao lòng không, mũi gồ gồ.

Trong quá trình chép gia phả, tôi gặp lắm chuyện khó lý giải. Quê tôi tận Hà Nam, lại mấy chục năm loạn lạc, văn tự gia phả thất lạc. Đương lúc tưởng như vô vọng, ấy vậy mà trong một chuyến công tác về Nam Sách, Hải Dương, tôi lại tìm được cuốn gia phả họ mình bằng chữ Nho, viết năm 1929, lưu lạc ở đây. Cũng trong dịp này, tôi tìm được phần mộ ông cụ tổ trực hệ sáu đời của mình và hai cụ bà. Theo gia phả, cụ thuộc đời thứ tám, mất năm 1870.

Thành tâm với tổ tiên, ghi chép lại gia phả, tôi được các cụ phù hộ độ trì rồi đấy! Cuối tháng mười hai năm chín lăm, sau chuyến đi công tác, trở về nhà, thấy hàng xóm hai bên đang xây sửa. Tôi lo lắng, nhà mình đổ xuống bất cứ lúc nào. Cột và tường nhà chung nhau, thì cái bị dỡ, cái bị cưa. May có cô bạn của vợ tôi, cùng học đại học Văn hoá, tên là Phương, người làng Cót, cho vay ba nghìn đô, chúng tôi dành dụm được một nghìn và hai bên chi chút thêm một ngàn nữa, chúng tôi có tiền xây nhà.

Trước khi xây đã lường trước, chắc chắn mấy ông phường sẽ tới. Tôi ra xin trước với mấy ông quản lý xây dựng, ngày khởi công, khởi vào lập biên bản cho đỡ xui. Đã kiêng kỵ, vẫn xui. Dân trong ngõ vẫn xúm nhau vào kiện. Mấy nhà giáp bên không có ý kiến gì, chỉ toàn những nhà xa xa kiện. Nào là, xây nhà có giấy phép không, xây lên che lấp hết ánh sáng, không khí nhà họ. Toàn những lý do chẳng đâu vào đâu. Có kiện là ông chính quyền xô tới, gia chủ phải hầu. Khi nhà xây xong, hạch toán ra, riêng khoản lót tay hầu kiện, mất toi năm triệu, bằng một phần mười chi phí ngôi nhà.

Hôm đổ trần tầng một, trong khi kiện cáo đang căng, lại đúng vào ngày giỗ họ, gia phả vừa in xong, tôi phải về dâng trước họ. Không về được, tôi đành nhờ ông chú giúp cho việc này. Trèo lên mái cốt pha, trước mâm lễ cúng đổ trần, tôi khẩn nôm:

- Trình các cụ! Cả đời con, đây mới là lần đầu con xây nhà. Mà nhà có to tát gì đâu, chỉ có chục mét vuông, tiền lại đi vay. Thế mà họ cứ xúm vào đòi phá. Con lạy các cụ! Các cụ phù hộ độ trì cho!

Nhà không bị phá, một năm sau vợ chồng còn kéo cày, trả xong nợ. Nghĩ cũng lạ! Trước làm ăn mãi chả thấy tiền đâu, vay nợ, làm nhà xong một năm, đã kiếm ba ngàn trả đủ!

CHƯƠNG II - 8

Đầu năm 1950, Thái Bình là tỉnh chiến tranh diễn ra ác liệt, ta và địch giằng co nhau từng làng qua mỗi trận càn. Trong một trận giặc càn, cả nhà chạy, riêng cụ nội tôi, vì quá già, ngoài bảy mươi, nên ở lại. Lúc giặc càn tới, chúng mang cụ già ra khảo. Không chịu được đòn, ông cụ chỉ dám của nả gia đình giấu dưới ao. Lũ lính lội xuống, bao nhiêu nôi, mâm đồng, bát, đĩa,... chúng vớt lên tiệt. Nhà chạy càn về, hay chuyện, không ai nữ trách ông cụ.

Trong bối cảnh ấy, mẹ tôi kể, bạn bà sinh con gái đầu, bà bụng mang dạ chứa tháng cuối, vẫn phải chạy giặc. Chứa vượt mặt, chạy càn đâu chỉ vác bụng, bà còn gồng gánh đám của nả: mấy cái nôi, chiếc mâm đồng, ít quần áo,... Tây càn, nghe súng nổ làng này, người ta chạy tránh giặc sang làng khác.

Cuộc sinh nở của bà diễn ra trong một trận chạy càn. Trú nhờ nhà người, một nhà bất kỳ, trong cái làng bất kỳ, bà cũng không nhớ nổi làng ấy là làng nào nữa. Lúc đau đẻ bà dò dẫm ra vườn. Tục quê, người ta kiêng người lạ đẻ trong nhà. May có bà già tốt bụng, làm phúc giúp, không thì mẹ tôi vượt cạn một mình. Sinh ra, chị tôi được cắt rốn bằng chiếc liềm cũ. Bà tự rắc gio lau dọn chỗ mình vừa sinh nở, rồi ra sông giặt giũ. Đẻ xong hôm trước, hôm sau mẹ phải bồng bế con rời làng ấy, tiếng súng Tây càn vọng tới gần.

Chạy càn, đàn ông tách riêng, hoặc xuống hầm bí mật núp. Nếu đã chạy, họ phải chạy trước. Đàn ông mà Tây vớ được, tuổi từ trung niên trở xuống, nếu bị nghi là du kích, thì xơi đòn ốm, còn không, cũng bị bắt lính.

Đàn bà con gái và người già thường chạy chung với nhau. Các bà già thì thôi, chứ đám phụ nữ họ phải tự bơi bản, làm sao thật nhếch nhác. Một lần không may, mẹ tôi cùng đám đàn bà chạy nhầm vào vùng có Tây. Cả đoàn người sợ sệt, ngồi tùm tùm lại một chỗ. Mẹ tôi dù con còn đỏ hỏn, vẫn phải tự làm bản - nhổ nước trà, rắc gio vào váy áo, cả chỗ kín, tóc tai cũng bôi phân trẻ cho nhớ nhóp. Lần ấy lũ Tây đen sấn lại, định bắt gái. Thấy đám đàn bà hôi rình, trẻ con khóc oe oe, chúng mới buông tha.

Vợ thoát, nhưng một lần khác, chồng bị bắt. Cha tôi bị Tây bắt trong một trận càn vào năm 1952. Ông bị điệu về trại Cầu Bo, sau khi phân loại, chúng tống vào cãng Thần Đầu Thần Huống. Người ở trong tù đã khổ, người ở ngoài tù còn khổ hơn. Những ngày nuôi chồng tù là những ngày cơ cực. Mẹ tôi mang theo con nhỏ, ra thị xã Thái Bình, vừa kiếm sống nuôi mình, nuôi con, ngày ngày còn tiếp tế nuôi chồng. Nguồn sống tạm là buôn bán loanh quanh ở chợ thị xã Thái Bình. Cứ vào buổi trưa tan chợ, bà bế con nhỏ, vai khoác bị cơm, chen sát hàng rào trại tù. Chồng trong hàng rào chờ, vợ bên ngoài tìm và ném cơm vào.

Cha tôi lúc bị bắt, đám tù toàn đàn ông. Tây lừa tuốt lên chiếc xe cam nhông. Mấy chục

người chồng đồng lên nhau, dạt vào góc thùng xe, để lại một khoảng trống cho mấy thằng Tây đen ba vạch hiếp tù. Ở Phi châu, tại một vùng có tục, người ta gây vết thương lên mặt, tạo sẹo - ba vết - nên dân ta quen gọi là Tây Ba Vạch. Những người đàn ông xấu số bị Tây hiếp vào tù một thời gian, thường bị chết. Bởi đói khổ và họ bị bọn Tây ba vạch đổ cho bệnh giang mai, hủi lậu.

Trong trại, người tù phải làm nhiều việc nặng nhọc, kể cả làm cũi giam. Một lần cha tôi cùng đám tù bị xua đi khuân gỗ, gỗ phá từ một ngôi đình. Đốc tù có cả nguy binh, lẫn Tây trắng, Tây đen.

Hôm đó có thằng sỹ quan da trắng. Thằng này rất ác, nó luôn vung roi, đánh tù đến toé máu và cứ lăm lăm khẩu súng ngắn, dọa bắn. Thằng này ác quái, ra cái lệnh còn quái ác hơn: Chuyển chuyển gỗ đầu tiên, hai người tù khuân một thanh gỗ lim, chuyển thứ hai bắt tăng lên gấp đôi, chuyển thứ ba tăng nữa. Chỉ một thanh đã nặng, song tù sợ roi và súng, cắn răng mà khiêng. May đến chuyển thứ ba hết gỗ, không hôm đó có tù thiệt mạng.

Cảng Thần Đầu Thần Huống có hàng rào và hào nước đào xung quanh. Rác sinh hoạt, phân, nước tiểu của tù thải ra, trút xuống hào. Hình ảnh bố tôi nhớ nhất. Một hôm ngủ dậy, người tù ngờ ngác, không tin nổi mắt mình, sau một đêm, hàng rào xung quanh trở lên xanh rì. Thời tiết nóng nực, phân, nước tiểu dưới hào là môi trường cho ruồi nhặng sinh nở. Ấu trùng - giòi, đến kỳ thành nhặng, bay lên, đậu vào hàng rào, xanh rì như lũy tre làng.

Ông cũng có thời kỳ tham gia du kích. Trong một lần liên lạc bị lộ, giặc túm được ông. Giặc dùng đủ cực hình. Ông kể, sợ nhất là khoản chúng cho đi tàu ngầm và tàu bay. Nước xà phòng hoà ớt bột, chúng dúi đầu vào cho sặc nước, sau đó trói lại, treo lên cao, quay tít. Thỉnh thoảng chí điện cho giã đàn đạch.

Gần chục ngày giặc dùng đủ cực hình, ông nghiêng răng chịu. Nghĩ chuyển này chắc chết, nhưng ông không khai. Không lo cái chết, ông chỉ nghĩ, khai ra sẽ nhục cho gia đình, vợ con. Can trường trước kẻ thù, chấp nhận cái chết, chỉ vì nghĩ đến gia đình. Đánh chán, tưởng ông không phải du kích, chúng tha ra. Sau lần đó ông sợ mà không tham gia du kích nữa. Khi tôi đã lớn, vào những ngày trở giời, cha tôi kêu mình mấy ê ẩm, mẹ tôi lại chép miệng: Tại ngày xưa Tây nó đánh cậu mày đấy!

Cha tôi là người kiệm lời, khiêm nhường, đã nói là làm, làm thì làm cho kỳ được. Ngày mới lớn, tôi và ông, cha con không hợp chuyện nhau, cứ cha nói là con tranh luận ngược lại. Sau này khôn lớn, tôi mới hiểu cha, cha con gần gũi, tâm sự nhiều với nhau hơn. Tôi không có dịp bên cạnh, lúc ông qua đời. Một tuần trước khi mất, bệnh viện Bạch Mai kết luận, ông bị ung thư gan giai đoạn cuối, tôi đưa ông về quê.

Trước khi trở lại trường đại học, khuya rồi, cha con ngồi uống nước với nhau. Tôi biết bệnh

ung thư rất đau đớn, nhưng ông cố gắng ngồi nói chuyện, vì hôm sau con trai phải đi rồi. Biết ngày nào cha con mới gặp nhau. Bệnh viện và mọi người vẫn giấu, động viên ông yên tâm dưỡng bệnh. Ông tự biết bệnh của mình, song tôi ân hận mãi điều mình nói ra với ông. Nghe con trai nói, từ khoé mắt cha tôi, lăn dài dòng nước mắt. Tôi xót xa và càng đau lòng hơn, khi nghe ông dứt quãng:

- Cậu không... ân hận gì. Nghĩ chỉ... không phụng dưỡng được mẹ già. Các con sau này.... thỉnh thoảng nhớ về thăm bà!

Trước ngày cha tôi mất vài hôm, anh trai tôi nhờ thợ lên cố gỗ cho ông. Đã cố giấu, mà ông vẫn biết. Nghe tiếng đục đẽo sau nhà, biết thợ đến nhà mình làm gì, ông bảo con trai vực ra xem. Trước ánh mắt ái ngại của mấy ông thợ, bố tôi yêu cầu con trai dìu quanh cố quan tài. Đi hết một vòng, ông yếu ớt nắm tay mấy ông thợ, thều thào cảm ơn họ. Trước giờ lâm chung, bạn bè, hàng xóm vây quanh, ông gắng sức tàn, chào câu cuối cùng:

- Các ông bà ở lại... tôi đi đây!

Ông ra đi vào ngày 18 tháng 10 âm lịch năm Giáp Tý, 1984, một ngày mưa, gió rất to.

Đầu năm Đinh Hợi linh bả này, tôi có ý định sửa sang lại mộ phần của ông. Mộ xây lâu rồi, nay thấp bé, nghĩ tủi phận cho người khuất. Việc xây mồ, sửa mả là việc trọng, tôi cẩn thận nhờ thầy xem xét. Tôi xem ở đầu phố thị quê tôi. Nghe nói, ông này xem giỏi, khách Hà Nội, Hải Phòng về đông nườm nượp. Đặt lễ xong, tôi vừa định trình bày, thì cậu phán, cứ để cậu xem. Cậu khen mồ mả của các cụ nhà tôi đẹp. Cậu nói như từ trong bụng tôi nói ra, rằng không bốc hốt, mà chỉ sửa sang phần mộ. Mộ phần cất lâu rồi, nay xung quanh thiên hạ xây cao lên, thành ra phần mộ của cha tôi thấp xuống. Đúng quá, tôi nghĩ bụng. Cậu lại phán:

- Nhà ông có người chú mất trẻ.

Thầy phán tiếp:

- Ông này liệt sỹ. Mà nhà ông đừng mất công tìm kiếm nữa. Linh ông ta yên phận ở chốn đó rồi. Có tìm, cũng chẳng được đâu.

Ôi, đúng quá! Lâu nay, ông chú hiệu trưởng của tôi áy náy, muốn đi tìm hài cốt anh trai mình.

Ông định xuống cả thầy Liên dưới Tứ Kỳ, xem.

CHƯƠNG II - 9

Mẹ tôi có coi trầu ăn hỏi từ năm mười ba, tận năm hăm mốt mới về nhà chồng. Cứ chuẩn bị cưới, thì không bên nọ có tang, lại bên này có tang. Tang một năm, tang chín tháng, tang sáu tháng. Nghĩa là tùy theo quan hệ dây mơ, rễ má, mà chịu tang. Tám năm trời nhà trai vất vả sêu tết. Đoan Ngọ mừng năm tháng năm, tết ngỗng; Trung thu, tết hồng cốm; Nguyên đán, tết gạo,....

Tết nhiều thì nhà gái sướng. Chẳng phải vì quà cáp, cái chính là vinh dự trước bàn dân thiên hạ, con gái có người sêu tết. Như nhà ông bà ngoại tôi, được sêu tết, tính ra lại lỗm.

Ông bà nội và ông bà ngoại tôi người cùng làng, cái làng có nghề thủ công, ở Hà Nam. Trai làng có thể lấy gái thiên hạ, chứ gái làng lấy chồng, nhất thiết phải trai cùng làng. Làng có lời nguyên, con gái lấy chồng thiên hạ, thì chết một đời cha, ba đời con.

Dân làng tôi thường tản mát đến các bến, các phố buôn bán và làm nghề. Hàng năm vào hội làng, hay Tết, họ tụ tập về quê.

Gia đình ông bà nội và ông bà ngoại tôi sống ở hai bên. Ông nội tôi sống bên ở Phủ Tiên Hưng, Thái Bình. Dịp sêu tết ông đi xe tay ra phủ lý nơi ông ngoại tôi sống, quãng đường hơn ba chục cây số. Trong những dịp sêu tết, ông ngoại tôi là người khoái trí nhất. Ông cụ có có để vui vẻ công khai. Những dịp khách khứa như vậy, nhất thiết chủ nhà phải khoản đãi khách. Thông gia tương lai thuộc hàng khách trọng, nhất thiết trong khoản đãi, phải có châu tom chát.

Mẹ tôi kể, chính bà rất thích nghe và ngắm cô đầu. Họ hát hay lắm, người lại đẹp nữa. Được nghe, được ngắm cô đầu, bởi mỗi lần ông ngoại tiếp khách bằng tom chát, đến bữa, mẹ tôi được bà ngoại sai đi mời ông ngoại và khách về ăn cơm. Lăm hôm đến quán cô đầu, thấp thỏo đứng nghe, vì hay quá, bà quên cả việc chính của mình. Con gái mới lớn, nhìn các cô đầu quần là áo lượt, ai chẳng mê.

Tám năm được sêu tết, mà ngày cưới, mẹ tôi thật vất vả. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, phủ lý quê tôi thực hiện tiêu thổ kháng chiến, dinh cơ của bà ngoại tôi bị tổng rơm đốt tiệt. Gia đình chạy tản cư về Quán Cháy, thuộc Thái Bình. Ngày cưới của bà diễn ra tại nơi tản cư này.

Ngoài mê hát cô đầu, ông ngoại tôi còn thú đánh bạc và hút thuốc phiện. Ông dân diện bạch đình, còn bà ngoại là con ông chánh tổng. Chánh tổng mà lại gả con gái cho bạch đình, chuyện hơi lạ. Cụ chánh tổng nghiện thuốc phiện, anh chàng bạch đình giới tiêm thuốc. Trong khi tiêm thuốc cho cụ tổng, chàng bạch đình khéo cưa kéo, khéo đến mức cụ chánh gả cô con gái rượu cho.

Phố phủ quê tôi có cửa hiệu bán thuốc phiện công khai, đại lý của nhà bà Nghị Thích ở phố To. Trước cửa hiệu treo cờ vàng, trên ghi hai chữ: R.0 - Régie opium - Đại lý thuốc phiện. Cùng với

cửa hiệu R.0, còn có cửa hiệu R.A - Régie Alcool - Đại lý rượu.

Có một ông chồng chẳng chú ý tới việc làm ăn của gia đình, suốt ngày chỉ hát hò, hút xách, mình bà vợ buôn bán, nhà vẫn giàu. Nhà bà ngoại tôi có tới hai dinh cơ ở phố phủ, lại còn dư tiền về quê tậu mấy mẫu ruộng. Vì giàu có và sai lầm đầu tư vào đất, nên trong Cải cách ruộng đất, ông bà ngoại tôi bị quy là địa chủ. May mà sau sửa sai, được xuống thành phần.

Nhà ông bà ngoại tôi đã khốn khổ về cái chức địa chủ trượt đó. Cha tôi là chàng rể cũng vạ lây. Sợ liên lụy đến các em, ông đành bồng bế vợ con rời đất phủ Tiên Hưng, nơi ông đang sống cùng mẹ đẻ và các em, về sống gần ông bà nhạc cho cùng nhục một thể.

Người ngoài đấu, người trong họ đấu và suýt nữa thì ông bà ngoại tôi bị cô con gái nuôi cũng đấu. Năm đói Ất Dậu bốn lăm, đi chợ bán hàng, mẹ tôi xin về một cô bé. Mẹ tôi kể, nhà ấy có ba bố con, bà tôi xin đứa lớn. Năm ấy cô chừng tám, chín tuổi. Cũng khó đoán, vì đói kém, mà trẻ ngày đó ngơ ngơ lằm, cứ như bây giờ, tầm tuổi ấy, chúng biết tuốt.

Xin về, mẹ đặt cho cô cái tên là Gái. Cô Gái chẳng rõ quê quán mình ở đâu, tên bố mẹ là gì. Lúc mẹ tôi xin, ông bố muốn cho luôn hai chị em, nhưng bà chỉ nhận một. Mẹ tôi cho ông ta ít tiền. Bà đồn rằng, chắc rồi mấy ngày sau bố con ông ta cũng chết.

Phủ ly quê tôi ngày đói là một tụ điểm cho kẻ đói kéo về. Họ vạ vật ở các nơi: chợ, bến tàu, bến xe,... Đói không xin được gì, người chết rải rác các phố. Hàng sáng có phu lóc cóc dắt xe ba gác thu gom, rồi chở xác đến bãi tha ma. Phu xe là ông Thành và ông Xuân. Để giữ vệ sinh, mỗi lớp xác đói quẳng xuống, được rắc vôi bột và phủ lớp đất, hôm sau lại đổ tiếp lớp xác đói khác, đổ đến khi đầy, thì phủ lớp đất dày lên trên, chuyển sang chỗ mới, đào hố khác. Thường mỗi hố chôn được ba lớp. Trước khi chôn, ông Vệ To lên trình quan Tây, báo số người chết, để lĩnh công tiền chôn. Công ấy bao gồm nhân lực thu gom, vận chuyển, đào hố, phủ đất và tiền vôi bột. Lúc đầu còn chiếu bó xác, sau chẳng lấy chiếu đâu cho xuể, cứ nguyên người chết mà chôn. Thường ông Vệ To khai tăng số người chết thêm một ít, để lĩnh khổng công chôn các suất đó. Lúc đầu công chôn là đồng một suất, sau chết rộ, giảm xuống, chả còn đáng bao nhiêu. Biết rằng giá gạo hồi ấy, có lúc tới tám mươi đồng một thùng thóc chục cân. Vị trí chỗ chôn là trước và sau bãi tha ma, tổng số cả đợt đói có bảy hố, bốn hố phía trước, ba hố phía sau. Nay trước bãi tha ma quê tôi có khoảng đất trống, cỏ mọc xanh, không gò, má. Ấy là các hố chôn chung người đói năm Ất Dậu.

Các nhà ở phố rất kỵ xác chết đói trước cửa. Muốn xua đuổi kẻ đói, cứ vào chập tối, nhà chủ mang nước ra đổ ở vỉa hè. Ướt, người đói nằm lạnh, không ngủ được, phải bò đi chỗ khác. Số người chết đói kéo về phố phủ không thống kê chính xác được là bao nhiêu. Xin lấy một xã gần phủ ly, xã Tươi Sáng. Xã này có non ba ngàn dân, mà năm Ất Dậu chết đến hơn một ngàn hai trăm người.

Dắt cô Gái về nhà, mẹ tôi đưa cô Gái đi lòng vòng khắp phố. Bà nghĩ, đưa đi như thế, sau này cô Gái không biết đường về nhà mình nữa. Mới đầu mẹ tôi định nhận cô làm con nuôi, nhưng sau có ý ra ý vào, bảo con gái chưa chồng, làm gì mà nhận con nuôi. Thế là mẹ tôi chuyển cô Gái thành em nuôi. Lúc mới đưa về, mẹ tôi bị ông ngoại tể cho một trận. Ông bảo, rước khỉ về nhà. Đúng là cô Gái như con khỉ, người xanh xao, gầy nhẳng, chấy rận, ghẻ lở đầy mình. Mẹ tôi phải đem cô Gái ra tổng vệ sinh, cạo trọc đầu, lột hết quần áo đem đốt và tắm rửa cho một trận cẩn thận.

Quy định đầu tiên với cô Gái là mỗi bữa chỉ được ăn hai vục cơm, hoặc cháo. Cô Gái rất tự giác, cứ ăn đúng hai bát là đứng lên. Chỉ khi người nhà bảo ăn thêm, cô mới dám làm bát nữa. Mẹ tôi bảo, nghĩ cũng thương và còn khen là cô Gái bạo lắm. Nhà bà ngoại có hai dinh cơ, chỉ ở một, còn một để không. Ban đêm cô Gái được cử ra dinh cơ kia. Trẻ con mới tám, chín tuổi, đêm hôm vòng vông một mình gác nhà. Chỉ riêng chuyện ma, nghĩ đã kinh, thế mà cô Gái chịu được. Ngày 8/8/1954 bộ đội ta tiếp quản phố thị quê tôi, chấm dứt sự chiếm đóng của quân Pháp. Bước vào Cải cách ruộng đất, cô Gái lúc này đã lớn, đã là thiếu nữ. Hồi đó họp hành tợn lắm. Nhà nhà, người người đêm nào cũng họp. Cô rơi vào tầm ngắm của đội, của xâu, của rế. Xâu, rế vận động cô Gái tố người từng cưu mang mình thoát khỏi trận đói bốn năm.

Nhà ông bà ngoại tôi nín thở, sợ cô con gái nuôi tố mình. May mà cô Gái không tố cha mẹ nuôi. Sau này nghe kể lại, cô bảo với người xui mình rằng, cha mẹ nuôi tôi đâu có ác, đâu có bóc lột gì tôi. Thật hú vía cho nhà ông bà ngoại tôi. Sau này cô Gái đi thanh niên xung phong, rồi làm công nhân ở nhà máy chè Hạ Hoà. Cô lấy chồng là cán bộ tập kết miền Nam. Giải phóng Bảy năm, cô theo chồng về sống ở thành phố Đà Nẵng.

Số cô vất vả. Lấy chồng, lại vợ ngay phải ông chồng bị tù tội. Ngày ấy tôi còn bé, thấy cô Gái về thăm mẹ nuôi, mà chẳng thấy chồng cô đâu. Sau mới biết, ông bị đi tù. Say này tôi gặp chú rế, ông hiền khô, dễ gần. Tôi cứ thắc mắc, không hiểu tại sao, ông bị đi tù. Lớn lên mới hay: ông là cán bộ tập kết, nên công thần, hay cãi lãnh đạo, rồi bị giám đốc đánh bẫy, vu cho cái tội chống đối, thế là lĩnh mấy năm tù.

Nói về trận đấu tố ông ngoại tôi, trừ cô con gái nuôi không đấu cha, còn họ hàng xa gần ở quê, toàn những người nhận ruộng, nộp tô, khối người tham gia đấu. Phố thị nơi tôi sống cách quê gốc chừng sáu mươi cây. Hồi Cải cách, từ quê, xã đánh ra cái giấy, thế là hai cha con, gồm ông ngoại và cậu ruột tôi, cum cúp về ngay. Hai người mang theo bị cói tiền, về nộp cho địa phương.

Tối đầu tiên về làng, ông ngoại tôi đến chơi nhà người cháu, gọi ông bằng cậu ruột. Ngồi trên nhà, nghe rõ mồn một thằng cháu họ dưới bếp nói to, nói cốt để ông nghe, nước non làm gì cho thằng địa chủ! Khổ quá, bóc lột được bao nhiêu?

Như mẹ tôi nhớ, đất chiêm trũng Hà Nam, năm cấy một vụ, năm một lần bà về thu tô. Bà bảo, một sào thu tô cỡ bảy cân thóc. Mà có bao giờ thu đủ, thu róc đầu. Toàn trong họ, người ta khát và nài nỉ, nói khó. Con gái buôn bán phố xá về quê, biết được thế nào về lúa má. Tiếng là có ruộng, tiếng là thu tô, mà có được bao nhiêu. Chi phí tiền tàu, tiền ăn, mỗi năm thu được dăm ba tạ thóc, chỉ đủ dùng cho cả nhà, dịp mỗi năm về làng hội hè đình đám.

Phục ông cậu ruột tôi là người phấn đầu bền bỉ. Hơn chục năm, hết dân quân, công tác khu phố, rồi lăn lộn với hợp tác xã, ông được xét kết nạp vào đảng. Lúc sắp kết nạp, lại có người lôi ra, bố là địa chủ. Khổ quá, có phải thế đâu, chỉ là địa chủ hụt thôi. Cuối cùng ông được kết nạp. Sau này ông còn là phó chủ tịch xã.

Ông bà ngoại tôi dù bị mất tiết gia sản sau cái vụ bị đấu tố, thì so với ông chủ tịch xã thời kháng chiến chống Pháp, ở Hà Nam quê gốc của tôi, còn may mắn. Ông bị quy là Quốc dân đảng và đem ra xử bắn. Khi tròn bốn mươi tuổi, tôi mới lần đầu về bản quán, về đúng vào ngày giỗ họ của mình. Về giỗ họ, tôi gặp được bà vợ ông chủ tịch bị bắn oan năm xưa.

Ngay lần đầu về quê, cứ như các cụ trong họ nói, tôi nhận thấy, cần phải chép lại gia phả. Một trong những người tôi tiếp cận là vợ ông chủ tịch xưa. Cụ là bậc cao niên, vẻ cao trong họ, lại rất minh mẫn. Cụ hẹn tôi, nếu có dịp ra thị xã Hải Dương, bây giờ là thành phố Hải Dương, sẽ cung cấp những điều mình biết về dòng họ. Y hẹn, sau vài tháng, tôi đến nhà cụ. Ngoài chuyện gia tộc, câu chuyện về người chồng xưa được cụ kể rất nhiều.

Năm 1948 ông từng là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính xã, rồi bí thư chi bộ xã. Những năm kháng chiến, ông lăn lộn với cơ sở, trung kiên bám dân, chỉ huy du kích đánh giặc. Sau hoà bình, trong cuộc cải cách ruộng đất đợt ba, ông bị đem ra đấu tố, bị quy là Quốc dân đảng. Khi sửa sai, ông được phục hồi danh dự, đảng tịch và truy tặng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng ba.

Trong khi kể, ba cụ vạch áo đến khuỷu tay, chỉ vết sẹo dài:

- Vết sẹo này là chúng trói bà đấy. Trói, phơi nắng suốt ngày. Lúc ấy bà đang bụng mang dạ chửa.

Nói rồi, cụ chỉ tay vào người phụ nữ đang nhặt rau ngoài sân:

- Đấy, ngày ấy bà chửa cô này. Cả tuổi mụ, năm nay cô này bốn hai rồi.

Chuyện kể rằng, lúc ông Quốc dân đảng bị dong ra bãi, ông cũng không ngờ mình bị bắn. Chỉ đến khi bị trói ghì vào cột, súng dương lên, ông mới ớ ra, ngỡ ngàng hỏi:

- Các đồng chí bắn tôi thật à?

Còn bà cụ kể: Bà cũng không ngờ họ lại đem chồng ra bắn. Đến tận lúc sắp ra bãi bắn, họ còn lừa bà, bảo ra xem họ thả ông về. Đến nơi, bà thấy chồng đang bị trói vào cột. Nói đến đây, từ khuôn mặt răn reo của bà cụ gần tám mươi, dòng nước mắt rịn ra. Đã mấy chục năm rồi, nỗi

uất hận còn ẩn ức trong con người già nua kia. Sau vụ chồng bị bắn, bà đưa con cái rời làng, tới sống ở thị xã xa quê này.

Nghe người làng kể, những năm trước, cứ dịp về quê, cụ đi dọc đường làng, gào khóc, chửi bới những kẻ tố và bắn chồng bà. Làng xóm chẳng thấy ai lên tiếng. Dại gì, điều hay, lẽ tốt thì mới tranh nhau, chứ cái dở, ai dại gì mà chường mặt ra. Năm tôi về giỗ họ, không thấy cụ đi dọc đường làng chửi bới nữa. Có lẽ cụ đã già, vết thương lòng thành sẹo. Thôi thì, chết đã chết rồi. Chết gì mà chẳng là chết. Công lao, oan khuất, thì cả làng, cả xã biết.

CHƯƠNG II - 10

Có một phen ông chú phi công của tôi khốn khổ với chuyện, sao lúc ông bố mất, lại có tiểu đội lính bông súng viếng. Có phải ông bố quan hệ, hay tham gia việt gian phản động gì không? Ông chú tôi phải giải trình mãi với tổ chức, họ mới cho qua. Chuyện là thế này:

Ông nội tôi sinh năm 1901, nhà mở lò sũ đóng đồ gỗ và buôn bè ở thôn Đình Thượng, phủ Tiên Hưng. Ông biết Nho học. Thời gian rảnh rỗi ở quê, ông có cái thú tiêu khiển là đọc Tam quốc, chơi đàn bầu và lấy Kiều. Có thiếu nữ ở quê, vì tiếng đàn bầu đã đem lòng yêu ông.

Mỗi năm ông thường trú lại Hà Nội dăm bảy tháng. Sau khi bè từ Hoà Bình về tới Hà Nội, ông giao lại cho người giúp việc xuôi tiếp về quê, phủ Tiên Hưng. Lấy có bạn quan hệ, giao đãi khách, ông ở lại Hà Nội. Nào giao đãi khách khứa gì đâu, ông đang bận... tom chát và đánh bạc ở mấy quán cô đầu nơi phố Khâm Thiên, hay dạt xuống Vọng.

Chắc trong những ngày ngược xuôi buôn bán, nhất là dịp trú ngụ tại Hà Nội, ông có dịp quan hệ buôn bán, giao du với một người tên là Chất. Khi Pháp lập tề vùng Thái Bình, ông ta được bổ làm Quận trưởng quận Tiên Hưng. Thỉnh thoảng ông Quận trưởng đến nhà ông nội tôi chơi. Là chỗ quen biết trước đây, nhà lại có tời kéo gỗ, giữa năm 1950, ông Quận Chất nhờ ông nội tôi chỉ huy phu mấy làng, trục vọt chiếc phà bị đắm. Vất vả, lại trong nắng nóng hè tháng năm, ông bị cảm, sau khoảng mười ngày thì mất. Trước khi qua đời, ông gọi vợ và con trai, tức cha tôi, vào dặn, sau khi ông mất, gia đình phải chuyển đi nơi khác sống. Ông Quận Chất biết nhà mình có con trai theo Việt Minh, nay ông còn sống, ông ta nể, bỏ qua cho. Nếu ông mất đi, thì... Lúc đưa ma, ông Quận Chất điều một tiểu đội lính đến bông súng viếng. Hồn ma ông cụ đâu có biết, đã để lại điều phiến toái cho con trai sau này.

Ngoài chuyện khốn khổ trên, suýt nữa ông còn mắc vào một chuyện rắc rối khác. May mà ông rút kinh nghiệm vụ lính bông súng viếng cha, kịp căn dặn gia đình và ông cũng giấu nhẹm đi. Sau này qua hai vụ ông sợ đến mức, rút ra bài học cho mình và còn mang ra dạy con cháu, chúng mày phải cẩn thận, không quan hệ, không thân thiết, không quen biết với một ai hết. Câu chuyện rắc rối thứ hai là bà chị nuôi ở Pháp gửi thư về. Bà tên là Tâm. Theo thứ bậc gia đình, tôi gọi bà bằng bác nuôi.

Bà nội tôi sinh người con trai đầu lòng vào quãng sau năm 1920. Được vài tháng thì con trai mất. Hồi ấy ở thôn Đình Thượng có một nhà nghèo khổ, kéo xe tay, vợ đi làm vú em ở Hải Phòng. Tắm từng thế nào, cô vợ lại có chửa với anh Tây. Đứa trẻ mũi cao, mắt xanh, tóc vàng, đúng giống Tây. Anh xe tay vẫn chấp nhận đứa con lai. Vào một mùa thuế, nhà ấy không đủ tiền đóng sưu cho chồng, cô vợ đành sang nhà bà nội tôi, gạ bán con gái. Bà nội bỏ ra mấy đồng bạc mua đứa trẻ lai kia làm con nuôi, nuôi cho đứng đầu đứng số, đứa bé vẫn khi đi, khi ở nhà

mình. Bà nội tôi đâu ngờ, ba bốn chục năm sau, tỳ nữa nó thành hoạ nhà mình.

Khi ở tuổi thiếu nữ, bác Tâm tôi là cô gái đẹp nhất vùng. Đẹp đến mức, con trai ông Nghị Quảng, tên là Hương, dịp về quê nghỉ hè, một lần nhìn thấy nàng Bạch Tuyết, đem lòng mê ngay.

Dịp ấy để tránh phiền toái, bà mẹ đẻ và mẹ nuôi phải gỡ mãi, cuối cùng gửi cô con lai ra Hải Phòng. Nghe kể, vợ chồng nhà phu xe đều chết đói vào năm Ất Dậu, còn đưa con trai nhà ấy lang bạt lên Hà Nội, sau tòng quân, rồi chuyển sang ngành công an. Phong thanh sau này làm đến trung tá ở một quận thuộc Hà Nội. Nếu nay còn sống, chắc ông cũng ở tuổi tám mươi rồi. Cuối năm 1946, bác Tâm đã có chồng, bỗng bế con chạy giặc từ Hải Phòng về tá túc ở nhà mẹ nuôi. Bác Tâm tôi có ba mặt con, nhưng mỗi đứa một vẻ. Đứa thì giống Tây trắng; đứa giống Tây đen; đứa nâu nâu, giống Ấn Độ. Là giống người lai, sống ở thành phố, nhưng bác Tâm rất đảm đang việc quê, sàng gạo, ươm tằm, kéo tơ, bác làm được hết. Chỉ phải cái tính chất Tây lai là không sao gột được. Giữa một vùng quê chiến tranh loạn lạc, chiều chiều, cô đầm đánh cái panh-sơ-lây, chơi thể thao bơi lội dọc sông.

Ở được một thời gian, chiến tranh vùng phủ Tiên Hưng diễn ra ác liệt, Tây càn suốt, bác Tâm đành bồng bế con trở lại Hải Phòng. Trước ngày hoà bình Năm tư, nghe đồn, bác Tâm lấy một ông Tây người Pháp, rồi theo chồng về đất Âu châu.

Bất ngờ, vào quãng năm năm tám, có ông cán bộ cầm lá thư của bác Tâm gửi từ Pháp về, đến hỏi bà nội tôi, quan hệ thế nào với người gửi bức thư này. Nhớ kỳ Cải cách ruộng đất, bà nội tôi nhanh trí, cãi phắt. Bà bảo không biết, không quan hệ gì với người gửi bức thư kia. Thật hứ vớ! Lúc đó thì ai cũng bảo và nhất là ông chú phi công, bà nội xử lý thật sáng suốt. Bây giờ thì có người tiếc. Chính tôi cũng tiếc. Giá mà biết địa chỉ, liên hệ sang, bà bác nuôi gửi về cho vài trăm nghìn đô la, thoải mái tiêu. Tiếc thì tiếc, song nếu nay bà còn sống, cũng ngót nghét tuổi chín mươi rồi. Tôi đành an ủi, già như vậy, lấy đâu ra tiền, khéo lại đang trong viện dưỡng lão. Bà ấy mà quay về, đem theo một lũ cháu chắt Tây, cả họ phải nuôi là khốn. Thôi chả tiếc nữa! Chả liên hệ với bà bác Tây lai nữa.

CHƯƠNG II - 11

Hồi tôi đang lay hoay tìm việc ở Hà Nội, thấy thằng cháu trong tình cảnh khó khăn, ông chú phi công sống ở sân bay Gia Lâm định tạo thêm thu nhập cho thằng cháu, ông bảo:

- Chiều chiều, mày sang bên chú. Cứ cái túi nhỏ, xách mười vỉ thuốc, về cửa hàng bên Hà Nội mà đổ. Chấp mấy thằng phòng thuế, công an gác cầu Long Biên, đổ biết.

Về cái nhĩa ý của ông chú giúp thằng cháu buôn thuốc tây, tôi không nỡ từ chối ngay, chỉ ậm ừ. Tôi đem sang tham khảo ý kiến một ông chú khác. Tham khảo là tham khảo, tôi biết chắc, ông này sẽ phản đối. Như vậy tôi có cớ để từ chối ông chú phi công. Ông chú mà tôi tham khảo là người bên có tiếng, ông là Hiệu trưởng một trường kỹ thuật về phát thanh và truyền hình. Y rằng, vừa mới đưa ra, ông té tát mắng cho một chặp:

- Học thì không học, làm thì không làm, lại nghe ông ấy đi buôn. Thôi, ông ấy buôn, thì mặc xác ông ấy. Tao cấm! Mày mà đi buôn lậu thuốc tây, tao từ.

Tôi không buôn, nhưng vợ ông lại bí mật buôn. Bà giấu chồng, vào cỡ tan tầm hằng ngày, đạp xe sang Gia Lâm xách túi thuốc lậu về rải ở mấy cửa hàng bên Hà Nội. Không có những chuyến buôn ấy, nhà lấy gì mà ăn? Ông thì suốt tuần cắm cúi vào công việc ở cơ quan, chỉ đảo qua nhà ngày Chủ nhật. Có dạo bà thím nuôi con lợn, nuôi một hai tháng, con lợn được chừng ba mươi cân, thì lăn đùng ra chết. Bà thím tôi tiếc của, khóc sưng húp mắt. Ông chồng về, khi biết nguyên nhân, bảo vợ, tôi lại tưởng có ai mất.

Tôi thở phào nhẹ nhõm vì ý kiến phản đối của ông chú hiệu trưởng không cho tôi buôn lậu và có cớ để từ chối ông chú phi công. Trong thâm tâm, tôi thực có muốn đi buôn lậu đâu. Tôi từng tự hứa, không bao giờ dấy vào cái khoản buôn bán.

Hằng tuần, ông chú phi công có vài chuyến bay ra vào thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài nhiệm vụ quốc phòng, ông còn kiêm thêm việc buôn hàng cấm, có khi chuyển thuê cả tiền. Rất lạ rằng, ông vốn là người có tác phong quân sự, sống giản tiện, ngày bé ham chơi, chẳng chú ý đến việc buôn bán làm ăn của gia đình, nay lại thành ông buôn lậu và rất thích tính tiền.

Khi nghỉ hưu, ông hay hỏi thằng cháu, thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu, lương tháng thế nào, tiếp đó ông thông báo về lãi suất ngân hàng đang áp dụng và đem ra tính toán số tiền lãi gửi ngân hàng tháng đó. Buồn cười rằng, ông tính tiền lãi sẽ hưởng trong năm năm, mười năm tới, cứ y như tính cua trong lỗ. Nghe bài toán lãi suất của ông, có lần tôi đùa:

- Với số gốc hiện nay, mười năm nữa, chắc chú giàu lắm. Nhưng chú ơi, nếu như ngân hàng họ nâng lãi suất cao hơn, chú đã tính tới khoản này chưa?

Nghe thằng cháu nói vậy, ông chú nghệt mặt ra:

- Ừ nhỉ! Sao tao chưa nghĩ tới.

Và ông sung sướng như bắt được vàng, nhờ thằng cháu mà ông phát hiện ra một khoản lớn sẽ có. Vội vàng lấy bàn tính, giấy bút, ông tính toán. Nhìn vẻ sung sướng của ông, tôi đâm băn khoăn: Một người từng bao lần vào sinh ra tử, chỉ vì khoản tiền lãi giả định của thằng cháu trong mười năm tới, mà sung sướng vậy sao? Đồng tiền có sức mạnh thật đấy.

Cuối năm 1949, đang trong thời kỳ căng thẳng của cuộc kháng chiến chống Pháp, ba anh em ông, gồm cha tôi là anh lớn, ông và người em trai, dắt díu nhau định vượt sông Hồng tòng quân đánh giặc. Không rõ vì lý do gì, cha tôi và chú em quay lại, chỉ có ông đi thoát. Ông an toàn vượt qua cuộc chiến tranh. Bao lần xông pha, bom rơi đạn lạc, ông chỉ bị một viên đạn bắt xước qua móng, làm đổ tý máu. Do có sức khoẻ, ông được tuyển vào không quân và được đào tạo lái máy bay tại Trung Quốc.

Tết Mậu Thân Sáu tám, để phối hợp với lực lượng nổi dậy, không quân Việt Nam tổ chức đợt không kích vào một số cứ điểm ở thành phố Huế và tiếp tế cho bộ đội khu vực xung quanh. Ông là một trong những quân nhân được tuyển lựa trong nhóm cảm tử quân ấy. Hỏi tại sao có tấm ảnh treo tại Bảo tàng Phòng không không quân ở đường Trường Chinh, ông giải thích:

Máy bay được dùng là loại vận tải IL-14, cải tiến thành máy bay tấn công và đổi tên là T.14. Lực lượng chuẩn bị gồm 6 tổ, với ba mươi sỹ quan, chiến sỹ, mỗi tổ năm người trên một máy bay. Máy bay cất cánh từ sân bay Gia Lâm vào lúc chiều muộn. Để bảo đảm bí mật, khi cất cánh, ta chỉ dùng pháo hiệu, không dùng điện đài. Đưa máy bay cánh quạt vào sào huyệt địch ở cự ly năm trăm cây số, không có ra đa dẫn đường và đài chỉ huy dưới đất, chưa kể ba tàu sân bay của Mỹ, hệ thống ra đa rà soát cực mạnh, cùng hệ thống phòng không của địch dưới đất, là nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm.

Nhưng người tham gia thực sự là những cảm tử quân. Trước khi lên máy bay, đơn vị tổ chức nghi thức mặc niệm, đọc lời thề cảm tử và chụp hình lưu niệm. Chuyển xuất kích đầu tiên vào ngày mùng bảy tháng hai, cả sáu tổ đều xuất kích. Điểm tập kích là đồn Mang Cá, thành phố Huế. Xác định xong mục tiêu, máy bay chú chúc xuống đến độ cao bốn trăm mét, thì cắt bom. Lần tấn công thứ hai, thì chúc xuống đến độ cao hai trăm mét, mới cắt bom. Bay trong vùng địch, nhất là lúc lao xuống tấn công, đạn địch ở dưới bắn lên dữ dội. Trên đường trở về, máy bay ta bay là là, không bật đèn. Lúc quay về, chú quay đầu lại nhìn, thấy đèn của máy bay địch trên cao đang săn đuổi. Hôm đó bốn máy bay trở ra sân bay Gia Lâm an toàn, một chiếc phải hạ cánh bắt buộc xuống Thọ Xuân, còn một chiếc hy sinh.

Ngày mười một tháng hai, ta lại tổ chức chuyển xuất kích thứ lần hai, gồm một máy bay. Chú cũng tham gia đợt này. Khi ném bom xong, máy bay của ta quay ra. Do máy bay ta tốc độ chậm quá, chỉ hơn ba trăm cây, còn máy bay giặc tốc độ gấp rưỡi, gấp đôi, chúng rượt đuổi tới tận Phú Lý. Nhờ máy bay MIC của ta lên trợ chiến, máy bay chú mới hạ cánh an toàn.

Tối mười hai có ba máy bay xuất kích. Hôm ấy không có máy bay nào trở về. Đợt ấy có hai mươi chiến sỹ hy sinh.

Sau đó ông chú tôi lại được phân công bay tiếp. Đến lần này, ông phản đối. Lý lẽ đưa ra là: “Không phải tôi thoái thác nhiệm vụ. Tôi tham gia lần bay thứ hai rồi. Bây giờ, cứ luân phiên cho đều. Hết lượt, sau đó tôi bay tiếp.

Chẳng còn đến cái lần bay thứ ba, máy bay và phi công ta đã vãn. Sau chiến dịch này, ông được nhận Huân chương Quân công hạng ba.

Chú tôi còn kể tên những người trong bức ảnh treo tại nhà Truyền thống quân chủng là các chiến sỹ và sỹ quan: Sen, Sửu, Trung, Quý và ông. Còn một người nữa, ông không nhớ rõ.

Ông bình phẩm rằng: Lúc bình thường, thì mấy ông chính trị suốt ngày lên lớp về lòng yêu nước, sự hy sinh, tinh thần chiến đấu, nhưng vào những ngày đoàn bay bị thiệt hại nặng nề, trước lúc xuất kích, chẳng thấy bóng vía ông nào ra động viên tinh thần anh em. Họ sợ, anh em mà choảng cho một câu, các ông có xuất kích đâu,... Có lần trước giờ xuất kích, ông là dân kỹ thuật, phải đứng ra động viên anh em. Ông thì động viên được, bởi chính ông từng tham gia rồi.

Khi tìm kiếm trên mạng, thấy dư luận phương Tây bình phẩm, họ cho rằng, không có hoạt động chi viện của không quân Bắc Việt năm Mậu Thân Sáu tám. Máy bay ta lạc hậu, tốc độ chậm, làm sao có thể hoạt động được trong vùng kiểm soát của lực lượng không quân Hoa Kỳ hùng hậu, hiện đại và hệ thống radar dày đặc. Đó là lý lẽ của họ. Còn về phía ta, dịp ấy tuyệt đối bí mật, nay bằng chứng lấy ở đâu? Ông chú tôi, một thành viên từng tham gia, giờ đã mất rồi. Giá mà hồi ấy, tôi dùng máy cát sét ghi lại lời ông, đem ra làm bằng, thì anh phương Tây cứng lưỡi.

Có dịp vào thành phố Huế, tôi hay thẩn thơ ở khu vực đồn Mang Cá, địa danh mà ông chú tôi kể, đây là một trong những mục tiêu ông từng bay tới làm nhiệm vụ. Tôi cứ hy vọng, biết đâu đấy, sẽ tìm thấy một cái biển, trên biển đề: Không quân Việt Nam từng chiến đấu tại vùng trời nơi đây, năm Mậu Thân 1968. Tôi chẳng tìm thấy đâu. Có lẽ không ai biết, hay biết, nhưng lâu quá, quên hết mất rồi?

Cũng về ông chú phi công, có chuyện liên quan tới nhà báo quân đội nổi tiếng, đại tá Bùi Đình. Năm đó, báo Hà Nội mới họp cộng tác viên. Sau cuộc gặp mặt, khi xuống tới sân toà soạn, tôi chào bậc nhà báo cha chú:

- Chào chú! Cháu là phóng viên Đài. Cháu vừa đọc nội dung cuộc phỏng vấn của chú mới thực hiện với phi công Nguyễn Văn Kính và xem tấm hình ông ấy đăng trên báo. Ông ấy là chú ruột cháu đấy. Thay mặt gia đình, cháu xin rất cảm ơn chú!

Nhà báo Bùi Đình cảm động lắm, nắm chặt tay tôi, lắc lắc:

- Thế à! Cậu là cháu ruột ông ấy?

- Vâng ạ! Nhưng thưa chú, ... ông ấy cấm khẩu, liệt giường gần một năm và mất lâu lắm rồi ạ!

CHƯƠNG II - 12

Bà nội tôi có bảy trai và một gái, trong đó có ba con trai tham gia chống Pháp và đánh Mỹ. Hai con trai chống Pháp, người tòng quân cuối năm 1949, người cuối năm 1950. Ông chú nhập ngũ sau tên là Cường, vào năm 1952, từ chợ Hưng có lá thư nhắn về nhà. Khi bà nội tôi tới nơi, đơn vị đã hành quân đi rồi. Bốn người trong làng nhập ngũ cùng lúa, sau chỉ có một trở về, ba người còn lại biệt tăm. Sau có tin đồn, họ đã hy sinh. Bà nội tôi vẫn hy vọng...

Hoà bình Năm tư không thấy con trai về. Mọi người trong nhà nghĩ, hay ông vào Nam đánh Mỹ. Có lúc sốt ruột, bà tôi sai các con lên xã, lên huyện hỏi. Chính quyền trả lời: chưa rõ. Đợi mãi, bà lại giục thư từ lên Trung ương,... Không thấy hồi âm. Hỏi mãi, hỏi nhiều quá, có lần đích thân bà tôi lên, một ông chính quyền giải thích: Bây giờ chưa rõ con bà thế nào. Phải thận trọng! Nếu không, công nhận con bà là liệt sỹ, nhỡ ra sau này, phản động, theo địch thì sao?

Uất quá, bà quát thẳng vào mặt cái ông cán bộ kia: Ông bảo con tôi theo giặc à? Ông kia hoảng quá, linh mất. Về nhà, cụ vẫn còn tức. Con trai mình tòng quân đánh giặc, cả làng, cả xã biết, thế mà người ta bảo, phản động. Giải phóng miền Nam Bảy lăm, vẫn không thấy chú tôi về. Mãi đến năm 1982, ông mới được công nhận là liệt sỹ. Lúc này thì bà nội tôi già quá mất rồi. Một lần tôi về thăm, bà cười, chỉ cái Bảng vàng và khoe với thằng cháu: Nhà mình được ông Ủy ban cho cái giấy, đẹp lắm. Để trên bàn thờ kia kìa. Mà lại mà xem. Nhớ thắp nén hương cho chú mày nhá!

Bà ơi! Đây là Bảng vàng Tổ quốc ghi công của chú cháu. Một nùm ruột của bà. Đâu phải tờ giấy đẹp. Bà tôi quá già, lẫn thần mất rồi ư, hay trông chờ quá lâu, nỗi đau không còn nữa?

Học xong lớp bảy, ông chú út tôi, tên là Bảy, tình nguyện tòng quân đánh Mỹ. Nhà có hai anh trai đã nhập ngũ, ông thuốc diện được miễn thực hiện nghĩa vụ quân sự. Ông nhập ngũ năm 1965. Những năm chiến tranh ác liệt, thỉnh thoảng nhà nhận được thư ông. Là học sinh giỏi văn, những lá thư từ tiền tuyến gửi về hậu phương, đều thấm đẫm nước mắt nhớ thương mẹ già. Sau ngày giải phóng Bảy lăm, cả nhà vui mừng đón ông về thăm quê. Dịp về ấy, ông kịp xây dựng gia đình và để lại cho cô vợ trẻ đứa con trai.

Lúc chú út về, bà nội tôi chẳng tỏ rõ mừng vui, hay dửng dưng. Chờ đợi lâu quá chẳng, hay thặng trầm cuộc đời, bà chẳng còn gì để hớn hờ nữa? Những ngày về phép, chú tôi tụ tập ở đâu ra rất đông bạn bè, toàn những đồng đội vào sống ra chết ở chiến trường miền Nam. Đồng đội kể với giọng thán phục về ông: Lăn lộn khắp chiến trường miền Tây, vùng biên giới Campuchia, ông là người gan dạ, đánh trận lì lợm.... Có gan dạ, ngoan cường, ông mới được kết nạp Đảng ngay nơi trận mạc, mới được phụ trách trinh sát trung đoàn, như dòng chữ ghi trong tờ giấy giới thiệu nghỉ phép của ông.

Một tuần, hai tuần, ba tuần, nhà bà nội tôi vẫn thấy đồng đội của ông tụ tập. Nhà có con lợn giết ăn mừng, rồi đàn gà thịt sạch, gạo trong thùng xúc đến hạt cuối cùng, vẫn tiếp tục đông khách. Đồng đội của ông vẫn tụ tập. Chỉ thấy họ về nhà vài hôm, rồi lại đến. Trong một bữa, khi mở lồng bàn ra, nhìn có đĩa rau và mấy bát khoai tây, chú út tôi thì thầm hỏi chị gái, cơm tiếp khách thế này sao? Bà chị gái thấp giọng:

- Nhà hết gạo rồi. Phải bỏ khoai tây giống từ giàn xuống đấy!

Đến nước này ư? Chú tôi tưởng chỉ nhà mấy đồng đội gặp cảnh khó khăn, phải tá túc ở đây, đến nhà mình, dân buôn bán, cũng rơi vào cảnh này? Chú tôi đành xa xôi với các đồng đội. Cuối cùng, họ hẹn nhau ngày trở lại đơn vị.

Năm 1978, ta lại có giặc phía Tây Nam. Những người lính như chú tôi đất nước đang cần, cầm súng tiếp tục đi đánh giặc. Tin về ông thỉnh thoảng vọng về quê: ông tham gia lực lượng quân quản ở Phnôm-pênh, ông trong tiểu đoàn bảo vệ tuyến đường từ thủ đô nước bạn về biên giới Tây Ninh,... Rồi chiến tranh Tây Nam tạm yên, không thấy ông về. Ông sợ cảnh đói ở quê, không về ư? Tin về ông cắt quãng, cứ vài năm, bà vợ ở quê lại nhận được một bức thư thăm thăm tình cảm nhớ thương của chồng.

Người vợ quê, có chồng mà như không. Hơn chục năm trời thân nữ thui thủi một mình nuôi con, bà không chính chuyên được nữa, tự mình sinh ra đứa con gái.

Chồng mãi không về, vừa kiếm thêm được đứa con, thì lại thấy chồng về, về bất chợt như ngày ông đi. Hoàn cảnh trớ trêu! Ông về mà không ruồng rẫy vợ con, còn lũi cũi đưa cái gia đình phức tạp ấy vào Nam, đến vùng đất biên giới huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh em đồng đội và những cơ sở chiến trường năm xưa cưu mang ông, họ dựng giúp gia đình một túp nửa lều, nửa nhà, nằm ngấp nghé bên con rạch. Ông sống và nuôi gia đình bằng nghề nuôi vịt thả đồng thuê và phá hoang vùng Đồng Tháp Mười.

Bao năm chinh chiến vùng sông nước miền Tây, sống cùng dân Nam bộ, tính cách Anh Hai thấm đậm vào ông, cứ ngang tàng sống. Không hộ khẩu, không giấy chứng minh, ông và vợ con thành người vô thừa nhận.

Năm 1993 có tin ông bị bệnh nặng. Anh trai tôi, lúc này đã chuyển vào sống ở thành phố Hồ Chí Minh, cùng cậu em họ, phi xe máy quãng đường năm trăm cây số xuống thăm chú. Người ông nhỏ thó, chỉ có cái bụng to kèn. Người ta bảo, gan bị báng. Nghèo túng, không tiền đi viện, vợ con chỉ còn cách đưa ông tới một nhà thờ trong vùng. Ở đây, nhà thờ họ có khoản bố thí chữa bệnh cho kẻ khó. Rồi ông nhập đạo, trước lúc mất, được nhà thờ làm lễ rửa tội. Ông ra đi vào ngày 11 tháng 3 năm Quý Dậu. Sau này hài cốt được đưa về táng ở xứ đạo khu Long Bình, Biên Hoà. Trên nấm mồ ông có cây thập ác.

Thôi, cũng chút nào an ủi một kiếp người ngang dọc. Bao ước mơ, chí hướng, giờ trong vòng

tay che chở của Chúa.

CHƯƠNG II - 13

Ngày bé, cứ dịp tết hay hè tôi náo nức về quê. Ngõ xóm quanh co trước nhà bà nội là nơi tôi cùng lũ trẻ ẩn tìm, trèo rào, vịn cây và bao trò chơi khác. Ngõ hẹp và sâu hút. Đường gạch vỉa nghiêng nghiêng. Hai bên chỗ tường đất, chỗ bờ rào duối rậm rịt, hay dải cúc tần hăng hắc. Có nhà lại trồng râm bụt, thấp thoáng những bông hoa chót đỏ. Về làng, từ xa tôi đã thấy cây gạo bóng cao vút, đỏ ối hoa. Làng có câu:

Đầu làng cây gạo

Cuối làng cây đa

Con gái làng ta

Như hoa thiên lý.

Từ đường cái vào làng có hai trụ gạch sừng sững, người ta gọi ấy là cổng làng. Bà tôi bảo, trước cổng làng to lắm, có mái, phía trên đắp nổi mấy chữ Nho, nay cổng làng sót lại là hai cái trụ gạch đấy. Cổng làng có cánh cửa lim to dày, đêm đêm đóng lại phòng cướp. Tôi ngây thơ hỏi: Đóng cổng lại kẻ cướp vòng qua bên cạnh vào thì sao - đấy là cánh đồng và những bờ rào lúp xúp sát ngay bên trụ gạch.

Bà cười bảo: Ngày trước, làng không trống tênh, trống toàng như bây giờ, mà có lũy tre dày trồng trên bờ đất bao quanh, đến đạn Tây bắn còn không xuyên nổi. Tôi không hình dung được lũy tre và bờ đất dày đến cỡ nào mà đạn cối Tây bắn không qua, nên cứ ngạc nhiên mãi cái cổng làng phòng cướp...

Cổng làng như vậy, nhưng cổng của ngõ xóm nhà bà nội tôi lại còn khá nguyên vẹn. Cổng tường xây dày đến ba, bốn mươi phân. Trên là vòm xây khum cong cong.

Ngay đoạn đường làng rẽ vào ngõ nhà bà nội tôi, phía trên nhìn thấy mấy chữ Nho đắp nổi, to bằng cái bát ô tô. Chỉ còn mấy cụ cao niên trong làng là đọc được. Đấy là chữ ghi lại năm xây dựng cổng. Nghe nói xây từ đời vua Tự Đức. Đôi cánh cổng lim dày, vẫn còn đóng ra khép vào được. Lớp gạch hai bên bị xe cải tiến va quệt và trâu, bò qua lại gõ sừng, làm vệt lõm, trơ ra mạch vữa và những hàng gạch mỏng quệt.

Người ta bảo ngày trước vữa xây bằng mật mía, muối và vôi cát đánh nhuyễn; còn gạch dùng rơm rạ đốt. Cứ phân vân, cổng ngõ to lớn thế, phải tốn nhiều mật mía để xây và rơm rạ đốt gạch lắm. Thảo nào, bao năm, vữa xây còn bền, gạch thì không phồng, mà mỏng đều và một màu gan gà, trơ trơ trước thời gian, cùng mưa nắng.

Làng tôi đường đất, duy nhất con đường ngõ nhà bà nội tôi là vỉa gạch nghiêng nghiêng. Quảng giữa ngõ, có cái bệ thờ. Không hiểu sao tôi lại nhớ như in cái bệ thờ đó. Nó bé nhỏ, khiêm nhường, không mái, nằm hơi lồi cao trên khúc tường đất. Bát hương trong bệ thờ bao giờ cũng

có cụm chân hương. Chân hương, cái thì màu phẩm đỏ tươi, cái lâu ngày xỉn thẫm. Bà tôi gọi là thờ hậu và bà kể:

Trước ở làng có những người mua hậu - tức là nộp tiền, hiến ruộng cho làng, cho chùa để làm một công trình nào đó. Thường là những nhà ấy không có con trai, mua hậu, sau này họ mất đi, được làng xã hương khói, cúng giỗ. Trước tiên họ phải bỏ một số tiền nộp lệ cho làng, cho chùa, cho bản tộc làm công trình, sau đó hiến một số ruộng để làng xã lấy hoa lợi cúng giỗ. Hậu có hậu làng, hậu xóm, hậu chùa,... Ngõ nhà bà nội tôi trước có gia đình không con cái, ông bà mua hậu ở chùa, ở đình và còn mua hậu ngõ bằng con đường gạch.

Chuyện mua hậu con đường gạch của gia đình ấy mất nhiều công sức và cũng cầu kỳ lắm, phải bao lần lên xuống, làng và dân xóm mới đồng ý. Chỉ riêng khâu cuối cùng là việc xây dựng đã rất nhiều khê. Gạch đặt trước, rồi chọn lựa từng viên. Xem xét, chọn lựa mãi qua mấy ông thầy, mới được ngày, giờ tốt khởi công. Công trình xây dựng rất kỹ. Trước hết người ta san phẳng phiu nền ngõ, rồi rải một lớp ba ta vữa, sau lát một lớp gạch nằm, tiếp đó lại một lớp ba ta vữa và trên cùng vữa gạch nghiêng.

Công trình cẩn thận như vậy, trước đây lại chỉ độc người đi bộ, cùng trâu bò gia súc, chứ không công nông, xe máy như bây giờ, nên trải qua mấy mươi năm, nó vẫn tốt nguyên. Thế nên sau khi ông bà già mua hậu mất, đã thành lệ, hàng năm vào lúc trước giao thừa cúng thổ công, cúng gia tiên, dân ngõ ra bệ thờ dâng đĩa hoa, thắp nén hương, khẩn người mua hậu ngõ con đường. Tuổi thơ, mỗi dịp về quê, đi qua bệ thờ, tôi thấy sờ sợ, nhưng vẫn lăm lét nhìn vào, rồi rảo cẳng bước nhanh. Tôi cứ tưởng tượng ấy là nơi ma quỷ trú ngụ. Sau này lớn về quê, nhớ chuyện xưa, qua bệ thờ, tôi lại bâng khuâng nghĩ về tuổi thơ, dừng lại thành kính thắp nén nhang, cúi đầu lăm rằm khẩn tiên nhân. Nhìn làn hương mong manh, mà nghĩ về thời gian trôi, nghĩ về một tập tục, nét văn hoá chốn quê.

Giờ quê tôi đường làng mở rộng, đổ bê tông. Con đường ngõ nhà bà nội tôi cũng bê tông phẳng phiu. Nền đường tôn cao, làm cổng ngõ thấp xuống, vướng chần tằm cao người qua lại, nên nó bị dỡ bỏ. Còn gạch vữa đường, trước nhà nào, nhà ấy khuôn vữa, mỗi nhà được dăm chục, một trăm viên. Khuôn vữa, nhưng ít ai biết gạch ấy nguồn gốc do đâu. Bà nội tôi sai xếp thành đống ngay ngắn trong sân và bà lại kể câu chuyện mua hậu con đường xưa... Bà nội tôi nay cũng theo ông, bà già mua hậu kia về nơi chín suối.

Trước hai bên ngõ là bờ duối, hay rặng cúc tần, râm bụt, người ta còn để đất rộng, nay tường gạch, nên nhà nào nhà ấy đều xây sát đất. Tường cao vượt cả tầm nhìn. Nhà nào cũng một cổng xây, cánh cửa sắt ra vào tiếng đấy ken két.

Đâu rồi giậu râm bụt điểm hoa phớt đỏ, bờ duối lăm tằm quả vàng. Bâng khuâng tôi dỗi tìm bệ thờ mua hậu xưa mà không rõ là đâu.

CHƯƠNG II - 14

Bà nội tôi đông anh em, có tới ông em thứ mười một. Bà em gái gần áp út xinh xẻo, lại có tiền. Bà này tính khí càn cao. Lúc tuổi xuân, bà vất vả, mãi chả ưng ai. Tý nữa thành gái già. May mà bà lấy được chồng, chỉ tội lấy được vài năm, ông chồng vội vã ra đi. Bà đành đi bước nữa, làm lẽ nhà người. Là tính khí rồi, dù cảnh lẽ mọn, bà vẫn rất bắc bặc.

Ông chồng mà bà làm lẽ thuộc hàng danh giá, cụ Chánh. Ngày cưới của bà, tuy không đến mức năm, bảy cái lọng đón dâu, như bà thách trước đây, nhưng đám cưới vẫn điệu vợ, và rất xôm trò. Lấy chánh tổng, bà nghiễm nhiên thành bà chánh, nên tên bà thành bà Chánh.

Chuyện thành bà goá của bà cũng thật ly kỳ. Làm lẽ, mà bà không chịu phận lẽ, vẫn cứ tai ngược, đành hanh, định át cả người. Vợ phải bà cả không phải tay vừa. Vậy là nhà cửa không lúc nào yên. Lúc tiếng bắc của bà cả, lúc tiếng chì của bà hai, ông Chánh không làm sao chịu được. Giải pháp ông áp dụng là sau một trận đấu khẩu chí chết của hai bà vợ kia, ông đem luôn của quý của mình ra... xẻo. Người nhà vội khiêng ông ra nhà thương tỉnh lý Hưng Yên. Đem tới nhà thương, cái chần bông lót cho ông nằm trong võng, máu ướm đầm dề. Rất may, vết cắt nhẹ tay, các đốc tờ còn cứu kịp.

Tưởng đã xong, các bà từ rày chừa, đổ ai dám ghen nhau nữa. Thế mà hai bà vẫn chưa chừa, lại vẫn tiếng bắc tiếng chì tiếp tục. Đến nước này, dù trong thời kỳ dưỡng thương, không còn chịu nổi, ông Chánh nghiêng răng, cắt tiệt cái của quý của mình đi. Lần này, chẳng ông đốc tờ nào cứu được ông nữa. Từ ấy, hai bà Chánh thành hai bà Chánh goá.

Đã bảo tính bà vốn bắc bặc, không chỉ với bà cả, với ông chánh, mà đến đứa con gái duy nhất do bà sinh ra, bà cũng không khoan nhượng. Năm ấy, vào quăng đầu năm sáu mươi, bà đã chuyển ra sống ở thị xã Hải Dương. Lúc này bà tuổi ngoài năm mươi.

Do mẹ con xích mích gì đó, bà làm đơn ra toà từ con. Đây là phiên xử đặc biệt của toà án thị xã Hải Dương, mẹ từ con. Dù không muốn, toà vẫn phải xử. Trong phiên toà, con gái khóc hết nước mắt, bà vẫn không tha. Sau khi từ con bà rời đến một phố thị giáp đất Hải Phòng, sống một mình. Nhiều năm sau, người con gái này mấy đặn đến tận nhà xin mẹ. Đúng thủ tục, bà mời mấy người họ hàng đến chứng kiến và ra vườn, bẻ tàu lá chuối, đem vào lót tay, dắt cô con gái ra khỏi nhà.

Mỗi người một tính, một phận. Khi nhắm mắt, bà có của, chỉ tội chết trong cô quạnh. Chắc số bà là số trời hành.

Bà nội tôi có số hầu Thánh, không còn đèn, miếu nào quanh vùng là chưa tới. Tại nhà, bà lập hẳn một ngôi điện thờ và bao một ban châu vãn. Ngoài hầu đồng ở đền nọ miếu kia, hàng tháng bà còn tổ chức một buổi hầu Thánh tại gia. Nhà đông con, nhiều cháu, với điện thờ ấy,

chỉ những đứa con trai, cháu trai nào chưa vợ, bà mới cho phép vào thắp hương điện Thánh.

Cái tính thích hầu bóng của bà, không ai ngăn cản được, kể cả ông nội tôi. Mà nhà lắm tiền, nhiều của thế, không hầu bóng, thì còn trò giải trí gì? Ông nội tôi nửa đùa, nửa thật: Thôi, nhờ hầu đồng, mỗi tháng, cả nhà có bữa cỗ. Bà tôi thích nhảy đồng, chắc như mấy bà hiện nay đi nhảy đầm cho khoẻ và giữ eo ấy.

Ban cung vẫn có mấy ông gẩy đàn và một người hát. Nhờ cái điện thờ của bà tôi và cùng bà đi hầu hết đền nọ miếu kia, họ cũng kiếm được. Có chuyện vui rằng, vào một đêm hầu, trước đó buổi chiều, nhà tung bừng cỗ cúng rượu thịt. Mấy ông chú tôi lúc đó còn trẻ con, âm mưu trước, bày ra một trò. Đám trẻ bí mật hái lá thị, thái ra phơi, rồi trộn vào thuốc Lào. Sau bữa rượu thịt thoả thuê, mấy ông châu văn quây quần quanh chiếu nước, rít thuốc Lào. Có ông bảo, thuốc sao nhàn nhạt, ngai ngái. Chê thì chê, mỗi ông cũng làm dăm điếu.

Giờ hầu Thánh tới. Giá hầu Cô Bé Thượng Ngàn:

Cô bé về đồng

Cô chít khăn xanh

Cô bận áo lục

Bà nội tôi khăn châu áo ngự, múa lượn trước ban thờ. Mấy ông ban cung vẫn đàn hát hăng hái. Tiếng đàn thánh thót, tiếng hát bổng trầm. Trong lúc bà đồng thánh nhập, nhảy tênh tếch, thì mấy con nhang để tử, các bạn đồng ngồi gần các ông cung văn cứ giãn, giãn ra. Ánh mắt họ nhìn cánh cung văn khang khác.

Dù hương khói thơm ngát, vẫn không át được mùi thoang thoang... thối. Ai để ý còn tỉnh thoang nghe thấy sấm dậy trời Nam... Chỉ đến khi có tiếng bùm rồ to, đám trẻ không nhịn được, phá lên cười, chạy tán loạn ra sân, làm cánh cung văn ngừng đàn đánh khự. Bà nội tôi đang lúc thánh nhập, cũng phải chùng mặt, nhìn quanh. Cảnh ấy làm hai người hầu dâng luống cuống. Bận ấy bà nội tôi tra tìm, rồi biết được nguyên nhân. Từ đấy, bà cấm tiệt đám trẻ con không được mon men vào những đêm hầu thánh nữa. Cái điện thờ và tính thích hầu bóng của bà nội tôi còn kéo dài mãi tới năm bốn chín, thì điện thờ bị giặc Tây đốt trụ. Từ đấy, tuyệt không thấy bà nhắc tới việc hầu bóng nữa. Ngay dịp giỗ chạp, cũng không bao giờ thấy bà thắp hương, khẩn vái. Nhưng lệ chọn người khẩn lễ, bà vẫn giữ, chỉ những đứa con trai chưa vợ, bà mới cho phép vào khẩn khứa các cụ.

Mê hầu đồng, nhưng bà nội tôi tính không đồng bóng, mà cương cường, hầu như chả biết sợ hãi ai. Năm Cải cách ruộng đất, trong khi xóm làng náo loạn, nhà nhà thin thít co mình lại mà sống. Nhà bà nội tôi thuộc loại có máu mặt, có của ăn của để. Riêng về khoản ruộng vườn, thì nhà chỉ có mấy sào. Năm 1939, trận lũ bão đã cướp hết gỗ nứa, tre pheo, hàng hoá buôn bè của gia đình. Tiếp đó ông nội tôi vướng phải một vài vụ kinh doanh thua lỗ, ông đâm chán, sa vào

cờ bạc. Bao nhiêu ruộng vườn, các trận đồ đen, ông nướng sạch. Đến khi Cải cách, lại hoá may. Dịp Cải cách, làng xóm cứ tối tối dân làng tập trung đi họp. Đêm đêm xóm làng vắng tanh. Ai có việc gì thật cần thiết mới ra đường. Có chăng, đường làng chỉ còn mấy ông đội Cải cách, hay đám râu, rể, láng vảng đi thăm dò, nhòm ngó nhà những đối tượng đang chuẩn bị đấu tố. Có một ông đội, một tối láng vảng quanh bờ rào nhà bà tôi. Biết rõ là vậy, bà vẫn điềm nhiên đứng trong sân, cầm hòn đất ném ra. Tay ném, miệng bà còn chửi ra chửi, chửi má nhà ai, đêm hôm còn đến nhòm ngó nhà bà. May là ở xã ấy, phụ trách đội là một người có học, không thì gia đình bà nội tôi bị vạ lớn. Anh đội này, sau mấy tháng ở xã bà nội tôi, không quy đủ được tỷ lệ địa chủ như chỉ tiêu trên giao, bị điều đi nơi khác.

Bà là người cứng vía. Một lần mẹ tôi và bà đi chợ bán hàng. Ngày ấy người chạy chợ thường đi rất sớm, quăng gà gáy canh hai, canh ba, họ đã quẩy gánh hàng lên đường. Hôm ấy bà và mẹ tôi đi được một chặng khá xa, đến mười cây số. Trời vẫn tối. Hàng nặng, hai mẹ con thấm mệt, dừng lại nghỉ.

Chỗ ngồi nghỉ giáp ngay cây cầu. Lúc đi thì chỉ chú ý đến mặt đường, tránh giẫm vào đá, hay bước vào ổ gà, bà và mẹ tôi không mấy khi chú ý hai bên đường. Mẹ tôi đặt đòn gánh xuống đường làm đoạn kê để ngồi. Vừa cầm nón quạt quạt, mẹ tôi vừa ngó nhìn sang bên đường. Dưới ánh trăng lờ mờ, mẹ tôi thấy một hàng cọc và hình như... Không tin nổi mắt mình, những cái đầu lâu cắm trên đầu cọc. Mẹ tôi hốt hoảng hét lên, nháo nhào chạy.

Có lẽ chỉ đến khi nghe con dâu la hét, bà nội tôi mới kịp ngó sang nhìn dãy đầu lâu cắm la liệt hai bên đường. Bà thản nhiên đứng lên, gánh gánh hàng đi một quãng tiếp và còn quay lại, gánh tiếp gánh hàng do cô con dâu bỏ lại. Mẹ tôi sợ phát ốm, nghỉ mấy phiên chợ. Bà nội tôi đồn rằng, đấy là đầu việt gian, mấy ông Việt Minh giết, cũng có thể là đầu Việt Minh, lính Tây chặt. Với bà, nhân gian là sự hoà trộn giữa thế giới thần linh, ma quỷ và con người. Bà là người vui chuyện. Mỗi dịp về quê, bà kể với tôi, thằng cháu nội, đủ điều. Trong những câu chuyện của bà, không rõ đâu là thế giới thực, đâu là thế giới hư vô. Một câu chuyện ma bà kể, tôi còn nhớ: Ở bến đò giáp khu trại của bà nội tôi có mấy con ma: con ma cây gạo, sát bờ sông; con ma cây thị, giữa vườn; con ma cây chay... Con ma cây thị tóc nó.... dài. Những đêm trở giờ, con ma này hay luẩn quẩn trước sân nhà bà. Nó thích nghe đàn bầu và lấy Kiều. Một hôm, vào tối sáng trăng, ông nội tôi đem đàn bầu ra sân gảy, ông ngâm nga câu Kiều. Bà nội tôi ngồi sắp gánh hàng cho buổi chợ sớm hôm sau. Bà kể:

- Mới đầu tao thấy nó ngồi ở cuối sân. Sau nghe say quá, nó sấn sát ông nội mày. Nó còn xoa tóc ra.
- Thế ông nội biết không?
- Biết chứ. Tao tức mình đứng lên, hậm hực mấy cái. Thế mà nó không sợ. Đến đận tao phải ra

tận nơi, nó mới bỏ đi.

- Sao bà đuổi nó. Có phải nó sát đến gần ông quá, bà ghen?

Bà cười hềnh hếch:

- Tao mà thèm ghen với ma!

Cụ bảo không ghen, nhưng tôi biết chắc, bà nội tôi có tính ghen.

Ông nội tôi có người em trai, mỗi khi em trai tới chơi nhà, chiều chiều anh em khăn xếp ô Tàu, dắt nhau lên phố phủ tom chát, như ta bây giờ ta rủ nhau đi hát karaoke vậy. Tôi hỏi bà cô:

- Thế các bà không nói gì à?

Cô tôi cười:

- Các bà dám!

Bà thoáng như vậy, nhưng chồng muốn lẽ mọn thì cương quyết không nghe.

Ông nội tôi số đào hoa. Ngoài các con chính thức, ông còn mấy người con riêng nữa. Người phụ nữ mà cụ dan díu, nhà ở bến đò bên kia sông, trông sang nhà cụ bên này sông. Có lẽ để cho canh ngọt, cơm sôi, ông nội tôi không dám ra mặt nhận. Người lớn không chính thức, con cái ai còn dám. Sau này lớn, họ vẫn gặp gỡ, thậm chí có ông chú ruột tôi còn công tác với một trong những người kia, thế mà không bên nào dám nhận bên nào.

Năm bà nội tôi ngoài tám mươi, gia đình tổ chức xây cất, quần tụ phần mồ mả cho các cụ, trong đó có mộ phần của ông nội tôi. Nghĩ rằng đây là dịp cuối cùng con cái thực hiện bốn phận thiêng liêng trước tiền nhân, các chú tôi xin phép mẹ, tức bà nội tôi, thông báo cho mấy “người kia” biết. Vừa nghe, bà cụ ngoài tám mươi đã quắc mắt:

- Không phải mời thằng nào, con nào.

Ô kìa, bà cụ già lụ khụ, vẫn còn ghen!

Khi bà đã yếu, tính tình đổi khác, cứ lằm lì ngồi một chỗ. Có lần bà lằm bằm, cô con dâu cả làm dâu cỡ đến năm chục năm rồi. Bác về làm dâu khoảng năm 1940, vài ba năm sau thì chồng mất, bác ở vậy nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng.

Ông chú hiệu trưởng định đưa bà lên Hà Nội, nhưng chưa có cách nào thuyết phục được. Nói, bà im lặng, ra chiều không đồng ý. Hay bà lẩn thẩn mất rồi, chú tôi nghĩ vậy. Một lần chú tụ tập anh em, con cháu. Sau một hồi phân tích và thuyết phục, ông cao giọng:

- Bà mà không đi, tôi báo dân quân, du kích nó đến bắt bà!

Anh con trai chưa nói hết câu, bà cụ đã đống lại luôn:

- Nhà tao, tao ở. Thằng nào, con nào dám bắt tao!

Ồ, hoá ra bà già chưa lằm cẩm. Con cháu ò lên cười.

Khi bà đi gặp ông, tiễn đưa bà có anh em, con cháu và rất đông dân làng.

CHƯƠNG II - 15

Tôi sinh năm Mậu Tuất, tuổi chó, năm 1958. Tuổi Tuất bảo là trung thành, đằng này lại là chó càn, phản chủ, cắn lẳng nhặng. Tính theo tuổi âm, năm nay tôi năm mươi tuổi. Ngũ thập nhi chi thiên mệnh, tức là tuổi biết quy luật của trời đất.

Cô thư ký Linh Phi ở Ban tôi nhận xét hình dong khá đúng về tôi: Người leo khoẻo, đi thì dúit trước, mặt gầy tóp không má, số ông này vất vả. Vất vả thì tôi chưa thấy, chỉ biết lắm việc, trưa làm đến mười rưỡi, chưa được đi uống rượu. Chiều, uống đến ba giờ về, đã thấy một đồng việc chờ...

Tôi xấu máu, tóc bạc sớm, hồi sinh viên đã bạc rồi. Sau nhờ có thuốc nhuộm nó thành ra trẻ. Nhuộm mãi, giờ đâm ngại, không nhuộm nữa, thành ra già. Người ta bảo, tóc mình bạc, chả lẽ cứ mang xấu máu ra giải thích, đành phải nói, tôi suốt ngày âm mưu lật đổ người, nên tóc nó bạc.

Giống viết lách, chê thì chả ai thích, rất thích người khen. Nghe khen, mũi cứ nở ra là sung sướng. Chả ai bảo văn tôi viết như văn. Người bảo văn có mùi thum thum. Đúng quá, tôi dân gốc học thú y mà. Người bảo, văn ông ảnh hưởng báo, phóng sự. Lại đúng nữa, làm nghề báo, tôi ước mơ và cố học cách phóng sự của cụ Vũ Trọng Phụng.

Vợ tôi tuổi Mậu Thân, năm 1968. Năm khỉ, nên số khổ, vợ phải ông chồng gàn gàn, lại thích rượu bia.

Tôi có hai cô con gái rượu, con lớn tên Ủn, tuổi Hợi, sinh năm 1995, con bé tên Ỉn, tuổi Dần, sinh năm 1998. Hai đứa hỏi tôi, sao bố gọi là gái rượu, tôi bảo: thì mỗi khi nhớ đến chúng mày, bố đều mang rượu ra uống.

Tháng sáu năm 2007, Hiền Song, đi xác định lý lịch Đảng cho tôi. Tôi đưa Hiền Song về hai nơi, Thái Bình và Hải Dương. Tôi bảo, Hiền Song rủ nhà thơ Trương Hữu Lợi đi cùng. Hiền Song là con gái anh Lợi. Anh Lợi lúc nào trông cũng lừ đừ như tư duy thơ. Học ở Ba Lan, về làm phóng viên nông nghiệp, một thời anh là tay viết điều tra cụ phách nông nghiệp thời tiền Đổi mới, thế rồi lại chuyển sang thơ. Con người ta, khả năng nhiều khi cũng kỳ lạ thế!

Trên xe, hỏi ra mới biết, tôi và anh Lợi là đồng hương Hà Nam danh giá nhất ông Cò. Nhân anh Lợi hỏi quê, tôi kể chuyện hai con gái mình, mỗi đứa một quê.

Con lớn quê Thái Bình, còn con nhỏ quê Hà Nội. Lý do hai đứa hai quê là như sau. Đứa lớn bà thím tôi đi làm giấy khai sinh và hộ khẩu giúp. Nghĩ chồng bà và ông nội cháu ở Thái Bình, thì khai quê Thái Bình. Về nhà, cầm giấy khai sinh và hộ khẩu, tôi nghĩ cứ buồn cười. Nhưng đã khai rồi, chẳng muốn đổi thay nữa. Nếu theo ông nội, thì quê gốc của cháu phải khai là Hà Nam cơ, Thái Bình chỉ là đất ông nội cháu ngụ cư. Đến đứa thứ hai, lần này mẹ cháu đi làm giấy tờ,

vợ tôi bảo: Quê quán quan trọng lắm! Khai con theo quê mẹ, Đông Anh. Sau này có việc gì liên quan đến giấy tờ, về gần làm cho tiện.

Lúc khai lý lịch vào Đảng, trong giấy tờ yêu cầu, cha sinh ở đâu, thì con cái ghi quê ở đấy. Cha tôi sinh ở Tiên Hưng, tôi khai, tôi quê Thái Bình. Đến phần cha tôi, thì ông nội sinh ở Hà Nam, tôi ghi, quê cha tôi ở Hà Nam.

May, lý lịch chỉ yêu cầu khai đến phần quê quán cha, mẹ, chứ có phần quê quán ông, bà, thì phức tạp đấy. Cụ nội tôi hình như sinh ở Hải Dương gì đó. Chỉ biết rằng, bản quán tôi ở Hà Nam. Trước năm bốn lăm, hằng năm, vào hội làng, giỗ Tổ, người làng sinh sống ở mọi nơi, đều lục tục kéo nhau về quê. Tôi tận đến năm bốn mươi tuổi, mới về bản quán của mình. Khi xem xét kết nạp Đảng, phần thông qua lý lịch, anh em bảo, sao tôi phức tạp, lắm quê quán quá! Có lẽ cha, mẹ không làm nên cơm cháo gì, nên chúng tôi đặt hết hi vọng vào con cái, nhất là vợ tôi. Ngày mới sinh đứa đầu, vợ tôi chuẩn bị riêng một cuốn sổ, kẻ vẽ cẩn thận, lên cả đồng kế hoạch đào tạo con, nào là học nhạc để sau này thành nhạc sỹ lớn, nào là hội hoạ, để con có những bức tranh để đời, nào là ..., Tức là cầm kỳ thi hoạ. Nghe vợ trình bày, nhiều hôm sốt ruột, tôi gàn: Thôi, cứ để nó lớn đã. Bàn lăm, khéo con nó đẹn. Mới có vậy cô ta quắc mắt:

- Tương lai của con, ông lại bảo đẹn!

Rút kinh nghiệm rồi, tôi im thin thít. Tránh voi chẳng xấu mặt nào, đằng này lại là tránh vợ. Về chuyện tương lai của con, phụ nữ ấy à, họ có ý định rồi, thì giới gàn. Huống hồ là chồng gàn. Con tép! Năm con gái tôi bốn tuổi, vợ tôi hăm hở triển khai ý đồ đào tạo con thành nhân tài đất Việt.

Đầu tiên, vợ tôi cho cháu lên cung Thiếu nhi Hà Nội học vẽ. Thôi thì cũng tiện, tôi nghĩ bụng, địa điểm ấy gần cơ quan vợ, cô ta dễ quản, mà con thêm chút ít kiến thức hội hoạ.

Ngay tuần đầu cháu đi học, vợ tôi mua về một lô, một đồng đồ vẽ, như bút vẽ, giá vẽ, bột màu, toan,... Con bé thấy một đồng đồ nghề, phấn khởi ra mặt, cứ tưởng mẹ mua đồ chơi cho. Trong lúc mẹ đi chợ, nó mang ra bày khắp nhà, chơi đồ hàng.

Đi chợ về, thấy con bày la liệt dụng cụ đào tạo nhân tài ra chơi, vợ tôi nghiêng răng ken két, quát: Mà y tưởng tao mua về cho mày chơi à? Đây là dụng cụ học tập! Con bé bất ngờ bị mẹ quát, tiu nghỉu, sán lại gần bố, phụng phịu: Đếch thềm dụng cụ nhân tài của mẹ. Tôi phải dỗ mãi.

Sau đợt mua dụng cụ vẽ, vợ tôi còn lôi về một loạt tranh chép, nào tranh Phố Phái, nào Thiếu nữ bên hoa huệ của Tô Ngọc Vân, bức Lên đồng của Nguyễn Phan Chánh,... Nhìn một bức hoạ khoả thân, con bé reo lên, eo ơi, cái cô này cởi truồng. Mẹ cháu vội vàng chỉnh sửa ngay: Không được gọi là tranh cởi truồng. Phải gọi là khoả thân. Rồi cô ta dành cả tiếng giảng giải cho con bé tuổi lên bốn về trời đất tạo hoá ra con người, một kỳ quan của thiên nhiên. Vợ tôi vốn dân

học sinh giỏi văn Hà Nội, nên lý luận lăm lăm lăm. Đây là vợ tôi đang bồi đắp kiến thức hội hoa cho con. Nghe mẹ giảng giải, con bé thở thở hỏi lại:

- Hôm nọ con nhìn thấy bố tắm! Bố khoả thân. Có gọi là vẻ đẹp thiên nhiên không hả mẹ?

Mẹ nó tức quá, cốc cho một cái:

- Chỉ được cái hư. Cái tốt, cái đẹp không xem, xem đồ nhảm nhí!

Mấy tháng đánh vật ở cung thiếu nhi, tranh cháu vẽ, người không ra người, ngợm chả ra ngợm.

Bác Minh Khiêm, quan hệ thông gia, xuống chơi, trả cho cháu năm mươi ngàn, mua hộ một mớ năm bức tranh, mà cô giáo vẫn nhận xét, cháu không có khiếu vẽ. Thất vọng, vợ tôi chuyển con gái sang lớp múa. Vợ giải thích:

- Thôi, không có khiếu vẽ thì thôi. Nhưng em thấy, con bé có khiếu múa đấy. Múa cũng chẳng kém gì vẽ bao nhiêu. Mà tranh vẽ bây giờ, ế sung sía. Tranh bày đầy ra ở Bờ Hồ, có ai mua đâu. Còn múa, bao người thành danh!

Nói xong, vợ tôi kể ra một đống những tên Tây, tên Tàu, toàn những cái tên ùng ùng, xịt xịt, các nghệ sỹ múa nổi tiếng. Cô ta còn đọc vanh vách thu nhập bằng đô la hàng tháng của từng người, toàn vạn, triệu đô la cả. Nghe đô la, cũng thấy thích thú, tôi gật gù tán đồng. Học được hai tháng, bước sang tháng thứ ba, sau hai ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật, con gái nhất quyết không học múa nữa. Bảo thế nào cháu cũng không đi.

Sau tôi phát hiện ra, có bà mẹ đưa con đi tập, chỉ chỗ bình luận về con gái tôi, bảo nó có cái chân hơi cong, sau này biểu diễn làm sao được. Nghe vậy, tôi vén quần mình lên quá gối, bảo với con: Đây, cái chân cong cong của bố, trông có đẹp không. Còn cái đầu gối củ hành này nữa. Ai bảo nó xấu, con cứ về mách bố. Hồi sinh viên, bố chẳng mãi lên sân khấu nhà trường múa hội diễn. Nói đến thế rồi, mà con bé nhất quyết không học múa nữa.

Học múa không xong, vợ tôi xoay sang cho cháu học đàn, mà phải học đàn oóc gan cơ. Quả này mới căng, đàn oóc gan đâu phải cái nhị, cái sáo, dăm bảy chục, hay một trăm là cùng. Tôi giải thích với vợ:

- Em ơi, rẻ nhất, đàn oóc cũng vài triệu. Hay là ta cho con học thổi sáo. Thổi sáo cũng thành người nổi tiếng, mà nó lại rẻ.

Vợ tôi cương quyết không nghe:

- Thế anh quý tương lai của con, hay quý tiền?

Nói đúng quá đi còn gì. Tôi phải nhắm mắt, nhắm mũi đi sắm đàn oóc gan cho con, hết ba triệu rưỡi. Tiền thì không tiếc, chỉ tức là nhà không còn lúc nào yên. Suốt ngày, Này bà Lý toét ơi!

Con tôi nó lấy con bà. Rồi bài, Tình bằng có cái trống cơm... Vui sướng gì, bố nó ngày ngày đốc tiết lên kiếm cơm, kiếm tiền đây này. Tôi là người lao động chất xám, cần không gian yên tĩnh, nhạc nhẽ ồn ã, thì tư duy trều tượng nổi gì!

Từ khi cháu học đàn, sắp trên cơ quan bảo, dạo này bài vở của tôi nhàn nhạt, sáo sáo ấy. Cũng may, con gái hăm hở học được năm, bảy bài, thì chán, không thấy sờ mó đến đàn sáo nữa. Biết con gái cũng không có thiên bẩm về âm nhạc, vợ tôi chép miệng:

- Tao đã lo cho mày nhiều, mà chả nên cơm cháo gì. Thôi, sau này đi bán rau, đừng có trách bố mẹ mày nhé!

Bán rau thì chưa biết, kể từ khi để con gái tự do lựa chọn năng khiếu, cháu nhẩn nha học ngoại ngữ. Cháu học cũng được. Giờ thỉnh thoảng trong bữa ăn tối, cô con gái học lớp sáu trường Khương Thượng, Đống Đa, lồm bồm dịch được phim hoạt hình trên ti vi và cháu cũng học được.

Hồi đang học lớp năm, một hôm trong buổi cơm chiều, cháu khoe, mấy đứa lớp con dốt quá. Bảo mãi mà không hiểu. Tôi tò mò:

- Sao con biết các bạn dốt?
- Thì chính con giảng bài cho các bạn!
- Con giảng?
- Vâng! Mấy tuần nay, cô giáo bận em bé, thỉnh thoảng buổi chiều phải về, cô giao hết cho con đứng lớp, dạy các bạn! Có hôm chẳng bận việc gì, cô lúi húi ngồi viết trên bàn, mình con đứng giảng.
- Thế con giảng giải cái gì, môn nào?
- Con giảng môn tiếng Việt, môn tự nhiên xã hội,...
- Có môn đạo đức không?

Chết thật! Sao lại có chuyện đó? Một con bé mới mười tuổi đầu, cô lại giao giáo án, bắt đi làm thầy, dạy các bạn những điều mà có khi nó cũng chưa hiểu. Giáo dục, dạy dỗ kiểu này thì chết. Dạy giả, dạy dối từ trong trường. Mầm non, tương lai đất nước... ời! Tôi lắc đầu nói đùa với con:

- Con chuẩn bị cái thước thật to. Đứa nào không nghe, giáng cho nó một thước!
- Bố chỉ được cái xui dại con.

Người ta bảo, con người có số cả. Hồi chuẩn bị sinh cháu, hai vợ chồng căng óc nghĩ cái tên đặt cho con. Khi sinh cháu, định đặt là Anh, thì cô y tá lại ghi nhầm ra Oanh - Nguyễn Thị Tú Oanh. Lúc đó thủ tục đổi tên nhiều khê, tôi nghĩ, vả lại, nó là cái số, chẳng đổi nữa. Oanh là một loài chim, sau này chắc cháu sẽ bay nhảy. Nhà tôi hiện có hai tên Anh là Anh vợ và Anh cô con gái út.

Hè vừa rồi tôi nghĩ ra mẹo nhỏ, liền bảo con: Ba tháng hè này, rồi, không phải học thêm, con có muốn kiếm tiền không? Con bé cảnh giác, nhìn bố. Tôi thản nhiên: Kiếm hẳn một triệu cơ.

Nghe đến một triệu, lòng tham của con bé nổi lên, át cả thói đa nghi, nó xăng xái hỏi: Bằng cách

nào hả bố? Tôi bảo: Con viết truyện. Viết xong bố gửi cho nhà xuất bản. Đảm bảo kiếm ngon ơ
khoản nhuận bút cả triệu.

Cái mẹo vật đâm ra có tác dụng. Con gái tôi cắm đầu vào viết, chẳng thiết tắm biển, du lịch.
Thấy con chăm chú, sau hè viết được hơn trăm trang bản thảo, vợ bảo tôi: Thôi thì không
thành công cũng thành nhân.

Con gái thế mà được. Thành nhân là tốt quá. Thành danh mà danh hão, nước non gì, hoặc mãi
thành danh trượt...

CHƯƠNG II - 16

Con gái nhỏ của tôi nay đã chín tuổi. Rút kinh nghiệm đũa trước, mẹ nó chẳng định hướng đào tạo, hay nhồi nhét kiến thức cho con thành thiên tài, mà tùy theo sức và ý cháu lựa chọn. Chín tuổi mà xem ra cháu chưa rõ năng khiếu, sở trường gì.

Con bé tính hơi rụt rè, không mạnh mẽ, bộc lộ chí hướng như con chị. Nói chuyện với ai, kể cả bố mẹ, cháu chỉ thủ thỉ. Hay cái tên Thục Anh vận vào cái số của cháu? Một dạo, khi còn năm, sáu tuổi, cứ sáng ra là cháu bi bô khoe với bố về giấc mơ đêm qua của mình: Bố ơi, hôm qua con mơ.... và cháu hăng hái kể những giấc mơ đêm qua của cháu. Một sáng tôi đùa:

- Hôm qua bố cũng mơ nhé!

Vừa nghe bố nói chuyện mơ, cháu hăm hở hỏi xem, bố mơ gì. Tôi tùm tùm cười: Hôm qua bố mơ đi ăn phở. Con gái có biết, bố ăn mấy bát không? Con gái lắc đầu. Tôi giơ bàn tay ra năm ngón, bố ăn năm bát. Con gái rụt cổ: Khiếp, sao bố ăn nhiều thế. Tôi tỉnh queo, cao giọng phân tích:

- Khi đã mơ, thì mơ ăn không phải mất tiền. Bố nhắc nhé, lần sau, hễ mơ, con cố mà mơ ăn, mơ uống. Ăn uống, mua bán thật nhiều vào. Riêng ăn uống trong mơ, bố không cấm. À, lần sau có mơ, thì nhớ mua cho bố cái ô tô. Hôm qua mơ ăn phở, bố cố ăn thật no. Sáng nay đỡ phải ăn. Mẹ mày sướng nhé. Bố tiết kiệm cho mẹ mày mấy chục nghìn. Không tin, con cứ hỏi mẹ mày xem.

Con gái tôi ngây thơ hỏi mẹ:

- Có đúng không mẹ?

Cháu chỉ ngạc nhiên, bố mơ ăn lắm thế mà vẫn gầy. Ăn mơ thì làm sao mà béo được. Thử ăn thật xem, béo ú. Đấy, bây giờ nhiều người ăn quá, bụng béo chảy xệ ra, phải uống thuốc giảm cân, để giả gầy. Họ, có thuốc tiên mới làm giả gầy được.

Trẻ con y như cái máy ghi âm. Chúng chơi đấy, mà nghe hết lời người lớn nói chuyện đấy. Một lần khi cháu đang chơi, tôi thử cháu, giả vờ như đang nói chuyện với vợ, tung tưng: Nhà mình là nhà có văn hoá. Khi nào có khách, tất cả phải cầm sách lên nhé. Đang chơi, cháu quay lại hỏi ngay:

- Cầm sách để làm gì hả bố?

- Cầm sách để giả làm trí thức!

Con bé bốn tuổi, nghe giọng bố nghiêm trang, không hỏi han gì nữa. Một lần Hương Chíp, bạn đại học của vợ tôi, hồi đó cô này còn sống ở thị xã Bắc Ninh, đến chơi, thấy con bé cầm sách chăm chú giương lên, ngạc nhiên, nghĩ cháu bé tí đã biết chữ:

- Bé biết đọc rồi cơ à? Sách kể gì thế?

- Toàn giả tri thức...

Cô bạn há mồm, ngạc nhiên. Cháu bé tí đã biết tri thức giả, trí thức giả. Cô bạn phục cách dạy dỗ con cái của nhà tôi.

Tôi và vợ đưa cháu đến chơi nhà Phương, ở làng Cót, dưới Cầu Giấy. Nhà Phương nuôi con vẹt. Vừa vào nhà, con vẹt chào véo von. Con tôi thích lắm, sán vào xem và nói chuyện với nó. Về nhà cháu hỏi:

- Bố ơi sao nó nói ngọng thế?

- Ngọng mới hay nói.

- Bố ơi, sao nó nói bậy thế?

- Chủ nó dạy nó thế. Nó nói, mà chẳng hiểu nó nói gì đâu.

- Nó nói, mà chẳng hiểu nói gì là thế nào hả bố?

- Vẹt nó thế. Người ta bảo nói như vẹt.

- Người có thể không hả bố?

- Khỏi. Con cứ xem ở lớp con ấy. Khỏi bạn như vẹt. Người ta nói, chẳng hiểu, chẳng nghĩ gì, cứ nói theo. Có con vẹt còn đi dạy người nói nữa.

Hôm sau cháu về khoe luôn: Ở lớp con có một bạn vẹt bố ạ. Hôm qua có đoàn kiểm tra đến dự lớp. Họ hỏi, bạn ấy trả lời: Cô giáo dạy, ai hỏi thì cứ bảo là không học thêm, nhưng chủ nhật này, nhớ đến học phụ đạo ở nhà cô nhé!

- Thế nó có nói ngọng không?

- Nó nói ngọng và hay nói lắm.

Thế nếu họ hỏi con, thì con trả lời thế nào?

Con bảo, cô không dạy thêm. Con có phải vẹt đâu, phải giấu chuyện chủ nhật đến nhà cô học thêm chứ.

Giáo dục, dạy thêm nhiều thế, kết quả đâu chưa thấy, thấy rõ là con tôi học được thói nói dối rồi. Nhân câu chuyện trên con gái kể và cái cảnh học thêm, tôi viết tiểu phẩm Học thêm, gửi báo Hà Nội mới, được anh Nguyễn Triều và nhà thơ Đặng Huy Giang trả cho nhuận bút trăm ngàn đồng, gần đủ tiền nếu con tôi đi học thêm nửa tháng. Tôi ghi lại tiểu phẩm này để làm kỷ niệm cho con:

Tin con gái đỗ cấp ba, vợ chồng anh bạn tôi mừng, rồi lại lo.

Nhà bốn người, Hà Nội bao thứ tiêu: tiền điện, nước, xăng xe,... Chỉ riêng khoản cung phụng cho hai trẻ bạn tôi đã tá hoả - sinh nhật, picnic, tiền tiêu vặt, nhưng tốn nhất vẫn là chuyện học thêm - đưa ôn đại học, đưa trung học. Vợ chồng bạn tôi cộc cạch người hưu non, kẻ cạo bàn giấy. Cái khó bó cái khôn. Năm ngoái, vợ anh bạn nghĩ ra kế, trông trẻ, nhận hai đứa tuổi còn bú mớm. Kế thì vất vả, song bù lại, mỗi tháng kiếm thêm dăm trăm ngàn. Cứ nhớ lại, tháng đầu

nhận tiền công, cô vợ âm ỷ sướng cả tuần.

Hôm nhận cái giấy báo điểm con đỗ, vừa toe toét cười, mặt cô vợ đã xị ra lo. Tối ấy, thị thì thầm với chồng: “Hay ta nhận trông thêm hai đứa nữa.” Nghe vợ nói vậy, anh chồng gạt phất. Bởi anh bận vốn thương vợ. Trông hai đứa đã bỏ hơi tai, nay thêm, hơi sức đâu.

Cả ngày hôm sau, mặt vợ anh ta vẫn bần thần, chắc lo tiền ăn, tiền học,... Đến lúc cơm tối, cô vợ lên tiếng, mặt tỳ tởn: “Đã có cách! Ngay sau đó cô vợ hùng hồn tuyên bố - Lũ con mình học thêm bao thứ. Mà học là phải trả tiền. Thế thì tại sao hai đứa trẻ nhà ta giữ, ta không tổ chức dạy thêm cho chúng. Chuyển này em sẽ kèm cặp thêm: Giờ chúng bù ti, em dạy thêm chúng nhá chấy, xơi cơm; chúng mới biết ngồi, phải dạy trước chạy nhảy;... Đây là chương trình dạy thêm mấy tháng đầu. Còn những tháng sau, bao môn phải học, như tập hát, tập múa, tập tư duy,... Em cam đoan, bố mẹ chúng nghe chương trình dạy thêm, nghĩ con cái mình ắt nên người, họ không mừng rơn. Bỏ rẻ mỗi môn thu năm chục, mà kỳ này dạy hai, à.. ba môn: múa, hát, nghĩ, tức hai trăm rưỡi nhân đôi, vị chi tháng thu ngon ơ năm trăm ngàn đồng.”

Cô vợ say sưa đến mức, khó khăn lắm anh chồng mới chen được lời: “ Thế em không biết, có chỉ thị cấm dạy thêm à?” .Nghe, cô vợ ó ra, nhưng lại tươi tắn ngay: “Thì cứ làm như cách của trường con mình đang học, tức là thảo ra đơn tự nguyện học thêm, phụ huynh ký vào, phạm luật vào đâu được. Nhỡ lộ ra, thì mình dạy thêm, cũng cốt cho con cái... học thêm cơ mà.”

Bảo cháu chưa có năng khiếu, sở thích gì, thì chưa chính xác. Mới rồi tôi phát hiện ra, cháu thích xem gia phả và yêu thích làm quan.

Một lần cháu mang gia phả ra đọc, rồi hỏi tôi:

- Trên ông gọi là gì hả bố?

- Gọi là cụ.

- Trên cụ gọi là gì hả bố?

- Gọi là kỵ.

- Trên kỵ gọi là gì hả bố?

- Gọi là kính.

- Trên kính gọi là gì hả bố?

- Gọi là cụ kính kính kính

- Có phải bố viết gia phả, để sau này có người gọi bố là cụ kính kính kính?

Một buổi đón con từ lớp học về, cháu hồ hởi khoe, con vừa được cô giáo phân công làm tổ trưởng. Nhìn con gái hơn hơn vì lên chân cán bộ, tôi nói:

- Bố chúc mừng. Chuyển này cả nhà ta làm cán bộ - Tôi nói - Chị Ủn thì làm lớp phó, còn Ỉn thì tổ trưởng, bố mẹ đều trưởng, phó phòng.

Nói tới đây tôi nghiêm sắc mặt, cao giọng:

- Thế có muốn chức lớp trưởng, hay liên đội trưởng, bố mày chạy cho. Cứ chủ nhiệm, hiệu trưởng bố chạy. Nhưng con nhớ nhé, cuối tháng, phải nhắc cô giáo phát lương chân tổ trưởng. Thầy, cô chúng mày bây giờ là hay ăn bớt, ăn xén học sinh lắm!

Con gái út tôi tưởng bố nói thật:

- Tổ trưởng cũng có lương hả bố?

- Có chứ!

Nghe hai bố con đối thoại, vợ tôi cười:

- Cái ông này. Chỉ nhắm nhí. Con nó lại tưởng thật!

Thỉnh thoảng cháu được tôi và vợ tôi cho lên cơ quan chơi vào những ngày nghỉ, hay ngày cơ quan rỗi việc. Thường thì cháu lên cơ quan của mẹ nhiều hơn. Nếu không nhớ nhầm, tôi đưa cháu lên được bốn, năm bận. Lên cơ quan tôi, cháu thường mặc cả, hôm nay cơ quan của bố cố đông người không. Nếu vắng, con mới lên.

Vào một ngày chủ nhật, tôi đưa cháu lên. Đưa con lên, tôi bấm trò chơi điện tử trên máy tính cho cháu chơi, còn mình lúi húi làm việc bằng máy tính khác. Sau một hồi chơi, khi đã chán, cháu lượn một vòng quanh căn phòng, rồi sán lại bên bố, thì thầm - cháu vốn tính rụt rè, dù lúc này cơ quan chẳng có ai, ngoại trừ hai bố con:

- Bố là trưởng cái phòng này?

Cháu khoát tay, chỉ cả căn phòng rộng chừng hơn trăm mét vuông. Tôi lắc đầu.

- Không phải. Đây là cả Ban của bố. Quản lý gian phòng này là ông Trưởng ban Trần Đức.

- Ông ấy to bằng ai, cháu hỏi. Có bằng ông Đức không?

Ông Đức là Giáo sư Hà Minh Đức, nguyên Viện trưởng Viện Văn, cơ quan của mẹ cháu. Vì hay lên chơi bên cơ quan mẹ, nên cháu biết rõ cả chức và tên ông Viện trưởng ấy. Tôi gật đầu, đáp:

- To bằng.

Nghe tôi nói vậy, cháu tần ngần một chút, rồi tiếp:

- Thế bố là trưởng phòng, thì là trưởng cái phòng nào?

Tôi khoát tay, chỉ hai, ba cái bàn trước mặt, bảo:

- Đây, bố làm Trưởng phòng mấy cái bàn này.

Nghe tôi nói vậy, cháu hết sức ngạc nhiên, rồi thần mặt ra. Chẳng thấy cháu hỏi tiếp gì nữa.

Trong bữa ăn tối, cháu bô bô thông báo với con chị: Phòng của bố chỉ có mấy cái bàn. Trưởng phòng bố chỉ bằng trưởng bàn lớp em. Nghe con nói, tôi phì cười về sự so sánh của cháu và chợt hiểu sự im lặng, thất vọng ra mặt của cháu lúc trước ở cơ quan. Ước mơ quan chức nó có ngay từ tuổi thơ ư? Thảo nào lắm người tranh nhau đến đổ máu đầu cái chân cán bộ.

Làm quan, ai mà chẳng thích, thích làm to, chỉ có khác là kẻ thích nhiều, người thích ít, thích ra mồm, hay thích trong tâm. Tôi cũng thích.

Dưới thời phong kiến, các cụ dùi mài kinh sử để ra làm quan. Buổi đầu thực dân, người Pháp lập hẳn trường quan hậu bổ, đến thời ta, bao trường đại học, cao cấp tuyển và dạy người làm quan. Người ta chỉ khác nhau động cơ, động tác được làm quan và khi hành quan thôi. Có ông nọ ở cơ quan tôi. Lúc làm việc thì chỉ quát lảng bãng, nói lảng nhãng. Người ta gọi là ông quan quát, quan phán. Quát phán thôi, còn chả làm việc gì cả. Đến lúc về hưu rồi, vẫn nhớ quát, nhớ phán, lại lên cơ quan và quên cả mình nay đã nghỉ hưu, tiếp tục quát phán. Có hôm ông nọ đến cơ quan, anh em đang ngồi uống nước, mọi người cứ lảng dần đi. Mãi quát phán, ông nọ không hay, anh em đi ráo cả rồi, chỉ còn trơ lại cái phích nước và ông nọ vẫn quát, vẫn phán với nó. Nó trả đối lại ông gì cả.

CHƯƠNG II - 17

Lần uống bia ở ngã tư Khâm Thiên, tôi khoe với các bạn bia về chuyện dạy con, như chuyện, tôi đang trùm chăn, con gái hỏi làm gì:

- Cụ kính kinh kinh đang làm gì đấy?

Từ trong chăn tôi vọng ra:

- Cụ đang đếm tiền.

- Sao cụ thích đếm tiền thế? Cụ bảo tiền bấn lắm cơ mà!

- Nó bấn, nên cụ mới phải trùm chăn đếm. Đỡ dây sang chặt chút sau này của cụ.

Anh bạn Hùng Béo cười:

- Ông toàn lảng nhãng. Dạy con kiểu ấy, chỉ tổ làm chúng hư.

Con tôi tiêm nhiễm những chuyện của tôi, thành hư xấu đâu chưa biết, tôi chỉ nhận thấy, cái chất của các con vẫn thơ ngây. Nghe bố kể, chúng chỉ khinh khích cười. Qua lăng kính tuổi thơ, nhìn chuyện của bố, chúng toàn thấy buồn cười, chả thấy xấu. Đôi khi, con còn lên lớp bố:

- Bố không được tham những nhé.

- Bố làm đếch gì tham những được. Bố mà tham những được, các con đã sướng.

Đấy là tôi bảo, khi chúng nhắc nhở bố. Xin kể câu chuyện tôi gieo vào đầu chúng, chuyện ngày bé tôi ăn vụng.

Chuyện thứ nhất: ăn vụng thịt.

Năm đó tôi khoảng mười tuổi.

Có câu ca ca rằng:

Có phúc gả con chồng gần

Có bát canh cần nó cũng mang cho

Mẹ tôi nấu nồi canh bánh đa, múc ra một bát và sai tôi mang đến biếu bà ngoại. Nó được đặt trong cái rá. Trong khi bê bát canh, tôi ngắm nghía và đếm mấy miếng thịt bày phía trên.

Bát canh nóng, mùi thơm ngào ngạt. Chính nó quyến rũ, làm tôi nảy lòng tham ăn, cố vũ ý định ăn vụng của tôi. Từ nhà tôi tới nhà bà ngoại, khoảng hơn trăm mét. Tôi chọt nảy ra phương án, rẽ ra hướng bờ sông, đoạn đường kéo dài ra hơn, lại vắng, dễ hành sự. Nghĩ là làm, tôi bê rá canh vòng xuống đường bờ sông.

Ngắm bát canh, tôi lẩm nhẩm đếm, có cả thấy năm miếng thịt. Nhìn trước, ngó sau, không thấy ai, tôi nhón tay, đưa lên một miếng, cắn một cái. Miếng thịt bị cắn đứt đôi. Tôi thả nhanh nửa miếng thịt còn lại vào bát canh. Tôi nhai từ tốn và thưởng thức độ ngon của nó. Ngon thật! Nhai xong, đi một đoạn, tôi lại nhìn xuống bát canh. Lẩm nhẩm đếm, vẫn còn y nguyên năm miếng.

Một ý nghĩ nữa trong đầu tôi lại loé lên, cứ mỗi miếng mình cắn một nửa, chốc nữa bà ngoại đếm, thì vẫn y nguyên năm miếng. Cái đầu óc thơ ngây tuổi lên mười của tôi tính vậy. Thế là bốn miếng thịt nguyên còn lại trên bát canh, lần lượt bị tôi nhón lên, cắn nhanh một nửa. Thịt lợn ngon thật, thơm thật,... Lũ thịt ngon quá làm tôi quên bém bài tính trẻ ranh lúc trước, cứ thò tay bốc nửa các miếng còn lại, xơi tiếp. Đến lúc bát canh sạch thịt và đi hết đoạn đường, đứng ngay trước cổng nhà bà, tôi mới nhận ra.

Nhìn bát canh trơ khắc toàn bánh đa, tôi giật mình, thôi chết rồi, tí nữa bà ngoại đếm, chẳng thấy thịt đâu, mình sẽ no đòn. Nỗi khiếp sợ bữa đòn làm nước mắt tôi rùng rùng chảy, cứ đứng đực ra.

Cho đến khi canh nóng thành canh nguội, bánh đa trương hết cả lên, tôi mới bê bát canh vào biếu bà. Nhìn thẳng cháu mắt đỏ hoe, bà hỏi, bị mẹ đánh sao. Tôi đành thú thật, vừa ăn vụng hết năm miếng thịt trong bát canh mẹ sai mang biếu bà. Nghe thẳng cháu kể xong, bà nhón nhén cười:

- Bà còn cái răng nào đâu, mà ăn thịt. Thôi thẳng cháu xuống bếp, lấy cho bà cái bát!

Tôi không hiểu bà sai xuống bếp lấy bát để làm gì. Khi đưa bát lên, bà san nửa bát canh, bảo thẳng cháu ngoại ăn. Tôi thoáng lưỡng lự mươi giây, rồi không kìm được, xì xoạp vài miếng, bát canh đi veo. Bà cười, xoa đầu thẳng cháu, bảo rằng ngoan.

Chuyện thứ hai: Uống rượu vụng.

Nhà tôi ít anh em, kinh tế vào loại tạm tạm, lại dân ăn gạo sỗ, nên hiếm khi bị cái đói hành hạ. Đại ý, ngày thơ không bị lép bụng. Tháng tháng mẹ mua được con mè, con trôi, dăm tháng có con gà toi, hay nháy ổ, vỡ trứng, rồi cỗ bàn, tết lễ... Những bữa như vậy, tuy không thừa mứa, nhưng cũng dịu bớt nỗi thèm khát.

Nói là nhà tôi kinh tế vào loại tạm tạm, song sự thèm khát của tôi thỉnh thoảng cứ diễn ra. Như nhà hàng xóm có cỗ bàn, bạn khoe: Ê ê... nhà tao hôm nay thịt gà nhé! Ê ê, hôm nay nhà tao có giỗ!... Thế là thèm thường.

Tôi nhớ một lần ăn vụng nhớ đời. Sau này lớn, có lúc nghĩ lại, vẫn tủm tỉm cười một mình. Phải gọi lần đó là uống vụng. Đi ăn cỗ, hay nhà có khách, tôi thấy người lớn thường uống rượu. Bố tôi không phải người hay rượu, chỉ uống khi giỗ chạp, tiếp khách.

Không biết tự bao giờ, trong tôi nảy sinh ý tò mò, rượu nó ra sao nhỉ? Chắc ngon, bổ lắm. Thế nên người lớn mới nhâm nhi. Mỗi lần người lớn uống, ngữ chỉ một hai chén, rót lưng lửng. Chưa hết, Tết cửa hàng hợp tác xã mua bán chỉ phân phối cho mỗi nhà có chai rượu mùi, hoặc rượu chanh. Người buôn lậu phải giấu diếm, đựng rượu trong sẫm xe đạp quần quanh bụng, đựng trong nồi chân giả làm nước tiểu. Mấy ông phòng thuế bắt được, các bà buôn rượu lậu khóc nhèu nước mắt nước mũi, lẻo đẻo theo sau xin. Người lớn bảo, ngày trước ấy à, nấu rượu

lậu, chứa rượu lậu, tù một công!

Ý nghĩ thử rượu cứ lớn vồn và sự tò mò ngày một lớn trong tôi. Một hôm tôi nghĩ bụng, tại sao mình không uống vụng nhỉ? Uống rượu vụng với tôi không khó. Chai rượu bố tôi để ngay trên nóc tủ, không chẳng buộc, chỉ nút lá chuối, bên ngoài quấn lớp ni lông. Hôm ấy bố mẹ đi vắng, anh chị đi học cả, một cơ hội thuận lợi cho tôi. Tôi đóng cửa, cài then cẩn thận, bê chai rượu trên tủ xuống, rót hẳn nửa bát.

Mùi rượu thơm lừng như kích thích tôi. Hăm hở, tôi đưa bát rượu lên miệng. Không hiểu sao, lúc trước ngửi, mùi rượu thơm lừng, quyến rũ, khi kề sát miệng, nó lại xốc lên cay xè, chặn họng tôi. Ngập ngừng, tôi dừng lại, hạ bát rượu xuống.

Quái, sao nó lại thế nhỉ? Rất nhanh trí tôi nghĩ, mình nín thở, không ngửi, mà chỉ uống. Một lần nữa tôi đưa bát rượu lên, làm một ngụm to. Dù nuốt vội vàng, hơi rượu cay xè vẫn xốc lên, đủ để tôi ho sặc sụa. Ngụm rượu một nửa to bị hắt ra, nửa kia kịp trôi tọt vào bụng. Mồm cay xè, tôi phì phì nhổ rượu cùng nước dãi. Nhổ đến lúc không còn gì nhổ được nữa. Tưởng ngon ngọt, ai dè nó vậy.

Nhìn bát rượu trên bàn tôi vừa muốn đổ đi, vì chưa hết cảm giác sặc nôn, vừa tiếc rẻ, những nửa bát rượu. Chợt một sáng kiến nảy ra trong đầu tôi. Người lớn uống quen, còn mình chưa quen, pha đường vào, chắc sẽ ngon, dễ uống hơn. Đấy, mỗi lần ốm, mình uống thuốc, mẹ đều cho đường vào nhé.

Thế là tôi xúc đường đổ vào bát rượu, khuấy. Chờ đường tan, tôi đưa bát rượu lên. Lần này có kinh nghiệm sặc rượu, nên tôi cảnh giác, lưỡi nhè nhẹ nếm thử. Than ôi, dù đã pha đường, thứ nước đường rượu vẫn đắng ngắt và cay nồng. Mới nhấp lưỡi một chút, tôi đã không chịu nổi. Nhà tôi nuôi con Mực. Suốt ngày nó quẩn quýt quanh tôi. Lúc trước nghe động thìa bát, con chó sấn đến, mắt hau háu nhìn. Cái lưỡi thè ra liếm chân tôi. Nó thực sự trở thành kẻ đồng lõa trong vụ uống rượu vụng của tôi. Bát rượu uống thì không được, đổ đi lại tiếc. Còn con Mực đang hau háu chờ đợi, cái đuôi ngoáy tăng tít, nịnh bợ, xem ông bạn của nó có chia sẻ cho cái gì không.

Ừ, sao mình không cho nó uống nhỉ, đỡ phí của! Tôi đặt bát rượu xuống nền nhà, con chó sấn lại, thực mũi hít hít. Ơ kìa, sao nó ngẩng lên, xem ra nó dừng dừng. A, mày chê à! Tôi túm đầu con chó, dí mạnh cái mõm vào bát rượu. Mõm nó vừa bị nhúng xuống, đã vung ra, lại còn hất đổ luôn bát rượu. Sau khi vung vẩy, thoát khỏi tay tôi, con chó chạy thực mạng vào gầm tủ, từ trong ấy nó kêu ư ử, lấm lét nhìn ra.

Đoạn sau bữa rượu uống vụng ấy tôi không rõ tiếp diễn thế nào.

Tôi đã say vì nửa ngụm rượu và ngủ thẳng cẳng ngay trên nền nhà. Trưa, bố mẹ tôi về. Thấy cậu quý tử nằm sõng soài, ông bà cuống cuống, lo sợ không biết thằng con trai mắc bệnh gì.

May có hàng xóm đổ sang, họ kịp nhận ra mùi rượu nồng nặc và đoán ra lý do, tôi say rượu. Tôi được lay gọi, đổ hết cả bát nước rau muống sống hoà đường vào mồm, bôi vôi gan bàn chân và gói đầu lên cái chổi rơm cho rã rượu. Tuy thoát cơn say, nhưng đến mấy ngày sau, người tôi còn đỏ mẩn. Người ta bảo, ấy là dị ứng rượu.

Ăn vụng, biết cách chùi mép, thì chỉ mình mình biết, mình ăn vụng. Sạch sẽ lắm! Nay tôi thỉnh thoảng vẫn ăn vụng, nhưng có kinh nghiệm trong bài học ăn vụng ngày bé rồi.

CHƯƠNG II - 18

Nhớ chuyện học đàn của con gái, suýt thì tôi mất đi tình bạn với Trường Doãn, cậu em nhạc sỹ, Phó đoàn ca nhạc nhà Đài. Trường Doãn là con trai tác giả bài hát về binh chủng xe tăng nổi tiếng mà ai cũng biết.

Suýt mất bạn vì câu nói đùa khi tôi nhờ Doãn mua giúp cây đàn cho con gái học. Doãn dắt tôi lên phố Nhà Chung. Trước khi đi, tôi bảo:

- Con tao mà có khiếu âm nhạc là... vô phúc.

Thằng em tròn xoe mắt, mặt sầm xuống.

- Sao anh lại nói vậy?

Tôi vội thanh minh:

- À không. Ý tao không phải vậy. Cái nghề của mày khó khăn, khắc nghiệt quá! Cả vạn, triệu người, mới có một, hai người thành danh, thành danh như mày chẳng hạn.

Đến một lúc Doãn mới nguôi ngoai.

Nhớ chuyện Hùng Béo, Trưởng phòng Thư ký, đùa Doãn: Cái nghề chỉ huy dàn nhạc của ông, bất nhả quá. Ai đời, cả một nhà hát toàn người lịch sự đến nghe, vậy mà các ông cứ chống dít vào mặt người ta múa đũa.

Cứ chê người, chứ người ta bảo, nghề báo, toàn những kẻ nhòm mồm và nghe lời người khác, viết.

Tôi làm quen và chơi với Trường Doãn có mục đích hẳn hoi. Trước đó thì mình hâm mộ cậu ta - nhạc sỹ. Mục đích của tôi là chơi với nhạc sỹ, mình cứ nấn nha tìm hiểu, chắc chắn kiến thức âm nhạc dần dần nâng lên. Như tôi cứ túc tắc hỏi cậu ta những câu đại để như: Để thưởng thức, rung động được một tác phẩm âm nhạc, cần phải tư duy như thế nào?...

Cậu em Doãn mười lăm năm học trường nhạc, mình chỉ mất tý thời gian và châu bìa dăm chục nghìn, đã học được khối rồi, vừa rẻ lại nhanh, thật hiệu quả. Trong quá trình chơi với Doãn, tôi cũng giấu tiệt cái dốt âm nhạc và khiếu thưởng thức nhạc hơi lùn của mình. Đại ý là lúc trao đổi với Doãn về âm nhạc, tôi thường nói:

- Tớ thích nhạc thính phòng lắm! Rồi nhạc cổ điển cũng thích. Thích lắm!

Nghe vậy, Doãn đưa cho tôi mấy cái đĩa. Về nhà tôi cố gắng nghe, vặn vô lum rõ to, mà chả thấy hay cái gì. Thực ra thì tôi chỉ thích anh dân ca và chèo, khoái nhất cái món tân cổ giao duyên, song không thể khoe ra thắm mỹ cái lương kia. Một lần Trường Doãn rủ tôi đi nghe buổi trình diễn ở Nhà Hát Lớn, chỉ huy dàn nhạc là một ông người Tây nổi tiếng. Tôi không nhớ rõ tên ông ta là gì, hình như Pô - đếch, hay Pô - đéc gì đấy, chỉ đọc báo thấy ông ta nổi tiếng.

Vào nhà hát, nhìn lên sân khấu, tôi choáng ngợp vì số lượng nhạc công, nhạc cụ, đông và nhiều

quá. Nhạc cụ, cái thì to như cái dậm, cái thì sáng loáng, loe ra như cái mâm đồng.

Quá tò mò, không tìm được, tôi hỏi Doãn, cái to và loe ra là đàn gì? Doãn trả lời, kèn ô boa. Cái ... đang định hỏi tiếp, chợt nghĩ ra, thế thì lộ toé toè loe trình độ âm nhạc của mình, tôi đành nín thính, tự quan sát, học hỏi lấy. Tôi cố nhập tâm về hình thù và nhắm đếm số nhạc công, nhạc cụ. Thôi thì sau này có ai hỏi cũng biết, trình tấu một bản giao hưởng, người ta cần đến bao nhiêu cái đàn, bao nhiêu người đánh nhạc.

Đúng bảy rưỡi, đêm trình tấu bắt đầu. Ông nhạc trưởng người Tây to cao, tay cầm cái dũa vung lên, tiếng đàn, tiếng trống rầm rầm chuyển động. Tôi tự nhủ, mình phải hình dung xem bản nhạc này thể hiện điều gì.

Tiếng trống bung bung, đây là trống trận, tôi đoán. Thùng, thùng, thùng, nghe như trống hộ đê mùa lũ. Tiếng ken tò te tý te.... diễn tả gì nhỉ, khó hình dung quá, chẳng ra buồn, chẳng ra vui, tôi tạm đặt là công bố số xấu. Giá cứ ai oán, buồn đau như mấy ông phường kèn đám ma, thì lại dễ hình dung. Phân tích, tưởng tượng mãi, không ra cái gì, chã lẽ vừa đánh trận, vừa hộ đê, vừa công bố số xấu, tôi đâm chán. Chả lẽ ngồi không, tôi đành xoay ra ngắm ông nhạc trưởng. Công nhận rằng, ông Tây Pô - đích này múa khoẻ, cứ vung tay, vung chân liên tục, một phút vung phải đến một trăm nhát. Thảo nào, trông ông ta to khoẻ thế. Sau một lúc quan sát ông nhạc trưởng, tôi rút ra quy luật, cứ khi tay ông này vung cao, thì trống phách nổi lên rầm rầm, khi hạ xuống, tiếng đàn nhẹ bằng đi.

Sự phát hiện ra quy luật ấy không giúp cho tôi chú ý được bao lâu, tôi chẳng còn chăm chú quan sát ông nhạc trưởng vung tay, vung chân nữa. Tiếng nhạc, tiếng đàn thập thình làm tôi lơ mơ buồn ngủ. Giấc ngủ nhẹ đến từ lúc nào. Đang là rả, bỗng bên tai, tiếng vỗ tay đôm đốp làm tôi choàng tỉnh. Nhìn sang Doãn, thấy cậu ta đang vỗ tay, tôi vội vỗ tay theo.

Lại một tác phẩm khác. Bản này âm thanh cũng hoành tráng, lên bổng xuống trầm như bản trước. Nó cũng làm tôi lơ mơ buồn ngủ. Song tôi cố kìm. Mình mà ngủ, đến lúc người khác vỗ tay, không vỗ theo, thì chướng. Tôi ngủ mà như thức, thức mà đang ngủ, cứ dựa lưng vào thành ghế, lim dim, y như người đang thưởng thức âm nhạc. Bản nhạc vừa kết thúc, mọi người vỗ tay, tôi cũng vội vàng vỗ tay theo. Khi họ đứng lên, tôi cũng đứng lên, vỗ to, vỗ dài y như họ.

Tôi phải vỗ và đứng lên đến mười lần, buổi trình diễn nhạc giao hưởng của ông nghệ sỹ chỉ huy người Tây Pô - đích mới kết thúc. Trước khi ra về, anh bạn nhạc sỹ Doãn quay sang hỏi tôi:

- Anh thấy thế nào?

- Hay! Hay tuyệt!

- Thế thì... khi nào có chương trình, em lại mời anh.

Không hay lại bảo rằng hay. Không biết lại giả như biết. Biết mà lại như không biết. Buồn cười thế đấy!

CHƯƠNG III - THUỞ HỌC TRÒ

Tôi học khoa Thú y, đại học Nông nghiệp, nơi địa danh có cái tên con vật quý. Không rõ tại sao thời gian đại học của chúng tôi phải học kéo dài đến năm năm. Tính ra kiến thức chuyên môn, chỉ già ba năm, còn lại học lao động và tập bắn súng.

Tập bắn súng thì phải ra bãi bắn, lăn lê bò toài, ôm súng ngắm đích. Trước đó sinh viên cả tuần nghiên cứu, học tập trên giảng đường phần lý thuyết. Dạy lý thuyết là một anh chàng sỹ quan, cả lớp phải gọi bằng thầy. Dạy bắn súng mà rất thích người khác gọi bằng thầy. Hồi ấy, vào các trường sỹ quan đa phần là diện học sinh tốt nghiệp phổ thông, không dám thi vào đại học, vì lực học sè sè, họ rẽ ngang sang quân sự. Nay thành thầy dạy thiên hạ bắn súng. Anh chàng sỹ quan đứng giảng lý thuyết bắn súng hôm đó, vào giờ ra chơi, để khẩu K44 trên bàn. Có mấy sinh viên vốn là cựu quân nhân, am hiểu súng ống, mò lên, tỳ toáy nghịch, giương súng lên trần, bóp cò:

- Đoàn!

Đang giờ ra chơi, mấy đứa sinh viên ngồi tán gẫu trong giảng đường giật bắn cả mình, còn lũ ngoài sân, ào ào kéo vào xem có tiếng nổ gì vừa xảy ra. Trên bục giảng, anh chàng nghịch súng mặt tái ngơ tái ngắt, trần nhà có vết vỡ to bằng cỡ cái bát ăn cơm và dưới sàn, một đám vụn vôi vữa vừa rơi xuống. Ông thầy quân sự mặt cũng tái ma tái mét. Chắc ngài sỹ quan bây giờ mới chợt nhớ, còn quên viên đạn trong súng. May mà hôm đó, trong lúc giảng bài, thầy không ngửa tay bóp cò, bóp là có đứa sinh viên toi. Vụ này làm to ra, thì anh thầy kia ra quân là cái chắc. Đấy, dạy quân sự, học bắn súng thời sinh viên của tôi là thế!

Đa phần sinh viên con nhà nông, vẫn phải học cấy lúa, gánh phân, nuôi lợn. Lớp tôi hai tám đứa, được giao sáu sào ruộng. Đầu vụ, lúa má cấy xong, bao nhiêu phân tro cấp, đem đổ hết xuống đồng, cả phân đạm, phân chuồng, bón lót, bón thúc một thể. Suốt cả vụ không một ai ngó ngang ra ruộng. Thỉnh thoảng lớp trưởng Ký, hoặc lớp phó lao động Toại đảo ra ngắm lúa, nhổ cỏ bằng mắt. Đến vụ, cả lớp ra thu hoạch, gánh trĩu về những bông lúa lép. Đào tạo kiến thức lao động và hiểu biết về cây lúa của kỹ sư nông nghiệp chúng tôi đại để như vậy!

Dạy một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy. Học đại học, tôi học biết bao nhiêu chữ của thầy, có biết bao nhiêu ông thầy.

Qua mấy năm học, trong các thầy cô, có thầy Nguyễn Bá Hiên dạy truyền nhiễm, thầy Lô Dài dạy triết, thầy Dương Đình Long dạy chăn nuôi, thầy Hoàng Văn Năm dạy nội khoa, cô Mây, dạy giải phẫu... Những thầy cô, người thì hài hước, người thì nghiêm nghị, nhưng đều nhiệt huyết, được học trò yêu quý.

Giải phẫu là một môn quan trọng của ngành học thú y. Giáo viên giảng dạy môn này là cô Mây.

Cô là giáo viên rất nghiêm túc, khắt khe, học sinh sợ cô một phép. Ngoài học lý thuyết, môn học dành tới nửa thời gian thực hành. Cơ sở thực hành đặt ở khu nhà giữa cánh đồng, cách ký túc xá trường khoảng hai cây số. Buổi sáng học lý thuyết đến gần mười một rưỡi, ăn cơm xong, sinh viên tranh thủ làm giấc trưa, rồi mắt nhắm mắt mở tới khu nhà thực hành.

Sợ cô Mây lắm, nhưng nhiều tiết thực hành, sinh viên vẫn đến muộn. Nếu đến đúng giờ, thì cũng lơ đãng buồn ngủ. Hôm đó chúng tôi mắt nhắm mắt mở kéo nhau đi thực hành. Trong phòng, trên bàn, tiêu bản các bộ phận cơ thể gia súc bày ngổn ngang. Chúng được ngâm trong dung dịch phóc môn. Phòng thực hành chật chội, trời nóng, nên ngột ngạt mùi hoá chất. Chúng tôi chả ai chú ý đến bàn của giáo viên. Khoảng năm phút sau, cô Mây trong chiếc áo choàng trắng bước vào phòng.

Chúng tôi uể oải đứng lên. Lướt một lượt học sinh, cô Mây gật đầu. Thường khi học trò đứng lên chào, cô quan sát kỹ lắm. Cô đang điểm danh đấy. Anh chị nào vắng mặt, hay đến muộn, hãy coi chừng. Sau khi cô gật đầu, học trò vừa lục tục ngồi xuống, đã giật thót cả mình. Tiếng cô Mây quát lạc cả giọng:

- Ai... ai làm?

Chúng tôi tá hoả nhìn lên, chưa rõ cô giáo quát gì. Đến lúc này học trò mới để ý lên bàn của cô. Cả lớp tái mặt. Trên bàn, hai giáo cụ trực quan sinh học bằng thịt thật, cái bộ phận sinh dục ngựa đực, cái bộ phận sinh dục bò cái... cắm chặt vào nhau.

Ngay lúc đó mọi người trong lớp đoán được tác giả của tác phẩm trên là ai. Không ai nói ra. May lớp toàn người biết nghĩ, không thì một suất đuổi học. Cứ nghĩ, bước ngoặt của cuộc đời, lắm khi từ những nguyên nhân dấm dớ. Người thì cho là quan trọng, người lại bảo rằng không. Anh bạn đó, giờ cũng làm ăn được. Chắc rằng, nếu hồi đó phải khoác ba lô rời trường, hoàn cảnh anh bạn nay sẽ khác.

Lũ học trò sợ cô Mây lắm. Nhất là sinh viên nữ. Kỳ thi cô Mây mà vợ được cô nàng nào để móng tay dài, cầm chắc là cái trượt. Lúc này lớp tôi đã qua môn giải phẫu của cô Mây, nhưng là cán bộ Khoa, sau này sinh viên bảo vệ luận văn, cô có chân giám khảo, nên sinh viên vẫn hãi. Sợ thì sợ, lũ sinh viên vẫn không chừa được thói trêu chọc cô. Học trò trêu đủ kiểu. Thí dụ, gặp cô, chúng trang nghiêm chào thật to. Tiếng chào réo rắt. Không lẽ cô bắt bẻ, chào gì mà dài và to thế!

Cô Mây bị một bữa chúng tôi chào cho, nghĩ đến tức cười. Trường tôi có mấy khu vệ sinh, khu dành riêng cho sinh viên, khu dành cho giảng đường, khu dành cho tập thể cán bộ. Thường các nhà đó nằm biệt lập, cách nơi ở vài trăm mét. Với các nhà vệ sinh của sinh viên, trên bức tường che phía trước, đề rõ to tên các khoa. Thí dụ: Khoa Thú y. Tức là nhà vệ sinh đó do sinh viên khoa Thú y dọn vệ sinh. Đây không phải trụ sở làm việc của khoa.

Buổi đó lớp tôi lao động gần nhà vệ sinh khu tập thể cán bộ. Thoáng thấy bóng cô Mây tiến về phía lớp đang lao động, một đứa thì thầm thông báo: Chúng mày ơi, cô Mây đi.... Chú ý, tí nữa, tất cả đồng thanh chào cô nhé. Y như rằng, cô có việc riêng tư ấy. Cô đi tới. Thoáng lúng túng, đi chậm chậm lại, rồi cuối cùng, cô đành phải bước. Để cô tới thật gần, ngay trước chỗ chúng tôi đang lao động, cả lớp đồng thanh:

- Chúng em chào cô ạ!

Cô Mây lúng túng, nhưng đành đáp lễ.

- Chào các em!

Đáp lời trò xong, cô vội vã bước vào khu nhà kia. Lại một đứa thì thầm:

- Tý nữa, tất cả nhé!

Học sinh có đứa bụm miệng cười, dấm lưng nhau thùm thụp. Vài ba phút sau, cô Mây từ trong ấy đi ra. Học sinh đứa cúi xuống giả bốc đất, đứa xắn đất, tất cả đồng loạt dừng công việc, thẳng tắp người lên:

- Chào cô ạ!

Cô Mây đành phải dừng lại, nói mấy câu cho phải phép:

- Lớp hôm nay lao động ở đây à?

Tiếng học trò nhao nhao:

- Thưa cô, vâng ạ! Cô lại nhà ạ!

Khúc khích những tiếng cười. Cô Mây lúc này chả tiện bắt bẻ học sinh. Bất ngờ được trò giải trí, khi cô còn đi chưa xa, cả lớp đã cười rữ rượi. Không ngờ, lát sau chúng được tiếp bữa cười nữa. Được khoảng mười phút, một đứa lại phát hiện, cô thấp thoáng phía xa. Anh chàng này quan sát, thấy cô vào rồi ra. Cậu ta liền thông báo:

- Chúng mày ơi, hình như hôm nay... Tào Tháo đuổi cô Mây. Tao vừa thấy mấy bạn cô ấy thập thò,...

Cậu kia chưa nói dứt câu, đã có đứa cướp lời:

- Đúng! Cô ấy đang ra kia kìa!

Mấy đứa ngó lên, nhìn nhanh và vội vàng cúi xuống.

Có tiếng thì thầm:

- Nhớ nhé... tý nữa nhé!

Cô Mây lúc này đã tới gần. Cô bước nhanh, bước như định thoát khỏi lũ trò quỷ sứ của cô.

Nhưng cô... không thoát. Mới vượt được nửa chừng, cả loạt học sinh ngừng tay, lễ phép đứng lên:

- Chào cô ạ!

Đến đận này, thì cô Mây chả còn sức đâu lịch sự, đáp lễ lũ sinh viên trời đánh kia nữa, cứ thẳng

cánh cô bước.

Đám học trò xanh mắt.

Thầy Dương Đình Long học ở Tàu về. Thầy hóm hỉnh, thâm thúy. Gần như suốt tiết dạy của ông, giảng đường luôn rộn tiếng cười. Có lần đưa sinh viên ra trại thực hành, thầy chỉ lũ lợn lẳng quăng trước mặt, xua tay, rồi buông câu:

- Toàn lợn đeo kính thế này, thì chăn nuôi nổi gì!

Nghe thầy nói, nhiều trò không rõ. Chỉ có mấy đứa rúc rích cười. Ông thầy nói lái, lợn đeo kính, tức là lợn kính đeo. Bây giờ nông dân nuôi lợn, bốn, năm tháng, nặng tới sáu, bảy mươi cân, chúng chưa tới kỳ động dục, đã đủ mức xuất chuồng. Còn hồi ấy, nuôi tám, chín tháng, con lợn mới nặng cỡ xách tay, mà chúng đã tởn thành thiếu nữ, hoa đỏ rực. Cám bã nuôi, độc tổn cho khoản động hờn của chúng. Đúng như lời ông thầy nói, còn chăn nuôi cái nổi gì.

Một lần lớp chúng tôi ra trại thực hành, đúng vào lúc thầy Long đang lúi húi thụ tinh nhân tạo cho con lợn. Anh chàng Thuý, tiến lại, khời mào:

- Thưa thầy, thầy đang ... làm gì đấy ạ?

Phản ứng rất nhanh, ông thầy thâm nho, hóm hỉnh trả lời ngay:

- Ấy là....tôi đang sản xuất thịt cho các cô cậu ăn đấy!

Trong số các ông thầy hài hước, trước tiên phải kể tới thầy Nguyễn Bá Hiên, dạy môn truyền nhiễm. Thầy Hiên hơn tôi dăm tuổi. Trò vẫn là trò, sau ngày ra trường cơ mười năm, tôi rủ cậu em nhà báo Quách Mạnh Đồng sang thăm nhà thầy, gặp lại trò cũ, tôi vẫn một điều thầy, hai điều thầy, còn ông hài hước, gọi lại tôi bằng ông. Chỉ dĩa rượu ngâm và rượu Tây bày la liệt trên tủ quanh tường phòng khách tầng ba, ông hỏi:

- Ông uống gì? Hôm nay tôi chiều hết. Phải say mới về.

- Thầy cho chai rượu giả!

- Giả là giả thế nào! Bây giờ có phải cái gì cũng giả cả đâu! Đây toàn Tây xịn của người ta đấy.

Ông muốn giả, xuống hỏi mấy nhà nghiên cứu về thuốc kéo dài thời kỳ chín của nhãn, vải. Ổi giò ơ, có rặng nhãn trong vườn thực vật, các vị nhà ta đem thuốc thí nghiệm ra phun. Hàng nhãn có mười bảy cây, các vị quên phun mất một cây. Đến vụ, mười sáu cây được phun, tịt hoa. Riêng cây quên phun, hoa, quả tràn trập. May rặng nhãn nó nằm chỗ khuất, không phơi ra, cả nước biết. Đấy, thuốc nghiên cứu thật đấy!

Quách Mạnh Đồng quá khoái câu chuyện, về viết luôn tiểu phẩm “Thuốc thí nghiệm”

Tếu táo thế thôi, thầy giáo Hiên của tôi sống tình ra phết. Ngày ở trường, thường chúng tôi hay kéo ra chỗ ông chơi, vừa tào lao, vừa tắm rửa, giặt rũ ở đây. Sáng ấy trước khi giảng bài, thầy Bá bảo có bài thơ, đọc cho sinh viên nghe. Bài thơ Ông lái đò. Câu kết của bài thơ là cảnh khách lên đò hết rồi, mà chẳng ai ngoái lại nhìn ông nhà đò. Cả lớp yên lặng. Thôi rồi, thầy

trách, hôm qua không trò nào ra thăm thầy, nhân ngày hai mươi tháng mười một. Hồi đó không có lệ phong bì đầu, đến bó hoa cũng không. Thầy chỉ trách là trách cái tình trò.

Hồi sinh viên, bọn trò chúng tôi được dự một đám cưới thầy. Đó là thầy Hoàng Văn Năm. Thầy Năm là học trò yêu của thầy Phạm Gia Ninh. Thầy nào, trò ấy, họ giống nhau đến thế, nghiêm nghị, nhiệt tình và sống rất tình người. Thầy Ninh dạy chúng tôi là khoá cuối cùng, trước khi sang nhậm chức Cục trưởng. Trước khi thi môn nội khoa, lớp tôi mời thầy phụ đạo, lại đứng vào dịp thầy phải chuẩn bị đi nghiên cứu ở Philippin.

Thầy là người biết nhiều ngoại ngữ, tiếng Tàu thầy học ở Trung Quốc, tiếng Nga tự học, tiếng Pháp,... Trước khi sang Philippin, ông thầy ngoài năm lăm tuổi, cấp tốc học tiếng Anh. Sức học của thầy kinh dị thật, chỉ thời gian ngắn, mà thầy sang nước người, một mình đi không lạc đường, lại còn trao đổi được và đề tài cuối đợt, dày hai trăm trang, trình bày bằng tiếng Anh. Do đề tài xuất sắc, với tư cách là đại biểu Philippin, thầy dự hội nghị khoa học về ung thư, do Nhật Bản tổ chức.

Trở lại buổi bồi dưỡng trước khi lớp tôi thi. Đi Tây lúc đó là một cơ hội đổi đời, hoặc chí ít cũng mang về dăm trăm đô la, hay cái xe máy cũ. Chúng tôi tập trung ở giảng đường để chờ thầy phụ đạo. Nửa tiếng, một tiếng, không thấy thầy đâu.

Nghĩ thầy không đến, chúng tôi bỏ về ký túc xá. Học trò đâu biết, thầy đang phải đánh vật làm thủ tục cho chuyến đi Tây. Bất chợt học trò thấy thầy lọ mọ vào ký túc xá sinh viên. Thầy bảo, không phải ra giảng đường, phụ đạo luôn tại phòng. Và ngay sau đó, thầy ngồi tệt xuống nền nhà, học trò túm tụm ngồi vây quanh nghe giảng. Thầy lấy luôn nền phòng ký túc xá làm bảng, viết vẽ minh hoạ. Ông thầy mồ hôi nhễ nhại, say sưa giảng giải, làm trò rất cảm động.

Thầy Ninh hiền lành, kiến thức uyên thâm. Ông là nhà nội khoa số một của ngành thú y Việt Nam. Thầy có một cái xe máy con vịt xanh, thường dựa dưới sân giảng đường. Giờ ra chơi, lũ sinh viên nhảy lên, phi lòng vòng quanh sân, còn ông thầy hót hải, xin trò:

- ĐỪNG... ĐỪNG CÁC EM ƠI!

Tiếng xin yếu ớt và bất lực của thầy, càng làm lũ trò nghịch tợn, và cười rũ rượi. Một lần vào buổi tối, anh chàng Thuấn phòng tôi có việc ra phố. Nhà thầy không trong khu tập thể của trường, không rõ hôm đó có việc gì, mà thầy vào trường. Về đến quăng gần cổng trường, Thuấn xô luôn xe phải xe thầy. Trời tối, trò chỉ nhận ra ông thầy qua tiếng xin lỗi rối rít:

- Xin lỗi ông! Tôi xin lỗi ông!

Anh chàng Thuấn buồn cười quá, không dám lên tiếng, vội vàng chuồn thẳng.

Khi thầy đã làm Cục trưởng, chức to lắm rồi, chúng tôi có chuyến đi thực tập xuống vùng đất Mỹ Văn, Hưng Yên bây giờ. Vợ phải ca bệnh gia súc phức tạp, các trò nghĩ tới thầy Ninh. Anh em bàn nhau, hôm nay là chiều thứ bảy, chắc thầy về nghỉ, thử đến nhà hỏi và xin một lời

khuyên của thầy.

Tôi và anh Ký lớp trưởng đạp xe đến. Nghe trò trình bày, không những nhiệt tình giảng giải, ông Cục trưởng còn xách luôn xe, cùng trò xuống cơ sở. Đêm đó thầy ngủ lại nơi thực tập cùng với sinh viên. Mấy hôm sau bà chủ, nhà chúng tôi trọ, kể và cứ khen ông giáo nhiều chữ. Bà bảo, hôm qua ông giáo mơ, toàn xì xồ nói tiếng Tây. Bà già nhà quê đâu ngờ rằng, ông khách ngủ lại ở nhà mình to và lắm kiến thức lắm.

Sáng hôm sau chúng tôi cứ ngỡ ngàng cho thầy. Trò chỉ muốn mời thầy tư vấn, còn việc cụ thể, thì phó cho trò làm. Đứng trước cửa chuồng lợn, thấy các trò bắt lợn, thầy cũng xắn quần, nhảy ngay vào cùng sinh viên. Một ông Cục trưởng bắt lợn và giảng dạy cho sinh viên ngay trước cửa chuồng gia súc, có là ông thầy số một.

Thầy Hoàng Văn Năm là chủ nhiệm lớp đại học của tôi. Ngày cưới thầy, cả lớp xúm vào góp tiền mua đồ mừng, mà chỉ tặng nổi cái chậu thau hoa Trung Quốc. Hôm chúng tôi đến mừng, phòng cưới của thầy là gian nhà giáp khu trại thực hành. Bên này là phòng cưới, bên kia trâu bò kêu ò ò.

Nay thầy Năm đã là Phó cục trưởng. Mới đây Vận, Hoàng và tôi kéo đến thăm nhà thầy. Đợi một lúc thầy mới ở Cục về. Thầy mặt đỏ bừng bừng, vẻ mặt của người có hơi men. Thầy giải thích:

- Tớ vừa làm mấy cốc bia. Mình vốn có bia bọt gì đâu. Nhưng chiều nay bực quá! Mấy tay nhà báo, hỏi thế mà cũng hỏi!

Tôi liền đùa:

- Thầy ơi, trò của thầy cũng nhà báo đây. Không biết đăng nào mà hỏi là nghề của chúng em!
- Cậu khác. Thôi, hôm này thầy trò mình làm chầu bia nhé.

Thầy liền vào phòng trong, bê ra két bia và mặc cả, phải uống hết mới được về. Thầy và trò chúng tôi là vậy. Nay thầy trò tóc đã bạc cả lượt rồi. Khi lũ trò ra về, mới đến cổng, tôi nghe thầy bảo, đợi một tý. Rồi thầy xách ra chai rượu Tây cho tôi. Nhận chai rượu thầy cho, tôi đùa:

- Thầy ơi, lại chương trình rượu giả phải không ạ?
- Giả, giả là thế nào! Rượu biếu ông Cục phó, mà còn giả à!

Thầy ơi, biết đâu được đấy! Có thật chẳng là thật cái cuộc lũ học trò hôm nay đến thăm thầy! Một ông thầy nữa mà hỏi sinh viên tôi hay tha thẩn xuống thăm. Ông là Đặng Thế Huỳnh, dạy môn truyền nhiễm, một ông thầy hom hem, gày yếu. Thế xác gày, nhưng tinh thần, thì tràn đầy nhiệt huyết, truyền đạt kiến thức đời thầy cho trò.

Xuống chơi mà tôi cứ buồn. Thầy có chiếc bếp dầu nhỏ xíu, ba chân kiềng nhỏ như ba cái nan hoa xe đạp. Ngọn lửa vàng nhón nhén, nấu đồ ăn cho thầy, như hầm thuốc bắc. Thấy bảo, bữa ăn sáng của thầy là xuống khu chợ của trường, mua một quả chay chín. Tôi không dám hỏi ông,

chuyện ấy có thật không. Sao khổ đến thế thầy ơi!

Cuộc đời ông là chuỗi buồn. Dân miền Nam tập kết, chơi đàn hay và say mê khoa học. Một cô sinh viên vì tiếng đàn ghi ta đã đến với thầy. Lúc phụ nữ yêu, người ta mộng mơ lắm, sống trong lãng du. Khi bước vào cuộc sống gia đình, họ chẳng còn mơ mộng nữa, không thể yêu những giấc mơ lãng đãng của chồng. Thế là thầy đơn độc trên con đường đi tới toà lâu đài khoa học và cả trong mái ấm gia đình của mình.

Con đường khoa học lắm chông gai, nó gặm nhấm, tĩa rĩa ông. Thầy cũng bị những vụn vặt của cuộc đời, như tem gạo, đậu phụ, nước mắt, phiếu vải năm mét giày vò. Đến thời dạy chúng tôi, thầy vẫn nhiệt huyết, cái nhiệt huyết chảy ra của một ông thầy mệt mỏi, già nua.

Năm ấy lớp tôi tham gia hội diễn văn nghệ của trường. Nhìn cái áo ba đờ xuy của thầy, thấy hợp với nhân vật chúng tôi đang xây dựng, một nhà nghiên cứu tâm huyết, hùng hực với khoa học, học trò liền mượn áo của thầy. Sau buổi diễn, hể hả về thành công của vở kịch, chúng tôi quây quần uống chén chè nhạt, chúc tụng lẫn nhau. Trong khi đang chén chú, chén anh, thì thầy Hiền ghé vào. Chợt nhìn thấy nhân vật diễn vẫn mặc cái ba đờ xuy, thầy bảo:

- Các em chưa trả áo cho thầy Huynh à? Thầy chỉ có tấm áo ấy. Cho các em mượn, thầy rét đấy! Vì vô tình, chúng tôi không đứa nào biết rằng, ông thầy chỉ có mỗi tấm áo chống rét, lũ trò lại mượn.

Dù đêm đã khuya, trời lạnh, chúng tôi, những sinh viên nghèo và cũng rét, vội vã mang áo lên khu cán bộ trả lại áo cho thầy.

Giấc mộng khoa học không thành, chuyện gia đình dang dở, cuối cùng, thầy chọn con đường kiếm tiền cứu mình, tức là thi chuyên gia sang châu Phi. Số thầy long đong. Chuyên môn, kiến thức dễ dàng vượt qua, nhưng cái cửa tưởng như bình thường, lại không vượt nổi. Khi khám sức khoẻ, bác sỹ phát hiện, thầy bị suy dinh dưỡng. Ông giáo đại học bị suy dinh dưỡng. Thầy phải vào bệnh viện Việt - Xô điều trị. Ngày thầy nằm viện, một xe ô tô năm mươi sinh viên tự nguyện sang tiếp máu cho thầy.

Những tấm lòng thơm thảo của học trò, không cứu nổi ông thầy. Sau vài ba tháng, thầy Đặng Thế Huynh vì suy dinh dưỡng, mà ốm lâu đài khoa học về thế giới bên kia.

Ngày ấy trò đói, thầy khổ. Kết thúc giờ học buổi sáng, tới mười một rưỡi, đám con trai lên giảng đường thường giắt theo thìa trong túi. Hết giờ là lui ngay xuống nhà ăn, không phải tốn sức, phí thời gian leo lên mấy tầng cầu thang ký túc xá lấy thìa, bát. Thiếu và đói tới mức, có năm Nhà nước hết gạo, có chính sách, cho sinh viên tết nghỉ sớm và hè kéo dài. Hồi ấy ở khoa Cơ điện, có vụ thách đố, vì đói quá, một anh chàng bạo phổi cởi truồng lồng lộng chạy ra giữa sân để lấy năm cân tem phiếu thách đố. Còn chuyện cắm quán rồi chạy làng, thưởng bánh, thưởng chuối của mấy bà bán quà vặt là bình thường.

Chúng tôi ăn cơm sinh viên, sáu đĩa một mâm, lũ con trai cứ nháo nhào đổ tuốt thức ăn vào một xoong, xúm lại lấy thìa, xúc. Cái xoong lũng bưng cơm, rau, đậu và xào xào bọt, trông phát khiếp. Việc chung đụng làm bệnh truyền nhiễm lây lan mạnh trong sinh viên và cảnh ăn uống chả văn hoá tí nào, nhà trường phải viết, vẽ khẩu hiệu khắp tường nhà ăn: Cấm ăn cơm bằng thìa. Hồi đó lắm khẩu hiệu và cấm lắm thứ lắm. Cấm ỉa đái bậy lung tung, đặc biệt cấm ỉa đái bậy trên mái thượng, cấm rửa ráy, hắt nước từ trên gác xuống, cấm tụ tập nói chuyện và yêu đương trước nhà sinh viên nữ, cấm hái hoa quả ở vườn thực vật, cấm ra ngoài làng ăn quán, cấm đun điện, cấm chặt bồ giường và lan can gỗ đun, cấm....

Chúng tôi học môn triết năm thứ nhất. Giảng dạy môn này là thầy Lâu Dài. Thầy, trán gồ bướng, miệng chầu ra, cái mũi chun chun, trông rất hề.

Môn triết vốn khô khan, nhưng với cách giảng hài hước của thầy, lũ sinh viên học không ngán. Dù không chán, nhưng đánh đu với các khái niệm triết học, nào vật chất, cặp phạm trù,... sinh viên vẫn chật vật học. Nhất là cái định nghĩa vật chất của ông Lenin, thuộc như cháo chảy, mà vẫn chẳng rõ ông nói gì.

Giảng về tương lai, khi bước vào thời kỳ cộng sản, ông bảo mọi người hưởng theo nhu cầu.

Nghe ông nói, tôi hỏi:

- Thưa thầy, lúc đó muốn hưởng theo nhu cầu thế nào cũng được ạ?

- Đúng, như anh muốn mấy đĩa thịt bò xào cũng được. Cứ việc ngủ, cứ việc ăn, thoải thích.

Cái món thịt bò xào tỏi, tác giả là thầy. Trong các tiết học, thầy Lâu thường đưa ra nhiều minh hoạ cho phần nội dung bài giảng. Minh hoạ thầy mang ra nhiều nhất là món thịt bò xào tỏi, minh hoạ rõ tới mức, chúng tôi thuộc lòng cách thức xào thịt bò như thế nào, mặc dù đa phần lũ sinh viên chưa một lần được rờ chân đến hàng ăn. Thầy cứ chun mũi, nhíu trán, tả cách thức anh đầu bếp xào thịt bò:

- Thịt bò thái mỏng nhé, mỏng tang ra thế này này. Thầy giơ tờ giấy minh hoạ. Mỡ... mỡ nhé, tỏi nhé, phi già lên, rồi thả thịt vào. Đảo nhanh. Xèo... xèo, thịt nó xoắn lại. Thơm... thơm là!

Ông chun mũi, khịt khịt hít, còn giọng.... dài ra. Buổi trưa học sinh đói, bụng kêu ùng ục, lại ngửi thấy mùi thịt bò thơm lừng của thầy Lâu, chị nào anh nấy tứa nước miếng. Có cậu còn thò tay xuống túi quần, sờ cái thìa, vô tình làm nó rơi xuống nền nhà, kêu đánh keng. Thầy Lâu Dài nghe thấy, cười:

- Đói rồi hả? Thôi không ngủ, không ăn thịt bò xào tỏi nữa. Cho giải tán!

Chuẩn bị cho môn thi triết, thầy Lâu Dài phụ đạo cho lớp. Ban cán sự lớp chụm đầu lại, xem trong giờ phụ đạo, lớp bồi dưỡng món gì cho thầy. Hồi ấy chưa có đoạn trò biếu thầy phong bì. Ban cán sự quyết định bồi dưỡng món nước chè đường.

Không rõ ai mượn được cái ca nhôm ở đâu ra mà to thế, phải chứa hết cả lít nước. Ca nước chè

đặc, hoà cả lạng đường hoa mai, đặt trên bàn của thầy. Thầy Lô Dài say sưa tổng kết, tập hợp các kiến thức triết học. Tất nhiên, trong phần minh hoạ về vật chất, ông không thể quên anh thịt bò thái mỏng, xào tỏi thơm lừng. Khoảng gần cuối buổi, học trò thấy thầy giơ cao cái ca:

- Các em cho biết, đây có phải là vật chất không?

Học trò râm ran:

- Đúng ạ, đúng ạ! Vật chất đấy ạ!

Thầy Lô Dài cao giọng, hỏi tiếp:

- Thế vật chất là cái này phải không?

Trong khi nói, thầy dốc ngược cái ca, giơ lên:

Lác đác có tiếng trả lời và vội dừng ngay. Cái ca nước chè to tướng, pha đậm đặc đường hoa mai đã hết từ lúc nào không hay. Đến mức, thầy dốc ngược lên, không còn thấy một giọt nước đường nào rỏ xuống. Mấy vị trong ban cán sự vội nháy mắt cho nhau, nhanh tay ra pha tiếp cốc nước chè đường, mang lên bục giảng cho thầy phụ đạo triết học.

Học nghề thú y sau này giúp khối cho tôi trong nghề báo. Một lần tôi đang ngơ ngơ trước mấy hàng ăn, định lấy tư liệu viết bài vệ sinh thực phẩm vào hè, thì nghe tiếng gọi giật giọng. Hoá ra một ông bạn quen, lâu ngày không gặp nhau. Thế là tôi bị lôi tuột vào bàn nhậu. Bàn nhậu còn có mấy vị nữa. Sau cốc bia trăm phần trăm, tôi liếc xuống bàn, hy vọng có đồ mời gì, kiểu “dô” thế này xỉn mất. Nhưng chết cha, trên bàn chỉ có bát mắm tôm đỏ au, vắt chanh sủi bọt, cùng đĩa lòng xe điều vơi nửa, miếng nào miếng nấy tròn căng, trắng hồng. Tôi thở dài, buông dưa, nghĩ bụng, tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa...

Chả là gần nhà tôi có anh chuyên nghề chế biến lòng lợn, nên tôi biết và cách đến già, không nhúng dưa vào móm lòng lợn bán đường bán chợ.

Cứ theo sách thì, thức ăn được dạ dày co bóp, rồi chuyển xuống ruột non. Ở đây có quá trình tiêu hoá chuyển thức ăn thành dưỡng chất, đẩy lên phía trên, đoạn ruột sát dạ dày. Quãng ruột đó dài cỡ hai mươi phân. Phần cận bã thì bị tống xuống ruột già, gọi là phân. Nơi thôn quê, khi giết lợn người ta bắt phèo, tức là túm đoạn ruột dài độ hai mươi phân, luộc ăn ngon.

Nay các nhà hàng sáng tạo ra, bắt phèo đoạn lòng dài tới vài mét. Họ không tĩa, ken qua, rồi nhúng tái. Đoạn lòng ấy chứa dưỡng chất, phân non và rất nhiều giun sán. Gặp nước nóng, đoạn lòng căng tròn ra, người ta gọi thứ ấy là lòng xe điều. Lúc khách xỉn, hay vớ phải khách sành ăn, nhà hàng tính kha khá.

Nể lời ông bạn mời và ông ta cứ nắc nỏm khen món lòng xe điều hôm nay giòn sừn sựt, tôi đành cầm dưa chọn một miếng, rồi gấp bỏ vào cái đĩa rếch ở giữa bàn. Tôi cẩn thận cầm dưa day day miếng lòng. Thấy hành động lạ, mấy ông cùng bàn bia dừng ăn, uống, đổ dồn mắt vào đầu đôi dưa của tôi. Bất thần từ hai đầu miếng lòng, một khối nhờ nhờ, dùng đục phùn ra,

tiếp đây là một vật hình bầu dục to bằng hạt bưởi tuồn ra tiếp. Tôi khẽ nói, đây là con sán tai hồng, các nhà thú y học gọi là sán lá ruột lợn. Ở miền Bắc, gần như một trăm phần trăm lợn nhiễm loại sán này.

Tôi còn giải thích, may là không phải lợn gạo. Nếu ăn phải lợn gạo, thì theo lý thuyết, mỗi người chỉ chứa được một con sán dây, do cạnh tranh sinh tồn mà. Con sán dây dài chừng vài chục mét. Lợn gạo phải huỷ, tức là đem chôn. Nhưng bây giờ có thấy ai đem thịt đi chôn đâu.

Mua phải thịt lợn gạo, nhà hàng sẽ tẩm phẩm đỏ xanh, gia vị hành tỏi tra vào. Hỏi vào quán, ai lại cứ nhăm nhăm gắp miếng giả cày, hay miếng thịt bò tái trong bát phở đưa lên mắt xem có gạo không, ăn thế mất ngon, ăn mà toàn nghĩ tới sán, ăn sao nổi. Mà phải ông nhà hàng cao tay, đem xay cho nhuyễn, làm thành... giò chả gạo. BỐ ai biết.

Ta ăn lợn gạo, không phải là ăn sán, mà chỉ là ăn ấu trùng sán thôi. Vào đến bụng rồi, nó mới nở ra thành con sán dây dài tới vài chục mét kia. Và thỉnh thoảng, nó đứt vài đốt chứa đầy trứng, trứng theo phân thải ra ngoài. Lợn, bò ăn phải trứng sán, nó sẽ chuyển thành ấu trùng, ngụ ở các phần cơ, như cơ đùi, cơ lưng, cơ hoành, đó là gạo, tức ấu trùng sán.

Nghe tới đây mấy ông bạn kia há hốc mồm, chẳng hiểu các vị quá ngạc nhiên, hay vì miếng lòng xe điều còn dang dở trong miệng và lo cho cái bụng của mình, có con sán dây dài tới vài chục mét không.

Tôi cam đoan, mấy ông ấy, chẳng cần phải đọc bài báo của tôi về an toàn vệ sinh thực phẩm, từ đây sẽ vệ sinh thực phẩm lắm.

"*Dân Thanh Hoá ăn rau má phá đường tàu*". Mới đầu tôi cứ tưởng chỉ mỗi Thanh Hoá nhà ta mới ăn rau má, sau này vào Nam, thấy hàng giải khát bày bán nước sinh tố rau má, tôi cứ ngạc nhiên.

Năm học thứ tư chúng tôi về thực tập ở một huyện đầu tỉnh Hải Hưng, giáp ngay Hà Nội, huyện Mỹ Văn bây giờ, hình như tên xã đó có nghĩa là con đường vui. Tôi không nhớ tên ông chủ nhà lũ sinh viên chúng tôi trọ.

Nhà có ông, bà chủ và bà mẹ già, họ đều cao tuổi. Bà mẹ khoảng gần tám mươi, cụ bị ốm đau gì đó, suốt ngày nằm trong buồng. Trọ, song sinh viên chỉ ngủ, còn ăn uống, thì hợp tác lo, làm thôn nào, ăn cơm thôn đó. Khoảng trưa, hay chiều tối, chúng tôi mới về nhà trọ.

Những lúc về nhà trọ, tôi đều thấy ông chủ lóc cóc băm đám rau. Ông ta băm kỹ càng lắm và cũng chỉ có một nhúm rau thôi. Tiếng băm canh cách, đều đặn. Tôi dân ăn gạo sỗ, nhà không chăn nuôi lợn bao giờ, nhưng nay học nghề liên quan đến lợn gà, nên nay cũng biết chút kiến thức dinh dưỡng cho gia súc. Thấy cảnh ông già cần mẫn băm rau lợn, ngạc nhiên, tôi hỏi anh bạn lớp trưởng Ký, người cùng nhóm thực tập:

- Ông này, tôi thấy lạ, trưa, chiều nào ông chủ cũng chí chát băm rau lợn. Rau lợn gì phải băm kỹ thế, lại chỉ có một nhúm?

- Lợn đâu mà lợn! Băm cho người ăn đấy! Băm rau má để ghế vào cơm.

- Ăn rau má? Độn rau má?

- Chứ còn gì nữa! Không biết à? Ngày nào ông ta chẳng băm. Để độn rau má, người ta phải băm kỹ. Cơm sắp cạn, thì ghế vào. Đói, dân ở đây đói lắm!

Đến lúc này tôi mới ngẫm ra. Làng quê hiu hắt, gia đình chúng tôi trọ còn hiu hắt hơn, như nhà hoang. Tôi cứ tưởng tượng, căn nhà này như ngôi nhà trong một truyện ngắn *Quái dị* của Nam Cao. Trừ lúc lũ sinh viên có mặt, thì có tiếng người, còn tịnh không nghe thấy một âm thanh nào, ngoại trừ tiếng húng háng ho của bà già ốm trong buồng vọng ra và tiếng lách cách băm rau má độn cơm của ông chủ. Đến tiếng chó sủa, mèo kêu cũng không.

Trong khi dân đói, thì cơm tiếp sinh viên bữa nào cũng thịt cá ê hề. Chúng tôi về thực tập ở đây theo hợp đồng của nhà trường với các hợp tác xã trong huyện để chăm sóc sức khoẻ đàn trâu bò tập thể. Hợp đồng là dạng manh nha kế hoạch ba, làm ăn kinh tế, đổi mới sau này. Công việc gồm hai phần: Trước hết là tiếp nước đường cho trâu và sau khi vực sức khoẻ chúng lên, sẽ tiến hành thẩm mỹ - tức vá mũi. Con trâu hai ba tạ, tiếp mấy chục gam đường glucô, khoẻ mạnh lên thế nào được, ngang bằng voi uống thuốc gió! Đám trâu bò còn bị lũ sinh viên chưa quen tay tìm vein, dùng xơ ranh đâm chọc cho, máu vãi ra hàng bát.

Ngày buổi đầu tiên, kiểm tra số lượng trâu bò của hợp tác xã cấp cao toàn xã, chủ nhiệm thông báo: bầy thôn còn tất cả mười lăm con trâu. Bao năm quản lý chặt chẽ, muốn giết trâu, phải đơn từ trình lên tận chủ tịch huyện, vậy mà trâu bò cả xã còn mười lăm con. Đói, rét và vất vả cày kéo ruộng đất tập thể, chúng chết hết mất rồi. Sinh viên hỏi, thế thì lấy sức kéo ở đâu, ông chủ nhiệm thở dài, thiếu đấy, thôi thì lấy sức người ra cày cuốc ba trăm ha ruộng đất của hợp tác.

Sau khi bàn bạc, nhóm sinh viên đưa ra phương án, với số lượng trâu bò trên, chỉ tập trung làm độ dăm hôm là xong. Xong việc, tất cả về thăm nhà. Tâm lý sinh viên, ai chẳng thích tranh thủ biến về quê vài hôm. Vừa nghe vậy, ông chủ nhiệm giãy nảy: Sao chỉ dăm hôm. Lên kế hoạch rồi, phải đủ mười hôm. Nói xong, ông ta đọc luôn, chi tiết từng ngày, từng thôn và giờ bản kế hoạch có chữ ký cùng dấu đóng đỏ chót, nhấn mạnh, Ủy ban xã duyệt rồi đây này.

Con trâu là đầu cơ nghiệp, bao đời nay có câu ca vậy. Chỉ đến khi bước vào thời kỳ làm ăn tập thể, con trâu chẳng còn là đầu cơ nghiệp của riêng nhà nông nào nữa. Nó là cơ nghiệp chung, toàn dân cùng giữ. Sau biết bao lý luận và giáo dục về tinh thần làm chủ tập thể, nó sinh ra cái thứ tinh thần làm chủ: tôi nghĩ anh giữ, anh nghĩ chị giữ, chị lại nghĩ ông thôn bên giữ, ông thôn bên nghĩ bà xã bên giữ, để cuối cùng, ai cũng nghĩ ai giữ.

Trâu cười, chắc chỉ có trong truyện tiểu lâm. Thế mà dưới thời hợp tác, lũ trâu toàn toe toét cười. Của chung, nên ai cũng thẳng tay giật kéo. Cái mũi bằng thịt, không chịu nổi, toác ra thành cười.

Vụ con trâu ở thôn đầu tiên chúng tôi chăm sóc, ông chủ dắt ra. Con trâu đã gầy, ông chủ còn khảng khiu hơn. Ông này tính vui nhộn, vừa dắt trâu ra, vừa oang oang nói với nó, nói với trâu mà như nói với người:

- Sung sướng nhé! Chuyển này mày được xã hội quan tâm, chăm sóc sức khoẻ đấy! Được tiếp cả nước đường nữa. Đến như vợ tao là người, ốm đặng phải khênh lên nhà thương huyện, mới được tiếp chai nước đường. Báo cho mày biết, các cô chú sinh viên còn đem mũi mày ra đẽo, cho mày đẹp. Lúc ấy, không còn kiêu khinh mạn, cười nhạo chúng tao nữa!

Rồi ông tiếp:

- Sao mày cứ ngẩng mặt lên cười? Mày có biết kế hoạch tiếp khách không? Còn cười nữa, ông đề nghị cho mày vào kế hoạch tiếp khách, thì rồi đời con ạ!

Ông ta nói, còn lũ sinh viên cười rinh rích. Mới đầu nghe ông nông dân dọa dẫm con trâu về kế hoạch tiếp khách, tôi không rõ ông ta nói gì, sau đó mới hay kế hoạch đó là gì.

Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, thì phát hiện ra lửa, ra chữ viết, rồi dùng tiền thanh toán là văn minh của nhân loại. Các phát kiến này, đôi lúc người ta lại bỏ đi, không dùng nữa. Như cái xã tôi đến thực tập, họ sáng tạo ra vật trung gian thanh toán là chó, gà, lợn, thóc.

Một cân lợn hơi bằng sáu cân thóc, một cân gà hơi bằng ba cân lợn hơi, một cân chó hơi bằng ba cân lợn hơi, một cân chó hơi bằng mười tám cân thóc. Đây là công thức hợp tác xã áp dụng tính cho xã viên. Khi nộp sản phẩm chó, gà, lợn, dùng cho các bữa tiếp khách, xã viên ứng trước, không ưng cũng phải nộp. Nếu cần, cán bộ cứ nhảy vào chuồng, vào sân nhà xã viên mà bắt. Đến vụ, hợp tác quy ra thóc, trả. Tất cả tính vào công điểm, chia đều, xã viên cùng đóng góp. Công bằng, dân chủ, phát huy được tính quần chúng, mà lại công khai.

Anh làm chủ nhiệm đã ba năm

Ba năm vật lộn với khó khăn

Cái nhà ông chủ nhiệm, nơi chúng tôi đến thực tập, khác với anh chủ nhiệm của nhà thơ Hoàng Trung Thông miêu tả. Ông chủ nhiệm này chỉ bận rộn với kế hoạch bắt chó, giết lợn, bố trí nhà xã viên nấu ăn để tiếp khách. Thảo nào nhà ông chủ tôi trọ, không có tiếng chó sủa, gà kêu. Hợp tác xã lên kế hoạch tiếp chúng tôi rất chi tiết: từng ngày, từng thôn, từng nhà, từng bữa, tiếp bằng lợn, hay chó, bao người ăn, đặc biệt cái vùng này có khoản tiết canh chó, tiết đở lòm, ăn mát và bổ! Có tất cả năm khách sinh viên, mà hằng ngày hợp tác xã bố trí tới ba mươi cán bộ tiếp đón. Thành phần chủ nhà gồm: đại diện đảng uỷ, uỷ ban, xã đội, an ninh, hội phụ nữ, mặt trận, thanh niên, y tế, người cao tuổi,....

Riêng ông chủ tịch xã tiếp khách từ tờ mờ sớm. Ông này rất ưa khoản tiết canh và đôi bầu dục chần tái. Khi sáng con lợn vừa được ngả ra, trước khi ra trực Ủy ban nhân dân, ông chủ tịch tạt vào, xoi trước bát tiết canh và đôi bầu dục chần, cùng dấm chén rượu nhạt.

Sáng đó chúng tôi chăm sóc sức khoẻ cho một con trâu. Con này yếu quá, anh em tiếp nước lại nhanh, nên nó xốc. Sinh viên phải hồi sức cấp cứu mãi, tiêm mấy xơ ranh ca-phê-in, nó mới tỉnh tỉnh. Mãi mười một rưỡi mới xong việc, chúng tôi kéo tới nhà một xã viên, hợp tác bố trí nấu nướng tiếp đoàn bữa trưa.

Khi tới nơi, chỉ còn mâm cơm phần sinh viên bày ở chiếc chiếu góc nhà. Đợi khách lâu quá, các mâm khác, chủ nhà đành tiếp trước hết rồi. Nhìn thấy mâm bát còn vương vãi, lũ trẻ ba, bốn đứa con nhà chủ đang mút mát xương và húp canh dở các mâm. Mò mề xương xấu đồ thừa xong, lũ trẻ quay ra ngấm nghĩa đám sinh viên ăn. Nhìn lũ trẻ xanh xao, đứa thò lò mũi, đứa bụng ỏng chăm chăm nhìn, tôi không nuốt nổi. Chả ai bảo ai, lũ sinh viên vội ăn cho nhanh và bỏ lại gần nửa mâm, để đám trẻ còn có cái hôi tát.

Ăn xong, chủ nhà mời khách xuống nhà ngang. Bước vào nhà, thấy đủ văn võ bá quan đoàn thể, họ đang quây quần quanh mấy chiếu bạc. Mặt mũi ông nào ông ấy đỏ gay vì bữa rượu, họ mới tiếp khách sinh viên. Dịp ấy là vào khoảng giữa năm 1984.

CHƯƠNG III - 21

Vào dịp cuối năm thứ tư, tôi đi thực tập tốt nghiệp. Tôi và Nga, quê thị xã Phủ Lý cùng một nhóm. Chúng tôi về thực tập ở trung tâm nghiên cứu vịt.

Khi mới đến, Nga bảo tôi, anh giả vờ là người yêu em, thật tình cảm vào. Tôi chả rõ, sao phải làm vậy, nhưng cũng nghe theo bạn, đóng mình như người yêu thật. Việc đóng không phức tạp gì, chỉ cần xưng anh, gọi em và một vài việc quan tâm giúp, thế là thành yêu nhau rồi.

Cũng vì giả đóng tình yêu, tý nữa tôi mất anh bạn. Tôi và Lũy ở cùng phòng ký túc. Cậu quê Gia Lộc, giờ làm Phó giám đốc Trung tâm Thú y Hải Phòng. Lũy và tôi thân nhau như anh em ruột. Cậu mấy năm đơn phương yêu Nga và bao lần thổ lộ với tôi. Khi thấy tôi tình cảm với Nga, anh bạn tưởng rằng chúng tôi yêu nhau, thế là cậu chàng lẳng lặng buồn và đau khổ. Mãi mấy năm sau Lũy mới tâm sự ra điều đó. Tình cảm, suy nghĩ của con người phức tạp thế. Cũng chả trách Lũy, tin bạn còn mất vợ nữa cơ mà!

Việc giả yêu, sau này khi thực tập ở đây, tôi mới hay, phụ nữ thật khổ. Và Nga biết trước những chuyện phức tạp này. Là con gái đi thực tập, lại chưa có người yêu, sẽ rất mệt, mấy ông lãnh đạo xúm vào. Mất bao tháng ngày ăn học, có vượt qua ngưỡng này, mới giành được tấm bằng đại học, nhiều cô đành cố mà chịu.

Y như rằng, cái ông lãnh đạo ở trung tâm vịt có cái máu dê. Tôi không chứng kiến cảnh dê của ông ta, vì dù có dê, ông ta cũng không dê với tôi. Chỉ nghe kể một câu chuyện đã thấy lộn ruột. Có hai sinh viên mấy khoá trước về thực tập, ông ta thích một cô. Họ ở cùng phòng, ngủ cùng giường. Một đêm, ông kia máu quá, mò vào. Cô sinh viên mà ông ta định tòm tem, lại nằm phía trong. Muốn vào, ông ta phải trườn qua cô sinh viên nằm ngoài. Trong lúc đang trườn, cô này tỉnh giấc. Ông kia vội bịt mồm cô ta, trấn an: *Anh... không em đâu.*

Việc kín như thế mà nó cứ toé ra. Sau đó ở trung tâm, nhiều người chào nhau bằng câu cửa miệng: *Anh... không em đâu.* Chuyện nghe như tiểu lâm, thế mà việc hành sự của ông ta vẫn xong.

Xin tả một chút về ông này. Người cao lêu đêu, gày như ống sậy, mặt dạng lưỡi cày. Ấn tượng nhất là đôi mắt tèm nhem, di chứng của tục rửa nước ao tù, nên đau mắt hột. Thứ nữa là cái bình và cảnh ông ta xịt thuốc vào mũi. Bị bệnh phế quản, ông ta luôn giắt theo mình cái bình xịt thuốc kháng sinh dòng streptomycin. Cứ lên cơn là ông ta đút cái vòi vào lỗ mũi, xịt xịt, bóp bóp, trông đến tởm. Hình dung như vậy mà ông ta xơi được khối sinh viên thực tập. Phải chịu với ông ta, kể cũng khiếp!

Phép của Nga áp dụng lại đâm ra hiệu nghiệm. Cái ông máu dê kia không dám đụng vào Nga. Chỉ khổ nỗi, cả hai chúng tôi bị hành, phải thực tập y như là thực tập thật. Trung tâm vịt được đầu tư khá lớn. Thấy bảo trung tâm này sẽ thành nơi nghiên cứu vịt tầm cỡ quốc gia, tầm cỡ

khu vực và quốc tế. Nghe nói nó được các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đổ vào rất nhiều tiền, quy đổi ra tới cả triệu rúp - đô la.

Tâm cỡ thế nào chưa biết, chỉ thấy rằng, trứng đưa vào ấp, đa phần thành trứng vịt lộn và lũ vịt Tây Anh đào gốc nhập về, nặng ba bốn cân, lai ra thành giống vịt trắng đen, chạy khắp các cánh đồng vùng Từ Liêm, Hà Nội, đến mấy huyện vùng cầu Giẽ, Hà Tây,..... Một thành quả nữa là cái lò ấp vịt thủ công, dùng dầu hoả, công trình nghiên cứu khoa học của Viện Nuôi vịt đưa xuống, rất tai quái, cứ sến người ra, nhiệt độ lên vù vù. Có lúc nhiệt kế báo tới bốn lăm độ xê. Vịt, chứ người nhét vào ấp, cũng thành người đen.

Thế nên công nghệ ấp vịt chính của trung tâm nghiên cứu này là chảo gang và thóc rang ủ trứng, còn điều khiển quy trình ấp trứng là một anh nông dân hợp đồng. Anh này tính hơi bị dở, thích thì làm, không thích thì thôi. Mấy tay kỹ sư chăn nuôi, cán bộ nghiên cứu của trung tâm, nguyền rủa nghe anh ta sai phái. Họ phải nghe, bởi anh ta được ông lãnh đạo mắt tèm nhem kia cưng chiều.

Nhiệm vụ của trung tâm rất nhiều, song quan trọng nhất là khâu đón tiếp kính thưa các đoàn khách của Bộ chủ quản qua đây. Trong khi đón tiếp, ít thì đưa khách ra đánh chén lòng lợn tiết canh ở mấy quán xá khu vực thị trấn gần đó, rồi kính tặng mỗi thành viên đoàn vài ba chục trứng nghiên cứu ấp dở, sắp thành vịt lộn. Trứng nghiên cứu đưa vào ấp đều đánh số, ghi tử mỹ vào sổ về lý lịch cụ kỹ hai bên nội ngoại con vịt. Công việc của Bộ nhiều, nên các đoàn của Bộ qua đây cũng sẵn, họ cứ đều đặn vào thăm Trung tâm, một tuần chí ít cũng tới mười đoàn. Thời gian chúng tôi thực tập khoảng hơn nửa năm, từ tháng mười đến tháng sáu năm sau. Do hoàn cảnh khó khăn, các cơ sở bung ra làm kinh tế. Tuỳ theo sự tháo vát và cách làm ăn của từng nơi, kế hoạch ba rất đa dạng. Kế hoạch ba của trung tâm này là dùng quỹ công đoàn mua một con bò. Dịp mua bò đúng vào đợt chúng tôi đến thực tập ở đây.

Đất của Trung tâm rộng, không trồng cấy gì, để cỏ mọc hoang, con bò kia ăn tự do. Không như trung tâm nghiên cứu bao đề tài, như: nuôi vịt thế nào lớn nhanh, mà không tốn thức ăn; trứng vịt loại nào ấp, tỷ lệ ấp ra nhiều... trứng vịt lộn. Đại loại toàn nghiên cứu tầm vĩ mô. Còn con bò kia chỉ chăm chỉ ăn, chẳng cãi cọ với ai, chẳng phấn đấu chỉ tiêu nào, cũng không phải ra tiếp khách từ Bộ xuống.

Đến kỳ chúng tôi hết đợt thực tập, cũng vào dịp trung tâm bình bầu, xét duyệt lao động tích cực giữa năm, bọn sinh viên thực tập chúng tôi chẳng thuộc loại dạng nào, vẫn vinh dự được lôi vào họp. Ngồi cho có mặt, dự cho có đủ thành phần, tôi biết vậy, nên yên phận tìm một góc, im im họp bình bầu.

Cuộc họp rất căng, moi móc ra đủ chuyện. Ông lãnh đạo mắt tèm nhem còn sùi bọt mép giảng giải về chỉ tiêu, mục đích phấn đấu của Trung tâm, về nghĩa cử cao đẹp mà các nước phe xã hội

chủ nghĩa anh em Đông Âu, dành cả triệu rúp-đô la ra viện trợ cho chúng ta,...

Đến mục bình bầu lao động tích cực, nghĩa là những thành viên nhiệt huyết, hết lòng phấn đấu vì trung tâm, trong không khí tranh đấu của mọi người, bất chợt tôi ngó ra ngoài cửa sổ, trông thấy con bò, nó đang nhớn như gặm cỏ.

Chỉ sau năm, sáu tháng được hít thở khí trời tự do, thoải mái gặm cỏ, và chẳng có ai định hướng cho nó cả, chú bò gầy gơ xương trước kia, nay thành mũm mĩm. Ôi, con vật ít tư duy kia lại đem cho xã hội một đồng của cải, vật chất cụ thể. Giá trị của nó là mấy chục cân thịt nục nạc. Chẳng như một lô cán bộ nghiên cứu hợp trong phòng này, toàn là trứng vịt lộn. Bất chợt phát hiện ra điều lý thú kia, suýt tôi giơ tay, bầu con bò là lao động tích cực, không, phải lao động xuất sắc cơ. May mà tôi mới chỉ thoáng có ý nghĩ trong đầu. Hôm ấy mà bầu con bò là lao động xuất sắc, thì tôi chẳng có cái bằng đại học như ngày hôm nay.

CHƯƠNG III - 22

Bạn bè lớp tôi tốt nghiệp ra trường, đa phần hành nghề mình học. Chỉ có vài đứa rẽ ngang. Hai đứa học sinh giỏi, giật giải thành Nam Định hồi phổ thông, là Thềm và Tùng, xin mãi không được việc. Thềm đành ở nhà bán vật liệu xây dựng, còn Tùng rẽ sang nghề bảo hiểm. Với sức học như Thềm, một, chứ hai, ba bằng tiến sỹ, giật nhẹ như lông hồng. Kẻ thứ ba bỏ nghề thú y là tôi, ra làm báo. Tiếp đó đến Hoàng, sản xuất kinh doanh.

Hoàng quê huyện Tứ Kỳ. Lần tôi và Hoàng đến nhà thư pháp Nguyễn Xuân Hoà, xin chữ, sau khi hỏi quê Hoàng, cụ giảng giải, Tứ Kỳ là bốn lá cờ, đất nghèo, mà xưa, vùng ấy đồ đạc và làm quan nhiều lắm. Thảo nào, hồi học đại học, Hoàng cũng tay học tầm cỡ trong khoa.

Ra trường, mới đầu Hoàng vẫn làm nghề mình học, phụ trách thú y xưởng chế biến thực phẩm, sau đó lên phụ trách xưởng. Tuy không học kinh tế, nhưng cậu chàng có đầu óc kinh doanh.

Trong cảnh nửa đổi mới, nửa bao cấp, phụ trách cái xưởng ngót trăm công nhân, không những Hoàng giải quyết đủ đầy lương, mà mỗi năm còn nộp lên công ty cả tỷ đồng lãi.

Điều trái khoáy là vị giám đốc hơi tham. Đáng lý ra, vị ta cứ ngồi trên mà hưởng, thì lại nghĩ, cái xưởng này còn bỏ nữa. Ông ta liền nhét chân tay vào và hất anh chàng Hoàng ra.

Lãnh đạo công ty của Hoàng hình như có bệnh tham tiền sử. Ông cụ giám đốc trước, vì xoi nhiều quá, nên phải vào tù cỡ mười năm, cái án tù kinh tế nổi tiếng tỉnh này một thời.

Đến ông giám đốc này cũng không kém cạnh. Ông ta làm xiếc tởi. Từ tởi Tàu biến hoá thành tởi xuất xứ ta, rồi đem ra xuất khẩu, lấy phần trăm tiền của Chính phủ hỗ trợ nông sản xuất khẩu.

Ông này vẽ dự án đại tài. Cái dự án tuyệt mỹ và thành công nhất là việc đem trụ sở công ty ở ngay ngã tư nhà máy sứ, vuông thành sắc cạnh, đẹp đẽ vậy, bỏ ra làm đôi, bỏ cả đất lẫn nhà, rồi bán cho anh ngân hàng. Ông giám đốc này điển hình cho lớp cán bộ một thời yêu và toàn sống dựa trên các chính sách của nhà nước, bòn rút công quỹ giỏi và di dời an toàn, trước khi tàu đắm.

Anh chàng Hoàng bị ừn bằng cách điều ngược lên trên. Tiếng là phó giám đốc, nhưng là phó hò, ngồi chơi xơi nước và nghiên cứu báo Nhân dân. Đang làm việc, giờ bị đẩy ra xơi nước, Hoàng chán quá. Cuối cùng, anh chàng giấu, hùn vốn với mấy anh em, mở cơ sở kinh doanh. Việc đó thì không giấu được ai. Giám đốc tìm mọi cách đi Hoàng, đi tới mức, cậu ta có nguy cơ bị khai trừ khỏi Đảng. Lúc đó Hoàng thường đùa, giờ em là loại đảng viên xấu nhất, nhì tỉnh.

Hồi Hoàng còn ở Công ty cũ, tôi và Tô Quang Nam, nay là Trưởng ban Thời sự báo Tiền phong, từng nửa đêm lên xe lợn của công ty đi Thái Bình điều tra, xem người ta hành chính sách khuyến khích nông sản xuất khẩu như thế nào. Trên xe, tôi và Nam được cả đêm ngủ phân lợn, trưa hôm sau đói quá, phải mua trứng vịt lợn ăn lấy no.

Trong khi công ty cũ, Nhà nước đầu tư mấy chục năm trời, đất cát, vốn liếng tới vài ba chục tỷ,

vẫn làm ăn lẹ đẹ. Còn công ty Thăng Lợi của Hoàng, thuê được vốn vẹn ba ngàn mét vuông đất, vốn tự bỏ ra, mà nay sản lượng xuất khẩu lợn sữa đứng đầu trong các công ty cùng ngành hàng các tỉnh phía Bắc.

Có lần tôi đi với Hoàng tới một công ty bạn. Gần hai trăm cán bộ công nhân, một nửa là chân gián tiếp. Mới cuối chiều, khoảng sân rộng ngót ha, cánh hành chính nô nức chơi cầu lông, còn công nhân dưới xưởng đang ề nhau chọc tiết và vật lông lợn.

Chả bù cho công ty của Hoàng, chỉ mười người ăn lương gián tiếp, còn lại việc gì cũng khoán.

Đến như việc cúng lễ cuối năm cũng khoán. Một năm ngày áp Tết, tôi cùng Lê Việt Hùng, phóng viên báo Nông nghiệp xuống cơ sở Hoàng chơi, thấy ông thầy lui cui ngồi gõ mõ, khẩn lễ, bên cái miếu dựng trước khu nhà xưởng. Hoàng giới thiệu:

- Ông thầy đang cúng đấy. Nghề sát sinh này phải chu đáo. Bao sinh linh lang thang quanh đây. Chúng mà quấy nhiễu là mệt.

- Sao có mình ông thầy. Nhân viên công ty đâu, không có người phụ lễ?

- Khoán, khoán cả rồi. Cứ cúng hết ba tiếng là xong, năm giờ chiều đến tám giờ tối.

Tôi đùa:

- Khoán thì khoán chứ, cũng phải kiểm soát. Không người giám sát, nhỡ cứ lộc lá thầy khẩn hết về nhà thầy, hay mang tuốt tên tuổi anh em, con cái ra kêu cầu, thì các ông mất toi tiền à!

CHƯƠNG III - 23

Tôi tốt nghiệp đại học vào cuối năm 1985, năm đầu tiên Nhà nước áp dụng chế độ sinh viên tự xin việc. Thế là thoải mái quá. Ngay từ khi bước chân vào trường, sinh viên ao ước, ngày ra trường, được tự đi liên hệ. Tôi được mấy đồng hương khoá cuối quân sự cho, cứ nhận chân cán bộ lớp, nghiêm nhiên khi ra trường, được suất liên hệ. Nghe theo lời quân sự, trong buổi bình bầu, sắp xếp cán bộ, tôi hăng hái đề cử mình và được luôn chân lớp phó phụ trách quỹ.

Một cái lớp vốn vẹn hai mươi tám sinh viên, có tới năm cán bộ, gồm: lớp trưởng phụ trách chung - Ký; lớp phó phụ trách học tập - Tùng; lớp phó phụ trách đời sống - Huệ; lớp phó phụ trách lao động - Toại; lớp phó phụ trách quỹ là tôi, chưa kể mấy vị công tác Đoàn. Bộ máy như vậy cồng kềnh quá. Có lẽ vì ảnh hưởng từ trứng nước, nên các cơ quan nhà nước của ta, bộ máy mới cồng kềnh chẳng?

Năm năm làm cán bộ tôi mất khá nhiều công sức họp và giữ tiền của lớp, quỹ toàn những giấy và chữ ký. Đùng một cái, lúc ra trường, hoà cả làng, ai cũng được tự do liên hệ công việc. Nhà nước đã tháo khoán sinh viên, muốn liên hệ ở đâu, thì liên hệ. Lúc này, có thể do các cơ quan, doanh nghiệp thừa mứa trí thức rồi.

Sau vài tháng liên hệ, tôi xin được chân họp đồng, lại làm đúng nghề mình học và ngay giữa thành phố. Đó là lò mổ lợn, cơ sở giết mổ tập trung phục vụ thịt cho cả thành phố. Tôi bác sỹ thú y, giờ làm chân kiểm dịch, họp quá. Công việc hơi nhàn, sáng tám giờ đến cơ quan, ngồi ngay cửa sau lò mổ nhập lợn, kiểm dịch bằng mắt, chẩn đoán xem con nào ốm, con nào khoẻ. Công việc thì nhàn, chỉ tội lương hơi ít. Chi cục trả mười cân gạo một tháng. Tôi chưa phải chân biên chế, mà họp đồng, họp đồng miệng. Điều vất vả và độc hại là suốt ngày phải ngửi phân và tiếng eng éc lợn kêu. Trong đội trực trước cửa lò nhập lợn có ba bộ phận, tôi thuộc Chi cục Thú y thành phố cử xuống, một ông Bộ Nội thương, ông này chuyên kiểm tra, ghi chép cân đo, đếm số đầu lợn và một ông bên lò mổ, cũng cân đo, đong đếm.

Có làm mới biết, kiểu quản lý bao cấp, dân không đói mới lạ, cha chung chả ai khóc. Nhập lợn thì giờ hành chính. Lợn thu mua từ các tỉnh xa về, bị nhốt chen chúc mấy chục con trên một xe, lại nóng bức, lợn khoẻ cũng thành ốm.

Cái kiếp họ nhà Trư đã khổ rồi, kiếp họ Trư dưới thời bao cấp, còn khổ hơn. Sinh ra, lớn lên, thì đói khát, chỉ toàn cơm thừa canh cặn, đến khi xuất chuồng đến chỗ chết, bị nhồi nhét mấy chục con một xe và rong rã hàng trăm cây số mới đến được nơi chết.

Chúng đã thoát đâu, cả một đời đói khát, trước khi về chầu trời, các ông bà chủ lại tổng tiền bằng bữa ăn lòi kèn tổng nhĩ. Họ chẳng ưu ái, thương xót lợn đâu, mà chỉ cốt nhồi cho thật no, khi cân, tăng thêm được dăm, bảy cân hơi. Thế nên đám lợn trên xe, cả đực lẫn cái, con nào con

nấy trông như lợn chửa. Vẫn chưa hết. Về đến lò mổ chúng chưa được giết ngay đâu, còn phải đợi, phải chết theo kế hoạch tiêu thụ thịt của thành phố. Theo kế hoạch thịt, lũ lợn thường phải đợi hai, ba ngày, có khi cả tuần. Trong những ngày đợi chết, người ta chẳng có kế hoạch lương thực cho chúng ăn.

Đói, lũ nhà Trư kêu la suốt ngày. Kêu do đói một phần, phần khác chúng kêu gào bởi những vết thương trên mình hành hạ. Khi xe chở chúng áp dít vào bệ cân, để xua chúng xuống, người ta dùng gậy. Đây là với những con nhát. Vớ phải con gan lì tướng quân, đánh đuối không xuống, thì dùng móc sắt lôi xuống.

Thanh sắt dài chừng hơn hai mét, một đầu nhọn, uốn cong. Thanh sắt móc kia sẽ thẳng cánh bổ xuống con lợn, đâm sâu, móc chặt da thịt chúng. Có con lì lợm, phải hai người nhất loạt bổ, nhất loạt lôi, mới kéo xuống được. Giống lợn khoẻ thật, vết thương sâu là vậy, lại bị nhốt đói nhiều ngày, vẫn dai dẳng sống. Nhiều con vết thương quá sâu, nhốt cả tuần, thân mình lở lói, giết ra, xẻo đến một phần ba con lợn. Để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, dù là đói, đám thịt thối này vẫn phải đem đi chôn.

Dịp gần cuối năm, ba cơ quan ngồi lại với nhau. Trước số tiền kiểm dịch ông Chi cục thú y định thu, ông nội thương liền lý luận: Lợn xuống nhanh, nhiều như vậy, chúng tôi mấy người kiểm tra, chỉ việc đếm còn không xong. Bên các ông, có mỗi cậu thú ý mới ra ràng, bằng cách nào mà kiểm dịch nổi. Mấy ông Chi cục đuối lý, chẳng thu được đồng nào. Gần năm trời trả công cho tôi hơn tạ gạo, thành ra công cốc. Ngay sau đó, cái hợp đồng bằng miệng với tôi, bị huỷ.

CHƯƠNG IV - NƠI LÀNG VỢ

Cứ đôi tháng tôi lại phi xe về làng Lại Đà, thăm ông bà nhạc. Con rể, bố vợ hợp chuyện, cứ gặp là chuyện nổ như ngô rang. Hết chính trị, lại xoay sang lịch sử Đông, Tây. Thôi thì tạp pín lù tôi đều hầu chuyện được ông cụ. Lắm chuyện ông nhạc kể hay đáo để.

Cái chuyện thời bao cấp nhà ông giết lợn lậu, nghĩ tức cười. Ngày giỗ, nhà giết vụng con lợn đẹn. Chờ đến khuya, nó mới được lôi ra chộc tiết. Ông nhạc tôi dân giáo học, chân yếu tay mềm, nhát dao vừa bổ xuống, con lợn đẹn không chặt, gãy ra, vùng chạy thoát. Đêm hôm làng quê thanh vắng, tiếng lợn kêu eng éc, quá bằng lay ông tôi ở bụi này. Tôi hỏi ông:

- Thế sau vụ ấy, nhà mình có sao không ạ?

- Thôi thì quanh xóm, toàn trong họ ngoài làng, người ta cũng lờ đi cho, ai nữ tố.

Lại cái chuyện chia len. Nhà trường được phân phối cuộn len. Giáo viên thì đông, để công bằng, công đoàn liền dỡ cuộn len ra ... chia. Cuối cùng, mỗi đoàn viên được cuộn len bằng quả chanh. Dem ra đan găng tay, thì chỉ đủ cái thân bàn tay, còn ngón tay lại cụt. Cuối cùng, mọi đoàn viên đành để cuộn len làm kỷ niệm.

Ông là người hay nhớ chuyện xưa, chuyện sử nước, sử làng, sử họ. Ông bảo:

Các cụ ta trước có câu, hát hồng là cái nghề xướng ca vô loài. Thế mà họ nhà tôi có nghề con hát đấy. Xưa, cùng với đất Lỗ Khê, Trịnh Xá, thì làng tôi cũng là đất sinh ra nhiều ả đào có tiếng. Làng có hai giáo phường, một giáo phường thuộc họ Nguyễn. Liên chị ca trù nổi tiếng họ Nguyễn tôi là cụ Nguyễn Thị Khuy (1686 - 1764). Cụ từng vào hát trong phủ chúa Trịnh.

Thời phong kiến, nhà con hát bị cấm thi cử, lều chõng. Thế nên có chi trong họ tôi phải đổi họ. Chi ấy giữa thế kỷ XIX, đi thi có người đỡ đật, về làm Tri huyện Phù Cừ. Con cháu chi này, xưa nay nhiều người danh hiển. Nay có cụ Tú Bảo từng làm đại sứ Tây, Tàu, cụ Cử Huấn tham dự hội nghị năm Năm tư Giơ - ne - vơ,...

Một lần vừa về tới quê, ông nhạc khoe, chùa làng ta mới có cô sư về trụ trì. Cô sư này xinh lắm - ông nhạc nói. Mà sư cô biết cả tiếng Anh, tiếng Pháp, có mấy bằng cử nhân nhé. Nói rồi ông bình luận: Chẳng biết sao, người xinh như vậy lại đi tu. Chắc thất tình. Nói tới đây, chợt ông cất tiếng chào rõ to:

- Chào cụ ạ!

Tôi quay ra, một bà già đang bước vào sân. Bà tới nhập hội với mẹ vợ tôi chơi tam cúc. Cứ chiều chiều các bà lại hội tam cúc ở hiên nhà.

Ông bố vợ tôi hạ giọng xuống. Chắc ông cảnh giác với bà vợ và mấy bà hàng xóm kia:

- Cô sư này hình như phải lòng anh sư chùa Sủi. Cứ mấy hôm lại sang đây gọi điện thoại cho anh sư kia.

Sao bố vợ tôi biết được cô sư kia phải lòng anh sư chùa Súi? Hồi đó điện thoại còn hơi hiếm, nhà bố vợ tôi mắc cái điện thoại, vừa để nhà nghe, vừa dịch vụ. Nhưng tôi hơi ngạc nhiên. Vẫn biết ông nhạc lâu nay hơi nghễnh ngãng. Chắc là cô sư kia trong lúc tâm sự, nói to quá, nên dù nghễnh ngãng, ông nhạc tôi vẫn nghe rõ. Trai gái bây giờ nói chuyện thường tự nhiên và tình cảm, đâu có yêu đương gì. Mà người ta bậc tu hành, làm gì có chuyện trai gái, trăng hoa! Tôi nghĩ bụng vậy.

Nghe bố vợ kể có sư mới, vừa trẻ lại xinh, đến trụ trì ở chùa làng, tôi đâm tò mò. Nhân lúc bố vợ bận chút việc, tôi lảng ra thăm sư. Đúng như lời ông bố vợ nói, cô sư trẻ và xinh thật, trông người cứ mơn mớn, áo nâu sòng càng tôn làn da trắng muốt. Dù là trai có vợ, tôi vẫn hơi bị sốc đến mấy mươi giây. Lúc tôi tới sân chùa, sư cô đang cúi húi quét lá đa, tôi nấn ná lại gần:

- Nam mô a di đà Phật!

Sư cô đáp lại:

- Nam mô a di đà Phật!

Tôi tần ngần chưa biết nói gì tiếp. Bảo ngoài đời thì huyền thuyên tán chuyện lảng nhãng. Chứ đằng này người ta đã đi tu, núp bóng cửa Phật... Bí quá, tôi lại tiếp:

- Nam mô a di đà Phật!

Bị bất ngờ và theo phản xạ tự nhiên, cô sư cũng vội đáp lời:

- Nam mô a di đà Phật!

Nghe nhà chùa đáp vậy, tôi bật cười thành tiếng. Tiếng cười cất lên làm sư cô đỏ cả mặt. Sau một lúc lúng túng, tôi cũng tìm ra cách tiếp cận được sư cô, đó là xin phép nhà chùa cho thắp hương, thỉnh lễ. Thỉnh chuông, lễ Phật làm cho phút lúng túng ban đầu của sư cô qua nhanh. Chỉ một thoáng, tôi và sư cô đã hăng hái tranh luận về sự cao siêu, về cái huyền diệu của Phật pháp, về sự sâu xa trong triết lý nhà Phật. Thời gian qua nhanh, loáng một cái đã tới tầm trưa. Chỉ đến khi bố vợ tôi đánh tiếng ngoài sân chùa, tôi mới biết, thời gian đi nhanh quá.

Ông bố vợ đoán chàng rể đang ra thăm chùa, thăm sư, nên ông đến chùa tìm chàng rể về ăn cơm. Tôi ngượng ngịu nhìn bố vợ, chỉ lo ông cụ đi guốc vào bụng chàng rể.

Sau này thỉnh thoảng tôi về quê, vẫn ra thăm chùa và hỏi thăm qua ông nhạc về cô sư. Còn ông, thỉnh thoảng ra chùa, gọi chàng rể về ăn cơm. Một hôm vừa về đến nhà, bố vợ đã thông báo:

- Sư cô chùa làng ta mất rồi!

- Sao? Mất rồi ư? Sao lại mất hả bố?

- Sư cô đi giải hạn. Giải hạn cho người xong, trên đường về, bị ô tô cán phải.

Khổ thân thế! Thiên cơ bất khả lộ. Sao đi tu rồi, cái lễ giản đơn ấy lại không biết. Kiếp người trời đã định, ai lại cưỡng lại, mà đi giải hạn cho người, tôi xót xa nghĩ vậy. Và rồi tôi chợt nghĩ: Ừ, có lẽ vì kiếp sư cô như vậy chẳng.

Trên bãi tha ma, ngôi mộ sư cô cỏ lấm tấm mọc. Không rõ trong đám ma của sư cô, có bao dân làng đưa đám và có anh sư chùa Sủi đi đưa tiễn không?

CHƯƠNG IV - 25

Hồi mới cưới nhau, dịp đầu xuân nào, tôi và vợ bao giờ cũng làm một chuyến vãn chùa, du xuân. Vệt đi là chùa, đền vùng Kinh Bắc, đi bằng xe máy, thời gian trọn một ngày.

Điểm đầu tiên là đền Đô, thờ tám vị vua nhà Lý. Đền ở làng Đình Bảng, cách Hà Nội khoảng hai mươi cây số. Đường qua Gia Lâm, cầu Chui, cầu Đuống, đi tiếp đường I là tới làng Đình Bảng. Lễ đền Đô xong, chúng tôi thường tạt sang thăm đình Đình Bảng. Đình chỉ cách đền Đô non cây số. Dưới thời người Pháp đô hộ, họ đánh giá đình có kiến trúc đẹp nhất xứ Bắc kỳ. Nó được xây dựng vào năm 1700, sau ba mươi sáu năm mới hoàn thành. Người chủ trì là cụ Nguyễn Thạc Lượng, từng là Trấn thủ Thanh Hoá.

Từ Đình Bảng đi tiếp năm cây số thì đến Chùa Phật Tích. Chùa ngự trên đất huyện Tiên Du, toạ lạc trên sườn núi Lạn Kha. Nằm trong vùng trung tâm Phật giáo đầu tiên của Việt Nam, nơi đây nhà sư Ấn Độ Khâu Đà từng dựng chùa, truyền đạo. Vào thời Lý, chùa Phật Tích mới được xây dựng với quy mô lớn.

Chùa có bức tượng Phật A di đà bằng đá xanh nguyên khối, một pho tượng Phật cổ và đẹp nhất vùng Bắc bộ. Bên phải chùa có miếu thờ Đệ nhất cung tần của chúa Trịnh Tráng – bà Trần Thị Ngọc Am. Bên trái chùa là nhà thờ tổ Đệ nhất Chuyết chuyết Lý Thiên Tộ. Ông mất năm 1644, hiện trong chùa còn bức tượng táng của ông. Trước chùa có mười tượng thú đá lớn, sau chùa là vườn tháp xây bằng gạch và đá, hiện còn tới ba mươi tư tháp.

Từ Chùa Phật Tích, qua sông Đuống, qua bằng đò hay cầu Hồ, ven theo đê đi tiếp năm sáu cây số là tới chùa Bút Tháp. Đây là một ngôi chùa có quy mô lớn và kiến trúc độc đáo ở Bắc bộ. Chùa có hàng lan can đá bao quanh thượng điện và tháp đá. Pho tượng gỗ Quan thế âm nghìn mắt nghìn tay là một tác phẩm Phật giáo độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Tượng được tạc vào năm 1656.

Điều đáng chú ý nữa là chùa có nhiều tượng gỗ: Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, công chúa Lê Thị Ngọc Duyên, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Dung. Sau chùa có ngôi tháp đá năm tầng, cao mười ba mét.

Từ Bút Tháp đi tiếp khoảng năm cây số sẽ tới chùa Dâu, một ngôi chùa cổ xưa nhất Việt Nam. Gian giữa có bức nữ thần Phong Vân, hai bên là Kim Đồng, Ngọc Nữ, bên trái có tượng Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Giữa sân chùa là ngôi tháp đồ sộ, tháp Hoà Phong. Trước tháp cao chín tầng, này chỉ còn ba tầng, nhưng chiều cao tới mười bảy mét. Tháp có một số tượng, đáng chú ý là con cừu đá, dấu vết duy nhất còn sót lại của nhà Hán tại ngôi chùa này. Chùa được xây dựng năm 187, tức là cách đây hơn mười tám thế kỷ.

Lần đi vãn chùa đầu xuân năm ấy, điểm cuối cùng, vợ chồng tôi vào lễ một ngôi đền gần chùa

Dâu. Trong khi vợ đang thành kính lễ các ban ở gian điện phía trong, tôi ngồi ở bàn nước gian ngoài. Ngược nhìn lên ban thờ trước mặt, tôi thấy đồ lễ là mấy quả cau, lá trầu.

Thoáng một chút phân vân, rồi tôi tiến lại, chấp tay, lăm bắm khẩn mấy câu lấy lệ và hạ luôn cau trầu xuống, bụng nghĩ, mình hưởng lộc trước, thử xem sao. Lấy con dao bổ quả cau, tôi mới ấn nhẹ một cái, con dao bậm luôn xuống ngón tay tôi. Hoảng quá, tôi vội bỏ dao, đặt ngay quả cau lên bàn, lăm lét nhìn lên ban thờ. Lúc vợ bước ra, tôi giấu vội ngón tay đang nhỏ máu, bảo vợ về thôi. Thấy tôi vội vàng, vợ lại tưởng chiều muộn, phải về cho kịp. Lên xe, tôi cầm đầu phi. Mới được khoảng hai trăm mét, suýt thì đâm vào chiếc ô tô ngược chiều. Trong đầu tôi chỉ còn lúng búng câu: Thôi, con lạy các Ngài! Tha cho con!

CHƯƠNG IV - 26

Được tin bố vợ ra Hà Nội chơi, tôi đến thăm ông. Ông bà sinh được ba người con, hai trai đầu, vợ tôi là gái út. Trước bố mẹ vợ tôi cũng có thời gian sống ở Hà Nội. Gần chục năm nay ông bà về quê. Tuổi già hợp với cảnh quê thanh bình, người quê tình nồng ấm. Nay thỉnh thoảng ông bà ra chơi với cháu, con.

Trong câu chuyện, ông phàn nàn, sao dạo này ngõ nhà mình ồn ã quá. Mười một, mười hai giờ còn tiếng xe máy ra vào. Nghe bố nói vậy, anh vợ tôi cười cười, không tiện giải thích. Lý do là, trong ngõ có mấy cô gái trẻ mới tới thuê nhà. Mấy cô này làm ca ve. Nhà vừa trọ, vừa làm nơi hành nghề. Nói ra sợ cụ lại nghĩ ngợi, lo cho con cái mình, gần mực thì đen, mực ở đây là mực ca ve, nguy hiểm quá.

Người già cứ hay lo xa, bây giờ phải biết chung sống và xã hội hoá: chung sống với lũ, chung sống với aids, có khẩu hiệu hẳn hoi. Vậy thì gần nhà đám ca ve, cũng phải chung sống với họ chứ, miễn là nhà mình không đi làm nghề ấy và ngõ không xã hội hoá công tác mại dâm là được.

Có anh báo, làm nghề báo, thì sự gì cũng phải biết, thí dụ uống rượu được, mới có bài tán rượu, lái được ô tô thì mới viết bài an toàn giao thông, biết đá bóng, mới tường thuật được bóng đá. Thế thử hỏi, nếu viết mại dâm, thì cũng phải mại dâm chẳng. Tôi có bài mại dâm rồi, mà có bao giờ đi mại dâm đâu. Có người đi mà không viết, báo viết là không đạo đức, chỉ mại dâm xuyên thoi.

Vía tôi nó xấu, đấy là anh em bảo thế. Tôi rất thích karaoke, cứ nhậu sỉn là đi hát, chỉ hát thoi. Tôi karaoket cũng được, hay là đặng khác, như ca sỹ ngọng. Đã báo vía tôi xấu, một lần đi cái quán kia, thấy quán hay, tôi liền rủ mấy anh bạn đến. Lòng vòng mãi mà không tìm thấy quán ấy đâu, vẫn số nhà, cảnh nhà, cảnh phố, mà không thấy quán. Sau đó mới hay, nó mới bị bắt, chủ nhà sợ, dỡ cả biển hiệu xuống. Sau lần đó anh em đùa, thoi khỏi viết mại dâm nữa, vía ông, chỉ việc chỗ nào có, đưa ông đến là nó bị dẹp ngay.

Chúng ta xã hội hoá nhiều thứ, riêng mại dâm thì chưa xã hội hoá. Khoảng năm 1995, ba chục nhà báo học một lớp của tổ chức nước ngoài về phòng chống aids. Theo tổ chức này, muốn hạn chế lây lan aids, thì phải chấp nhận mại dâm, chỉ có điều quản lý chặt chẽ nó. Đa số các nhà báo tán thành quan điểm trên. Thế nhưng chính sách vẫn không chấp nhận điều này. Trong khi đó các biện pháp cấm lại nửa chừng, cấm mà như không, chỉ tổ béo ông phùng, ông công an và cái khổ lại đổ lên các cô gái và bệnh tật thì cứ lan truyền.

Giờ từ ca ve phổ cập đến mức đứa trẻ bé tẹo cũng được nghe. Có chuyện hài rằng, một bà cụ nhà ở phố Hoà Mã, cụ ít ra ngoài đường, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà. Con cái nhà này

đông và vui nhộn. Thứ Bảy, Chủ nhật anh em thường tụ tập về nhà mẹ đẻ và lòi ra khảo đủ chuyện. Trong các từ ngữ con cái dùng, bà cụ thỉnh thoảng nghe thấy từ ca ve. Một hôm, các con bàn về món ăn, bà mẹ bảo:

- Tôi ngoài tám mươi rồi! Sơn hào hải vị hưởng đủ cả. Chỉ có cái anh,... anh gì các anh, các chị hay nói ấy nhỉ, là tôi chưa được ăn. Hôm nào mua cho tôi một đĩa nóng.

Các con không rõ mẹ yêu cầu mua món gì. Gặng hỏi mãi, bà cụ mới nhớ ra, cụ muốn một đĩa ca ve, thử ăn xem nó ngon đến mức nào.

Mại dâm là xấu, chứ anh đề đóm chẳng đến nỗi xấu lắm. Giờ ở đâu chẳng có mấy anh bán đề. Từ thôn quê, thành phố, bao hàng bày ra bán đề. Xã hội hoá bán đề nhiều tới mức, có hẳn người đi bán đề dạo. Nhà nhà chơi đề, người người chơi đề. Có nhà bố chơi, mẹ chơi, con chơi. Có nhà vào đám giỗ, cậu con nghe bảo bà cô chết trẻ, nên thiêng. Cậu ta tính, rồi ra mua theo con số ngày tháng bà cô mất. Đổ ra mấy trăm nghìn, đến lúc đề về lại không trúng. Giữa lúc cả nhà đang xơi cỗ, cậu con trai kia oang oang:

- Cứ bảo bà này thiêng. Thiêng gì! Thành cháu chơi con đề, phù giúp không xong. Giỗ sau, không phải cúng cấp gì nữa.

Con cháu thế là láo! Đến ông bà cũng đem ra đề đóm, thì còn gì là kính trọng ông bà tổ tiên. Cái hôm bố vợ tôi ra Hà Nội chơi, mấy bố con đang hàn huyên, chợt có anh hàng đề dạo ghé ở cửa. Vừa thấy anh ta, anh vợ tôi vội nháy mắt, ra hiệu. Anh hàng đề khá tinh ý, định lảng đi. Tôi biết anh vợ không phải dân đề đóm chuyên nghiệp, chỉ thỉnh thoảng chơi một con cho vui, hôm nay có bố đẻ ra, anh giữ ý. Tôi chợt nảy ra một ý đùa, liền gọi ngay anh hàng đề vào nhà. Anh vợ tôi hãi quá, lủi ngay. Tôi hỏi han rất kỹ, nào hôm qua đề về con nào, hôm nay theo anh ta đề sẽ về là con bao nhiêu,... Cứ như dân rất sành và chuyên chơi đề.

Sau một hồi, tôi rút ra mười ngàn, đánh một con, trước con mắt ngỡ ngàng của ông bố vợ. Đến bữa ăn, trong khi cả nhà đang quây quần, anh hàng đề xuất hiện. Tôi đoán ngay, mình trúng đề. Y rằng, tôi trúng thật. Bỏ ra 10 nghìn, trúng luôn bảy chục, ngon ơ. Nhận tiền xong, tôi hào phóng thưởng cho anh hàng đề mười ngàn và xách luôn cái can ra đầu ngõ làm năm lít bia, còn mua thêm một túi tai lợn và mấy chục cái nem chua.

Bố vợ tôi hôm ấy vẫn uống bia trúng đề của chàng rể, nhưng xem ra uống chẳng hào hứng lắm. Đến cậu chàng rể nhà báo, cũng chơi đề ư?

Giáp ngay làng bố vợ tôi là kinh thành Cổ Loa xưa.

Cổ Loa là đô thị đầu tiên ở nước ta. Trước đây người ta còn nghi ngờ toà thành hiện nay có thể do Mã Viện xây. Như vậy vào khoảng năm bốn mươi ba sau Công nguyên, hoặc do Ngô Quyền dựng năm 939. Tiếp đó có ý kiến rằng, Mã Viện đắp thành dựa trên cổ Loa cũ. Những phát hiện và nghiên cứu gần đây, như việc đào được hàng vạn mũi tên đồng, trống đồng, đã chứng minh cho ý kiến này.

Theo ý kiến của các nhà khoa học, hai vòng ngoài là vết tích thành cũ của An Dương Vương, và sau này Mã Viện lợi dụng thành cũ của An Dương Vương, bồi đắp thêm. Riêng vòng thành trong là phần mới do Mã Viện xây sau này. Người ta cũng tìm thấy di vật Hán, như ngói, gạch, mộ táng... và nhiều viên gạch xây mộ mang niên hiệu thời Đông Hán. Vết thành hiện nay nằm trên diện tích khoảng bốn trăm ha. Thành gồm ba vòng bằng đất.

Theo truyền thuyết và sử cũ, Thục Phán sau khi thôn tính nước Văn Lang của vua Hùng đã hợp nhất nhà nước Văn Lang, lập nên nước Âu Lạc và xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Phong Châu, Bạch Hạc, Phú Thọ bây giờ. Năm 218 trước Công nguyên, quân nhà Tần tràn xuống phương Nam, chinh phục đất Việt. Dưới sự lãnh đạo của An Dương Vương, nhân dân Âu Lạc đánh tan quân xâm lược. Sau chiến thắng, An Dương Vương dời đô và dựng thành Cổ Loa. Truyền thuyết kể rằng: Đã nhiều lần, thành sắp xây xong, do yêu quái Gà Trắng phá hoại, nên bị đổ. Sau nhờ có thần Kim Quy, mới xây xong. Thành xây chín lớp, xoáy tròn ốc và có vũ khí lợi hại, nỏ thần.

Nhà Tần suy yếu, phong kiến các nơi ở Trung Hoa nổi lên cát cứ. Ở quận Nam Hải, vùng Quảng Đông, quan Nhâm Ngao đã nhiều lần nhòm ngó đất Âu Lạc, nhưng chưa thực hiện được mưu đồ thì mất. Rồi Triệu Đà lên thay. Triệu Đà nhiều lần huy động binh mã chiếm Âu Lạc, song đều thất bại. Cuối cùng, Triệu Đà dùng kế giả hoà hiếu, cho con trai là Trọng Thủy sang làm rể An Dương Vương. Vì sự mất cảnh giác, năm 208 trước công nguyên, Triệu Đà chiếm được nước Âu Lạc. Triệu Đà sáp nhập Âu Lạc cùng quận Nam Hải, lập ra nước Nam Việt.

Triệu Đà gốc người Hán, sinh năm 256 trước Công nguyên, quê ở tỉnh Hồ Nam. Sau khi chiếm nước Âu Lạc và lập ra nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung, nay là Quảng Châu, nhà Tần suy yếu, Triệu Đà xưng đế. Triệu Đà ở ngôi bảy mươi một năm, thọ 121 tuổi. Nhà Triệu trải qua năm đời vua. Năm 113 trước Công nguyên, nhà Triệu rối ren, nhà Hán đem quân sang, chiếm được Nam Việt, rồi đổi là bộ Giao Chỉ.

Năm 1983 các nhà khảo cổ Trung Quốc tình cờ phát hiện ra khu mộ cổ của Nam Việt Vương, cháu nội Triệu Đà. Ngôi mộ lưu giữ nhiều di vật và xác Nam Việt Vương, nhân vật liên quan

đến cuộc đánh chiếm thành Cổ Loa, xoá nước Âu Lạc cùng vua Thục An Dương Vương.

Về nhân vật Triệu Đà và nhà Triệu, sử sách nước ta qua các thời đại có sự đánh giá, nhìn nhận khác nhau. Có quan điểm chỉ nhìn Triệu Đà ở góc độ là kẻ xâm lược có tội, nhưng có quan điểm lại đánh giá ông như ông vua khai sáng của nước ta. Bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* chép nhà Triệu như một triều đại chính thống của Đại Việt. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi ghi: *Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước...* Tại làng Đồng Xâm, huyện Kiến Xương, Thái Bình còn có đền thờ Triệu Đà, ông vua Nam Việt cách đây hơn hai ngàn hai trăm năm.

Làng bố vợ tôi còn giáp nơi xảy ra vụ án tàn sát tôn tộc nhà Lý. Trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, bộ sử đồ sộ nhất còn lại của nước ta, bản khắc in cũ nhất năm Chính Hoà, năm 1697, ghi: “Mùa đông năm ấy, năm 1232, nhân người họ Lý tế lễ các vua nhà Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm, Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết”. Các sách hiện nay khi ghi chép địa danh Thái Đường, Hoa Lâm đều chú thích nơi đó thuộc huyện Đông Ngàn cũ và ghi chú nay thuộc đất Tiên Sơn, Bắc Ninh.

Vậy vùng đất Thái Đường xưa nay là đâu? Vùng đất ấy, nay chính là đất xã Mai Lâm huyện Đông Anh. Nếu ai có dịp từ Hà Nội qua cầu Đuống sang Đông Anh, quãng năm trăm mét, đến dốc Vân, phía bên tay trái chính là vùng đất Hoa Lâm Viên xưa.

Thái Đường, Hoa Lâm thuộc huyện Đông Ngàn, một huyện nổi tiếng đất Kinh Bắc và cả nước bởi số người đỗ đạt cao nhất thời xưa trong các phủ huyện cũ dưới thời phong kiến Việt Nam. Năm 1905 một phần huyện Đông Ngàn nhập vào tỉnh Phúc Yên, phần còn lại, có Thái Đường Hoa Lâm, nhập vào phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ năm 1961 vùng đất Thái Đường về huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xưa các vua Lý lập vườn hoa lớn ở Thái Đường, với tên Lâm Hoa Viên. Từ Thăng Long theo đường thuỷ độ non chục cây số, các vua Lý về chơi vườn thượng uyển Hoa Lâm. Tại vùng này, huyện Đông Anh ngày nay còn rất nhiều di tích, truyền thuyết gắn với vườn hoa xưa và các vua triều Lý. Các tên như Danh Lâm, Du Lâm, Mai Hiên, Đông Trù,... là gắn với Hoa Lâm xưa. Dân xã Mai Lâm ngày nay đều biết về truyền thuyết thảm án tôn tộc nhà Lý. Tám thôn thuộc xã Mai Lâm nay đều có đền chùa đình miếu thờ cúng, tế lễ liên quan đến sự kiện xưa.

Đình làng Thái Bình, một di tích liên quan trực tiếp đến sự kiện vụ “thảm án”, thờ ba vị thành hoàng là Lý Chiêu Hoàng, Trần Cảnh và Trần Thủ Độ.

Trước đình ở ven sông Đuống, sau bờ lở, sông chạy sát vào đình, năm 1990, dân làng chuyển đình vào trong đê. Đặc biệt là khu rừng Mai Lâm, dấu tích Hoa Lâm Viên xưa, nhiều người ở đây còn biết cánh rừng cũ. Họ kể lại, khi sang ga Yên Viên phải qua khu rừng Mai Lâm rậm rạp. Trong rừng, sung là loại cây nhiều nhất. Đến tận năm năm bảy, vì lấy đất hàn khẩu đê vỡ, vụ vỡ đê nổi tiếng hồi đó, rừng Mai Lâm bị chặt phá. Khu rừng xưa thành bãi đất, trồng ngô khoai

như hiện nay.

Vậy tại sao nhà Lý lập vườn thượng uyển ở Mai Lâm? Đất Cổ Pháp, Đình Bảng là quê nội nhà Lý, còn quê ngoại nhà Lý ở đâu? Trong cuốn lịch sử xã Mai Lâm, thì thôn Thái Bình có ngôi mộ bà Phạm Thị Ngà, mẹ vua Lý Thái Tổ. Vậy phải chăng quê ngoại ở đây nên nhà Lý lập Lâm Hoa Viên?

Sau khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, vai trò của nhà Lý chấm dứt vào năm 1225. Thái sư Trần Thủ Độ ép Lý Huệ Tông phải tự vẫn ở chùa Chân Giáo, nay thuộc địa phận quận Ba Đình. Trong bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi về vụ "thăm sát" tôn tộc nhà Lý ở Thái Đường, nhưng cũng chính trong bộ sử này còn tồn nghi sự kiện đó và chua rằng: "việc này chưa chắc đã có thực", lại dẫn thêm, vào đời vua Trần Anh Tông còn có người họ Lý làm tướng. Cứ theo bộ sử trên ghi vụ "thăm án" thì lúc đó tôn tộc nhà Lý đến tế lễ các đời vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm. Tại sao không tiến hành tế lễ các vua Lý tại Đình Bảng là quê nội nhà Lý, một điều thông thường của phong tục người Việt Nam, mà lại tiến hành tại quê ngoại?

Vào năm xảy ra vụ án, lúc đó nhà Trần đã cầm quyền được sáu năm, tình hình chính trị đã tương đối ổn định, bởi trước đó, vào năm 1228, Chiêm Thành phải sang triều cống Đại Việt; tiếp năm sau, hai lực lượng chống đối tương đối quyết liệt là lực lượng của Nguyễn Nộn cát cứ ở vùng Bắc Giang, lực lượng chống đối của Đoàn Thượng cát cứ vùng Hải Dương và Hưng Yên, đều đã bị tiêu diệt; đặc biệt cùng năm đó nhà Tống chính thức công nhận và phong vương cho vua Trần là An Nam Quốc vương.

Với tình hình như vậy, một con người khôn ngoan, mưu lược như Thái Sư Trần Thủ Độ, ông đủ sáng suốt thấy không cần thiết phải tàn sát tôn tộc nhà Lý, để lại tiếng xấu muôn đời cho mình.

Hơn năm trăm năm trước, trong đoàn quân theo vua Lê Thánh Tông chinh phạt phương Nam, có một người trong tộc họ Nguyễn của bố vợ tôi. Ông định cư lại vùng đất miền Trung và trở thành một trong những Thủy tổ ở thôn Yến Nê, thành phố Đà Nẵng. Binh đao và cách trở, đàng đẵng hơn năm thế kỷ, họ Nguyễn ở Yên Nê không liên hệ được với dòng tộc bản quán.

Hoà bình Bảy lăm là cơ hội để họ dò tìm về quê tổ. Những vị cao niên trong họ đau đầu công việc này và bằng mọi cách tìm lại gốc gác. Khi nghe tên họ ông Nguyễn Phú, công tác ở bộ Ngoại giao, các cụ thư từ liên hệ. Nhưng lại không phải. Trong dịp ông Nguyễn Trọng, lúc đó là Bí thư một thành phố lớn vào thăm Đà Nẵng, các cụ trong họ tìm cách tiếp cận. Ông cho biết quê quán mình và giới thiệu các cụ hãy đến làng mình tìm hiểu.

Tháng tư năm 1999, tôi có dịp cùng bố vợ trong đoàn đại diện họ Nguyễn làng bố vợ tôi vào đáp lễ nhận họ và dự giỗ Tổ họ Nguyễn ở Đà Nẵng. Năm trăm năm, anh em đồng tộc tìm được nhau, một câu chuyện thật lạ lùng.

Sau cuộc đón tiếp xúc động, chưa chan tình cảm của bà con dòng tộc Nguyễn ở Yên Nê, chúng tôi được bố trí nghỉ tại nhà chú Mười. Nằm mãi không chợp mắt được. Tôi cứ miên man suy nghĩ về cuộc gặp mặt mừng mừng tủi tủi giữa những ông già râu tóc bạc phơ, nước mắt rưng rưng. Ít đâu trên trái đất này có cảnh, năm thế kỷ một một cuộc đoàn viên. Tôi ngồi dậy, ra bàn uống nước. Tò mò quan sát cách bài trí của một gia đình miền Trung, ánh mắt tôi chợt dừng lại trên hai tấm Bảng vàng liệt sỹ. Đang lẩm nhẩm đọc tên người và ngày, tháng hy sinh, sau lưng tôi tiếng ông chủ nhà:

- Đó là anh trai và em gái tôi – cái giọng nặng nặng miền Trung, chú Mười kể - Đất nhà tôi đang ở là ấp chiến lược. Còn cánh đồng trước mặt là làng Yến Nê cũ. Năm 1966, khi quân Mỹ tràn vào miền Nam, dân làng bị dồn ấp. Cách ngôi nhà này năm trăm mét là cứ điểm trung đoàn thiết giáp Mỹ. Xung quanh còn tiểu đoàn dù, tiểu đoàn pháo và hai đại đội nghĩa binh. Cách đồng sát núi trước mặt là vùng trắng.

Ông Mười kể tiếp:

- Vùng này ngày xưa chiến tranh khốc liệt lắm. Cả chục năm trời không lúc nào ngớt tiếng súng. Tôi hoạt động vùng này từ năm sáu sáu, đến giải phóng thì làm chủ tịch xã Hoà Tiến.

Thế ra ông từng là du kích. Tiếng ông vẫn nhỏ nhẹ:

- Hồi ấy có một tiểu đội du kích. Gọi vậy, những quân số chỉ có tám người. Ban ngày anh em lặn ngụp, ẩn nấp ngoài hầm. Ban đêm về ấp chiến lược móc nối, tuyên truyền vận động bà con và tiếp nhận lương thực. Bọn địch thường xuyên rình rập, vây bắt du kích. Một lần địch bủa vây, tôi và ông Đáng, từng là bí thư huyện Hoà Vang sau ngày giải phóng, nhịn đói ba ngày, ngâm

mình dưới nước. Dịch rút, hai người nằm lả, anh em tìm thấy công về.

Hoà Tiến được phong là xã anh hùng. Sau giải phóng, địa phương tổng kết, có tới bảy trăm ba mươi liệt sỹ. Một xã dân số khoảng bảy, tám nghìn nhân khẩu, liệt sỹ bằng một phần mười dân số. Mất mát lớn quá.

Trong lúc tôi và ông Mười đang nói chuyện, mấy ông già trong dòng tộc lục tục kéo tới. Chú Mười thân nhiên chỉ tay giới thiệu một ông già nhỏ thó, dáng rụt rè:

- Ông đó là Nguyễn Phú Bai, bố anh hùng liệt sỹ Nguyễn Văn Hường. Ông này còn là chồng và em ba bà mẹ Việt Nam anh hùng. Hồi chủ tịch nước Võ Chí Công vào thăm địa phương, đã tới thăm nhà ông ta.

Thời gian trôi qua, vết thương mất mát dịu đi, hay ở tuổi ngoài bảy mươi, người ta chai sạn, bàng quan với cuộc đời. Ông già Nguyễn Phú Bai bình thản kể về những người thân anh hùng của mình: Bà ấy, tức vợ ông, hy sinh đúng vào năm hoà bình Năm tư, khi con trai mới được mấy tuổi. Ông gọi người anh hùng, đứa con trai ông bằng thằng. "Thằng Hường bị giặc giết, xác kéo lê khắp ấp chiến lược". Trong ông, người anh hùng vẫn bé bỏng và như anh vẫn còn, đâu có đi xa. Ông nói: "Ừ, thằng Mỹ, Nguy sợ thằng Hường lắm. Nó diệt hai trăm tên, cả Mỹ lẫn Ngụy". Anh Hường ra đi ngày cận kề chiến thắng, năm bảy tư.

Giữa ngày giỗ tổ họ Nguyễn Phú Yến Nê, tôi thấp nén nhang, mà lòng nao nao. Bên bàn thờ Ngài Thủy tổ là ban thờ các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các liệt sỹ trong dòng tộc. Mắt tôi nhoè lệ vì khói hương, hay vì nỗi xúc động trước sự mất mát, hy sinh quá lớn của một tộc họ: năm bà mẹ Việt Nam anh hùng, bốn mươi tám liệt sỹ. Số người hy sinh bằng một phần năm số đình trong họ. Vậy cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc của chúng ta, xương máu đổ xuống là bao nhiêu? Một triệu một trăm ngàn liệt sỹ, như con số của Bộ Lao động thương binh xã hội đưa ra, hay như hồi ký của Mc. Namara, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, ba triệu người Việt Nam chết trong cuộc chiến tranh?

Trong ngày giỗ tổ họ Nguyễn phú, tôi chú ý người phụ nữ có cái vẻ thị thành. Thấy vậy, ông Trưởng họ Nguyễn Phú Nam giới thiệu:

- Bà ta là du kích có tiếng đấy. Dịch từng đặt giá, ai bắt được Nguyễn Thị Chát sẽ có thưởng. Sau giải phóng, bà ấy là Phó bí thư Hoà Vang. Nay nghỉ hưu ở thành phố Đà Nẵng.

"Đàn ông còn đỡ. Ở vùng trắng, phụ nữ chúng tôi cực lắm, nhất là tới tháng" ... Đó là câu chuyện về chiến tranh, mà bà Chát kể cho tôi. Giọt máu duy nhất, đứa con gái bé bỏng của bà đã ở lại trên núi.

Cuộc chiến tranh đã qua hơn hai mươi năm, làng xóm Hoà Tiến giờ nhiều đổi thay. Hầu hết các nhà xây gạch, lợp ngói.

Buổi chiều trước hôm chia tay, chúng tôi tới thăm gia đình ông trưởng họ. Ông từng là bộ đội

tập kết ra Bắc, đi nhiều vùng, rồi sau đó trở lại miền Nam chiến đấu. Chiến tranh không chỉ để lại trên cơ thể ông vết thương nhức nhối mỗi khi trở trời, và còn cả trong miền sâu thẳm, nó lắng trong khoé mắt ông, mà mơ hồ tôi cảm nhận được. Cùng tới thăm với chúng tôi, có ông già sống ở phố cổ Hội An, ông cũng về giỗ tổ. Năm Bảy lăm từ miền Bắc trở về, vợ ông bước qua tuổi bốn lăm. Hai mươi năm chờ đợi và sự truy bức của địch, người đàn bà dang đẳng đợi chồng ấy, không còn sinh nở được nữa. Phút giây xum họp vừa bùng lên, đã chợt lắng xuống. Bởi tương lai trước mặt họ, một tuổi già cô quạnh, để ông già tuổi ngoài sáu mươi phải bước thêm bước nữa. Giọng nghẹn ngào, ông tâm sự điều sâu kín:

- Ở tuổi chú, bảy lăm bảy sáu, như người ta có cháu, có chắt. Thế mà bây giờ vẫn còn nuôi con nhỏ.

Nói rồi ông lặng lẽ chấm nước mắt. Tôi ngoảnh mặt đi, không dám nhìn cảnh một người già khóc.

Trên chuyến tàu Thống nhất ra Hà nội, ngồi cạnh tôi là một thanh niên đi du lịch, quốc tịch Hoa Kỳ. Anh ta chăm chú ngắm nhìn cảnh cánh đồng, làng mạc qua cửa sổ tàu. Người thanh niên ấy sinh ra sau cuộc chiến Việt Nam.

Có lẽ trong chuyến đi này, anh ta như bao khách du lịch khác, tò mò tìm hiểu về cuộc chiến tranh của Mỹ gây ra ở Việt nam. Điều họ được nghe, hay đọc qua sách báo. Tôi chỉ đủ vốn tiếng Anh chỉ cho anh chàng người Mỹ thấy hố bom nằm rải rác hai bên đường tàu. Các hố bom cỏ chòm mọc xung quanh, hình thù đâu còn rõ ràng. Người thanh niên Mỹ ra chiều hiểu, gật gật đầu. Có thể trong ý nghĩ của anh ta, chiến tranh là như vậy.

Tôi lại nhớ đến bữa cơm chia tay với bà con tộc họ Nguyễn Phú Yến Nê. Anh Phú Thanh, từng là du kích ở vùng trắng Hoà Tiến, nay là Phó bí thư quận Hải Châu, suốt bữa cơm trên tay chỉ ly nước trắng cụng với khách. Con người ấy cơ thể đầy thương tích. Sức khoẻ đã làm anh, đến ly rượu lúc chia tay người anh em đồng tộc, cũng phải kìm nén, khước từ.

Chiến tranh, tôi không thể hình dung hết được sự khốc liệt, sự mất mát của nó. Người thanh niên Mỹ chắc nghĩ, chiến tranh là những hố bom, cỏ dại mọc xung quanh. Còn Hoà Tiến, và bao miền quê khác, chiến tranh đã qua hơn hai mươi năm rồi, nỗi đau vẫn còn âm ỉ.

CHƯƠNG IV - 29

Bố vợ tôi làm nghề giáo, tính điềm đạm, khoan hoà. Ông sinh năm Giáp Tuất. Tuổi mới lớn ông đã chứng kiến cuộc kháng chiến chín năm. Trong một trận càn, giặc bắn chết bà nội ông. Bố con còn đang khâm liệm bà cụ, thì Tây càn quay lại. Những năm kháng chiến ông theo học ở trường Hàn Thuyên, sơ tán lên tận đất Phú Bình, Thái nguyên, rồi sang Trung Quốc học tại Khu học xá trung ương, Nam Ninh, với bao ông thầy nổi tiếng, thầy Hoàng Như Mai, thầy Lê Bá Thảo, thầy Nguyễn Lân,...

Trong chín năm kháng chiến, giặc càn quét, đánh phá làng quê bố vợ tôi ác liệt. Chỉ trong trận càn ngày 29/7/1948, giặc giết tới hai mươi một dân làng.

Có ông xã đội trưởng chiến đấu rất ngoan cường. Một lần giặc vây làng, ông cùng hai thiếu niên du kích trốn dưới hầm bí mật. Vì có mật báo, nên chúng phát hiện ra ba người. Họ bị giặc tra khảo dã man. Sau đó chúng thả hai thiếu niên du kích ra, còn ông xã đội trưởng bị chúng đưa sang Hà Nội. Biết rõ là du kích, mà tụi Pháp đành chịu, vì đánh mãi ông không khai.

Bọn Tây rất xỏ xiên, chúng nghĩ ra mẹo, bớ cho ông xã đội trưởng cái chân Phó tổng. Mẹo này chắc là của mấy anh Việt gian, chứ lũ Tây khù khờ, làm sao có cái mưu thâm nho thế!

Ông Phó tổng tề áo the, quần trắng, được các chú lính nguy ta áp súng, điểu khắp mấy làng. Du kích được phen phát hoảng, không dám trú ở các hầm bí mật trước đây nữa. Ông Phó tổng chỉ điểu quanh làng, chẳng chỉ cho giặc Tây căn hầm bí mật nào. Được vài tháng, Pháp không dùng ông Phó tổng nữa, chúng thả ra. Lúc này ông xã đội trưởng cũng không thể liên hệ với du kích được, vì ta đâu còn dám tin đồng chí ta. Hoà bình Năm tư, ông xã đội trưởng bị đi tù dăm tháng, vì cái tội làm Phó tổng tề. Người thiếu niên du kích năm nào cùng bị bắt với ông xã đội trưởng, sau này từng làm Phó giám đốc sở Văn hoá thành phố.

Ông nhắc tôi là tác giả cuốn *Lại Đà xưa và nay*. Dịp đó tôi tham gia giúp ông tra cứu tư liệu và biên tập một phần cuốn sách.

Qua cuốn sách, tôi biết một số nhân vật có tiếng của làng, của nước. Thế kỷ XV, dưới triều vua Lê Thánh Tông, có cụ Vương Khắc Thuật. Ông đậu Thám hoa năm 1472, từng là nhà ngoại giao xuất sắc triều Lê. Do thời gian trôi qua đã lâu, sử sách thu thập được về ông không còn nhiều. Thế kỷ hai mươi, điểm thấy mấy nhân vật có tiếng. Nhân vật thứ nhất là Giáo sư, tiến sỹ Nguyễn Phú, giờ đang đảm nhận một chức vụ quan trọng của đất nước.

Nhân vật thứ hai là Cụ Nguyễn Bá Bảo, người đỗ Tú tài Tây đầu tiên ở làng. Tháng tư năm bốn sáu, ông là chủ tịch đầu tiên của Ủy ban hành chính xã và sau này, từng là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Úc.

Nhân vật thứ ba là Cử nhân Hán học Ngô Quý Doãn. Cụ đỗ cử nhân vào năm 1900, đời vua

Thành Thái. Đậu cử nhân, nếu khéo chạy, cũng được bổ ra làm chân Tri huyện. Có lẽ Hán học không còn được trọng, lại trong thời buổi nhiễu nhương, cụ không ra làm quan, mà ở làng dạy học. Cụ mở trường vào quãng những năm 1920, dạy chữ Nho và sau này dạy thêm Quốc ngữ. Cụ dạy học đến tận năm bốn lăm. Nghe nói cụ có tham gia phong trào Văn thân chống Pháp. Là người đức cao vọng trọng, cụ được làng mời ra làm chân tiên chỉ và giữ cái chân tiên chỉ đến mấy chục năm.

Trong cuộc Cải cách ruộng đất năm năm sáu, ông cử nhân Hán học bị quy là địa chủ. Thật là một đại họa. Cụ chết trong cô quạnh và bi thương. Đám chôn chỉ có hai ba người thân, ván ghép vôi bằng mấy cánh cửa và âm thầm đi vùi xác trong đêm tối. Có tin đồn, cụ chết vì đói! Chắc là không phải vậy. Đói thì tất nhiên rồi. Nhưng người có học, thường nặng về suy ngẫm. Tai họa bất ngờ đổ xuống, ông cụ ngỡ ngàng, không hiểu nguyên do là sao. Chả lẽ có chữ, có học lại là tội? Không sao hiểu được! Lịch sử cổ kim, lần duy nhất có Tần Thủy Hoàng đốt sách, diệt Nho.

Hơn bốn mươi năm sau, học sinh của cụ lúc này đều đã tuổi thất thập cổ lai hy, tổ chức đến giỗ thày. Bố vợ tôi là lớp học trò cuối cùng học chữ Nho của cụ. Hôm học trò đến giỗ, người con trai trưởng, tuổi ngoài tám mươi, rưng rưng nước mắt, cảm ơn các học trò xưa của cha đến làm cái nghĩa, cái đạo giỗ thày. Dù có muộn màng, thôi thì một nén nhang thơm của trò, cũng an ủi người chết và kẻ sống.

CHƯƠNG V - HÀNH NGHỀ BÁO

Tôi về Đà vào tháng 10/1987. Sau đây xin giới thiệu những bài học làm báo, khi tôi mới vào nghề:

Bài học thứ nhất. Về làm việc ở nhà Đà, những ngày tháng chập chững vào nghề, tôi được các bậc đàn anh thuyết giáo những lý thuyết cơ bản về nghề nghiệp, về sự cao quý của nghiệp báo: "Làm báo là làm chính trị, là nhà chính trị!" Vinh dự quá! Tôi đâm ra thấy mình oách. Giờ mình trở thành nhà chính trị, lời ăn tiếng nói phải giữ gìn. Mình nói, viết một câu, cả ngàn, cả vạn người đọc, người nghe. Sau mấy tháng lắng nghe, học tập miệt mài, tôi được theo một bậc nhà báo đàn anh đi cơ sở.

Một ngày, hai ngày, ba ngày của chuyến đi, mọi động tác của bậc nhà báo đàn anh tôi đều chú tâm quan sát, tự nhủ với mình, phải cố mà học hỏi từng lời, từng chữ, từng động tác của ông. Qua mấy ngày, mà tôi chưa học hành được gì, đâm phân vân. Hay mình chưa chú tâm quan sát. Việc cứ lặp đi lặp lại, chỉ quanh quẩn, đại ý như sau: tối trước nhà báo đàn anh ngồi tính toán cung đường, gọi điện thoại liên hệ và nhắm tính hôm sau ăn sáng, ăn trưa ở đâu, cơ sở nào lo. Còn nội dung, tôi chưa thấy vấn đề chính trị, quân sự đâu, chỉ thấy mấy câu, ông hỏi quanh đi quẩn lại. Ví dụ, xin đồng chí đánh giá về những nỗ lực trong nhiệm vụ chính trị của huyện nhà; động cơ và nguyên nhân nào thúc đẩy các đồng chí có những ý tưởng táo tợn ấy; vân vân và vân vân.....

Lạ nhất là việc nhà báo đàn anh dắt theo cô con gái. Cô nàng đang học dở năm thứ hai ngành xã hội. Ông bảo, cho nó đi luyện chuyên môn, bổ sung kiến thức. Nhà báo đàn anh giới thiệu với cơ sở, con gái mình là đồng nghiệp và xưng hô anh anh, em em với con. Bổ sung kiến thức, chuyên môn đâu chưa thấy, chỉ rõ, nhà ông kiếm thêm suất quà. Quà thì chẳng ảnh hưởng đến ai, chỉ chối nhất là cô nàng này hay ngủ gật. Mới đầu cô nàng cũng giả vờ ghi ghi, chép chép. Đến khi ông bố phỏng vấn, người ta trả lời, thì cô nàng gật gù ngủ. Lắm lúc ông bố đá chân, huých tay, cô con gái rệu rã vẫn ngủ. Có bận ngủ say quá, dải trên miệng đổ thành vệt dài, còn nghe rõ cả tiếng ngáy nhè nhẹ của cô nàng.

Trước chuyến đi, bậc nhà báo đàn anh dặn đi dặn lại, cậu nhớ chuẩn bị hai cái giấy đi đường nhé. Vậy mà đến hôm thứ ba, thứ tư, tịnh không thấy ông nhắc nhở tới nó. Hay là ông quên? Đến hôm thứ năm, cũng là gần hết hạn chuyến đi, đoàn tới một huyện vùng bán sơn địa.

Từ trụ sở uỷ ban, nhìn về phía chân trời, thấy những đỉnh núi nhấp nhô. Trong khi ông chánh văn phòng cầm giấy giới thiệu của đoàn lên trình chủ tịch huyện, bậc nhà báo đàn anh tranh thủ cầm ống nghe điện thoại đặt trên bàn ông chánh văn phòng, trước đó ông giương mục kính tra cuốn sổ bé tẹo, sổ ghi số điện thoại, nhoay nhoáy bấm, rồi ông áp tai vào ống nghe:

- Đây, tôi đây... Tôi ở Đài đây. Phòng Tài vụ đây phải không? Làm ơn cho hỏi, tôi đang ở huyện.... Đây đã là địa bàn xã vùng ba chưa? Sao, chưa á?

Ông hét oang oang, như cãi nhau với cái máy. Tôi nghĩ bụng, à hoá ra ông đang xác định vị trí xã vùng ba. Tôi nghĩ: Chắc nhà báo đàn anh muốn dẫn dắt tôi tới một điểm khó khăn, để rèn nghề cho nhà báo trẻ. Đúng lúc bậc đàn anh gọi điện xong, ông chánh văn phòng quay lại. Nhà báo ta hỏi ngay, huyện nhà có mấy xã vùng ba?

Khi gặp và làm việc với đồng chí chủ tịch huyện, nhà báo đàn anh nói:

- Báo cáo chủ tịch! Chúng tôi biết huyện nhà gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là mấy xã vùng ba. Nơi đây đời sống của đồng bào còn khó khăn lắm. Trong chuyến đi này, ngoài nắm tình hình chung, chúng tôi rất muốn thị sát cụ thể một xã vùng ba.

Nghe nhà báo nói, ông chủ tịch nở nụ cười phấn khởi:

- Ôi, thế thì còn gì bằng. Huyện chúng tôi rất mong cấp trên quan tâm các xã vùng ba. Nếu không, khó mà đồng bào thoát được cảnh nghèo đói. Nhưng cũng xin thông báo, đường lên đây xấu lắm.

-Ồ, tưởng gì. Chúng tôi đi được. Miễn là huyện giúp cho chuyển xe.

Quá đơn giản, ông chủ tịch chỉ đạo và điều ngay cho đoàn chuyển xe, Huyện còn cử ông chánh văn phòng tháp tùng. Đúng là khó khăn thật. Đường xấu, ngồi trên xe mà chúng tôi cứ nhảy tênh tếch, hết dúi bên này, lại đổ sang bên kia. Ông chánh văn phòng luôn miệng: Các nhà báo thông cảm! Đây, đường sá khó khăn vậy. Có đi thực tế, các nhà báo mới thông hiểu đời sống các xã vùng ba.

Khởi hành từ tám rưỡi, đến mười một giờ, mà xe chưa tới trụ sở xã vùng ba. Ông nhà báo đàn anh có vẻ sốt ruột, mấy lần hỏi. Khi ông chánh văn phòng thông báo, còn vài cây số nữa, thì xe chợt dừng lại. Trước mặt là cây cầu, người đứng ngời lố nhố. Thấy xe ô tô chạy tới, một người đứng ra xua xua tay, ra hiệu phải dừng xe. Đêm qua có trận lũ lớn, cuốn trôi mất chân cầu. Giờ dân bản đang sửa chữa.

Cũng may nhờ có ông chánh văn phòng huyện đi cùng, nói tầm quan trọng của đoàn nhà báo: Đoàn lên là lên tìm hiểu các xã vùng ba. Sau chuyến công tác này, qua nhà báo, nhân dân xã nhà sẽ nhận ối dự án. Mấy người dân đang sửa chữa, xúc động quá, nên một nhoáng, cầu đã sửa xong. Chúng tôi đến uỷ ban xã đúng mười hai giờ. Uỷ ban lúc này vắng ngắt, chỉ có mỗi ông cán bộ định canh. Túm được ông cán bộ trên, bậc nhà báo đàn anh hỏi ngay, phụ trách văn phòng xã ở đâu, dấu uỷ ban ai giữ.

Nghe ông cán bộ nói, nhà ông văn phòng ở gần đây thôi, dấu cũng do ông này giữ, nhà báo đàn anh khẩn khoản nhờ ông cán bộ kia gọi giúp cho. Ông còn không quên nhắc:

- Nhớ, nhớ nhé, bảo ông ấy mang theo cả dấu nữa.

Không thấy nhà báo nhắc tới việc tìm chủ tịch xã, ông chánh văn phòng nhắc thêm:

- Gọi cả chủ tịch nữa.

Một loáng đã thấy ông cán bộ văn phòng xã đến. Vừa thấy ông ta, bậc nhà báo đàn anh đã hót hải bảo tôi, lấy hai tờ giấy đi đường ra, đưa ông này đóng dấu ngay. Sau khi dấu đóng xong, nét mặt nhà báo đàn anh giãn ra. Ông cán bộ văn phòng uỷ ban ngó nhìn trời chép miệng:

- Gió mây thế này, khéo lại lũ lớn. Lũ lớn là cây cầu nguy đấy!

Mới nghe có thể, bậc nhà báo đàn anh hốt hoảng:

- Sao, sắp có lũ à. Vậy thì,... chúng ta phải ra gấp. Cây cầu kia mà sập, thì biết bao giờ mới ra được?

Ông chánh văn phòng huyện tròn mắt:

- Ờ kìa! Thế chúng ta không làm việc với chủ tịch xã để lấy tư liệu vùng ba?

- Xong rồi, xong rồi... Tư liệu chẳng vừa lấy xong rồi đấy thôi. Chỉ riêng chi tiết cây cầu đã là minh chứng sinh động cho khó khăn xã vùng ba.

Mặc cho ông cán bộ văn phòng xã níu kéo, bậc nhà báo đàn anh vẫn cương quyết cáo từ. Sự việc xảy ra làm tôi đâm khó hiểu. Lúc trước thì nằng nặc xin đi, huyện người ta nhiệt tình điều hẳn chuyển xe, lúc đến nơi, chưa làm việc gì, đã vội vã quay về.

Buổi tối ở phòng khách của huyện, trước khi đi ngủ, bậc nhà báo đàn anh nhẩn nha giải thích: Chuyển đi này công tác phí vị chi là sáu ngày, đã có cái dấu xác nhận công tác sáu ngày xã vùng ba. Cậu có biết, thanh toán ở vùng bình thường là bao nhiêu không? Còn xã vùng ba, gấp rưỡi đấy. Sáng nay chúng ta bò được lên đấy, đóng cái dấu, vị chi mỗi người thêm được mấy chục đồng. Nếu không, chả ai dờ hơi mất công, mất sức leo lên đấy.

Bài học làm báo, làm chính trị đơn giản quá, hiệu quả quá, mà mãi đến lúc nghe giải giải, tôi mới nhận ra. *Bài học thứ hai*. Phàm đã là cán bộ trung ương, thì đều oách. Mình ở Hà Nội, toàn cán bộ trung ương sẽ không thấy đâu. Thử xuống địa phương xem, càng xuống thấp, càng xuống cơ sở, càng thấy sự trọng thị. Tôi có dịp đi cùng với một ông chuyên viên của Bộ Thủy nông. Hồi ấy Bộ còn độc lập, chưa sáp nhập vào đâu. Ông ta thuộc bộ phận tuyên truyền của Bộ. Trông ông này đúng là cán bộ trung ương, com lê, cra vát, tay xệ nệ xách ca táp, bụng thâm lầy to. Vừa thấy tôi lò dò đến Bộ đón xe, ông đã đơn đả:

- Nhà báo... Nhà báo phải không?

Ông xởi lởi hỏi và cười với cái giọng cấp trên.

Trên xe, chuyện của ông nở như ngô rang. Tôi thầm nghĩ, ông là người quảng giao, rộng rãi. Tướng ông này còn tiến. Chuyển đi công tác do Bộ tổ chức cho cánh nhà báo xuống cơ sở nắm tình hình, viết bài tuyên truyền về Bộ. Ông cán bộ kia dẫn đoàn đi. Điểm đầu tiên là sở thuộc một tỉnh miền núi. Sau khi giám đốc sở giới thiệu về tình hình hoạt động, cùng thành tích của

sở, ông cán bộ tuyên truyền khéo léo dẫn dắt để giám đốc nêu ra những khó khăn, đề xuất các kiến nghị lên trên. Được lời như cởi tấm lòng, ông giám đốc nêu một loạt khó khăn và một lô kiến nghị. Trong khi giám đốc nêu kiến nghị, ông cán bộ tuyên truyền hí húi ghi chép, thỉnh thoảng còn ghéch kính lên:

- Ô tô hả, các đồng chí xin Bộ ô tô hả? Chuyện vặt! Mấy cái?

Giám đốc sờ phần khởi ra mặt.

- Báo cáo, chỉ cần một cái.

- Tưởng gì. Quá đơn giản. Loại xe nào? Đã xin, thì cứ xin hẳn cái TOYOTA mà đi. Như cái xe của chúng tôi đỗ ngoài sân kia kìa.

- Không dám. Thôi thì, các bác trung ương thả ra cái nào, chúng em địa phương vui vẻ nhận cái đó.

- Việc gì phải dùng đồ thái. Cứ trình bày đi, cái đơn kiến nghị ấy, về tôi sẽ trình bày với ông Vụ Tài chính Kế hoạch, một câu là xong bém. Một, chứ hai ba xe, ký roẹt là xong. Thế còn dự án thuỷ lợi.... triển khai đến đâu rồi.

Ông Giám đốc sờ gãi gãi tai.

- Khó khăn quá anh ạ. Đã trình mấy bận...

- Không đúng chỗ rồi. Cứ đưa cho tôi. Qua anh Thứ trưởng là xong ngay tắp lự. Nếu cần, văn phòng Chính phủ cũng xong.

- Ôi, thế thì còn gì bằng. Chuyển này...

- Được rồi. Các vị còn kiến nghị, đề đạt những gì nữa không?

Ông giám đốc sờ sung sướng ra mặt, như vớ được mỏ khoai bỏ. Mặc dù đột xuất, chưa hề chuẩn bị, ông cũng kịp liệt kê một loạt kiến nghị ...

Sau buổi làm việc rất kết quả, Sở tổ chức bữa thịnh soạn, cá thịt ê hề. Nhìn lên mặt bàn thấy bia hộp bày la liệt, ông cán bộ tuyên truyền mắt sáng long lanh:

- Bia, bia hộp hả? Thế mới chịu chơi. Được!

Đón cái phong bì rất nhanh từ tay giám đốc sở đưa, ông cán bộ tuyên truyền rôm rả khoát tay mời chủ khách vào bàn. Vừa ngồi xuống, ông đã nhoay nhoáy mở bia, cụm người này, chúc người kia. Bữa ăn vui vẻ làm chủ, khách ngà ngà say. Đến lúc cánh nhà báo và chủ nhà nhiều người đã rời bàn, vẫn thấy ông cán bộ tuyên truyền vô tư ăn uống.

Cho đến lúc mấy nhân viên phục vụ vào dọn dẹp bàn, thì ông cán bộ tuyên truyền cao giọng, bảo cho xin vỏ hộp các tông. Nhân viên chưa rõ ý ông lấy làm gì, thì ông sai họ luôn, nhặt tất cả vỏ hộp bia cho vào đấy. Nhặt đến vỏ hộp cuối cùng, cũng là lúc ông chùi mép, đứng lên, tiến lại bê luôn cái hộp. Mấy nhân viên ngỡ ngàng, không rõ hành động của ông là gì. Ông cán bộ điềm nhiên bê cái hộp, khệnh khạng bước về phòng nghỉ.

Trận bia làm tôi say, về đến phòng vật ngay ra giường, mắt díp lại. Tôi ngủ từ lúc nào không hay. Chợt tôi choàng tỉnh giấc, bởi tiếng động bùm bụp ngay bên tai. Nhóm người dậy, mắt nhắm mắt mở nhìn, tôi thấy ông cán bộ tuyên truyền ngồi chồm hổm giữa phòng. Tay ông lăm lăm thanh gổ giơ cao, dưới nền nhà là một đám vỏ lon bia bị đập dập.

Thấy tôi ngỡ ngác, ông cán bộ tuyên truyền hềnh hếch cười, giải thích: Tớ đập vỏ lon bia ấy mà. Thứ này về Hà Nội, gọi đám ve chai, bán được giá lắm. Nói xong, ông lại giáng thanh gổ xuống nghe đánh bụp. Tôi ngỡ ngàng không tin nổi mắt mình. Khu nhà khách, giữa đêm hôm khuya khoắt, tiếng đập rầm rầm, khua máy ông nhà báo ngủ phòng khác cùng dậy. Không hiểu chuyện gì, chạy sang, họ ngỡ ngác nhìn ông cán bộ tuyên truyền, với đồng lon bia bị đập dập. Sau khi đập dập xong đám vỏ hộp lon bia, ông cán bộ tuyên truyền lôi từ trong ca tấp ra cái bao tải dứa, cho tất cả đám lon bia đập dập vào đấy. Hình như tôi còn nghe tiếng ông lăm lăm đếm. Sáng hôm sau, ngoài ca tấp xách tay, ông còn toong teng bao dứa. Trên xe cứ nhìn cái bao tải trên sàn xe, tôi lại nghĩ, ô tô là cái tép, hệ thống thuỷ lợi là cái tép! Còn cái gì là cái tép nữa đây?

Chuyện hơn chục năm rồi, chắc ông kia giờ đã nghỉ hưu. Nếu ai không tin, cứ đi hỏi mấy ông gốc ở phòng Tuyên truyền của Bộ Thuỷ nông là khắc rõ.

Bài học thứ ba. Lần tôi cùng Đặng Quang đi công tác huyện Phù Yên, Sơn La. Buổi tối anh Nhuận, Bí thư huyện, sau này là Phó bí thư Sơn La, đưa chúng tôi xuống một bản Thái, dự đêm xoè. Tôi nhớ mãi hình ảnh trên nhà sàn, bên bếp lửa hồng, trai gái bản say mê xoè múa. Được một bà mẹ hướng dẫn, chỉ cho cách gõ cồng, tôi hăng hái phụ trách chiếc cồng. Đêm xoè đang vui thì r...ì...nh một cái,... cả đám người trên sàn hẫng xuống. Khói lửa mù mịt. Khách, chủ được bữa khiếp vía. May không ai bị sao và căn nhà sàn không bị cháy.

Trên đường về, xe qua nhà anh Nhuận trước, mọi người xuống chào bí thư. Lúc lên xe, tôi và Đặng Quang trèo lên trước. Là xe com măng ca, phải lật ghế trước và trèo qua nó, mới vào được ghế sau. Chúng tôi lên rồi, mà dưới đất, thấy mấy ông cứ quần quanh. Chợt nghe anh lái găt:

- Lên thì lên không nào. Hay ông nào muốn lên, lên luôn ghế lái xe này, tôi nhường cho.

Tôi không rõ tại sao anh tài lại bực và nói thế. Rồi mấy người kia cũng lục tục lên xe. Trên đường về huyện uỷ, xe đỗ từng chặng để thả người xuống. Đến một điểm, ông ngồi ghế trên vừa xuống, một ông ghế sau trườn qua mấy người khác và trèo lên ngồi ghế trước. Tôi nghĩ, chắc điểm tới sẽ dừng ở nhà ông ta, nên ông ta trèo lên để chuẩn bị xuống. Xe lại dừng, một ông ngồi phía sau trèo lên và trườn qua ông ngồi ghế trên, để xuống đất. Xe lại dừng ở một điểm, ông ngồi ghế trên xuống. Thấy cái ghế trên trống, tôi định trườn lên như mấy ông vừa trườn, thì thấy Đặng Quang bám vào tay tôi. Không biết Quang có ý gì. Một ông nữa lại bắt đầu trườn

lên cái ghế trước.

Về đến phòng, tôi được Quang giải thích, ghế ngồi phía trước xe là ghế quan trọng. Trên xe, người nào có chức tước cao nhất, thì ngồi chỗ đó. Lúc trước mấy ông cứ dùn đẩy nhau là do có hai ông ngang chức, ngang quyền nhau, một ông trưởng ban tổ chức, một ông chánh văn phòng. Thế là hai ông không chịu nhường nhau. Ông nào lên sau sẽ ngồi ghế trước, nên chả ông nào chịu lên trước.

Nghe Quang giải thích, tôi mới biết, cái ghế quan trọng thật!

Bài học thứ tư

Tôi và anh Diễm Như có chuyến đi Yên Bái. Chúng tôi được đưa xuống một bản người Mông. Sáng sớm đi, hơn tám giờ mới tới nơi. Chúng tôi vào thẳng nhà ông chủ tịch xã. Có lẽ nghe tiếng Việt chưa sõi, nên ông chủ tịch triệu tập đủ thành phần của xã đến dự, khoảng chục thành phần và đến mười giờ họ mới có mặt đông đủ, có đại diện còn dẫn theo hai, ba đứa trẻ đi cùng, có đứa tồng ngồng, mũi dài thề lè.

Tại trụ sở uỷ ban, ba ông khách, chủ nhà và đám trẻ, đến hơn năm chục người. Không khí ồn ã như cái chợ, chúng tôi lúc này chẳng còn phỏng vấn, ghi âm được thành phần nào, đành giờ số ra ghi chép. Đến mười một giờ thì làm việc xong. Thấy chúng tôi cáo từ ra về, ông chủ tịch nhất quyết mời ở lại ăn trưa. Ông bảo, chỉ một tý là xong. Trước lời mời quá nhiệt tình, chúng tôi đành ở lại.

Trong khi chờ xã làm cơm, chúng tôi lạo dạo ra xóm người Mông trước trụ sở uỷ ban, họ mới đi dời về định cư ở đây. Mấy cô gái Mông Hoa thấy tôi xách máy ảnh, cười xấu hổ, bảo chụp ảnh cho họ. Nghe tôi đồng ý, các cô vội vàng về nhà thay váy áo mới, những cái váy Mông, hoa văn sắc sỡ đẹp thật! Con gái Mông Hoa có nước da cũng rất đẹp, đỏ hồng và mịn như quả bồ quân. Tiếc là sau đó mấy bức hình tôi đều chụp hỏng, không gửi lên cho họ được.

Mười hai rưỡi quay lại, vẫn chưa thấy bữa ăn đâu, chúng tôi đành ngồi nói chuyện suông. Một giờ, bát ô tô thức ăn đầu tiên được đưa ra, cứ từng cô gái Mông, lưng thưng bê ra. Thấy người bê cơm và thức ăn, mấy con chó xô vào trụ sở uỷ ban, chúng đảo quanh dưới gầm bàn và gầm ghế nhau.

Sau khi thức ăn bày xong, ông chủ tịch đứng lên phát biểu. Ông nói dài lắm, phát biểu về đời sống đồng bào khó khăn, dân số của xã, kế hoạch hoá dân số đặt vòng, trẻ em bỏ học,.... Bài phát biểu dài chừng gần nửa tiếng, mấy bát thức ăn bày ra, lúc trước bốc khói, đến lúc phát biểu xong, đám ruồi xúm vào đậu kín. Trong lúc ông chủ tịch xã phát biểu, đại diện ngồi quay quần quanh bàn, còn đám trẻ, khoảng hai chục đứa, bám cửa sổ, cửa ra vào và đứng dựa tường xoi mói cá và cơm bày trên bàn.

Cuối bài phát biểu, ông chủ tịch rào đón, do đến đột xuất, nên chỉ có cơm rau mời khách. Tôi cứ

nghe cải mèò, có thấy tý rau nào đâu. Mỗi mâm gồm hai bát ô tô, mỗi bát có hai con cá nhỏ nằm trong nước canh, hai bát ô tô cơm và hai chai rượu loại hơn nửa lít, trông đùng đục.

Bữa ăn được bắt đầu, sáu người một mâm, gồm khoảng ba chục chủ nhà và ba ông khách. Lũ trẻ con không được dự, vẫn đứng dựa quanh tường nhà nhìn người lớn chuẩn bị ăn, còn đám chó nghe tiếng bát đũa va chạm, mõm chầu hầu cả lên. Chủ nhà không có ý kiến gì về đám trẻ, mình là khách, chả lẽ lại kéo chúng vào ăn.

Nhìn mâm cơm chỉ có từng ấy thứ thức ăn, chẳng lẽ nhắm rượu với cơm, tôi đành xới bát cơm, chan tý canh và đưa lên và xờ. Cơm thì màu đỏ đỏ nhạt, nhão nhoét. Mấy vị chủ nhà cũng xới cơm và chan canh, họ đều xắn cá và gắp vào bát. Sau khi và xờ vài nhát, đồng loạt họ gắp miếng cá trong bát, chìa về phía đám con nhà mình. Thấy bố chìa khúc cá ra, bốn năm cánh tay đồng thanh giơ ra, vồ lấy, đứa nào vớ được, đứng luôn tại chỗ, thản nhiên đút vào mồm nhai.

Dưới gầm bàn, đám chó ngóng mãi không thấy miếng xương nào, xô vào cắn nhau kêu ăng ẳng. Tôi hoảng quá, sợ chó nó tức, cắn cho, định thu chân lên ghế, song nghĩ khách ngồi ăn như thế, không được đẹp, đành liều cứ để chân dưới gầm bàn, vừa và xờ cơm, vừa liếc chó. Tôi chỉ được một lần xới, đến bận thứ hai định xới tiếp, thì cơm và cá sạch nhẵn.

Một bài học về cái đói, về khó khăn vùng đồng bào, tôi không phải ghi chép vào sổ, không phải ghi âm, vẫn nhớ.

CHƯƠNG V - 31

Đến hôm nay sau hai mươi năm về Đài và trong nghề, tôi thấy mình yêu nghề và cơ quan. Có lẽ số tôi may mắn chăng? Mái nhà lớn của tôi, nhà Đài, rất ấm áp tình người - đồng nghiệp là các bác, chú, anh đi trước và lãnh đạo.

Mái nhà nhỏ: Hồi mới về tôi được phân công làm việc ở phòng Đồng bào, tiếp theo làm ở phòng Khoáng sản. Anh em hoà thuận, không bè phái và các sếp đều mát tính. Đôi lúc có va chạm giữa anh em với sếp, nhưng là công việc, điều tất nhiên thường xảy ra.

Sếp trưởng phòng đầu tiên là anh Đinh Sơn, người dân tộc Mường, quê Thanh Sơn, Phú Thọ. Anh hiền hoà, nói ít, sống công bằng và ít chạnh chọe với nhân viên. Hiện anh là phó ban Đồng bào. Chị Nguyễn Yến là sếp trưởng phòng thứ hai của tôi, chị thẳng, ruột để ngoài da, cái gì không nói ra là không chịu được. Chị nay nghỉ hưu rồi.

Nguyên do tôi về Đài cũng rất tự nhiên. Bắp bệnh hợp đồng cả năm ở lò mổ lợn thành phố, dùng một cái, được tiếp nhận về một cơ quan rất oách. Được việc mà chẳng tốn đồng quà bánh nào, đến bao thuốc lá, lạng chè xã giao cũng không có.

Tôi ở nhờ nhà ông chú ruột, căn hộ tập thể nhà A2, khu 128 C La Thành, giáp nhà ông Hoàng Văn, lúc đó là trưởng phòng Nông dân và ông Trần Sơn, phóng viên cùng phòng, nay là giám đốc cơ quan thường trú Đà Nẵng.

Chủ nhật, ông chú tôi từ trường Thường Tín về, ông Hoàng Văn và ông Sơn thường sang uống nước, chuyện trò. Bà thím tôi có ý sẵn, định dấm cho thằng cháu, nên thỉnh thoảng giới thiệu với khách, hồi ở trường, nó viết cả kịch cho hội diễn trường đấy! Câu giới thiệu đã giúp tôi vào nghề báo, điều mà trước đó tôi chưa hề nghĩ tới. Một lần, ông Sơn nói, Phòng đang cần phóng viên, hay chú mày lên thử xem sao. Tôi đang hợp đồng bắp bệnh, có cơ hội tìm việc mới, thì tốt quá. Vội vàng tôi nhận lời ngay.

Trước đó cả thời kỳ dài, quãng mười năm, Đài nhận rất ít người, hình như khối phóng viên cho các Ban trong nước, chỉ khoảng năm, sáu phóng viên. Sau này về Đài, sinh hoạt Đoàn khối Văn phòng, Đối nội và Đối ngoại, có chưa đầy hai chục người, trong đó chỉ có hai đoàn viên tuổi dưới hai lăm.

Để thử khả năng viết báo, ông Hoàng Văn bố trí tôi theo chuyển công tác cùng ông Đặng Hồng, lúc đó là phó phòng và ông Trần Sơn. Chuyển đi tới hợp tác xã Hợp Thịnh, tỉnh Vĩnh Phúc, một hợp tác nông nghiệp có tiếng về canh tác cây ngô đông và quan hệ mật thiết với Đài. Tiếp chúng tôi là bác Bùi, một tỉnh uỷ viên, được cắm ở đây, ngay quê hương mình. Con người này có công lớn với Hợp Thịnh, đưa thành công cây ngô vào vụ đông trên đồng đất ở đây. Nó là mô hình được khá nhiều hợp tác gần xa đến tham quan.

Tôi cố tâm quan sát hai nhà báo kỳ cựu kia lấy tư liệu và làm việc ra sao. Sau hai ngày tiếp xúc

cơ sở, tôi chưa thu thập được gì, chỉ thấy trưa, chiều, chúng tôi được tiếp đãi thịnh soạn. Trước khi đoàn về, hợp tác bán cho đoàn bao gạo khá to. Bao gạo được mang về, chia đều cho anh em trong phòng.

Công tác về, tôi được ông Hoàng hỏi về chuyến đi và nội dung sẽ thử việc. Ông đưa ra cho tôi mấy sự lựa chọn: thứ nhất biên tập bài của cộng tác viên; thứ hai viết phóng sự về chuyến đi và cuối cùng, tự chọn thể loại, đề tài, miễn sao phù hợp với nội dung phát thanh nông nghiệp.

Tôi còn nhớ, ông Hoàng Văn đưa một bài viết, với cái tit: "*Con tôm ôm cây đước....*", chữ viết rõ ràng, dễ đọc. Đọc lướt qua, tôi đã thấy, mình không sửa sang, thêm bớt được từ nào, một tay viết chuyên nghiệp, lại là vấn đề nóng đang diễn ra ở vùng rừng ngập mặn Cà Mau. Nghĩ lại chuyến vừa mới đi, tôi biết viết gì đây, chẳng lẽ viết phóng sự mua gạo giá thấp, hay những bữa ăn cơ sở đón tiếp? Đâm hoảng, tôi thần mất ra.

Quan sát tôi, ông Hoàng Văn hỏi, chọn lựa phương án nào. Tôi lúng túng một lúc, cuối cùng quyết định, chọn thể loại câu chuyện truyền thanh. Ông Hoàng đồng ý và hỏi, thời gian bao lâu thì nộp tác phẩm. Tôi xin hai tuần.

Về nhà đóng cửa suy nghĩ. Biết chọn đề tài gì đây. Không thể viết câu chuyện trong đợt thực tập về Văn Giang, cả hợp tác toàn xã, sức kéo còn mười lăm con trâu, chỉ còn biết dùng sức người cày kéo. Cuối cùng, tôi cũng nghĩ ra tứ viết. Trong khi tôi "sáng tác", thỉnh thoảng ông Trần Sơn lại hỏi, cậu viết đến đâu rồi. Tôi ậm ừ...

Hai tuần sau, tôi đưa cho ông Sơn bản thảo viết tay. Chữ tôi quá xấu, to như con gà, nên bản thảo dày tới gần ba chục trang. Nhờ có ông Ngọc biên tập và Linh Phi đánh máy, bản thảo mới được hoàn thiện. Khi tôi đưa lên cho ông Hoàng, ông hỏi, có phải chuyện ấy tôi viết, hay ông Sơn, tôi khẳng định là mình viết, ông Sơn có sửa chữa, bổ sung thêm chi tiết và biên tập. Câu chuyện của tôi được ông Hoàng ký duyệt, trình lên Ban, không rõ là sếp Ban nào, có lẽ là bác Trần Thụ duyệt. "Tác phẩm" đạt và Ban cho phát.

Hôm mời diễn viên dựng chuyện, ông Sơn bảo tôi lên xem. Đứng ngoài phòng thu, nhìn diễn viên nổi danh Văn Hiệp, lòng tôi lâng lâng. Đứa con tinh thần của mình được công bố. Tự hào, sung sướng quá!

Ngay khi câu chuyện được phát, tôi nghe ông Hoàng thông báo, Tổng biên tập khen, chuyện có nội dung mới. Trong khi mọi người đang ngợi khen đổi mới, thì tôi lại nêu ra vấn đề, có những kẻ nhân danh đổi mới, để tiêu cực - đổi mới giả danh. Ngay sau đó, câu chuyện được phát lại. Thật là một tin quá tốt với tôi. Thế rồi, tôi được nhận quyết định tiếp nhận về Đài, một việc không ngờ, như lộc trên trời rơi bịch xuống.

Cùng đợt về với tôi có tất cả sáu người, trong đó có Chu Nguyễn, nay là Phó trưởng ban Văn hoá. Năm 1975, Chu Nguyễn nằm trong cái tốp học sinh giỏi Hải Hưng tham gia miền Bắc. Cái

tốt ấy có nhà thơ Trần Đăng Khoa, nhà báo Trịnh Bá Ninh, giờ họ vẫn rất thân nhau.

Tuyển tôi về Đài là phòng Nông dân, nhưng tới khi nhận việc, tôi lại được phân công về phòng Thời sự. Mới kịp gặp anh Trần Trọng, tôi xin nghỉ vài ngày, một tuần sau, lại được thông báo, lên gặp bác Mai Phạm, Phó tổng. Bác Mai nói, điều tôi về phòng Đồng bào.

Về Đài rồi tôi mới biết, bác Mai là đồng hương huyện. Quê bác cách nhà tôi bốn cây. Bác hiền, tính dễ chịu, một con người "*không có gì là quan trọng*", việc lớn thu thành chuyện nhỏ... Bác Mai quan to, mà sống bình dân. Bác nghiện thuốc lào nặng, có cái điếu trong phòng, tôi cũng dân nghiện, cứ lên cơn là vào phòng bác, dúm vào một góc hút, kể cả khi bác có khách.

Đáng lý suất về phòng Đồng bào số là của Chu Nguyễn. Từ vùng đất Tri Tôn, đồng bằng sông Cửu Long, nhiều năm Chu cộng tác với phòng Đồng bào. Qua các câu chuyện truyền thanh, chuyên mục Chuyện Buôn sóc bản mường, Văn hoá các dân tộc, Chu Nguyễn được phòng Đồng bào chấp nhận. Đường xa, nhận quyết định rồi, mà Chu Nguyễn chưa ra kịp. Tôi đến trước, nên thế chân Chu Nguyễn. Trong chuyện này, đôi khi tôi cứ nghĩ, mình "*tranh chỗ*" của bạn.

Sau này tôi và nhà văn Chu Nguyễn có dịp trò chuyện văn chương và cả chuyện đời và những chuyện linh tinh. Tôi rất thích tập truyện ngắn *Tổ ấm bờ cau* của Chu Nguyễn. Cái chi tiết ghép chim, quê quá. Văn Chu Nguyễn nhẹ nhàng, man mác, man mác như vùng đất Hưng Yên quê Chu Nguyễn, những làng quê êm đềm *Bụi tầm xuân, Khu vườn cổ tích*,... từ cái truyện anh hàng xóm của Chu, tôi đã bắt chước, mà viết được truyện ngắn *Hàng xóm*.

CHƯƠNG V - 32

Đời làm báo, tôi gặp gỡ và làm việc với khá nhiều người. Xin kể trước một kỷ niệm, tôi vinh hạnh được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Chuyện lý thú là, bác Giáp chủ động rẽ vào gặp tôi. Đó là vào khoảng đầu những năm chín mươi. Hồi ấy Đại tướng đến dự hội nghị về môi trường. Trước khi diễn ra hội nghị, bác Giáp đang đứng ngoài hội trường. Tôi chỉ tay và giới thiệu vị danh tướng thế giới với Đêvít, Trưởng đại diện Quỹ Động vật hoang dã thế giới tại Việt Nam, WWF. Đêvít bảo, biết vị danh tướng này từ hồi còn là sinh viên ở Mỹ. Rất hâm mộ Đại tướng, anh đến chào Đại tướng. Tiếc rằng tôi không có máy ảnh, nếu chụp được một bức, Đêvít sẽ quý lắm.

Cũng hội nghị này, trong giờ giải lao, tôi ngồi lại một mình, trên bàn có biển đề Nhà báo. Tôi vừa uống nước, vừa nhắm nháp chiếc bánh kem. Chợt bác Giáp tiến lại phía bàn tôi. Bác cười và hỏi: Nhà báo hả..... Tôi cảm động quá, đứng lên chào bác. Bác giơ tay cho tôi bắt. Tôi vội mở chai nước suối và bóc phong bánh kem mới, mời bác. Nhận chiếc bánh từ tay tôi, bác Giáp nhúng luôn bánh vào cốc nước suối. Tôi ngỡ ngàng nhìn hàm răng trắng ngà và đều đặn, bác cười giải thích, răng giả hết ấy mà.

Tôi cứ tiếc mãi, hôm đó giá có anh bạn nhà báo nào chụp cho mình bức hình, tôi được ngồi hầu chuyện Đại tướng, thì quý biết bao. Nghĩ, tôi còn tiếc đến bây giờ.

Giáo sư Đặng Hùng Võ là người hóm hỉnh, thông tuệ, dễ gần,... Có buổi chúng tôi tổ chức diễn đàn trực tiếp. Đón ông ở cổng cơ quan, tôi ngong ngóng nhìn các xe con chạy qua cơ quan. Bất chợt một chiếc xe máy ập đến, đỗ xích. Sau xe, Giáo sư Võ trèo xuống. Tôi hơi bất ngờ, vội vã ra chào và tò mò hỏi ông, sao... lại dùng xe ôm. Ông cười, bảo: Buổi trưa, cho cậu lái xe về. Mình bắt xe ôm cho tiện. Đơn giản, tiện lợi quá, chẳng kích dích, phiền hà ai.

Một lần khác, khi ngồi bàn nước chờ đến giờ thu, chúng tôi chuyện phiếm. Giáo sư Võ tùm tùm, kể cái chuyện trước đây ở cơ quan ông. Tôi không nhớ là cục nào, đại khái nó liên quan đến bản đồ. Nơi ông làm việc, lãnh đạo mâu thuẫn lắm. Mâu thuẫn đến mức, mấy năm liền chẳng có công văn nào được ký. Không có cục trưởng, còn mấy cục phó, chẳng ông nào chịu ông nào.

Giáo sư kể:

- Vì mâu thuẫn nặng, cấp trên biết, phải tổ chức hẳn đoàn về thanh tra. Sau ba bốn tháng làm việc, đoàn ra mấy kết luận. Trong đó kết luận thứ nhất là: sự mâu thuẫn này, trước nhất, không có bàn tay địch.... Ồi dào ơi, cơ quan to bằng cái ngón tay. Có phải quốc phòng, an ninh quan trọng gì đâu. Chẳng phải thanh kiểm tra, ai chẳng rõ, làm gì có bàn tay địch! Chỉ có mấy ông lãnh đạo nhà ta mâu thuẫn, đấu đá nhau....

Lần ấy tôi có chuyến đi công tác mấy tỉnh miền núi cùng bác Cư Hoà Vần, lúc đó bác là Trưởng

ban Định canh định cư, thuộc Bộ Lâm nghiệp và sau này từng là Chủ tịch Hội đồng dân tộc Quốc hội. Chuyển đi cũng nhiều chuyện đáng nhớ.

Tỉnh đầu tiên là Hoà Bình. Xe theo đường B52, nay là Trường Chinh ra hướng Thanh Xuân. Gần đến Ngã Tư Sở, thì bất ngờ từ hướng đường Thanh Xuân, một chiếc xe tải lao tới ào ào, nó leo cả lên vỉa hè và phóng thẳng về phía chúng tôi. Mọi người trên xe hốt hoảng, chỉ còn biết ơ ơ kêu. Nó lao thẳng vào xe ô tô phía trước chúng tôi. Mấy chiếc xe xô vào nhau, dồn đống. May có chiếc xe trước làm vật đệm, nên xe tôi chỉ bị xây xát chút ít và người trên xe chỉ va đập nhẹ. Chúng tôi vội vàng thoát nhanh khỏi đám tai nạn, chạy tới gần thị xã Hà Đông liền tạt vào quán nước cho anh em hoàn hồn. Mọi người trên xe vẫn còn bàng hoàng trước tai nạn suýt xảy ra với mình trong gang tấc, riêng bác Văn vẫn bình thản, như không có chuyện nguy hiểm vừa xảy ra.

Làm việc với Ủy ban huyện Đà Bắc xong, theo lời mời của ông chủ tịch huyện, chúng tôi về chơi quê ông. Bản của chủ tịch cách huyện lỵ Đà Bắc khoảng ba mươi cây, nằm ở độ cao năm, sáu trăm mét. Đường đi khá xấu, toàn đường đất leo dốc.

Đến một đoạn, xe trước dừng lại, ông chủ tịch huyện nhảy xuống, chỉ con suối cạn, bảo nếu đi theo đường này, về nhà ông gần được dăm cây số, chỉ tội đường xấu. Bác Văn gật: Đi được. Nói rồi ông bảo lái xe, để ông lên cầm vô lăng. Hồi đó một cán bộ to thế, mà lái xe là chuyện lạ. Bác Văn thuộc hạng tay lái cứng. Lòng suối cạn chạy ngoằn ngoèo, đá cuội lổn nhổn, xe chúng tôi vẫn bám sát xe trước.

Nhà ông chủ tịch huyện ở một vị trí khá đẹp. Trước nhà nhìn xuống cái vực, cây rừng ngàn ngạt xanh. Chủ nhà và mấy dân bản tíu tít chuẩn bị bữa cơm đãi khách. Đồ ăn được bày ra sàn, có thịt rừng khô, măng tươi,... Trong lúc người nhà chuẩn bị bữa ăn, ông chủ tịch hàn huyên với khách. Ông say sưa nói về thông thổ, dân tình trong vùng. Trong lúc trò chuyện, ông bỏ ra cái chai:

- Các vị có biết, con gì đây không?

Nói xong ông giải thích ngay, con tắc đấy. Một con sâu ngâm trong rượu, dài và to cỡ ngón tay giữa. Tôi nghĩ bụng, chắc một vị thuốc nam. Ông chủ tịch túc tắc kể về con tắc kia. Loài này sống trong nước, chỉ những vùng nước lạng hay tù. Một lần ông đi bộ, cắt rừng về nhà. Thời tiết nóng nực, ông dừng lại một quãng suối, vực nước rửa mặt. Chỗ dừng chân, quãng suối lạng. Chuyện bình thường, ông chẳng để ý nữa. Hai, ba tuần sau, ông ho liên tục, mũi thì nhức. Dùng mãi kháng sinh không chuyển, ông đành sang bệnh viện huyện khám. Cuối cùng bác sỹ đã phát hiện ra nguyên nhân, trong mũi ông có vật đang ký sinh. Kể tới đây ông giơ cái chai:

- Con này đấy. Tôi ngâm nó để nhớ.

Nhìn con tắc trong chai rượu tôi thấy rùng mình. Nó to thế mà sống trong mũi người, khiếp

thật!

Bữa cơm diễn ra vui vẻ. Người miền núi chân tình, hiếu khách. Hôm đó chúng tôi uống nhiều rượu. Quãng chín, mười giờ đêm, bữa ăn mới xong. Sau khi dọn dẹp, chủ nhà trải chiếu ra sàn. Đoàn khách hơn chục người, bốn, năm cái chiếu được trải ra, riêng chiếc chiếu giữa là đặt đôi gối. Thấy bác Văn ngả mình, tôi nhanh nhẩu cầm một chiếc gối đưa cho bác. Bác Văn lắc đầu, từ chối. Chúng tôi đều ngả lưng xuống các chiếu trải xung quanh. Chiếu giữa chưa ai nằm và đôi gối vẫn còn nguyên.

Một lúc sau khi đèn đóm tắt. Trong nhà nhờ nhờ sáng. Tôi thoáng nghe tiếng bước chân. Kìa, vợ chồng chủ nhà bước vào cái chiếu trải giữa. Đến lúc này tôi mới chợt hiểu, tại sao lúc trước, tôi đưa gối, mà bác Văn từ chối. Đây là phong tục của đồng bào vùng này, vợ chồng chủ nhà ra ngủ "tiếp khách" và đôi gối ấy dành cho họ.

Lâu nay nghe chuyện ông này, bà kia đến phát biểu nhằm hội nghị. Thôi thì cao tuổi, ngày dự và chỉ đạo hai, ba hội nghị, có rút và đọc nhằm báo cáo chuẩn bị sẵn trong túi cũng là chuyện thường. Đảng này có vị chỉ đạo hội nghị cả buổi sáng, mà vẫn không biết mình chỉ đạo nhằm. Khoảng năm chín mươi, tôi được Phòng phân công đi viết hội nghị về định canh. Hội nghị vinh dự được đón một ông tướng đến phát biểu chỉ đạo. Ông này từng đảm nhận chức vụ khá to ngoài quân đội. Dự hội nghị là đại biểu đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng cao, có khoảng 300 đại biểu. Khi ông tướng lên phát biểu, nghe giới thiệu danh tính, các đại biểu trân trọng và cảm động lắm, mọi người rào rào giở sổ tay ra ghi chép.

Ông này nói to, chỉ tội hay ho khạc. Có lẽ ông bị viêm xoang, hay viêm họng gì đó, cứ mười giây lại ho khạc một nhịp. Tiếng ho được cái mi cờ rô phóng thanh lên oang oang, thành ra hội trường cứ ầm ào như hội nghị ho. Ông này nói được một lúc, các đại biểu cũng ghi chép được một hồi, song lúc này, nhiều đại biểu dừng viết và ngỏng tai lên nghe ngóng, ánh mắt phân vân. Hình như ông lãnh đạo nói cái gì ấy, chẳng liên quan đến đồng bào, cũng chẳng liên quan đến vùng núi cao, mà toàn chuyện thế giới đầu đầu đầu. Nhiều đại biểu nghĩ, có thể lãnh đạo mào đầu rộng, đi từ xa đến gần, tức là từ vĩ mô mới đến vi mô.

Mười lăm phút, nửa tiếng, một tiếng, ông lãnh đạo vẫn cứ vĩ mô nói. Lúc này chẳng còn đại biểu nào ghi chép nữa, có ghi chép cũng chẳng lấy đủ giấy đâu ra mà ghi, ông ấy nói dài đến thể cơ mà. Người thì lơ đãng nghe, người thì nói chuyện riêng, người thì ngủ gật, có người ra sân hội trường hóng gió. Trong khi ông lãnh đạo nói, đọc anh thư ký là chú ý nhất, nhưng anh ta nghe mà nhấp nhồm, cứ như ngồi trên tổ kiến lửa, còn mặt mũi khá lạ.

Ông tướng nói hăng thật, nói từ tám giờ ba mươi, đến mười một giờ rồi, vẫn nói. Đến quá mười một giờ, chắc nói mệt, ông này mời dừng lời. Khi nghe ông dừng chỉ đạo, đại biểu thở phào nhẹ nhóm, chen vội ra hành lang để đi ăn, họ làm như ông lãnh đạo kia sẽ giữ họ lại để chỉ đạo

tiếp.

Người ta đặt về xếp các bà vợ vào loài nói dai. Xếp đối tượng nói dai chỉ có các bà vợ, như vậy là còn thiếu. Các cụ dạy, nói dài, nói dai, đâm nói dại. Nói dài đến ba tiếng, mà lại nhầm, thì gọi là nói gì?

Vừa thấy thủ trưởng dừng lời và từ bực bước xuống, anh thư ký vội vã tiến lại, thì thềm. Nghe anh ta báo cáo, ông tướng quắc mắt lên và tiếng ông oang oang. Lúc này tuy không có mic phóng to, những mấy đại biểu đang đi qua gần đấy, đều nghe rõ:

- Tôi chỉ đạo nhằm nội dung à? Có thể mà cậu không nhắc. Thư ký mà làm ăn như thế à!

Chiều đó, ông lãnh đạo lại đến chỉ đạo gỡ thêm hai tiếng nữa, từ hai giờ đến quá bốn giờ chiều.

Lần này thì ông nói đúng nội dung, đúng hội nghị, nhưng ho khạc thì vẫn như buổi sáng.

CHƯƠNG V - 33

Nhà thơ Đạo Tĩnh gây ấn tượng với tôi trong một lần tổng kết Ban, khi chị vừa về công tác ở Đài. Nhà thơ Ngọc Trần giới thiệu chị lên đọc thơ. Lần ấy chị đọc bài *Bùa lá*.

.....
*Đêm dài tôi thả bùa mê
Cho con đom đóm bờ đê lạc đường
Buồn tình ngồi ngắm trăng sông
Chẳng ai thương đến thì thương lấy mình*
.....

Thơ đâu mà buồn thế! Sau này biết chị và đọc thơ chị, tôi thường nghĩ, thơ ám vào đời, hay đời chị ám vào thơ.

Một lần tôi và vợ đang đi, bất chợt gặp chị, tôi giới thiệu vợ với chị Đạo Tĩnh. Vợ tôi vồ vập nói, chị thì bây giờ em mới biết mặt, nhưng em rất thích bài *Bùa lá* và cô ấy đọc luôn mấy câu. Chị Tĩnh cảm động vì có người hâm mộ và yêu thơ chị thế. Quen chị, tôi cảm nhận, chị sống nhẹ nhàng, kín đáo và như khép mình. Đây là tôi nghĩ thế thôi, chứ riêng hành động *từ quan* của chị, dù chỉ là cái chức quan Phó trưởng phòng nhỏ, để làm biên tập viên, cũng thấy, một con người bản lĩnh.

Tôi viết bài về nhân vật Trần Quán, đăng trên báo Hà Nội mới. Sếp Phó tổng viết bài đăng trên tạp chí của Đài, phản đối quan điểm trong bài viết của tôi. Mới đầu tôi cũng không biết. Qua giao ban, tôi mới hay. Thông tin giao ban không bàn về quan điểm bài viết, mà chỉ nêu, bài đăng trên tạp chí ngành là không hợp, vì tạp chí chỉ dành đăng về chuyên môn nghiệp vụ Đài. Độ hai tuần sau, hôm đó tôi rẽ vào phòng Văn hoá, định vào nói chuyện với chị Đạo Tĩnh. Lúc đó sếp Phó tổng đang ngồi ở trong phòng. Thấy tôi vào, nhà thơ Tĩnh Đạo cười, giới thiệu:

- Đây, ông Lý Trần Quán đây!

Nghe chị Đạo Tĩnh giới thiệu, sếp buông câu:

- Tưởng thẳng nào. Hoá ra mà!

Tiếp đó sếp thuyết giáo cho tôi một chặp. Tôi là lính chẳng tiện tranh luận với sếp về quan điểm của mình đưa ra trong bài báo. Để đến khi sếp dừng lời, tôi nhỏ nhẹ:

- Thôi, lúc nào chú cứ gửi bài viết của chú cho cháu. Cháu đưa sang báo Hà Nội.

Tối đó sếp còn gọi điện thoại đến nhà tôi tranh luận. Tôi vẫn giữ thái độ như buổi sáng. Như hứa, tôi lấy và gửi bài của sếp cho báo Hà Nội mới. Họ đã đăng quan điểm của sếp. Rất công bằng. Sau đây chỉ xin nhắc nguyên lại nội dung bài viết của tôi, không có lời tranh luận gì hơn.

Âu cũng là một kỷ niệm đáng nhớ trong nghề:

"Người Nhật rất tự hào về truyền thống võ sĩ đạo và sự gan dạ, trung thành của họ. Người

Trung Hoa ngợi ca, truyền tụng gương các bề tôi trung quân, xả thân vì chủ. Lịch sử Việt Nam cũng ghi lại nhiều bậc trung thần quên mình vì chúa, sẵn sàng xả thân cho lý tưởng mình phụng thờ. Những gương ấy sẽ còn mãi mãi lưu truyền hậu thế, như Nguyễn Biểu, Lê Lai,... Lý Trần Quán và cái chết của ông, một cái chết tô trung có thể nói khác lạ nhất trong những trường hợp tuấn tiết vì đạo trung quân ở Việt Nam - ông tự chôn sống mình.

Nguyễn Huệ với danh nghĩa diệt Trịnh phù Lê kéo quân ra Bắc. Trước sức mạnh như vũ bão của Tây Sơn, quân Trịnh tan vỡ, chúa Trịnh Tông phải bỏ chạy lên Sơn Tây. Lúc trước Lý Trần Quán là một viên quan được phục mệnh đi chiêu dụ dân binh và đang ngụ tại làng Hạ Lôi. Khi Trịnh Tông qua đây, đã vờ Lý Trần Quán, ông yết kiến chúa và nhờ cậy Nguyễn Trang, kẻ từng là học trò của mình, hộ vệ chúa qua vùng ấy.

Thật không may, Lý Trần Quán nhờ phải một tên phản thầy, phản chủ. Từng có thời theo học chữ Thánh Hiền, nhưng Nguyễn Trang không ngượng ngùng nghĩ và nói ra miệng điều: "Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình.". Nguyễn Trang nộp Trịnh Tông cho Tây Sơn. Dọc đường Trịnh Tông tự sát. Tây Sơn an táng Trịnh Tông theo lễ nghi quân vương.

Nghĩ mình là người có lỗi trong cái chết của chúa, Lý Trần Quán hết sức ân hận, tự dẫn vật dày vò khôn nguôi. Ông nghĩ: Kẻ bề tôi vì lầm lẫn nhằm người đến hại chúa, thì chỉ có cái chết mới tỏ được tấm lòng tô trung trước trời đất.

Lý Trần Quán người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ năm 1766. Xin trích trong Hoàng Lê nhất thống chí đoạn miêu tả về cái chết bi hùng và hết sức đặc biệt đó:

" Quán sai người đào huyệt ở ngay vườn sau nơi nhà mình ở, đặt sẵn chiếc quan tài xuống đó. Lại lấy vải trắng xé ra làm một chiếc khăn đội đầu và một chiếc dây lưng. Sau đó đội mũ, mặc áo chỉnh tề, hướng về phía Nam lạy hai lạy. Lạy xong lại bỏ mũ, lấy khăn trắng chít lên đầu, lấy dải khăn trắng chít ngang lưng; rồi nằm vào trong quan tài, bảo chủ nhà đập nắp lại.

Tấm ván vừa đặt lên, bỗng Quán ở trong áo quan nói vọng ra: Hãy còn thiếu một câu nữa, phải nói hết cái đã. Chủ nhà lại mở nắp ra, Quán liền đọc hai câu rằng: Đạo hiếu ba năm đã trọn. Chữ trung mười phần chưa xong. Rồi Quán bảo với chủ nhà: Phiền ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ mà thờ ta. Nói xong câu ấy lại tiếp luôn: Đa tạ ông chủ, ta vĩnh biệt ông từ đây nhé! Chủ nhà và năm sáu người đầy tớ cùng sụp lạy, chào ở trước quan tài, rồi đập nắp và lấp đất lên. Người đời sau coi ông là một bậc nghĩa khí."

Phán xét về vai trò lịch sử của Tây Sơn, của dòng chúa Trịnh và nhà Nguyễn là một vấn đề lớn, cần có thời gian và những công trình lịch sử nghiên cứu tỉ mỉ. Gần đây có những công trình nghiên cứu, đánh giá lại vai trò của các chúa Trịnh, hay công cuộc thống nhất đất nước của phong trào Tây Sơn và triều Nguyễn. Đó là công việc của các sử gia.

Về trường hợp Lý Trần Quán, thì hiển nhiên cái chết của ông là cái chết khí phách, trung liệt, được người đời sau ngưỡng mộ. Chỉ có kẻ phản thầy, phản chủ Nguyễn Trang thật đáng phỉ nhổ.

Thời đại nào cũng có tiêu chí về đạo đức và nó mang dấu ấn của thời đại ấy. Việt Nam dưới thời phong kiến, tôn sùng khổng giáo, thì đạo bề tôi là hết lòng thờ vua, lấy chữ trung làm gốc, chữ kính làm đầu.

Một thời có ai đó từng mỉa mai, coi cái chết của Lý Trần Quán là sự trung quân mù quáng. Chính sự giễu cợt, mỉa mai ấy mới là điều phi đạo lý, bôi nhọ lịch sử, ngược với đạo đức truyền thống của người Việt Nam ta. Chẳng lẽ lại có thứ trung thành, tử vì đạo, vì lý tưởng cơ hội chẳng? Và thử hỏi như vậy, sẽ giáo dục các thế hệ đời sau ra sao đây về lý tưởng, về đạo đức, về sự trung thành, nghĩa vụ của mỗi công dân với quê hương đất nước? ”

CHƯƠNG V - 34

Giai thoại đến nửa nhà Đai biết:

Giai thoại một. Có lái xe mới được phân công đưa đón ông Phó chủ nhiệm Ủy ban. Sáng đầu tiên đến nhà riêng đón, sau khi lên xe, thủ trưởng xã giao hỏi anh tài:

- Cháu tên là gì?

Anh tài lễ phép:

- Dạ! Cháu tên là An!

- Tốt!

Buổi trưa, đưa thủ trưởng về nhà, sau khi lên xe, thủ trưởng xã giao hỏi anh tài:

- Cháu tên là gì?

Anh tài lễ phép:

- Dạ! Cháu tên là An!

- Tốt!

Đầu chiều đến nhà riêng đón, sau khi lên xe, thủ trưởng xã giao hỏi anh tài:

- Cháu tên là gì?

Anh tài rất lễ phép:

- Dạ! Từ sáng đến giờ cháu vẫn tên là An ạ!

Giai thoại thứ hai.

Một ông Phó chủ nhiệm khác, đi nước ngoài về, anh lái xe ra sân bay đón. Sau khi lên xe, thủ trưởng tươi cười:

- Bây giờ chưa tiện mở hành lý! ... À mà cậu có hút thuốc lá không?

- Dạ! Cháu không hút thuốc ạ!

- Thế á. Vậy mà quà, tở định tặng cậu là viên đá lửa đấy. Thế thì thôi nhá!

Giai thoại thứ ba. Có đoàn nhà báo bốn người ở Đai đi công tác, khi về, được cơ sở biểu bốn chai nước mắm. Món quà quá quý. Nước mắm xịn, đâu như thứ pha nước lã với kẹo đắng bày bán ở chợ, hay thứ thum thum, phân phối tem phiếu ở cửa hàng mậu dịch.

Xe là xe com măng ca. Xe yếu, đường xóc, ổ trâu, ổ bò, nên cứ nhảy tênh tếch. Dù lái xe cẩn thận, vậy mà mấy bận sa xuống ổ gà, ổ lợn. Mỗi lần sa

xuống, trên xe người hăng đi như nhảy dù. Tới một đoạn đường, hình như xe sa xuống ổ trâu, chỉ nghe thấy tiếng rộp. Chết cha rồi, ai trên xe chẳng biết, tiếng rộp kia là sự xô nhau của mấy chai mắm, lại còn thoang thoảng cái mùi đặc trưng. Thôi, có chai mắm vỡ!

Của đầu con xốt, trên xe mọi người lặng đi, những chưa ai tiện nói ra. Trong đầu ít nhà báo không nghĩ, chốc nữa chia chác thế nào đây. Còn đang phân vân, bất chợt ông trưởng đoàn phá tan bầu không khí căng thẳng:

- Chắc chai mắm vỡ vừa rồi của chú lái xe!

Vừa nghe ông nói xong, thoảng có tiếng thở phào nhẹ nhõm của ai đó. Xe đi một đoạn, lại sa xuống ổ trâu, lại tiếng rắc tiếp. Rất bất ngờ, cậu phóng viên trẻ lên tiếng:

- Chắc chai vỡ vừa rồi là của cháu?

Ông trưởng đoàn cười khờ khờ, nói:

- Đúng quá!

Giai thoại thứ tư. Quy trình sản xuất của nhà Đài khá chặt chẽ. Bài vở sau khi phóng viên viết ra, biên tập viên trực sẽ rà soát và đưa vào chương trình. Tiếp đó đưa lên lãnh đạo cấp phòng, cấp ban duyệt. Chặt chẽ vậy, mà đôi khi vẫn còn lỗi. Chuyện kể rằng, có một biên tập viên nọ, khi biên tập chương trình, vì bí bài, nên lôi ra một bài cũ của sếp đưa vào. Nhất cử lưỡng tiện. Cậu kia nghĩ, sếp có thêm phần năng suất, chương trình lại êm thấm, trôi nhanh. Đưa lên phòng, vì hôm đó trưởng phòng đang vội cái hội nghị, nên chỉ liếc qua, ký roẹt.

Chương trình đưa lên Ban, sếp đang ngồi trong phòng. Thấy nhân viên đưa chương trình, ông ghéch kính nhìn, rồi buông câu: Cứ để đấy. Một lúc sau, lính nhận được điện thoại, cậu lính tí tởn, tưởng chương trình đã xong. Vào phòng sếp, cậu ta nhìn thấy nó bị tãi ra trên bàn, bài vở thì bị gạch toe toét. Lúc đó, nhìn cái bài bị gạch, mặt cậu lính ớ ra.

- Dạ...

- Dạ cái nổi gì!

- Cái bài này...

- Viết thế mà cũng viết hả. Bài này của ai?

- D...ạ ... bài của ... của chú đấy ạ. Bài viết lâu rồi...

- Thế á! Sao không báo trước. Thế mà tao quên bém đi rồi đấy.

Ông nhà báo này thâm niên tới ba mươi năm trong nghề, tức dạng cây báo đa đề. Nay nếu ai có thời gian, mở sổ chương trình ra xem mặt tác phẩm của cây đa đề báo này, sẽ nhòm thấy toàn dạng tác phẩm hút tiếng. Nghĩa là xuống cơ sở, đưa cái mic vào mồm người ta, hút tiếng vào máy, rồi về nhờ công nhân cắt trích cho, phát lên không trung. Nhà báo này có bận xuống địa phương, làm việc bằng cách, đưa mic cho ông cán bộ trả lời phỏng vấn, còn nhà báo ta chạy đi đâu đó. Độ một tiếng sau quay lại, ông cán bộ địa phương vẫn say sưa phát biểu với cái mic, nào là kính thưa quý thính giả, nào là kính thưa đồng chí Trưởng ban nhà báo, tương đương chức vụ Vụ trưởng, huyện nhà rất phấn khởi và nô nức..... kính thưa.

Nếu ai có nghe, hay xem những tác phẩm hút tiếng kể trên ra đi ô, hay truyền hình, thì thông cảm, cắt hộ cái kính thưa giúp nhé!

Giai thoại thứ năm.

Chuyện này tôi định không kể, kể ra họ bảo mình tủm tửm, tầm nhìn không vượt nổi cái phong bì... Song nó thành giai thoại rồi, ai cũng rõ vị phong bì kia.

Đoàn đi công tác, cơ sở tặng chung cho cái phong bao. Ông này rút ruột trước, sau mới chia. Rút thì phải bí mật, tức là nhồi phong bì vào túi quần, rồi lẩn nó trong túi. Thế quái nào, ông này lại lẩn hết ráo tiền bên trong, lúc đem ra chia, nó là cái phong bì không. Ông ta bí, đành chửi bọn cơ sở là bố láo. Giai thoại này còn đỡ, cũng về ông này, giai thoại ở nhà vệ sinh mới kinh:

Có chuyến công tác kia, đoàn gồm mấy người. Sau buổi làm việc căng thẳng, toàn những vấn đề to tát nhà báo đặt ra, như tháo gỡ cơ chế chính sách, lo cho nước cho dân thế nào cho tốt,... Cuối buổi làm việc, ông lãnh đạo cơ sở trân trọng đưa cho trưởng đoàn cái phong bì. Nội dung công việc của ông trưởng đoàn đã xong, chỉ có cậu phóng viên trẻ trong đoàn dở chứng, lại hỏi thêm vấn đề nữa, hỏi lại hăng.

Ông trưởng đoàn đứng lên, ra ngoài, kiểu như ông buồn đi... giải. Đi giải thì tự do rồi, ai cấm. Khi ông trưởng đoàn đứng lên, một đồng nghiệp khác tần ngần nhìn theo. Không phải ông ta nghi ngờ gì thủ trưởng mình đâu. Hình như anh này cũng buồn đi... giải. Anh đồng nghiệp ta lại đứng lên... đi. Trong phòng chỉ còn ông lãnh đạo cơ sở tiếp tục trả lời

cậu phóng viên trẻ còn đang hỏi dờ.

Tại nhà vệ sinh kia, diễn ra cảnh bi hài. Nền nhà nhớp nháp nước và lả tả những tiền là tiền. Nguyên do, ông trưởng đoàn xuống đây, ông không đại, trung, tiểu tiện gì, mà lại rút phong bì ra xem. Nếu chỉ dùng tay xem độ dày, mỏng, to nhỏ của nó, thì không sao. Đằng này ông ta lại định xem nó cả trong ruột. Trong khi đang xé, bất ngờ thấy đồng nghiệp, ông giật mình, tuột tay,... Cái phong bì cứ liềng liệng rơi. Khi chạm đến mặt đất, thì tiền đi đằng tiền, phong bì đi đằng phong bì.

Chẳng rõ sau đó nhà báo ta có nhặt tiền lên không. Sạch cũng là tiền, bẩn cũng là tiền, tiền rơi trên nền nhà vệ sinh cũng là tiền. Vớ phải tôi, tôi sẽ nhặt, rồi đem đi rửa, tiền sạch chán.

Giai thoại thứ sáu.....

Giai thoại thứ bảy.....

Tôi cùng Phùng Quang có chuyến đi khá nhớ. Chuyến đi vào quãng năm 1998. Lịch trình chuyến đi: Hà Nội, Hà Tiên, rồi quay lên Đắc Lắc. Từ Hà Nội chúng tôi bay vào thành phố Hồ Chí Minh, xuống Cơ quan thường trú Cần Thơ. Anh Cộng Trương, Giám đốc, định đưa xuống mấy nơi trong tỉnh, nhưng anh bận khách, không chờ được, thế là chúng tôi xuống luôn thị xã Rạch Giá. Phùng có bà chị dạy học ở Rạch giá. Chị gái cậu ta rất xinh. Anh em nhà này toàn người đẹp, xinh.

Hôm ở Cần Thơ, tôi gặp lại cô Miện, giáo viên chủ nhiệm, dạy văn hồi lớp mười. Nhận điện thoại, cô phi xe đến. Chiếc cúp làm ăn đời bảy tám xịch đổ trước mặt, tôi không nhận ra cô chủ nhiệm của mình. Cô gái Hà Nội thướt tha mái tóc dài, nay cắt ngắn cụt, cô bảo tôi lên xe, rồi đèo ra thăm bến Ninh Kiều. Trong lúc cô trò ôn lại mái trường xưa, tôi kể kỷ niệm về thầy Cao Đại Môn, một đồng nghiệp ngày trước của cô:

Dạy môn địa lớp tám của chúng tôi là thầy Môn. Thầy dạy hay và có tài vẽ bản đồ rất nhanh. Trong lúc học trò trả lời, thầy đưa vài đường là bản đồ của một quốc gia nào đó sẽ hiện hình trên bảng.

Hồi đó trường cấp ba của tôi còn ở nơi sơ tán. Phòng học nhà tranh vách đất, nhỏ bé, khoảng vài ba chục mét vuông, bàn ghế kê sát vào nhau. Bục giảng của thầy đắp cao độ 40 phân, giáp ngay trước bàn học sinh. Hôm đó đầu giờ không kiểm tra, thầy Môn lúi húi vẽ bản đồ, còn trò được tự do. Lũ trò, nhóm chơi cờ vây, nhóm thì khéo chuyện. Có mấy đứa đầu bàn, giáp ngay bục giảng, thì thào to nhỏ gì đó. Trong khi cả lớp đang lúi húi, người nào việc nấy, bất ngờ nghe tiếng thầy Môn quát to:

To, to... cái mả mẹ chúng mày.

Học trò ngơ ngác nhìn lên! Không hiểu ông thầy quát gì. Trên bục giảng, thầy Môn mặt đỏ gay. Thầy chỉ xuống bàn thứ hai, quát mấy đứa ngồi đấy đứng lên. Cả bàn sợ rúm lại. Lớp ngơ ngác, chẳng hiểu chuyện gì, lại nghe tiếng thầy quát:

- Ra. Ra ngay khỏi lớp.

Không rõ lũ kia ... mả mẹ cái gì. Chúng cập rập bước ra. Thầy Môn cũng

không hứng khởi giảng như mọi khi. Tiết học căng thẳng qua đi. Vừa nghe tiếng trống hết giờ, học trò ùa ra khỏi lớp. Tại góc sân trường, mấy đứa bị đuổi ra, mặt mũi tiu nghỉu, lo sợ. Bọn bè túm lại điều tra xem chuyện gì.

Nguyên nhân từ cái tên của thầy, Cao Đại Môn. Trong khi thầy bận vẽ bản đồ, mấy đứa học sinh rồi việc, mang tên thầy ra chiết tự: Đại tức là to, môn tức là cửa, cứ như vậy chúng chiết tự. Cuối cùng, đám nhất quỷ nhì ma kia chiết ra thành: cao đại môn tức là đất to!

Chúng đâu ngờ, ông thầy đang chú tâm vẽ bản đồ trên bảng lại nghe thấy. Hết giờ ra chơi, thầy Môn bảo lớp trưởng gọi mấy đứa kia vào học, không thấy thầy nhắc lại chuyện trước. Tiết dạy tiếp của thầy lại sôi nổi, lôi cuốn như mọi khi. Vài năm sau ngày giải phóng miền Nam, để bổ sung giáo viên cho các tỉnh phía Nam, thầy được phân công vào đồng bằng sông Cửu Long. Nghe nói thầy công tác tại Cần Thơ. Chắc bây giờ thầy đã nghỉ hưu rồi.

Gợi lại chuyện xưa cô Miện như thoáng buồn, bảo tôi:

- Cô "*mất dạy*" mấy năm rồi. Nay buôn cá.

Cô vẫn nhiệt tình, nhiệt huyết, song cái chất lãng mạng văn chương, nhẹ nhàng thanh lịch của con gái thủ đô, nay thay bằng cái chất gấp gáp làm ăn. Cô khoe, nhà có mấy căn ở Cần Thơ và cả Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh nữa. Cô còn rủ:

- Hay em kinh doanh thủy sản đi. Được lắm! Cô chỉ mối cho. Cả mối hàng xuất khẩu nữa.

Bất chợt tiếng điện thoại di động của cô kêu tin tức, cô hồi hả hỏi, hồi hả trả lời. Tôi biết, khách hàng đang gọi và cô phải đi rồi. Tế nhị tôi bảo, mình còn ở Cần Thơ vài hôm nữa.

Ngày xưa ấy, mỗi tối cô đi vài cây số khắp lượt nhà học trò để kiểm tra chúng học bài. Nhìn cô giáo cũ, tôi ước ao, giá mà trở lại được ngày xưa nhỉ. Nghèo đấy, nhưng nhàn nhã, thanh bình!

Cô trò tôi chào nhau bên bến Ninh Kiều.

Một cái đích chuyến đi của chúng tôi đặt ra là đảo Phú Quốc. Từ Rạch Giá chúng tôi định ra bằng máy bay, nhưng bị đe: Nguy hiểm lắm. Kéo trên trời lại rơi tòm xuống bể. Nếu muốn, xuống Hà Tiên mà đi, theo đường thủy. Chúng tôi đành phải đi vòng vèo. Làm việc với Ban chỉ huy

quân sự Biên phòng Kiên Giang, họ cử một viên thượng úy tháp tùng chúng tôi xuống Hà Tiên. Viên sỹ quan trẻ, người miền Trung, khá cởi mở.

Năm ấy vết tích và chuyện chiến tranh Tây Nam còn in đậm nhiều nơi. Trong khi trò chuyện, vị đồn trưởng bảo, tối phải có người ngủ kèm, có động tĩnh gì, còn người chỉ đường, dắt lối. Tưởng họ đùa, thế mà thật. Tôi thức khá khuya, bên bếp lửa có nồi cháo gà. Nhân mấy cậu sỹ quan cứ phân biệt kẻ Bắc, người Nam, tôi mới nói về lịch sử mở nước từ Lý, Trần, Lê đến Nguyễn và hiệp ước giữa ba quốc gia An Nam, Xiêm La và Cao Miên, cùng mảnh đất biên cương Hà Tiên đó.

Đêm ấy, tôi được một bữa hoảng hồn. Khi đi nằm, thấy có anh lính đến ngủ cùng phòng, tôi đâm thấp thỏm. Đúng là vùng này chưa yên. Lên giường được một lúc khá lâu, lại lạ nhà, tôi cứ chập chờn. Đang nằm, bỗng nghe bộp. Tôi lo lo, lựu đạn chằng. Mãi không thấy tiếng nổ. Sáng sau nhìn ra, có quả dừa rụng trong sân. Mình thần hồn nát thần tính. Tôi và Phùng Quang còn ra chợ giáp biên, uống rượu với mấy viên sỹ quan biên phòng nước bạn. Biết chúng tôi từ Hà Nội vào, lúc đầu họ ngoại giao, nói bằng tiếng Miên, phải có người dịch. Sau thấy anh chàng Phùng Quang đùa, định mua chiếc Dream Thái, thì họ xoắn lấy và chẳng cần phải ai phiên dịch nữa, nói luôn bằng tiếng Việt, giá bao nhiêu, quy đổi từ tiền Việt ra tiền Riên thế nào. Buôn bán, thị trường ở đâu, lúc nào cũng nhanh nhạy thế.

Chuyến đi này chúng tôi còn ghé vào xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, địa danh nổi tiếng được nhà văn Anh Đức dựng thành tiểu thuyết *Hòn Đất*. Chúng tôi tới thập hương đài tưởng niệm anh hùng Phan Thị Ràng. Nhân vật chị Sứ trong truyện, tên thật là Phan Thị Ràng. Tại đây chúng tôi gặp bà Thi Cà My, được xây dựng là nhân vật Cà My và ông Doanh Khoanh, người chứng kiến trận tra tấn và sự hy sinh anh dũng của chị Ràng. Ông Doanh Khoanh kể:

Chúng tôi hay gọi là cô Tư Phùng. Tư Phùng không phải người Hòn đất, mà sinh ở Lương Phi, Tri Tôn, An Giang. Tư Phùng thấp, nước da đen, nhìn chả khác gì người Khơ Me chúng tôi. Thời gian Tư Phùng ở nhà tôi là lúc tôi làm Phó ban Nông hội. Tôi cũng bị giặc bắt cùng ngày với Tư Phùng. Lúc đó Tư Phùng bị địch phục kích, bắt trên đường lên núi. Còn

tôi đang xay lúa để tiếp tế cho hang, thì chúng bao vây quanh nhà, bắt đi. Giải trói tôi cách chỗ cô ấy khoảng năm, sáu bước chân. Cô Tư bị chúng buộc hai ngón tay lại, rồi treo lên cành xoài, mỗi tên một bên, đưa qua đưa lại và đánh đập, tra khảo. Tôi ở bên cạnh, nghe cô Tư trả lời không xót câu nào:

- Mà làm việc bao lâu rồi?

- Bốn năm

- Mà làm việc với ai?

- Tao không biết.

- Không biết thì chỉ có chết

- Tao chết, mà chết.

Trong suốt thời gian bị tra tấn, cô Tư chỉ nói hoài câu: "Tao chết, mà chết." Cuối cùng tức quá, bọn lính lấy cọc rào vót nhọn, đâm vào đùi cô Tư cho đến khi cô chết. Khi cô hy sinh, cô Tư mặc áo bà ba màu huyết, nằm nghiêng, đầu xéo về hướng Hòn đất, bên cạnh là bụi tre, chân quay ra hướng đường lộ. Lúc chôn, chỉ có tôi và vài ba người.

Sau chuyến đi, Phùng Quang có bút ký về Hòn Đất, đăng kín cả trang báo Nhân dân số Chủ nhật.

Ở Hà Tiên, chúng tôi ra bến tàu mua vé ra Phú Quốc, đúng vào hôm biển động. Nếu không có anh chàng Phùng Quang nhát chết, chắc hôm ấy tôi đã liều ra đảo. Không ra được đảo, chúng tôi đành quay về Rạch Giá. Bữa cơm chia tay, vợ chồng chị gái Phùng Quang còn mời một đồng nghiệp người Bắc. Ông này vui tính, xồn xả. Tôi nhớ câu chuyện vui ông kể về các đồng nghiệp:

Giáo viên ở các vùng sâu, vùng xa trong tỉnh, cuộc sống tẻ nhạt lắm.

Những vùng đất nước phèn trong vắt, nhìn rõ đáy nước. Nước sắn mà không dùng được, chỉ toàn lau lác mọc ngút đầu. Với giáo viên người địa phương, thì không sao. Thầy cô nơi khác tới, ngày nghỉ buồn tẻ, không biết làm gì. Thường các thầy rủ nhau sắm đồ, nấu nướng nhậu nhẹt, hay la cà khắp xóm, tham dự hết lượt mọi đám xá trong xóm. La cà, dự cỗ bàn nhiều, nên giáo viên năm chắc ngày vui, việc buồn của học sinh.

Hôm đó là sáng thứ hai, trong tiết sử kiểm tra đầu giờ, anh giáo trẻ gọi một học sinh lên:

Hôm qua, cậu có biết là ngày gì không?

Cậu học trò nghệt mặt ra. Cuối cùng cũng nặn ra được cái ngày hôm qua là ngày gì, giải phóng Điện Biên, đại phá quân Thanh,... Nghe cậu học trò trả lời linh tinh, thầy giáo gắt:

- Tôi không hỏi các ngày đó. Tôi hỏi, hôm qua là cái ngày gì cơ mà!

Cậu học trò rụt rè:

- Dạ con ... thưa thầy, hôm qua là... Chủ nhật.

- Không phải! Hôm qua là ngày.... giỗ nội cậu. Thế mà ông bà già cậu không thềm mời tôi.

CHƯƠNG V - 36

Ông Hoàng Văn là một trong những nhà báo của Đài đầu tiên tôi biết. Hơn tôi chín tuổi, tôi gọi ông bằng chú, nhưng không có họ hàng gì với nhau. Lý do gọi bằng chú, bởi trong khu tập thể, nhà ông sát nhà ông chú ruột tôi, thỉnh thoảng ông Trần Sơn và ông sang nhà chú tôi uống nước, đôi khi làm chén rượu. Bạn của chú, tất nhiên thằng cháu là tôi, phải gọi các ông bằng chú.

Tôi về Đài do chính ông Hoàng là người kiểm tra khả năng làm báo và quyết định nhận tôi. Phải nói rằng đây là cơ chế tuyển người hay, nếu đơn vị sử dụng, trực tiếp tuyển, sẽ chọn được người theo yêu cầu của mình, nhưng với điều kiện người tuyển phải công tâm. Kiểm tra và nhận tôi, nhưng chín năm sau, tôi mới làm lính của ông, khi ông từ Văn phòng trở lại ban Kinh tài. Sau này có dịp hỏi, nếu hồi đó tôi không đạt, có nhận không, ông bảo, không nhận. Tôi thêm phục ông. Việc đã xong cả chục năm rồi, giá như tôi, sẽ trả lời ngược lại.

Hồi nhận tôi về Đài, không hiểu sao tôi lại không có chút quà cáp gì biếu ông, dù chỉ bao thuốc lá, hay lạng chè. Đây là tình người, là xử sự của người Việt ta. Có lẽ lúc đó tôi còn trẻ, còn ông chú ruột cũng không nhắc cháu, có lẽ ông chú tôi tính như vậy. Nay nghĩ, tôi vẫn còn áy náy.

Ông Hoàng tính quảng giao, công tâm. Hồi là sếp của tôi, ông duyệt bài nhanh, bắt vở và đã sửa là chính xác, lính chịu cứng. Dân học sinh giỏi, giật giải toán cấp ba miền Bắc, vẫn khác.

Thời bao cấp thật khổ. Hàng xóm nhà ông, một nghệ sỹ nổi tiếng, có chiếc ti vi. Con ông nghịch quá, nên nhà họ đóng cửa, không cho vào xem. Con về báo bố, ông nghĩ thương con, quyết tâm mua cái ti vi cho nó xem. Làm báo, mà không thể bằng nghề để kiếm tiền, phải chọn con đường lợn, tức nuôi lợn.

Lúc ấy phong trào nhà nhà nuôi lợn, nuôi ngay trên tầng, lợn với người sống chung. Nhà Đặng Quang trên tầng năm cầu thang bên cạnh nhà chú thím tôi và cũng cùng cầu thang nhà ông Hoàng. Tôi hãi nhất là đến kỳ nhà Đặng bán lợn. Nhà Đặng, người nuôi lợn và lợn nuôi người. Nhà này nuôi lợn mát tay, lợn xuất chuồng đều cỡ bảy mươi cân. Mẹ Đặng Quang rất tài, bà huấn luyện thế nào, con lợn vào nhà vệ sinh của người, tự đi ị được, không phải dọn phân cho nó. Có hôm tôi sang chơi nhà Đặng, nó ủn ỉn ra chào khách. Động viên lợn, tôi gãi gãi vào lưng, nó phấn khởi, nằm ình luôn ra sàn. Mẹ Đặng phải lấy cán quạt, vọt cho mấy cái vào mông, nó mới chịu đứng lên, ủn ỉn đi về phòng. Lợn cũng có phòng riêng, nhà Đặng ngăn hẳn một góc bếp cho nó.

Khi nhà Đặng Quang bán lợn, tôi được mời sang khiêng giúp từ mái tầng năm xuống đất. Con lợn to, tôi và Đặng xúm vào khênh đầu phía trước, anh thợ lợn đầu phía sau. Cầu thàng dốc, đầu khiêng trước chúm xuống và con lợn lại dẫy giữa. Xuống đến mặt đất, tôi chỉ còn nước, ước mình được mang đi cắt tiết như con lợn.

Về chuyện nuôi lợn để mua ti vi của nhà ông Hoàng, lần đầu nuôi con lợn được sáu mươi cân, đem bán, thiếu một ít, chưa đủ tiền mua ti vi. Vợ chồng bảo nhau, nuôi lứa tiếp. Con thứ hai, nặng bảy mươi cân. Xuất chuồng, thì lúc này giá ti vi tăng, lại thiếu một ít. Nuôi đến con thứ ba, thứ tư, vẫn thiếu, vẫn chưa đủ tiền mua ti vi. Con đường nuôi lợn không thể sắm được ti vi và cải thiện đời sống gia đình, ông Hoàng quyết định đổi sang nghề dệt. Bán con lợn, ông mua cái máy dệt len và đi học dệt. Lúc này ông là Trưởng phòng phòng Nông dân. Đã tính đi học, không phải học nghề cho mình, mà về hướng dẫn bà vợ nhà báo thành thợ dệt. Còn với mình, ông có hướng khác rồi. Một người bạn mách nước, tách gạn bạc từ ni tơ rất bạc trong dung dịch nước tráng rửa ảnh, ông có thể dùng kiến thức hoá học tu nghiệp mấy năm ở Triều Tiên ra áp dụng. Những ngày bình thường trong tuần, ông Hoàng phải đi làm báo trên cơ quan. Chỉ có chiều thứ Bảy và Chủ nhật, ông xách can đến các cửa hiệu ảnh mua lại nước tráng rửa phim, ảnh. Nghề mới thu nhập được. Hành nghề chừng ba, bốn tháng, thông tin tách bạc của ông không còn bí mật nữa, có người biết, bắt chước theo. Khi thứ Bảy, Chủ nhật ông xách can đến hiệu ảnh, người ta thu gom hết rồi, họ còn mua với giá cao. Ông Hoàng đâm mất nghề.

Cái máy dệt len, bà vợ sử dụng không thành thạo. Nhiều hôm đang viết bài, bà cứ bảo ông ra hướng dẫn, thế thì còn tư duy bài vở, tuyên truyền định hướng cho nông dân làm ăn gì nữa. Rồi hàng hoá ế ẩm, đổ ở chợ chẳng được bao nhiêu, dệt len chả bằng nuôi lợn. Ông quyết định giải thể nghề dệt, bán tổng bán tháo cái máy dệt len đi. Lúc này nhà ông vẫn chưa mua được ti vi. Ngày càng nhiều gia đình dùng ti vi. Dùng nhiều, nhu cầu sửa chữa lớn, đây là cơ hội kiếm ăn được. Nhà báo tư duy vốn nhanh nhạy, ông Hoàng quyết định đi học sửa chữa ti vi. Thầy dạy là ông Cần, một ông thầy nổi tiếng cả nước, mở lớp dạy ngay trong khu tập thể La Thành. Ông Hoàng học nhanh và hành nghề cũng nhanh.

Cái ti vi đầu tiên nhà ông dùng là từ cái sát xi Nép - tuyen cũ, tức bộ khung của ti vi, còn đèn hình đã hỏng, ông mua đèn hình mới lắp vào, giá thành là ba mươi lăm nghìn đồng. Sau này cái ti vi sanyo cửa lùa danh giá, mà nhà ông dùng nhiều năm, là mua lại của một đơn vị quân đội. Nó hỏng lâu ngày, đơn vị kia quyết định bán, ông tới xem, thấy bóng hình không sao, mua lại, giá ba mươi lăm ngàn. Về sửa chữa, nghiêm nhiên nhà có cái ti vi oách để dùng. Còn cái Nép - tuyen cũ, bà vợ bán đi được sáu mươi ngàn, đôi ra hai mươi lăm ngàn đồng. Thật sung sướng. Cất kỹ tiền rồi, nghĩ vợ chồng vẫn sung sướng!

Nghề sửa chữa ti vi kiếm ăn được, là nguồn thu nhập khá của gia đình. Ông Nhà báo trưởng phòng, tối tối xách đồ nghề đi sửa chữa. Ông Hoàng hành nghề sửa ti vi khá lâu và thành thạo cứng. Sửa chữa ti vi kiếm nhất là những nhà có máy mới. Thường nhà giàu mới có dạng máy này. Ti vi mới hỏng hóc nhẹ và chủ nhà trả công hậu. Với loại máy cũ, những cái ba bốn lần se cần hen, thứ gì cũng hỏng. Khắc phục được pan này, nó lan sang pan khác, hỏng tiếp. Giải thích

cho nhà chủ, thì họ không hiểu. Thường những nhà dùng ti vi cũ là nhà nghèo, tiền trả công đã ít, lại còn phải sửa đi sửa lại.

Ông nhà báo không sống nổi bằng nghiệp viết báo, phải nuôi lợn. Làm nghề tuyên truyền sản xuất nông nghiệp cho nông dân, nhưng nhà mình nuôi lợn không xong. Là kỹ sư hoá, tu nghiệp tận nước ngoài, không hành nổi nghề hoá, phải chạy sang nghề sửa chữa ti vi. Từng ấy nghề mới mua nổi cái ti vi cũ cho vợ con xem. Kể cũng buồn. Ngày đó, cảnh dạng trớ trêu này, không phải là trường hợp riêng biệt của ông Hoàng. Có chuyện hài, nhà một ông giáo sư nuôi lợn. Nó gây mất vệ sinh khu nhà tầng. Người ta đến kiểm tra và bảo, sao nuôi lợn, ông cứ nằng nặc, nó nuôi ông, chứ ông có nuôi nổi nó đâu.

Lúc là Chánh văn phòng, ông Hoàng vẫn hành nghề sửa chữa ti vi. Đến tận năm 1993 mới dừng, tức là sáu năm Chánh văn phòng kiêm thợ sửa chữa. Đây là trường hợp hiếm, một ông trí thức thợ, kiêm chánh văn phòng cơ quan thuộc Chính phủ, tương đương cấp Trưởng vụ, tối tối xách đồ đi sửa chữa ti vi.

Trong cơ quan, trưởng phòng hành chính, rồi cơ quan to, chánh văn phòng là chân thơm, kiếm ra tiền. Có một ông lãnh đạo to ở Đài nói ra mồm với nhiều người rằng, ông Hoàng giàu lắm, cái chân văn phòng kiếm bẫm. Ông ta đồ nhà ông Hoàng có mấy cân vàng và bao tải đô la. Nếu ông Hoàng có như vậy, kể cũng mừng cho ông ta. Không thấy ông lãnh đạo kia khoe nhà mình có bao nhiêu. Cứ so chức của ông, to gấp rưỡi ông Hoàng, chắc hẳn nhà ông này giàu và kiếm được khá. Khiếp, thế thì giàu quá.

Sau này khi ông Hoàng về Ban Kinh tài, có lần ngồi uống rượu, tôi nói, người ta bảo nhà chú vàng lắm lắm. Chú để nó ở đâu. Ông Hoàng cười:

- Tao độn nó xuống nền nhà. Nhưng tại mày, nó hỏng hết. Mày ngồi uống rượu, cứ bi bủm, làm ố nó đi. Có bận cần vàng tiêu, tao cạy lên một cục, mang ra cửa hàng, thì cửa hàng nó chê, vàng non quá.

Người ta kiếm tiền cốt để mà tiêu, để dùng, để mua đất, mua cát, hay cho bớt họ hàng. Chả ai kiếm, tích thành vàng để khi chết mang đi chôn cho đám ma nó sang. Ông Hoàng về làm trưởng ban Kinh tài được một năm, ba năm, năm năm,... thời gian đủ để an toàn. Chắc lúc này ông phải mang ra dùng chứ? Vẫn không thấy ông dùng. Ông này kín đáo tợn.

Chín năm làm Chánh văn phòng, rồi chín năm sang ban Kinh Tài và nay lại về Văn phòng, chờ về cái chân thơm. Có bận tôi lên phòng, ông đang lúi húi dỡ phong bì. Công nhận chánh văn phòng lắm phong bì, lúi húi bóc suốt, một đồng đến mấy chục chiếc, toàn loại phong bì dán kỹ, có dấu, chính tôi liếc trộm thấy.

Hồi ông Hoàng còn là Trưởng ban tôi, thấy tôi cặp kè rượu bia với ông, có dư luận, tôi bợ đít thủ trưởng. Nhân viên bợ đít thủ trưởng là thói thường của người đời, tôi cũng thế. Đến thời

ông sang lại văn phòng, tôi vẫn rượu bia với ông, lúc này dự luận chẳng rồi hồi, kệ đám này uống với nhau, cho say, cho bợ dít nhau. Thôi, lại thói đời và tôi kệ thói đời.

Tôi cứ ước ao, giá mình được cái chân Chánh văn phòng, ước ao được dự luận đồ rằng, mình có một thúng vàng, cùng bao tải đô la.

Lên voi xuống chó, câu nói này khá đúng với nghề báo, có khi chuyển công tác trước lên voi, ngay chuyển sau đã xuống chó. Lần xuống chó của tôi vào cuối năm 1987, khi tôi mới về Đài. Kể ra ngay vào nghề, mà thảm hại vậy, sẽ nản. May mà tôi vẫn yêu nghề. Đặng Quang dắt tôi đi huyện Sơn Dương.

Chuyển đi Sơn Dương, chúng tôi đến bến Nứa vào khoảng bảy giờ sáng. Bến Nứa như cái chợ. Người ta nói, muốn tìm hiểu văn hoá vùng, miền nào, cứ kéo nhau ra chợ. Ra đó sẽ thấy văn hoá nơi ta đến. Có lẽ thời bao cấp, ra bến ô tô là họp nhất. Bến xe là nơi bộc lộ đầy đủ bộ mặt kinh tế, văn hóa, xã hội nước nhà. Người già, kẻ trẻ, nam thanh, nữ tú, ốm đau bệnh tật, ông bán nước, bà bán hàng, thằng kẻ cắp, con làm tiền, bà hát sẩm, đứa ăn mày, ông thầy bói, bộ đội, thương binh, công an, cán bộ, đánh chửi, lừa lọc, đồ nghề, gạo thóc, củi lửa, bếp núc, xe vệ sinh, quày tắm rửa, mùi mồ hôi, cống rãnh, trải chiếu giăng màn khách ngủ đợi qua đêm,...

Về chuyển đi Sơn Dương, chúng tôi đến bến sớm, mà nhà chờ đã đông nghìn nghịt. Dân phe vé ở bến Nứa xúm vào gạ chúng tôi. Hồi ấy bán vé xe khách thường có hai ô cửa, ô ưu tiên và ô thường dân. Đối tượng ưu tiên gồm nhiều chủng loại, thương binh, bộ đội, công an, nhà báo, con nhỏ, người bệnh,.... còn lại là ô dân thường. Chúng tôi thuộc diện ưu tiên, Đặng Quang có thẻ nhà báo. Lúc chúng tôi tới, còn hai tiếng nữa mới đến giờ bán vé. Dãy ưu tiên rỗng rảnh tới ba, bốn chục người. Dãy thường dân, tính cả suất xếp lốt dân phe vé, dài tới trăm suất. Cái xe khách dù có nhồi cứng, xếp chồng lên mui, cũng chỉ chứa hết một nửa. Một trận chen vé quyết chiến.

Chín giờ, cửa ưu tiên bắt đầu mở. Người ta xô đẩy. Lúc đó thì chẳng ai nhường ai, chẳng có nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Già trẻ, trai gái đè ép vào nhau, không còn nương nung, giữ gìn. Chen đến lòi áo, tốc quần, vắn chen. Mấy ông thương binh cụt tay, què chân, lúc trước dùng nạng mới đi được, lúc này chen khoẻ ra phết.

Giữ trật tự trước ô cửa bán vé, nhà bến bố trí hẳn một trật tự viên. Ông này đứng trên lan can cao, chồm chồm đề dít vào đầu khách, hò hét, quát tháo, dúi người này, đập người kia. Chúng tôi phải chui qua háng ông ta mới chen sát được vào ô cửa bán vé. Ô cửa to bằng cái quạt nan, bốn, năm cánh tay cùng chen, cùng đút tiền và đóng giấy tờ vào trong đó. Người ngoài gào lên trình bày, kẻ trong gắt gỏng, quát ra. Lắm người trình bày đến khản giọng, song tra xét xong, phía trong vẫn ném tiền, ném giấy ra. Chưa đủ tiêu chuẩn ưu tiên. May nhờ có thẻ nhà báo, chúng tôi mua được đôi vé. Chúng tôi chẳng kịp xót thương cho một bà bị kẻ cắp rạch túi, móc sạch tiền, nhều dãi khóc, mà vội vàng ra xe.

Lại một trận tranh cướp lên xe nữa. Xe chật chội và nóng. Hành khách tự giác lên ngồi hành tộ

mình thêm hai tiếng nữa. Hãy còn may, khối kẻ dưới bến thêm thương nhìn người trên xe. Họ lại phải đợi đến chiều, chen nhau tiếp, không thì ngủ lại bến.

Cho đến sát chiều chúng tôi mới đến được Ban Định canh tỉnh Hà Tuyên. Làm việc rất nhanh, Ban giới thiệu chúng tôi lên công tác ở Sơn Dương và khách cứ tự sang nhà nghỉ mà ngủ. Đây là cách tổng tiễn vừa nhanh, vừa tiện, lại khỏi mất tiền. Tờ mờ sớm hôm sau, chúng tôi lọ mọ ra bến, nhảy xe về Sơn Dương.

Ngay khi bắt đầu làm việc, ông chánh văn phòng huyện hỏi, khách ăn uống suất bao nhiêu. May chúng tôi không tham, tưởng người ta bao, mà vống lên, không cuối đợt công tác, phải thanh toán ốm. Chúng tôi ăn mức phổ thông. Cả nhà ăn phục vụ có hai người là chúng tôi. Suất ăn, món sang trọng và độc nhất là bì trâu khô xào rau muống.

Chiều muộn, trong khi chờ hai ông khách nhai bì trâu và rau muống, cô nhân viên nhà ăn lúi húi trát bùn ủ bếp, giữ lửa lò cho ngày hôm sau. Cô này tuổi quá thì, da đen, mặt xấu, người thô. Lúc ngồi rửa bát sau bữa khách ăn, để làm công tác dân vận, tôi lân la trò chuyện, cô nàng tưởng tôi tâm sự thật, thẹn đỏ cả mặt. Thế mà lúc sau còn rủ tôi đi xem phim bãi ở huyện. Tôi phải từ chối ngay, kéo không, lại kẻ ăn ốc, kẻ bị đổ vở oan.

Ăn ở nhà ăn tập thể huyện, dù thanh đạm còn đỡ lo, hai nhà báo được bữa cơm mời, nghĩ lại mà kinh. Hôm đó ông chủ tịch huyện đưa khách xuống cơ sở, đến trưa, xã có bữa cơm tiếp khách cấp trên. Cỗ bàn thịt thà bày ra, nhìn các món đều một màu xám xịt. Mới đầu tôi nghĩ, có thể do cách nấu nướng và gia vị họ cho vào, nên có màu này.

Trước khi ăn, ông chủ tịch xã người dân tộc thật thà giới thiệu, có con bò toi của dân bản, xã mua cổ lòng và vài cân thịt, xương đãi khách. Thảo nào, tái như thịt trâu toi. Trong bữa ăn, tôi gặp lấy lệ, chỉ lo con bò mắc bệnh nhiệt thán. Ông chủ tịch xã lại hiểu khách, cứ thuận tay gấp cho tôi liên tục, làm cái bát trên tay tôi tú hụ những thịt trâu toi.

Ăn ngủ đã khổ, song khổ nhất là cảnh ngày cuối, hết đợt công tác, dốc ngược túi thanh toán, hai đứa chỉ còn chút tiền chen xe khách về Hà Nội trong những ngày đầu năm mới 1988.

Ngay sau chuyến đi xuống chó, tôi lại được lên voi. Chuyến đi gần một tháng qua mấy tỉnh Tây Nguyên và xuống tới tận Đất Mũi. Chuyến đi với nhà báo Trần Sơn.

Ông Sơn là người nóng tính. Trong chuyên môn, ông là tay cự phách số một về viết phóng sự điều tra của Đài. Chính những bài viết của ông đã làm lung lay và đổ vài ba ông Thứ, Bộ trưởng. Từ Hà Nội chúng tôi bay vào thành phố Hồ Chí Minh. Đây là lần đầu tiên tôi biết thế nào là máy bay. Hồi hộp quan sát quang cảnh nhà chờ, thủ tục lên máy bay,... Mọi động tác tôi đều kín đáo quan sát và bắt chước y chang ông Sơn. Phòng đợi mở cửa, khách ào ào lên xe, ào ào chen chúc lên cầu thang máy bay. Ông Trần Sơn lững thững đi. Thầy lững thững, làm trò cũng đành lững thững theo sau.

Lững thững, mà tôi chỉ lo, lên chậm, tý nữa hết chỗ, phải đứng. Tôi và ông Sơn là hành khách cuối cùng leo vào máy bay. Trên máy bay, tôi mới hay, ngồi theo số ghế đề trên vé, không phải cứ chen trước là giành được chỗ tốt.

Tuy háo hức lần đầu đi máy bay, những vốn nhát, khi đã bay trên không trung, tôi mới lo, nghĩ nó như cái quan tài bay. Tờ báo giờ lên, mà tôi không tập trung đọc nổi mẩu tin. Thỉnh thoảng liếc xéo ra ô cửa, thấy mây trắng bồng bênh trôi, tôi càng sợ tợn. Bụng nghĩ, cao thế này, nói đại nó rơi xuống, thì mất xác. Đúng là thích không bỏ lo, lo suýt chết. Chỉ đến lúc nghe tiếng kích máy bay tiếp đất, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Đây là tôi lại nghe ông Sơn nói, chứ đã bao giờ bay đâu mà biết, nghe tiếng kích máy bay tiếp đất là an toàn.

Xuống sân bay Tân Sơn Nhất có ô tô đón chúng tôi thẳng lên Đà Lạt. Xe đón oách thật, cái Toyota láng coóng của ông Giảng, giám đốc Trung tâm Giống lâm nghiệp Đà Lạt. Hồi ấy, ngoài Bắc đường xấu, xe cũ, tốc độ rùa bò, giờ ba, bốn chục cây số. Vào trong này, xe mới, đường đẹp, lái xe phóng vèo vèo. Nhìn hai bên đường tôi thấy chóng mặt. Cứ thỉnh thoảng liếc nhìn công tơ mét, kim đồng hồ chỉ bảy, tám mươi cây, nghĩ mà kinh. Trong đầu tôi lăm lăm khẩn trời, khẩn Phật cho xe không đâm. Xe mà xô chắc chết.

Đất cao nguyên màu mỡ, lá mỏng to to bằng cái quạt nan. Chỉ hái vài ba lá, nấu đủ nồi canh. Thành phố Đà Lạt lãng đãng sương mờ và thông. Con gái Đà Lạt nhẹ nhàng tà áo dài, bên ngoài khoác hồ tẩm áo lạnh. Hoa quả xanh đỏ xếp tràn khắp chợ và biệt thự lô nhô đủ mọi dạng hình kiến trúc Âu châu. Tôi cứ như người đi trong mơ.

Chúng tôi được bố trí ở toà biệt thự sang trọng, nhà khách Hà Nội tại Đà Lạt. Cả toà biệt thự chỉ có tôi, ông Trần Sơn và Đặng Quang vào sau đó, là khách nghỉ. Biệt thự này của một viên trung tá nguy. Rảo qua căn biệt thự, tôi đếm được tới mười mấy phòng. Ở gì mà khiếp thế. Tôi ao ước, giá như nó là của mình.

Đêm ngủ, nhìn qua ô cửa, kính trắng suông, không chấn song bảo vệ, tôi đâm sợ. Đêm hôm, nhớ trộm cặp đập kính, chui vào, mất ráo cả bây giờ. Nghĩ lại, mình có cóc khô gì, ngoài tẩm thân gày nhảnh và đói khát. Vậy là bình tâm lại, ngủ tiếp.

Mười lăm ngày ở Đà Lạt, gần như tối nào, ông Nhu, giám đốc công ty Thương nghiệp Lâm Đồng cũng tổ chức tiệc tùng. Đón tiếp đến mức tôi phát sợ. Lại sợ. Lần này sợ ăn uống. Có hôm tôi thoát được ra ngoài cuộc tiếp, đi lòng vòng mấy phố, tạt vào một quán, xơi đến hai ly chè, quay lại, nhìn lên gác, vẫn thấy đèn sáng và tiếng zô... zô bia tiếp.

Khổ thế đấy, những thứ nhiểm vào mình rồi. Ra đến cái mới, gập gì cũng khiếp. Lên máy bay, thì sợ máy bay rơi; ô tô sang, lại lo phóng nhanh, nhớ xô nhau; nhìn ô cửa sổ kính trong suốt, kính kẻ trộm nó đập; người ta cho uống, kính say...

Đợt ấy ông giám đốc Nhu dành hẳn chiếc pô giô, hàng ngày, đứng bảy rưỡi xe đậu dưới sân,

pim còi, đón chúng tôi. Lái xe người Nam, nghiêm chỉnh, cẩn chu. Tác phong chủ thợ và công nghiệp ngấm vào họ, chứ không kiểu dân chủ, cá mè một lứa như ngoài ta, chủ không ra chủ, tớ chả ra tớ. Hàng ngày xe đến đón, chúng tôi muốn đi đâu, bảo lái xe đưa đi ngay. Đến nơi, bác tài chỉ quanh quẩn đâu đó, thoáng thấy khách ra là có mặt ngay. Còn nếu chúng tôi ngẫu hứng, yêu cầu rẽ vào quán, dù nhiệt tình mời, lái xe vẫn từ chối, ngồi ngoài xe đợi.

Có lần anh lái xe kể: Vì lái xe người Nam đùa sếp người Bắc một từ, mà sếp đuổi ngay tấp lự. Ngoài Bắc dùng từ ăn để chỉ mức độ phanh hãm của xe, còn trong Nam dùng là từ thắng.... Anh lái xe đùa, dùng từ xoi, khi sếp hỏi phanh xe ra sao.

Từ Sài Gòn xuống thị xã Cà Mau, tối đó chúng tôi nghỉ tại nhà khách tỉnh uỷ. Buổi tối dạo mấy phố. Giáp nhà nghỉ có cây cầu lớn. Cầu dài tới hơn trăm mét. Trên cầu và hai đầu cầu ngàn ngạt những người. Cứ từng tốp ba, bốn cậu trai lượn đi vòng lại. Quầy giải khát đèn đóm sáng choang, tùm tùm bốn, năm cô đứng, ngồi, phấn son khoe choét. Bán giải khát mà không thấy ai uống gì. Lạ quá, chúng tôi ghé vào xem. Nước non gì đâu, mà là mua bán dâm. Công khai, rầm rộ, mặc cả cứ như mua bán cá ở chợ.

Tôi tuổi trẻ, tò mò, lại hăng tiết vịt, định lấy tư liệu làm cái phóng sự, liền chọn một cô, mặc cả. Nghe giọng nói Bắc kỳ, cô này tưởng của bờ, sấn vào. Cô ta táo tợn thật, chưa tiền xong, đã chiêu đãi tay tôi luôn. Phát hoảng, tôi tháo lui bằng cách, chỉ vào nhà khách tỉnh uỷ, bảo quên tiền trong ấy, chờ vào đó lấy. Nghe vậy, cô ta bĩu môi: Tưởng ở đâu. Ở đó mà dám dùng của này à.

Ngoài Bắc cũng có chuyện mua bán dâm, nhưng thời đó, nó còn xì xầm. Chứ đây, ngay cạnh nhà khách tỉnh uỷ, cứ công khai, hồn nhiên mua, bán. Tôi lo, không biết các ông tỉnh uỷ có biết không. Độc lo bò trắng răng.

Nhớ một chuyện trước văn phòng sở Lâm nghiệp Minh Hải. Khi ngồi uống cà phê trong quán trong khuôn viên Sở, trông sang bên kia đường là khoảng ao rộng, trên mặt ao có nhà vệ sinh. Đang dùng cà phê, thì từ trong đó, phen quây lung lửng, nhìn rõ cả phần trên người ngồi, một ông oang oang chỗ sang tâm sự với bạn đang uống cà phê quán bên này. Dân miền Nam tự nhiên thật. Tôi lạ mãi về cái văn hoá đi cầu tiêu mà cứ tâm sự oang oang.

Chiếc vỏ lãi đưa chúng tôi từ thị xã Cà Mau ra Đất Mũi. Sông nước mênh mông, bạt ngàn rừng đước. Có quãng đi trong rạch, tài công mất phương hướng, đành nhìn trời và xem hướng nước chảy để định vị. Hồi ấy dư luận ầm lên về nạn phá rừng, Chủ tịch nước vào tận nơi thị sát. Tỉnh đưa đi những con kênh chính, hai bên rừng còn rậm rạp, có thấy cảnh phá rừng đâu. Nếu đi như chúng tôi, thì thấy ngay cảnh phá rừng hầm than và đào vuông tôm khắp nơi.

Đưa chúng tôi đi là hai cán bộ trẻ sở Lâm nghiệp. Sóng nước làm chiếc vỏ lãi chòng chành, tôi thấy một cậu nhả nhỏ. Qua câu chuyện thì thăm của họ, tôi mới hay, một anh chàng mới bị

bệnh lậu. Bệnh hoa liễu này dễ lây lắm. Khi phát hiện ra cậu ta bị mắc bệnh kín, tôi đâm ngại ngùng. Trên cái vỏ lãi bé con con, tôi không dám ngồi vào những chỗ cậu ta ngồi nữa.

Trên đường đi, chúng tôi tạt vào vài nhà dân nằm hai bên kênh rạch. Một nhà dân anh em ghé vào, vừa thấy khách, ông chủ rồn rảng:

- Các chú trên tỉnh xuống à? Vào nhà qua uống chén rượu cho vui.

Chỉ có thể thôi, cho đến lúc chia tay, ông chủ chẳng biết chúng tôi là khách tỉnh nào. Khách vừa vào nhà, ông chủ đã giục vợ đi mua rượu. Bà vợ nhanh nhẩu xách can chạy đi liền. Trong khi bà vợ đi mua rượu, ông chồng mang luôn ra chai rượu dỏ, rót một lượt cho khách. Cụm trước một ly, rồi ông lôi bịch tôm khô ra, nỏ lửa than được, nướng. Cứ như câu chuyện ông chủ, thì chuyện làm ăn ở đây dễ lắm. Tính nhanh, diện tích vuông tôm và số rùng được ông hầm than, nhà này phải thu tới mười cây vàng.

Tôi theo mấy đứa trẻ ra dãy vuông tôm chạy dọc trước cửa nhà, thả câu. Chỉ mấy cần câu, một nhoáng lũ trẻ đã nhấc lên dăm con cua bể to tướng. Tôi nhấc trọt một con, xuýt xoa tiếc. Đúng là rùng vàng biển bạc.

Căn nhà mái tranh, tường thưng lá, rộng gần hai chục mét vuông, sàn gỗ cao hơn mặt đất khoảng một mét. Sàn nhà ghép cao để phòng thủy triều lên xuống hằng ngày. Nhìn căn nhà tênh toàng và mức thu nhập của chủ nhân, trong lúc ông chủ có việc, ra ngoài, chúng tôi đùa nhau, vàng nhà này giắt hay chôn ở đâu, thường lấy vài cây, tiêu đỡ cho ông chủ.

Lai rai tôm khô, cua bể, cả chủ lẫn khách sáu người, đi hết chai dỏ và can ba lít để bà vợ xách về, chúng tôi lảng tráng say.

Khi chia tay, ông chủ hẹn, hôm nào xả vuông tôm, chúng tôi nhớ quay lại làm một trận tới bến. Chưa kịp trận rượu xả vuông tôm, hôm sau chúng tôi đã được ông chủ tịch Đất Mũi cho một cuộc lên bờ xuống... kênh. Hôm đó trên đường nhậu về, say, ngã tòm xuống nước, về chẳng thay quần áo ướt nước lợ, tôi ngủ luôn. Muối rùng được lại được một bữa nhậu tôi. Hôm sau, tôi mặt mũi, cánh tay, cẳng chân, vết muối đốt đỏ rục như ma tịt cắn.

Gần một tháng công tác, đến lúc về, Trưởng phòng Đinh Sơn hỏi bài vở, tôi ú ớ. Rất may anh Đinh Sơn dễ tính và hiểu, cả chuyến đi toàn đồng bằng và thành phố, lấy đâu ra đồng bào thiếu số mà viết. Lại nữa, chuyến đi này với ông Trần Sơn, lính mới chỉ nhìn ông giao tiếp, uống rượu và đối thoại đã là học rồi.

Nghề báo là nghề sang trọng, viết lách mà.

Nhưng lời nói đọi máu. Chỉ một bài viết thôi, có ông tự tử nhảy lầu, có người khuynh gia bại sản, có người mất tiết công danh.

Nhà báo cũng có nhà giả nhà thật, ngoài nhà báo, còn nhà tranh, nhà đất, nhà nợ nhà kia, họ cũng có thẻ, cũng bút danh, đi đứng nói năng khúc triết, oai vệ, chỉ mỗi tội là không viết bài. Tôi nay đã làm báo hai chục năm, tuổi nghề ấy, phải gọi là hàng chú báo, bác báo. Kinh nghiệm nghề khắp mình. Nhiều khi tôi lo, của quý này không truyền ra, nhớ nó thật lạc, thì phí. Tôi định in kinh nghiệm ra thành sách, nhưng văn chương lỏm khỏm, bán không ai mua, mà sợ nhất tặng rồi, người ta biến thành sách lộn và in là phải mất tiền đấy. Thôi cứ nói ra cho đàn em học tập, vừa đỡ phí, vừa tiện. Sau đây xin nêu loạt kinh nghiệm, tiếp đó đi sâu phân tích, lý giải:

Báo đạo văn, báo phô tô ninh lược, báo xào nấu, báo dọa, báo trộ, báo thổi kèn, báo...

Báo đạo văn

Đạo văn tức là thuổng văn của người khác. Không phải đạo chích, như cô nhà báo nợ ra nước ngoài đạo chích tại siêu thị, bi tung lên mạng, thành nhà báo nổi tiếng cả nước.

Trò đạo văn được tôi áp dụng khi mới vào nghề, cứ thường từng đoạn của người khác, rồi trộn với văn mình là thành tác phẩm. Nhớ là tác phẩm dạng này chớ mang đi thi, hay đăng báo viết, chỉ gửi phát thanh, truyền hình thôi. Phát lên trời, lời nói gió bay.

Báo ninh lược

Hồi mới về làm báo, tôi cũng chăm chú viết, chúm mũi vào điều tra, thế mà vẫn không đủ định mức, còn nhuận bút chẳng được bao nhiêu. Cuối cùng nghĩ ra cách, sao không ninh lược báo nhĩ. Mình cứ lấy bài của người khác mà ninh lên. Vậy là tôi dành cả tháng tư duy cho ngấu, hý hoáy viết cả lý luận ninh lược báo, dài cỡ trăm trang. Dài thế đọc rất mất thời gian, nói ra nhanh hơn, thôi cứ kê cụ thể công đoạn ninh lược nhé:

Tôi sắm một cuốn sổ tay, kẻ cột dọc ngang cẩn thận, gọi là sổ *Theo dõi*. Sáng tôi đọc nhanh các báo, chọn các bài đình mang ra phô tô, phô lấy hai bản, đánh số thứ tự, rồi ghi chép vào sổ theo dõi. Đám báo phô tô đó lưu lại. Trước đây mười năm, công nghệ in ấn, internet và báo chí chưa phong phú như bây giờ, thường các phòng chỉ có mấy tờ, tờ không thể thiếu là báo Nhân dân. Báo cũng không được lưu, vì cuối tháng, hay một quý, nó được mang ra bán giấy lộn, khoản quan trọng để liên hoan phòng.

Sau khi ngâm một thời gian, sao cho bài báo kia đủ rữa ra, chả còn ai nhớ được nội dung và từng có bài báo ấy, thì mang ra đánh máy lại, chỉ cần sửa ngày tháng, địa danh và chú ý điền

thêm tên mình là tác giả vào, thế là nghiêm nhiên có một tác phẩm mới. Lúc đó, dù ông trưởng phòng có là tài thánh cũng không phát hiện ra.

Báo xào

Dạng báo ninh lược mới chỉ dừng ở cấp độ tư duy cơ bản. Phải đạt đến công nghệ xào báo mới ăn. Dạng xào báo này hơi kỳ công, mất thời gian và hơi có tư duy chất xám.

Trước hết cũng phải thực hiện công đoạn đầu như công nghệ ninh lược báo. Sau khi ngâm cho báo rữa ra, thì chọn cỡ dăm bài, đem đấu với nhau. Phải chú ý chọn cùng đề tài, cùng thể loại, kéo không lại dạng ông chẳng bà chuộc, thì đấu làm sao được. Tỷ như bài khen trộn với khen, bài chê trộn với chê, chứ đấu kiểu, cái thì chống tiêu cực, cái thì khen, hay bài miền núi, bài vùng biển, đấu làm sao được với nhau.

Kinh nghiệm này tôi học từ vùng quê tôi, đấu thuốc Lào. Quê tôi họ dùng thuốc Lào lá ngọn và lá gốc đấu với nhau. Tôi cũng áp dụng như vậy, tức là đều cùng thuốc Lào đấu với nhau, không thể thuốc Lào đấu với thuốc lá. Về kinh nghiệm phun nước chè đặc để hồ thuốc cho đậm và êm, tôi cũng đem ra áp dụng, tức là thêm thắt mấy từ, hay lờn dẫn vào giữa các bài báo khi đem đấu chúng với nhau.

Ví dụ bài cũ của người ta có cụm từ *tích cực*, thì nối dài nó sang đoạn đấu sau bằng từ *độ*, thế là có đoạn văn: *tích cực độ*, hoặc trong bài gốc có đoạn *huyện nhà nô nức làm kinh tế*, thì thêm và sửa thành: *trong không khi hùng hực ra quân, huyện nhà ta già trẻ trai gái cùng xông ra làm kinh tế*. Vân vân và vân vân. Thế là xào xong rồi. Tiếp đó nộp bài cho Ban. Dạng báo xào này nhiều khi còn được toà soạn nhận xét là có tư duy, chiều sâu và ăn năng xuất cao đấy.

Báo trộ

Nhà báo trộ là cứ đem mấy ông to ra khoe mình quen biết, thân thiết như anh em, họ hàng với họ, tưởng tượng ra tính tình, sở thích của họ. Khi rượu chè với thuốc cấp của nhân vật kia, thì đem ra kể bô bô. Xin lưu ý, làm báo trộ cũng phải cẩn thận, vì tôi có kinh nghiệm xương máu. Một lần tôi khoe thân quen với một ông rõ to. Hôm ấy ngồi ở quán bia, tôi huyền thuyên với bạn bè, dạng thuộc cấp của ông kia:

- Hôm qua tớ mới ăn cơm ở nhà anh ấy. Nhà ông này có món mằm đá ngon quá.

Tôi tả nhiều thứ lắm, như mình đến nhà anh ấy, bà chị biết mình thích mằm tôm, khẩu vị y như ông chồng, nên bữa cơm nào mình đến, bà chị cũng thừa bát mằm tôm đỏ au, vắt chanh. Thịt gà chấm mằm tôm ngon ra phết. Tuần trước, tớ dự đám giỗ ông già anh ấy. Cổ giỗ có món gà quê, ông anh gắp một miếng, chấm mằm tôm, cho vào bát của tớ. Ngon, gà luộc chấm mằm tôm ngon thật.... Tôi kể đến đây, thì ông cụ già uống bia ở bàn bên cạnh, cắt lời:

- Cậu ăn hôm nào ở nhà anh ấy đấy? Thằng con trai tôi tuần trước công tác ở thành phố Hồ Chí Minh. Mà tôi, sống sờ sờ đây, giỗ cúng thế nào được!

Tôi lúc đó chỉ còn nước chui xuống đất. Chả nhẽ lại cãi nhau với ông già lắm cảm kia, rằng, rõ ràng là ông chết rồi, chính tôi dự bữa giỗ con cháu nó cúng ông. Tôi còn định khi viếng ông chết, vòng hoa và cái phong bì một trăm ngàn đồng nữa cơ.

Câu chuyện trò thứ hai của tôi là gọi điện cho chính thủ trưởng to nhất của cơ quan mình. Phép trò này khối anh em ở cơ quan sợ tôi. Mình phải kể cứ như thân thiết với sếp lắm, dạng đệ tử ruột. Một bữa ăn nhậu với anh em, sau khi miêu tả tởm tể chuyện tuần trước mình đi chơi và tâm sự với sếp thế nào, liền sau đó bốc điện thoại lên tâm sự với sếp.

Xin nhắc là nếu tâm sự qua điện thoại với sếp trước mặt anh em, thì tâm sự càng lâu càng tốt. Cứ anh anh em em, suồng sã được càng hay. Chú ý khi bấm điện thoại, di động có 10 số, ta bấm lấy tám, chín số thôi, rồi áp vào tai, khoảng mười giây, thì bắt đầu bô bô tâm sự. Nói phải như nói thật, mặt mũi cũng khi tươi, khi nhú, cả cười nữa, phải ngắt quãng, đối thoại mà.

Nói về cuộc tâm sự với sếp qua điện thoại bận uống bia, tôi tâm sự rất hăng, cứ oang oang. Anh em cơ quan ngồi quanh kính phục quá. Đang lúc tôi tâm sự hăng, thì cái điện thoại chết tiệt của tôi reng reng kêu... Thôi chết rồi! Điện thoại đang gọi mà chuông kêu mới lạ chứ.

Báo doạ hay là hôi tát:

Làm báo dạng này hơi mất công, nhưng được cái không phải tư duy và nhiều khi vớ bẫm, chí ít cũng được bữa rượu trưa và cái phong bì dày. Làm báo hôi tát như sau: Buổi sáng đọc nhanh các báo, báo nào càng uy tín càng tốt. Tìm xem có vụ đánh tiêu cực nào không, rồi ghi chép thông tin vụ đó lại, càng chi tiết các tốt. Nhớ ghi tên công ty và nhân vật trong bài. Tiếp đó lấy danh bạ điện thoại ra tra số công ty, số giám đốc. Nếu cơ sở ở tỉnh ngoài, thì tìm qua giải đáp đường dài. Tiền tra cứu rẻ lắm. Biết số rồi, gọi ngay đến cơ sở ấy, úp mở rằng, mình có thông tin và cũng đang định đánh đấm. Cam đoan, giám đốc chỉ mới nghe, đã hãi. Có báo đánh rồi, nay thêm báo nữa, chắc chết. Sau khi doạ cho tay giám đốc kia rúm tít lại, mới hạ giọng, rằng, thì... là.... mà... mình cũng rất quý tiền.

Bằng cách báo hôi tát này, có bữa tôi xơi mười triệu.

Ngoài ra còn một loạt cách làm báo nữa, như báo mạo danh, báo tranh phong bì đi họp, báo hóng hớt thông tin hội nghị để đi họp, báo nhận xí bài người khác viết là do mình chỉ đạo, hay mình là sếp nó, báo quảng cáo, báo thăm cuối năm, cuối quý đến hỏi thăm tình hình sản xuất, báo....

Những kinh nghiệm trên tôi truyền cho cánh nhà báo trẻ, nhưng xin giữ lấy dùng riêng. Đừng nghĩ, ai cũng biết cả đâu. Nó bí mật lắm, bí mật đến mức, có lần, hôm trước tôi mới rút ruột phong bì xong, hôm sau lên cơ quan, mấy cậu phóng viên trẻ hàng con cháu, nhìn tôi như vật lạ từ cung trăng rơi xuống, còn cánh thân hữu, thì dí vào tai tôi thì thầm: hôm qua ông rút được bao nhiêu, uống bia đi. Tôi dễ tính đấy, chiêu đãi luôn. Chứ vớ phải người khác, nhục như thế

còn gạ, uống bằng uống nhục.

Sau đây tôi truyền một kinh nghiệm nữa, nó không thuộc nghiệp vụ báo chí, mà thuộc về đạo đức nghề nghiệp báo.

Đến một doanh nghiệp làm việc, tôi khá choáng khi thấy tay giám đốc kia toàn dùng đồ sịn. Tay hẳn đeo cái nhẫn lấp lánh viên ru bi, không biết tới bao nhiêu ca ra, quần áo, dày dép toàn đồ hiệu, phòng ốc thì choáng lộn. Sịn nhất là con di động. Tôi biết con này đời mới toanh, ước cũng tới 20 triệu. Trong khi phỏng vấn tay giám đốc, thỉnh thoảng tôi lại liếc nhìn nó. Trong đầu tối nảy ra niềm ao ước, giá mình được sở hữu con di động đó.

Dự kiến buổi làm việc độ một tiếng, được nửa tiếng, thì tay giám đốc xin lỗi có việc, ra ngoài một chút. Rồi việc và vốn sẵn thềm con di động kia, tôi vươn tay cầm nó lên xem. Mê ly thật! Khoảng năm phút sau, tay giám đốc quay lại. Trong đầu tôi lúc này lại tưởng tượng ra mình có cuộc hẹn với cơ sở khác nữa, liền thông báo, tư liệu đã hòm hòm, xin dừng cuộc làm việc ở đây. Vị giám đốc ngỡ ngàng. Trong khi tôi cất máy ghi âm và sổ ghi chép vào túi, tay giám đốc bốc điện thoại bàn gọi nhân viên, tiết mục phong bì tiễn khách đây. Tôi chả cần thứ ấy. Gọi xong, tay giám đốc nhìn quanh, như muốn tìm thứ gì và lại bốc điện thoại lên gọi. Quái, sao trong túi tôi có tiếng điện thoại kêu tưng tấc. Tôi đành thọc tay vào túi và về mặt quá ngạc nhiên, khi sờ thấy cái điện thoại của tay giám đốc kia, nó lại ở trong túi quần mình.

CHƯƠNG V - 39

Rượu là một phát minh của nhân loại! Thế nên, trong các buổi tiệc tùng, chiêu đãi, bao giờ người ta cũng dùng rượu.

Triết lý của dân rượu: Uống mà không say, thì uống để làm gì? Phí rượu!

Lại triết lý nữa: Uống mà không say uống là không phải uống.

Uống để ta tỉnh người say.

Uống say mà ta vẫn tỉnh.

Uống.....

Nghe đồn ông Chu Ân Lai là bậc cao thủ. Chả biết có thật không, vì đã uống với ông ta bao giờ.

Nhà thơ Lâm Huy Nhuận, con trai nhà thơ Yến Lan, có thơ say:

Có một lần say khóc

Nỗi buồn thả dây cương

Tỉnh lại ân hận mãi

Có vương ai trên đường

Sếp Hoàng, tôi và Hùng Béo đôi chiều uống với nhau. Quán góc ngã tư Khâm Thiên là điểm chúng tôi ưa ngồi. Chúng tôi uống có lúc tỉnh, lúc say, có lúc khi say mà tỉnh, có lúc khi tỉnh mà say. Nhưng say như cụ Lý Bạch, thì chưa bao giờ có.

Nói về say rượu, thì ngày bé tôi có một bữa uống vụng rượu, bị say chí chết. Không ngờ, lớn, lại làm đúng nghề phải say. Ngay khi về Đà, có buổi liên hoan phòng, tôi lính mới, vì biết nấu ăn, liền lao vào bếp.

Hôm ấy, ngoài anh em trong phòng, còn có bác Đặng Tình. Bác vốn trước chỉ đạo mảng nội dung của phòng Dân tộc. Nhà văn Đặng Tình giành hai giải nhất truyện ngắn báo Văn nghệ và giải ba truyện ngắn tạp chí Văn nghệ quân đội. Bác từng là Trưởng ban Đồng Bào. Cái tên ông Thào mà nhiều người đùa gọi bác là nhân vật trong truyện ngắn bác viết. Một dịp tôi định ngo ngoe viết chuyện miền núi, sau khi đọc truyện của bác Đặng Tình, nghe văn chương và thấy một người quá am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào, chuyển tải được cái thần của đồng bào dân tộc sang ngôn ngữ Việt, tôi không dám viết nữa. Văn thế mới là viết!

Bữa liên hoan, nấu nướng ngay tại phòng. Củi lửa là gỗ gõ ra từ mấy thứ lung lay khắp các bàn, ghế, còn tủ thì tấm nào một một, cho vào nổi lửa luôn. Thiếu, dùng thêm giấy báo.

Lúc tôi ngồi chặt thịt gà, anh Đinh Sơn ngắm lính mới, buông câu: Thăng Mới! Và anh cười hề hề. Tôi cú quá. Ông này dân ngôn ngữ, văn chương nhiều, tưởng tôi anh chàng học hoạn lộn, nên gọi xỏ mình là thăng Mới. Thế có cú không cơ chứ. Tôi nhớ và thù mãi. Bữa liên hoan đó tôi được trận say chí chết. Nghĩ lại, mình mới về cơ quan, sao không biết giữ gìn, cứ thực mạng,

hết mình uống.

Trận say nhớ đời là chuyển đi công tác Lạng Sơn. Tối đó Ban Định cư tỉnh đãi khách. Trừ sếp Phán Lương không uống, còn chủ, khách say khướt. Say đến mức, mấy ông trong Ban định canh túm vào đánh nhau, còn khách chúng tôi hô hố cười, vỗ tay tiếp sức. Vui nhất là một ông cán bộ định canh chồm chồm ngồi lên bài nhật xương ăn tiếp.

Sáng hôm sau sếp Lương vào phòng, thấy anh Nhung nằm thiêm thiếp, hỏi, như thế này nó say đến bao giờ. Anh Thuận, phải mấy ngày nữa. Sếp hoảng. Đúng lúc ấy anh Đình Sơn nhồm lên, tỉnh như sáo.

Tôi còn nhớ chuyện đợt ấy chúng tôi tranh luận với ông lãnh đạo Sở Tài chính Lạng Sơn. Ông này nói rất hay và có lý của ông ta. Khi tôi hỏi về ngân sách tỉnh dành cho công tác nghiên cứu khoa học, ông say sưa trình bày, say sưa tới mức, coi chúng tôi như kẻ đi xin kinh phí.

- Nghiên... nghiên cứu cái gì. Các ông cứ dài ra đòi kinh phí. Tôi hỏi, xưa nay nông dân Lạng Sơn nghiên cứu cây thuốc lá bao giờ. Vậy mà thuốc vẫn ngon, khói vẫn đậm. Còn các ông vùi tiền, tỉnh đầu tư không biết bao nhiêu rồi. Cây thuốc lá chưa nghiên cứu, thì cao tới cả mét mới có hoa, lá to bằng tàu lá chuối. Còn các ông nghiên cứu, thuốc mới cao bằng cấy lúa, đã trổ hoa, lá thì to bằng cái lá hẹ. Đấy, nghiên cứu đấy! Tôi mà có quyền ấy à, cứ đuổi ráo đám khoa học nghiên cứu ấy đi.

Không biết đuổi được những ai, chỉ biết rằng, chính ông này suýt bị đuổi. Hình như ông dính vào tham nhũng. May thay, tự dưng ông lặn đùng ra bán thân bất toại, nên không phải hầu toà. Sau này mỗi khi gặp anh Thuận, tôi thường đùa, chào anh: Nghiên cứu, nghiên cứu cái gì... Với anh Thuận có nhiều chuyến công tác Tây Bắc và vùng cao. Ông này là cái kho tiểu lâm phóng tác và thu nhật lắm thứ chuyện ở Đai. Thường người miền núi rất hồn nhiên, hay hỏi đi nhờ xe, anh Thuận gọi đùa các chàng trai trẻ Mông là anh cu Tỉn. Một lần chúng tôi đến huyện lỵ Bắc Hà, vùng quê rượu ngô của người Mông ngon có tiếng, nghỉ tại nhà khách huyện, là khu dinh thự của viên quan người Mông Hoàng A Tưởng, xây năm 1919.

Hôm đó chúng tôi đến đúng vào dịp có cuộc họp cán bộ các xã. Đường từ xã, bản lên huyện, nhiều nơi mất cả buổi xe ôm, nên cán bộ xã thường lên ngủ đêm trước ở huyện, hôm sau họp. Buổi sáng tôi và anh Thuận ra đánh răng, rửa mặt.

Tôi múc chậu nước, vắt khăn lên thành chậu và ngồi đánh răng. Mải đánh răng, khi quay lại, tôi thấy một anh cán bộ người Mông hồn nhiên dùng khăn và chậu nước tôi múc sẵn, rửa mặt. Tôi ngạc nhiên, nhưng nín lặng. Chờ cho anh ta rửa mặt xong, tôi tráng và múc lại chậu nước khác, dùng tay mà rửa. Rửa mặt xong, quay sang, thì lại thấy cả bản chải và ca đang được anh ta sử dụng tiếp. Còn đang ngây ra nhìn, thì ông cán bộ kia, sau khi đánh răng, rửa mặt xong, hồn nhiên trả lại bàn chải và khăn mặt cho tôi. Còn anh Thuận lúc này sáng sặc cười:

- Thế nào, biết anh cu Tin chưa?

Trở lại buổi sáng, sau bữa say rượu đêm trước ở Ban định canh Lạng Sơn, chúng tôi tới làm việc với đồn biên phòng Tân Thanh. Thôi rồi, lại sa vào ổ say. Bia đổ như nước, cả đoàn được trận say tiếp. Say, mà ngay sau đó, chúng tôi vẫn lên xe. Liều thật.

Xe theo đường số 4 đi Bắc Sơn. Đường núi vắng hoe. Nhìn bên đường ngăn ngắt đá vôi cao xanh thẳm. Ban Lương sợ lạc, mấy lần bảo dừng xe hỏi đường, nhưng sợ trấn lột, lại thôi. Tới một quán nước, xe dừng, gặp được ông khách. Ông này giới thiệu là chánh văn phòng Trảng Định và còn hỏi đi nhờ nữa. May quá, chúng tôi rước vội ông ta lên xe. Trên xe, thấy ông này lú lo nói. Thôi chết rồi, vợ phải một ông say. Xe bốn người, thì ba ông say, kiếm được tay dẫn đường, lại phải ông say nốt. Được cái trên xe toàn kẻ say, nên câu chuyện rôm rả. Có lúc anh Thuận vừa điều khiển xe, vừa ngó sang bên đường:

- Lãng phí quá! Sao lại xây những hai cái nghĩa trang liền nhau.

Ban Lương đã sẵn sợ ông lái say, vẫn không nhịn được, phá lên cười:

- Có mà say, một, nhìn thành hai.

Sau chuyến đi này, say thế mà anh Đình Sơn viết được cái ký thật hay.

Đài có hai vị cùng họ, cùng đệm, nhưng không phải anh em, họ hàng, là nhạc sỹ Dương Nhật, Trưởng phòng Tham quan Minh Nhật. Tôi và họ có mấy bạn say.

Minh Nhật tâm huyết với nghề và cũng là một tay viết cứng. Còn trẻ mà cũng say ra phết. Một bạn tôi và Minh đi uống. Lúc về say, tôi đèo Minh phóng như bay. Qua quãng Cửa Nam, có anh béo cảnh sát giao thông đứng chỉ đường. Lúc đó đường đông, xe chạy chậm chạp. Tôi phải tạt sát vào anh cảnh sát. Minh ngồi sau, giơ tay, đập một nhát vào cái mông béo của anh ta, miệng quát to:

- Ơ, cái đít!

Anh cảnh sát giao thông bất thành linh bị đập đít, ngó ra nhìn. Thấy kẻ say, đành chỉ biết cười nhìn theo.

Còn một bạn tôi đi uống với Dương Nhật nhạc sỹ, tôi say và Dương Nhật tỉnh. Lúc về, anh bạn lại đại dột trèo lên xe tôi. Tôi say lướt xe vù vù. Vừa phi, tôi vừa quay lại chửi bạn. Chửi rất hăng. Kẻ say nó chửi, thì không sao, kệ xác nó. Đẳng này nó lại cầm tay lái, mình ngồi sau và nó chẳng nhìn đường, cứ ngó ngang mà chửi. Anh chàng Dương Nhật sợ, xuống không được, ngồi không xong, chỉ còn cách xuống nước, mặc cả với kẻ say:

- Thôi, ông cứ chửi đi! Nhưng thẳng mặt lên mà chửi.

Nghe bạn bảo vậy, nghĩ, tôi càng tức, nó khinh mình. Chửi mà không nhìn vào mặt nhau, thì chửi cái nỗi gì. Tôi liền quay hẳn lại chửi. May chả xô vào ai.

Hôm sau Dương Nhật hỏi tôi:

- Hôm qua ông chửi gì thế?

- Chửi ai, chửi cái gì?

- Ông chẳng chửi hăng lắm cơ mà!

- À, tao thấy mấy thằng đi đường, phi xe nhanh quá. Bảo chúng từ từ thôi, kéo không, tai nạn giao thông, chết bỏ mẹ cả lũ!

Tôi làm quen và chơi với Dương Nhật cũng vì quá hâm mộ nhạc sỹ. Sau chơi rồi, thấy anh chàng này rất sát giải, cứ dự thi là trúng, mà trúng toàn giải to, đậm nể. Nhưng khoản nghe nhạc của Nhật, tôi hãi, toàn thánh phòng, giao hưởng, ngang bằng đêm nghe buổi nhạc đái của cậu em Trường Doãn.

Tôi phải kể thêm trận say ở Khu bảo tồn Pù Mát, Nghệ An. Chuyển ấy tôi vào Pù Mát để phản ánh dự án rừng do anh bạn trẻ Đậu Phi Tú theo dõi. Tú nhà ở ngay thành Vinh, nay phụ trách một dự án liên doanh với Đài Loang, tới hai mươi triệu đô. Một anh chàng năng động và dễ mển. Bữa trưa, các thầy cô trường trung học phổ thông Con Công mời cơm nhà báo. Các thầy cô nhiệt tình quá, tôi lu bù được chuốc rượu. Kể ra mình hơi tham, nếu khéo từ chối, chả say thế. Lúc về, nhà trường cử một ông thầy đỡ say, đèo tôi. Đưa đến cổng trụ sở Khu bảo tồn, thầy giáo lão đảo quay xe luôn.

Tôi loạng choạng bước vào nhà bảo vệ, nằm vật ra chiếc võng mắc sẵn ở đây. Tưởng người lạ, anh bảo vệ vừa thay ca, bước lại phía tôi. Anh ta nói nhiều lắm, mà tôi chẳng rõ anh ta nói gì. Thấy anh ta nói mãi, tôi đành ngóc đầu lên, phun cho một bãi. Anh chàng hoảng hồn, may còn né kịp, không thì hưởng trọn bãi nôn tôi tặng. Chiều ấy ông Giám đốc Khu bảo tồn có bữa chiều đái. Đến lúc này anh bảo vệ kia mới nhận ra khách. Cầm ly rượu, anh chàng tiến về phía tôi, bẽn lễn xin lỗi khách. Giám đốc không hiểu anh chàng dưới quyền xin lỗi khách cái gì, hỏi, tôi liền gạt phắt:

- Nôn say ấy mà!

Anh Huy Quang, trưởng phòng Kinh tế cũng là bạn rượu của tôi. Anh và Nhà thơ Trần Thụ cùng quê Nam Định. Bác Trần khen văn anh Huy Quang, sang trọng và điệu dàng. Uống với nhau, anh và tôi toàn nói chuyện lãng nhãng, ít khi bàn văn chương. Một lần anh khoe, đang thai nghén cuốn tiểu thuyết vùng quê anh, trong đó anh tâm đắc, nhắc nhiều tới chi tiết, vụ cứu cô gái chết đuối, anh sẽ viết trong cuốn tiểu thuyết.

Tháng bảy xập xì mưa Ngâu. Ban tôi tổ chức chuyến nghỉ mát tắm biển Sầm Sơn. Trong lúc trò chuyện ở bãi biển, anh rủ mùa thu sẽ cùng lên Điện Biên, vừa công tác vừa thăm đứa con trai dạy học trên đó.

Chưa kịp, thì anh đã đi rồi. Âu cũng là số phận, một kiếp người đào hoa và lận đận, buồn như chuyện anh trở lại thăm *Chị Thìn*. Thôi thì tôi chỉ có vài dòng này, như trái khế đặt lên ban trong ngày giỗ, quả khế trong truyện ngắn *Cây khế* của anh đấy, anh Huy Quang ơi!

Bác Trần Thụ là trưởng ban Chuyên đề, còn cô Khánh Hồ và chú Phán Lương là phó ban. Bác Trần Thụ và chú Lương, thì sửa bài dễ dãi.

Chú Lương trước đó là Trưởng phòng Khoa học và trước đó nữa là Trưởng phòng Phụ nữ. Anh em có vẻ vui về chức trưởng phòng: *Việt Nam dân chủ cộng hoà, Trưởng phòng Phụ nữ lại là đàn ông.*

Với cô Khánh Hồ, ngôn từ, câu cú, cô sửa rất kỹ. Cô thâm thúy, sắc sảo, từ ngữ dùng thì thôi rồi Lượm ơi là chính xác. Tôi đã học được rất nhiều về cách dùng từ ngữ của cô. Trong tập truyện ngắn đầu tay *Người con gái năm Ất Dậu*, tôi nhờ cô, người thầy ngôn ngữ, sửa giúp, trước khi gửi tới nhà xuất bản.

Khi tôi về Đà thì nhà thơ Trần Thụ đang là phó ban Các chương trình trong nước. Bác sống đại lượng, ôn hoà, thu phục nhân tâm. Tôi còn nhớ, trong một buổi dự giao ban, có người phát biểu khá hăng. Trong lúc nghe, bác thủng thẳng kéo ngăn bàn, cầm mẩu bánh mì khô lên, thản nhiên nhấm nháp. Để cho diễn giả nói tới khi chán, bác tưng tưng:

- Chuyện này tớ nói từ lâu rồi, nói từ hai mươi năm trước cơ! Người bảo rằng hay, người bảo không hay.

Và bác Trần Thụ thơ thẩn cười. Anh Diễn Như rất khoái triết lý ẩm ương trên của bác. Thỉnh thoảng anh còn mang ra nhại trộm, *người bảo rằng hay, người bảo không hay*. Nhớ có lần vào nộp chương trình, bác Trần Thụ đang bận tiếp khách thơ, bác ký cái rẹt và nói:

- Tớ ký, cậu chịu trách nhiệm nhé!

Một lần tôi đến chơi nhà bác Trần Thụ. Lúc đó nhà thơ Thu Lệ ra họp Quốc hội, bác Lệ đang bế thằng cháu nội, con trai của Nam Trần. Nói chuyện loanh quanh, tôi và bác Trần Thụ chuyển

sang bàn chuyện chính trị. Đến lúc này bác Lệ mới góp chuyện. Vừa nghe nhà thơ thu Lệ nói, bác Trần đã nhú mày bảo:

- Bà thì biết cái gì!

Bà nghị sĩ, mà bác bảo không biết gì về chính trị. Đấy, bác Trần cứ thế đấy!

Tôi thích giọng văn trong những truyện ngắn của Nam Trần. *Những vật thể tròn*, hiện đại và suy tư. Rất tiếc Nam ít viết. Hồi Nam phụ trách mục *Chuyện thật như bịa*, nó đã làm rúng động khối nhà quản lý và các ông doanh nghiệp. Mục đó nổi đình đám đến mức, phải dừng, không phát tiếp nữa. Dịp Nam có chút tai nạn nghề nghiệp, khi đang làm ở báo, tôi sang chơi, Nam đưa truyện ngắn mới viết. Đọc xong, tôi hỏi Nam, buồn đến thế ư, dòng đời dài chèn chực? Hồi mới về cơ quan, sáng sáng, bác Trần hay sang phòng Thiếu số của tôi. Còn sớm, nên cơ quan chưa có ai. Mới vào đến cửa, bác đã khoe, đêm qua tớ sáng tác được bài thơ. Thơ bác Trần nhiều bài được phổ nhạc. Bài *Em vẫn như ngày xưa* được thế hệ tuổi trung niên rất ưa nghe.

Trong khi anh Diễm Như pha nước, bác Trần ngâm nga đọc thơ. Người làm ra thơ, rất thích được kẻ khác bình. Biết ý vậy, anh Diễm Như buộc phải bình thơ thủ trưởng. Nhiều lần anh Diễm Như đã hết lời khen, vẫn bị sắp mắng cho một chặp. Cái cậu này, thơ người ta ý thế này, cậu lại tán ra cái ý kia.

Khổ thế đấy, chê không được, mà khen cũng không xong. Tôi và Đặng Quang, đám hậu sinh, không dám ho he, chỉ biết ngồi thưởng thức nước chè và nghe thơ, bố dám bình thơ bác. Lớ xớ là vợ phải trợn mắt. Sau mấy lần nghe thơ, bình thơ và bác Trần Thụ mắng anh Diễm Như, rút kinh nghiệm, những sáng sau, vừa thấy bác vào khoe, *đêm qua tớ sáng tác được bài thơ*, tôi và Đặng Quang vội lỉnh ngay. Chỉ còn lại anh Diễm Như ngồi lại bình thơ và lại nghe bác Trần mắng.

Tôi còn nhớ một lần, không hiểu sao, anh em lại đem chuyện, nếu như quan chức thời phong kiến xưa, thì phẩm, hàm của bác Trần thuộc loại cỡ nào. Nhà văn Thành Phạm, bình bầu bác Trần vào cỡ bát phẩm. Thực ra, chức trưởng ban của bác, ít ra cũng hàng tòng ngũ phẩm, hay chánh lục phẩm, tức khoảng gần tri phủ, hay ngang tri huyện, anh Thành Phạm lại hạ cấp bác xuống mấy hàng, ngang cụ chánh tổng. Lúc ấy, không thấy bác Trần nói gì. Đúng như có người nhận xét, ông nhà Nho sinh ra không phải thời Nho.

Anh Thành Phạm hay hầu chuyện bác Trần. Kể cũng lạ, hai người tính khí khác nhau, mà lại hay chuyện với nhau. Tôi đồn rằng, một ông cò cưa, chuyện này tớ nói từ *hai mươi năm nay rồi* và một ông cứ: không, không, *Hậu Chí Phèo* làm gì mà anh đã biết.

Có lẽ từ đó Thành Phạm là người biết nhiều về bác Trần. Chẳng hạn, khi nước ta ồn ã tiểu thuyết "Báu vật của đời" – nguyên nghĩa là vú to, mông nở, của nhà văn Mạc Ngôn, thì Thành

Phạm kể, bác Trần tuyên ngôn, đại ý là: Một dân tộc biết có cường thịnh hay không, hãy nhìn vào nông và vú người phụ nữ. Hoặ như, cũng nhờ Thành Phạm mà hai bài thơ "Vui xuống cấp" và "Đường hàng tỉnh" của bác được nhiều bạn bè biết tới. Nhà văn Hoàng Minh Tường đã đưa cả hai bài thơ này vào tập hai của tiểu thuyết "*Thủy hoả đạo tặc*"... Ngược lại, tên truyện "Hậu Chí Phèo", của Thành Phạm lại do chính bác Trần đặt. Lúc đầu tác giả định đặt là *Tạp lục Chí Phèo*.

Hồi ấy ở huyện ven biển Nam Định, trong khi làm thủy lợi, người ta phát hiện ra bộ xương lớn. Anh Kháng Nguyễn, Trưởng phòng Khoa học, báo cáo tin đó với bác Trần. Cứ như anh Kháng Nguyễn nói, thì đây là bộ xương con khủng long.

Nghe xong, bác Trần rất mừng, quê mình phát hiện ra khủng long. Vốn cẩn trọng, bác Trần hỏi đi hỏi lại ông Trưởng phòng Khoa học. Sau cả tuần, anh Kháng Nguyễn vẫn như đinh đóng cột, các nhà khoa học khẳng định là khủng long. Lúc này, bác Trần phấn khởi quá. Bác so sánh, phát hiện trên ngang bằng sự kiện Hoa Kỳ phóng tàu vũ trụ A pô lô. Vậy là Nam Định quê bác không phải vùng đất biển mới bồi, như lâu nay người ta vẫn nói, mà nó phải có lịch sử tới cả vạn, triệu năm. Tự hào quá, một miền đất văn vật và văn hiến!

Bác gọi điện về cho lãnh đạo xã, huyện, dặn dò phải có kế hoạch chu đáo cho sự kiện này. Cứ như bác Trần tiên đoán, thì tới đây, cả vạn, triệu khách sẽ đổ xô tới tham quan con khủng long. Không lo trước, người ta đến du lịch, giẫm nát hết lúa. Xã, huyện phải quy hoạch vài sào, không, phải vài ha để làm nơi tham quan cho khách.

Hỡi ôi, tin từ ông Trưởng phòng Khoa học là tin vịt. Bộ xương kia chỉ là cốt con cá voi. Thôi, thế là vùng đất văn vật ven biển Nam Định vừa nâng cấp lên vạn, triệu năm, lại bị hạ xuống còn vài ba trăm năm tuổi. Trước sự thật lịch sử phũ phàng ấy, Bác Trần rất bực, bực đến mức văng cả tục ra với ông Trưởng phòng Khoa học.

Ông lão nhà thơ Trần Thụ ngày xưa đi cày và anh Kháng Nguyễn nay đều đã mất. Họ thành những người ngày xưa rồi.

CHƯƠNG VI - HỦ HOÁ HỐI LỘ ĐÂY

Năm ấy tôi quăng mười bốn, mười lăm, ra Hà Nội chơi. Lúc đó tôi còn trẻ con và quê mùa lắm. Nhìn Hà Nội cái gì cũng lạ. Một buổi trưa, tôi đang lơ mơ, chợt nghe tiếng rao vòng vọng ngoài phố. Thấy lạ, ngỏng tai lên nghe, đúng, tôi không nghe nhầm:

- Hủ hoá ơ!

Lạ thật. Ở quê cái chuyện này nghiêm trọng lắm. Người ta chỉ dám thầm thì rỉ tai nhau. Thỉnh thoảng tôi nghe trộm được bố mẹ to nhỏ kháo nhau, ông này, bà kia hủ hoá với nhau. Những chuyện này là tà đình. Thế mà ra Hà Nội, người ta công khai rao giữa phố phường. Kia, lại nữa:

- Hủ hoá ơ!

Tận đến khi kẻ rao dạo kia đến trước nhà, tôi mới hay rằng, mình nghe nhầm. Người ta rao, chữa khóa ơ!

Theo định nghĩa từ điển Hán Việt của cụ Đào Duy Anh thì hủ hoá, nghĩa là hoá ra hủ bại. Còn một thời ta hay dùng theo nghĩa đàn ông và đàn bà quan hệ bất chính với nhau, tức là thông dâm. Một thời, hủ hoá là một trong những loại tội nặng, chỉ sau tội *phản động*. Hủ hoá mà rình bắt được quả tang, có khi còn bị giữ nguyên hiện trạng, cứ thế lập biên bản.

Có khi chỉ vì chuyện hủ hoá, nhiều cơ quan, đoàn thể dành cả tuần, cả tháng họp hành, kiểm điểm. Họp kiểm điểm sâu sắc đến mức, người ta bắt cả đôi uyên ương kia tường trình từng ly, từng tý. Lắm khi việc tường thuật sống động quá, người nghe phát ngượng, yêu cầu đương sự đừng mô tả nữa. Một thời gian dài, hủ hoá cướp đi khối cán bộ. Nay, hình như nó bớt đi. Có người bảo, người ta bây giờ bớt dâm, có người bảo, bây giờ vẫn dâm, nhưng do sẵn anh karaoke, nên người ta bớt hủ hoá đi. Chả rõ tin ai.

Về nhà Đài, tôi được một anh chỉ cho biết cái cô hủ hoá và bảo cô được phong đến hàng *Dũng sỹ diệt cán bộ*. Chuyện này hồi đó làm ra to phe lắm, họp hành và nhiều tổ chức kiểm điểm nữa cơ. Còn một vụ khác, người ta bắt tươi một đôi làm cái việc xấu xa kia ở ngay trụ sở cơ quan. Không rõ họ có để nguyên trạng và trói gô cổ đôi kia lại, lập biên bản không. Hôm đó anh em các phòng ban bỏ cả công việc, nô nức đến tận hiện trường, xem hai kẻ vô văn hoá và đòi truy kia, xem cho nó xấu hổ, mà chữa đi.

Tôi từng được nghe câu, phàm những giống gì nuôi đều thịt. Đúng, gà nuôi, thịt; lợn nuôi là thịt. Người nuôi, như em nuôi, cháu nuôi, con nuôi, cũng thịt ư? Thế mà có ông thịt đấy. Cô con nuôi bị ông bố thịt, tôi biết mặt, biết tên, biết phòng. Ông này từng thịt người rồi, mà hay nói đạo đức đạo đức, có khi còn lên lớp về đạo đức phi hủ hoá.

Lại có một ông khác ở cơ quan, ông này hủ hoá bằng mắt và anh em đặt luôn tên cho ông ta là Yêu Xô. Cái nhà vệ sinh ở cuối dãy tầng. Tôi phải miêu tả kỹ nó cho mọi người dễ hình dung. Nó

được ngăn đôi, một cho nam, một cho nữ. Qua nhà nam mới tới nhà nữ. Trước nhà nữ có bể và vòi nước. Ngày ấy cửa giả còn sơ sài, đứng trước bể nước là nhìn thấy hết phía trong. Thực ra, bể này chỉ để mấy bà dọn vệ sinh lấy nước lau chùi hành lang và sàn nhà, còn bên trong, nhà nào cũng có vòi nước cả.

Buổi trưa sau khi chợ mắt xong, ai chẳng đi vệ sinh. Cái ông Yêu Xô này cũng vậy, nhưng ông ta vốn cẩn thận tính, ngoài rửa mặt ông ta còn đánh răng trưa và rửa ráy nhiều thứ lắm, chải đầu, cạo râu nữa. Rửa nhiều, nên ông ta thừa hẳn cái xô đỏ chót và mang đi cùng. Đã giới thiệu ở trên là nhà nam có vòi nước chảy rồi, nhưng ông ta cứ mang xô ra vòi ở chỗ bể để hứng nước. Nước ngày trước vốn chảy yếu, mà có khi ông này còn vặn cho nó yếu đi. Hứng như thế được đầy xô nước, có mà cả tiếng. Cửa nhà nữ nó cứ hờ hênh, không kín đáo được bên trong. Có lần một đồng nghiệp nữ ở phòng tôi, mặt đỏ rùng rục, chạy về. Tôi hỏi thì cô ta ngắc ngư như người phải gió, chẳng nói gì, nhưng vẻ tức và ngượng quá. Tôi nghĩ, hay đồng nghiệp mình bị đũa nào bắt nạt. Gặng hỏi, để nếu có đũa nào, thì tôi đánh cho nó một trận. Mãi sau này, tôi mới nghe vụng được mấy bà, mấy cô xì xầm nhau, họ tức việc cái nhà ông kia, nhòm trộm khi họ đang ấy.

Tức là đúng, nhưng ông ta là quan, lính không dám phản ứng. Cả tầng có mỗi cái nhà nữ, mà ông ta cứ án ngữ cả tiếng, thì ai chịu nổi. Có trưa chính mắt tôi nhìn thấy, khi ông này xách xô đến hứng nước, chị em như vịt từ trong ấy chạy ra. Sau đó, chị em rút kinh nghiệm, chuyển lên tầng khác. Ông này khôn ra phết, cũng biết rút kinh nghiệm, thấy chị em chuyển tầng, ông ta chuyển theo.

Một dạo, ông ta chả duyệt, hay ký cốt bài vở gì cả, suốt ngày chỉ xách xô đi hết tầng nọ, tầng kia hứng nước. Nghe nói, có bận lên tầng năm, cửa nhà nữ trên ấy hơi cao, ông này phải kiễng chân lên ngó, ngã, suýt bị gãy chân. May đấy, nó mà rơi từ tầng năm xuống, thì toi đời. Thôi chẳng nói chuyện này nữa, rở quá, chỉ độc kể lại thôi, người kể đã thấy ngượng, nói chuyện khác đi. Một chuyến tôi tới công tác tại huyện vùng cao thuộc tỉnh giáp vùng Đông Bắc cũ. Ông chủ tịch huyện rủ sớm hôm sau lên rừng đi săn. Chúng tôi súng ống chuẩn bị sẵn, khoảng bốn giờ sáng đầy đủ trên xe. Xe ra tới cổng uỷ ban huyện, thì vợ ngay hai con chó đang chồm chồm lên nhau. Dù ánh đèn pha ô tô sáng quắc, dội vào, chúng vẫn hỗn hển hồn nhiên như không. Ông chủ tịch tức quá, văng tục. Gặp chuyện xúi thế này, thì còn săn bắn gì nữa. Chúng tôi đành quay xe về. Đấy, đến súc vật hủ hoá, mà còn xấu và người ta còn kiêng như vậy. Thảo nào....

Trong chuyến công tác ấy, tôi làm việc với một ông cán bộ huyện. Ông này tính nhộn, vui đáo để. Trong bữa rượu hàn huyên do ông tự bỏ tiền ra, lại tiếp ngay tại phòng làm việc của ông, rượu vào lời ra, anh em mang đủ chuyện ra bình. Tôi đã quan sát, thấy phòng làm việc của ông có cái tủ đứng oách hơn phòng mấy anh cán cùng chức như ông, chỉ vào cái tủ, tôi hỏi:

- Hỏi không phải, hàng ngũ chức sắc như anh, sao được phân cái tử oách vậy.

Nghe tôi hỏi, ông tủm tỉm:

- Cậu có biết, gốc tích cái tử này là thế nào không? Nó là đồng phạm hai lần lật đổ chủ tịch đấy.

Thấy nó xúi quá, ông chủ tịch kế nhiệm, thái nó ra. Thế là mình được hưởng sái.

Cái sái này ban đầu được kê ở phòng ông chủ tịch. Nó ba buồng, to lừng lững, cánh gỗ lát, khung gỗ lim, toàn loại gỗ tốt, gỗ đẹp. Ông chủ tịch huyện có năng lực, tháo vát và thẳng tính, chỉ mỗi tội, hơi máu gái. Bảo trong một huyện, không có mâu thuẫn, không tranh chấp ngôi thứ là không đúng. Có điều, nơi thì công khai, nơi thì ngầm ngấm. Cái huyện này cũng vậy, song sự tranh giành diễn ra ngầm ngấm thôi.

Ông bí thư sẵn ghét vị chủ tịch, vì cái tội ngang ngang, không theo ý ông. Bí thư liền lập mưu và giương ra cái bẫy trai gái. Một cô phục vụ xinh đẹp được bố trí tạp vụ chè nước cho chủ tịch. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Một chiều thứ bảy trời đột ngột mưa, chủ tịch không về nhà được. Cô phục vụ kia vì cũng vì trời đột ngột mưa, đành ở lại. Tối đến rồi việc, cô ta xách phích nước lên phục vụ chủ tịch. Ủy ban tối thứ bảy, trời mưa, nên vắng hoe.

Khung cảnh mời gọi như vậy. Mới đầu họ còn tâm sự tình hình anh em cán bộ ở huyện, sau đến hoàn cảnh riêng tư, rồi chả biết ai trước, ai sau, hai bàn tay họ cứ bện vào nhau. Và những việc kế tiếp khỏi phải kể.

Lúc đôi trai gái đang trong cảnh bông lai tiên cảnh, thì nổi lên những tiếng đập cửa thình thình. Ông chủ tịch huyện nhà ta đang tồng ngồng cuống cuồng lên, chỉ kịp mặc mỗi cái quần đùi và dúi cô phục vụ kia vào trong tử. Có mà giấu đằng trời, người ta âm mưu sắp sẵn cả rồi, ba bốn người súng ống kè kè, ùa vào. Cuộc khám xét chớp nhoáng được thực hiện ngay, cho dù ông chủ tịch huyện cương quyết phản đối.

Chưa kịp khám tử, thì cô nhân viên từ trong tử tự nhiên tòi ra. Ông chủ tịch hết đường chối cãi. Không thể bảo cô ta đến phục vụ, rồi nhầm đường, bước vào trong đó. Cũng không thể bảo cô ta vào đó dọn tử. Biên bản viết sẵn, ông chủ tịch chỉ còn việc ký và... mất chức. Rồi ông thứ hai, hoàn cảnh sập bẫy cũng y chang, cũng ân ái mặn nồng và đang lúc lên tiên, cũng đang tồng ngồng thì tiếng đập cửa chan chát và lại cô nhân viên từ trong tử tự dừng... tòi ra.

Đến đận, cái tử tai tiếng quá, ông chủ tịch kế nhiệm không dám dùng. Khi nhậm chức, việc đầu tiên công việc chủ tịch huyện của ông là cho thái loại cái tử kia đi, nó là thủ phạm làm hủ hoá đến hai đời chủ tịch.

Khoảng hai năm, sau ngày miền Nam giải phóng Bảy lăm, nước ta lúc đó kinh tế rất khó khăn. Trong khi miền Nam đất đai mênh mông, màu mỡ, nên các tỉnh rộ lên phong trào xây dựng kinh tế mới. Thường người ta tổ chức đi tập trung theo xã, theo huyện. Mỗi nơi vài chục, đến cả trăm hộ.

Quê tôi hồi ấy tổ chức đi thành đoàn, có cả cán bộ thị trấn đi cùng. Vùng kinh tế mới là Tây Nguyên. Không rõ làm ăn ra sao, nhưng một, hai năm sau, vọng về nhiều tin đến kinh, trong đó có cả tin hủ hoá.

Mấy cô gái trẻ, có học có hành hảnh hoi, nay đến vùng rừng thiêng nước độc, sau một hồi lao động kinh tế mới, nhòm ra, tương lai chẳng thấy đâu. Nếu muốn phát triển, họ chỉ có con đường học y tá, hay vớ chân kế toán. Nơi hoang vắng này, quyền uy cán bộ to lắm, các ông ấy mà không gật, thì cứ chờ đấy. Muốn họ gật, phải có giá. Một trong những cái giá đó là... hủ hoá. Có mấy cô đành nhắm mắt đồng ý hủ hoá để thoát thân.

Chuyện gì thì giấu được, chứ chuyện này, nó vòng vọng về quê. Đến mức, có gia đình, con gái bị mấy ông cán bộ kia hủ hoá cho, tức quá tuyên bố, cái thằng ấy mà về đây, thì... bố thiến.

Doạ đấy thôi, giết được ai đâu. Vài năm sau, vẫn thấy ông cán bộ kia về thăm quê. Ông ta còn mang theo cái sản phẩm hủ hoá về cùng, đưa trẻ đến mấy tuổi. Lúc này, kẻ hủ hoá lại thành chàng rể, có ông bố vợ nào đang tâm đánh, giết rể đâu, dù chàng rể đã ngang tuổi bố vợ và từng hủ hoá với con gái mình. Chỉ có cô con gái nước mặt sậm sùi!

Hồi ở trường, lớp tôi có đôi yêu nhau. Dịp ấy là nghỉ hè, sinh viên phải đến trường trực bảo vệ một ngày. Đôi kia đăng ký lịch trực giáp nhau và cùng có mặt ở ký túc xá. Hôm đó thầy Phó khoa đi kiểm tra, thấy phòng trực không có ai, nhìn danh sách, thầy biết mặt và biết phòng ký túc của anh chàng trực hôm đó, liền chạy xuống phòng anh ta tìm. Khi thầy gõ cửa và bước vào phòng, thì hai cô cậu đang âu yếm nhau quá. Thầy quay ra. Anh chàng kia hoảng loạn, chỉ kịp mặc quần áo và vội vã chạy ra, lắp bắp xin lỗi thầy. Thầy bảo, thầy có lỗi gì đâu mà xin và nhắc anh chàng kia rút kinh nghiệm. Anh chàng sượng quá, cảm ơn thầy rồi rít, hứa sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm, không bao giờ dám thế nữa. Không biết anh chàng rút kinh nghiệm được những gì và không bao giờ dám thế nữa. Chỉ biết đôi này phải tổ chức cưới ngay trong trường và sinh con đúng vào thời kỳ làm luận văn tốt nghiệp. Giờ vợ chồng họ sống ở Thanh Hoá.

CHƯƠNG VI - 42

Mẹ tôi là dân buôn bán gốc. Mười hai, mười ba tuổi, bà đã gánh hàng đi chợ. Suốt trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bà hết buôn bán ở vùng tự do, đến vùng tề. Sau này, chỉ đến khi ta tiến hành cải tạo công thương 1958, bà mới không buôn bán nữa và xin vào hợp tác. Tới năm bảy hai, do chiến tranh, xã viên tan tác mỗi người một ngả, bà quay lại nghề buôn.

Bà buôn từ thuốc Lào, thuốc lá, vải, giấy, đến thuốc Tây, toàn thứ Nhà nước cấm. Nguồn hàng, lại chính từ các cửa hàng Nhà nước tuồn ra. Mấy ông phòng thuế, tài chính biết, nhưng họ ăn cả rồi. Ăn tiền thì ăn tiền, họ vẫn sẵn bắt, lũng đui. Bởi nếu vớ được, họ còn kiếm hơn, nhiều khi cướp trắng hàng, gọi là tịch thu.

Vào dịp nghỉ hè tôi thường phụ giúp mẹ chở hàng. Mẹ gom hàng từ thị trấn Vĩnh Bảo, tôi chở về nhà. Một lần đèo súc vải, đã né tránh và tính giờ sao cho an toàn, vừa đèo được dăm cây số, ngoái lại nhìn, tôi thấy mấy ông phòng thuế đang phi theo. Toát mồ hôi, tôi vội vàng guồng lấy guồng để, tẩu thoát. Từ đường cái, lao vào đường làng, tôi ngoằn ngoèo chạy các ngõ, được một lúc, quay lại, không thấy ai nữa.

Đã thở phào nhẹ nhõm, bất ngờ, phía trước, phía sau, lù lù mấy ông phòng thuế. Tôi bị họ tóm cổ, giong về trụ sở. Hết lời xin xỏ, trình bày, rằng các chú đã biết mẹ cháu, rồi cháu mới đi lần đầu,... đều vô dụng. Họ vẫn lạnh lùng, hàng bị tịch thu, không giấy tờ biên nhận, còn bị xỉ vả cho một trận. Nhục, nhục thật, mình cũng là người, lại ăn học, mà phải hạ mình.

Về những người này thì tôi biết, biết họ ngay tại chính mảnh vườn nhà tôi. Nhà tôi án ngữ bên đò Ảnh, một địa điểm lý tưởng cho cánh phòng thuế chặn gác những kẻ buôn lậu. Thế là nhà tôi thành địa điểm rình rập. Khó chịu đấy, mà nhà tôi tịnh không ai dám nói ra. Mẹ tôi buôn bán, còn chị dâu tôi người Sài Gòn, theo chồng ra ngoài này, mở cửa hàng may. Nhà như vậy, đây với họ là phiền.

Cái ngõ dẫn vào khu vườn sau nhà tôi. Cổng ngõ trông thẳng ra bến đò. Nơi đây mấy anh phòng thuế thường tụ tập, rình rập đám buôn lậu dưới đò lên. Cánh buôn lậu chạy đằng trời!

Phòng thuế ngày ấy canh gác gắt gao. Một bà đội nôi chân nước giải đi qua trước cửa nhà tôi, mấy ông phòng thuế nom thấy, nghi ngờ bà kia buôn lậu. Họ bắt bà ta dừng lại, hạ nôi chân xuống. Nước giải ngàu đục, nhìn xuống đáy chẳng rõ. Nghi ngờ, ông phòng thuế lấy que, khoắng khoắng, mùi khai sực nức lên. Bà kia bữu môi:

Cái mùi này cũng quán sao?

Quán tất, khám tất!

Đến nước này, cái tiết, bà ta xốc quần ngang bẹn:

- Còn cái này nữa, các ông có khám không?

Một buổi tối, tôi đi chơi về, ra sân sau rửa chân. Thoáng tôi nghe tiếng sột soạt, tiếng người thì thào. Hốt hoảng, tôi vội lia đèn pin vào mấy gốc cây. Trời ơi, có người, cả đàn ông lẫn đàn bà.

Hình như họ đang vật nhau. Ăn cướp? Giết người ư? Định hét lên, thì tôi nghe giọng quen quen:

- Không... không... gì đâu. Các chú, các chú..... đang làm thuế.

Thì ra mấy ông phòng thuế. Rình chán ban ngày chưa đủ, họ còn rình cả ban đêm. Chắc họ mới chop được mấy chị chàng buôn lậu thuốc Lào từ dưới đò lên, đem vào vườn, vật ra làm thuế.

CHƯƠNG VI - 43

Ta bây giờ có cả một uỷ ban chống tham nhũng. Như thế quá đúng. Chuyện tham nhũng, hối lộ, không phải ở ta, mà ở Tây, Tàu đều có tuốt. Không chỉ bây giờ, mà tham nhũng, hối lộ xảy ra từ cổ chí kim. Câu chuyện xưa có ông quan tuổi Tý, đến khi về hưu, bà vợ đem con chuột bằng bạc người ta hối lộ bà trước đây, kể với chồng. Ông chồng cứ tiếc, ông trách sao bà không khai ông tuổi trâu. Ai trong chúng ta chẳng từng nghe chuyện đó.

Tham nhũng, tham ô là xấu.

Lại kể về ông chú hiệu trưởng của tôi. Ông là người có tiếng liêm khiết, sống khá ngang. Ngang tới mức, người ta kèm thêm tên ông chức Chánh mà gọi. Mấy năm tôi sống ở nhà ông. Sống gần, nên tính tình ông tôi khá rõ. Ông thường nói với cháu con:

Ăn cơm mắm cáy thì ngáy o o!

Ăn cơm thịt bò thì lo ngay ngáy!

Bài học đạo đức của ông với con cháu đơn giản quá. Song học được, thì hơi khó. Ăn cơm thịt ngon hơn chứ!

Một lần, ông giúp ai việc gì đó, sau người ta mang túi quà đến nhà biếu cho bà vợ. Bà đem chuyện kể với chồng. Nghe vậy, ông quắc mắt bảo:

- Không biết! Bà đem trả ngay người ta.

Bà vợ vừa tiếc của, vừa bực mình, vừa bị trận chồng xỉ vả, vẫn phải cum cúp mang quà đi trả. Cái vụ ấy tôi cứ tiếc, nghĩ, giá như bà im đi, ông chồng đâu biết. Dù sao ông đã giúp người ta, việc xong rồi.

Một năm vào dịp tết Nguyên Đán, quăng hai tám, hai chín. Vợ chồng và con cái chú thím tôi đã về quê ăn tết, chỉ mình tôi còn ở lại. Tôi đang dở công việc, về sau. Sáng hăm chín đang ngon giấc, thì bị đánh thức bởi tiếng gõ cửa đùm đụp. Choàng tỉnh, tôi hoảng hốt tưởng có việc cướp. Trời còn tối, lại nghe tiếng người ngoài hành lang, không vội mở cửa, tôi cẩn thận bật điện ngoài hành lang lên. Bên ngoài thấy có người đang đứng. Ông ta ngập ngừng hỏi chú thím tôi. Biết họ đã về quê, khách vẫn nhờ tôi mở cửa cho ông vào. Nhìn chỉ có mình ông, lại thấy người chân chất, tôi đành mở cửa.

Ông khách xách theo chiếc bu gà, bên trong có con gà trống to tướng, đến hai cân rưỡi. Ông trình bày mình có con gà quê, tết đến biếu chú thím tôi. Tôi đăm lúng túng, không biết xử lý ra sao, đành bảo sau tết, chú thím tôi lên, ông quay lại mà biếu gà quê. Đun đầy mãi, cuối cùng, trước lời nài nỉ của ông, nể quá, tôi đành nhận chiếc bu gà quà biếu.

Trao con gà xong, ông khách cũng vội ra bến, đón xe về quê ăn Tết. Nhận quà, nghĩ lại, tôi thấy lo lo, ông chú có chịu nhận quà hối lộ không, song tặc lưỡi, thôi Tết lên hăng hay. Đặt bu gà vào nhà tắm, chuẩn bị cho nó bát cơm, chậu nước, tôi còn cẩn thận đè lên chiếc thớt.

Mùng ba tết tôi mới lên. Vừa tới hành lang, bà thím chặn lại thì thầm, chú mày đang hỏi con gà đấy. Liệu mà ăn nói với ông ấy. Tôi biết ăn nói sao đây. Đúng là quà biếu, đúng của hồi lộ rồi, thôi thì cứ đành sự thật, nào cháu có biết họ là ai đâu, chuyện lại xảy ra vào tờ mờ sớm, cháu nửa thức nửa ngủ, ông khách thì vật nài là gà quê... Nghe cháu trình bày một hồi, ông chú lặng thinh, mặt khó dăm dăm. Bà thím dàn hoà, thôi, bây giờ biết trả ai. Nghe vợ nói vậy, ông chú chỉ còn biết trút bực lên vợ:

- Bà thì...

Chiều ấy hai thím cháu tôi hì hụi thịt con gà. Lúc dọn cơm ra, tôi lấy chai rượu vừa mang từ quê lên. Rót rượu cho chú, rót rượu cho mình, tôi vẫn hời hợt, ngấm ngầm quan sát ông chú. Lúc này thái độ của ông không còn khó dăm dăm nữa. Trong bữa ăn, tôi thỉnh thoảng thấy ông cũng gấp thức ăn, lúc miếng gà luộc, lúc miếng lòng xào, nhưng không thấy ông chú khen thịt gà ngon. Thôi thì nó cũng là prôtít. Dù là prôtít gà hồi lộ, hay prôtít gà nhà mình nuôi, nó có tội tình chi mà ghét bỏ, không ăn nó!

Năm về hưu rồi, ông gọi khách bán căn hộ tập thể để xây nhà. Trước đó ông tụ tập mấy đứa cháu. Trong bữa ăn, ông nói ý định sẽ xây nhà và tham khảo các cháu. Ông giáo trước mức đầu tư căn nhà, nó vừa bằng số tiền sẽ rao bán căn hộ.

Lũ cháu được chú hỏi ý kiến, nhao nhao đóng góp. Đứa thì bảo xây kiểu thế này, vật liệu thế kia, toàn loại xịn. Cứ theo các cháu, mức đầu tư tăng lên gấp rưỡi, gấp đôi số tiền căn hộ sẽ rao bán. Nghe các cháu góp bàn, ông chú lắc đầu. Các cháu thuyết phục, tiền ít như vậy, nhà sẽ lom nhom lắm. Mặc các cháu thuyết phục, ông vẫn bảo lưu ý kiến. Thấy vậy, tôi gặng hỏi:

- Thế nhà chú không còn khoản nào nữa ư?

- Không!

Ơ hay thật đấy! Trong thâm tâm từ lâu vẫn biết, ông là người bôn, nhưng giữ thì giữ chứ, làm gì mấy chục năm hiệu trưởng, đầu tư bao công trình, chả lẽ ông không chাম mút được tý gì. Chỉ cần cái phết phẩy phần trăm, phần ngàn thôi, là có khoản vài trăm triệu giắt túi. Giờ về hưu rồi, còn sợ gì nữa, mà giữ tiếng. Tôi đánh bạo:

- Thế... chả lẽ trước đây, chú không...

Nghe cháu nói vậy, ông quắc mắt:

- Không, không làm sao. Mày bảo tao không ăn cướp được phải không?

Ông chú tôi chắc lại ám ảnh sợ câu: *Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan*, nên làm quan, ông đã không dám ăn cướp ư?

Chú tôi sống khác người, đó là việc riêng của ông ấy. Tại khu tập thể trường, ông hiệu trưởng ở gian phòng cấp bốn, nằm tít góc cuối trường, rộng hơn chục mét vuông. Hết giờ làm, chú tôi thú nhất chơi bóng chuyền, về đến phòng riêng là không muốn gặp gỡ ai, nhất là phụ huynh và

đám học sinh.

Chắc ông nghĩ, phụ huynh, học sinh tới thăm, tình cảm thì ít, mà mang quà biếu là nhiều, nên ông chủ động nuôi con chó lai rất to. Ông đặt cho nó một cái tên Tây và rất yêu quý nó. Con chó thường được thả lượn quanh trước sân nhà. Nhiệm vụ của nó là ngày ăn mấy bát cơm và nhìn thấy ai bèn mẳng đến gần nhà là sủa và xô ra cắn.

Con chó dữ lắm, bất kể ai, nếu không có mặt chủ, là cắn liền. Nhà người ta như vậy, đi biếu quà, chẳng lẽ khách cứ réo to, gọi chủ thì lộ ráo, mà liều mình vào, không thoát nổi con chó dữ dằn kia, nó chắc sẽ cắn đau. Biện pháp của ông xem ra rất hiệu nghiệm.

Người ta bảo chó nó cũng biết chọn người mà cắn, những người sang, thì nó nhả ra. Đằng này con chó kia rất ngu, khách nghèo, sang nó cắn tuốt. Một hôm, ông chủ tịch tỉnh miền Trung đến thăm ông chú tôi. Lý do là đưa con ông vừa được nhận vào trường. Nhân chuyến công tác ra Hà Nội, để biểu thị lòng biết ơn ông hiệu trưởng, ông chủ tịch tỉnh tạt vào thăm. Khi đi, ông không quên mang gói quà to tướng.

Chiếc xe con đẹp xịch đỗ giữa sân trường, ông chủ tịch ngỗng nghện xách gói quà vào nhà ông hiệu trưởng. Đã là chủ tịch, mà lại chủ tịch tỉnh, còn sợ ai. Ông có đâu ngờ, đón tiếp ông là con chó lai to. Không biết ông là ai, gói quà giá trị đến đâu, vừa thấy người nghênh ngang bước về phía nhà chủ nó, con chó xô ra, xơi luôn cho ông khách kia một miếng. Chó cắn, lại chó to, ai chẳng đau, chẳng hoảng. Mãi đến khi chủ nhà ra quát, nó mới chịu buông ông chủ tịch tỉnh ra. Xin lỗi rồi rít khách, ông chú tôi mời vội khách lên văn phòng, lại còn thông báo mấy cán bộ trong trường cùng tiếp. Tiếp đón đông vui, công khai thế, ông chủ tịch tỉnh khó mà biểu thị được tấm lòng riêng. Chẳng lẽ đi biếu quà, con chó đã làm ầm lên, rồi chủ đưa ra công đường, có mấy người cùng tiếp, khách chả tiện chuyện biếu xén.

Có kẻ ví nghề báo là nghề đâm thuê chém mướn, hay thổi kèn. Ví thế là bậy. Có dịp cứ nghe điện thoại của một ông bạn là tôi kinh. Thôi lại kiện cáo rồi.

- Ông cứ viết cho tôi một bài. Đánh cho chết bỏ mẹ nó đi....

Ồi giờ ơi, cái anh nhà báo, đánh được ai đâu!

Tôi vài ba lần tham gia đánh tiêu cực. Nói chung, dấy vào việc này hơi mệt, chịu nhiều áp lực. Chỉ riêng áp lực từ đồng nghiệp báo bạn đã nhức đầu, chưa kể từ người bị đánh.... Áp lực tới mức, có lần đánh, tôi phải sắm mũ bảo hiểm, đề phòng bị tạt a xít, giờ đi làm, giờ về nhà và đường đi, phải thường xuyên thay đổi. Tôi từng viết tay một bản đề phòng, chỉ ra tên thủ phạm, cất vào trong ngăn tủ cơ quan và dặn chỉ Yến, Trưởng phòng, nếu có việc gì bất trắc xảy ra với tôi, thì chị lấy ra, đưa cho công an. Bạn ấy mấy anh xã hội đen đã hỏi thăm thông tin về tôi. May họ hỏi đúng vào chỗ người quen, mà tha cho.

Đó là vụ tôi xông vào "đánh" ở Bộ Ngoại giao. Sau vụ này tôi dờ dẩn hơn năm, chẳng còn thiết viết lách gì. Lúc ấy hai địa chỉ gần như kiêng kỵ là công an và ngoại giao. Biết là tham nhũng đấy, nhưng tư liệu mình có, hơi mỏng. Chúng tôi xác định chiến thuật: bám lưng địch mà đánh, vừa thi công vừa thiết kế, dương đông kích tây,... Nghĩa là mang các bài học, từ tân hiện đại đến cổ học Trung Hoa ra triển khai.

Bay vào thành phố Hồ Chí Minh, tôi gặp ông cựu Cục trưởng Nguyễn Công Quang. Ông Quang từng bị họ đánh toi tả, suýt phải vào tù. Gặp ông, quả thật sao trong tôi thấy ái ngại thế. Ông cựu cục trưởng trên vai toồng teng gánh đất, mình trần, chỉ đánh cái xà lỏn khoe nước da nâu bóng.

Mãi tới khi nói chuyện, mới hay, ông vẫn lạc quan và tính rất Anh hai Nam bộ. Chúng tôi tới làm phu nhân cựu trưởng cảm động phát khóc. Bà nói, chúng tôi đến làm vụ này là do ông Quang ở hiền gặp lành, Trời, Phật phù hộ. Phật, Thánh đâu chưa biết, chỉ biết rằng, sau vụ bị đánh, ông phải bán hết gia sản ở Hà Nội, lánh nạn vào Nam. Vợ chồng mua mảnh đất ngoại ô. Lúc ấy đất rẻ. Đùng một cái, trước cửa nhà ông, con đường lớn chạy qua và đô thị Sài Gòn mở rộng, đất nhà thành đất vàng, đất kim cương.

Chỉ huy và tham vấn vụ đánh này là sếp Hoàng Văn, Trưởng ban của tôi. Còn thực hiện là tôi và Chiều chiều Lý, một đồng nghiệp trong Ban. Bút danh Chiều Chiều Lý do anh em vui vẻ đặt cho và Lý cũng vui vẻ nhận. Lý là con gái rệu rụi Tổng thư ký hội Điện ảnh.

Trong quá trình điều tra, chúng tôi có cả công văn xin được gặp Thứ trưởng Bộ, nhưng không thấy hồi âm. Vụ đánh này, sếp Hoàng khá cẩn trọng và cũng hơi lo. Trong khi đó, thì tôi và Lý

nhiều lúc lại bốn cọt. Một lần, kẻ bị đánh kia xin gặp riêng chúng tôi. Phương châm, bám lưng địch... , nên chúng tôi đồng ý gặp. Trước đó, chúng tôi báo cáo với sếp Hoàng. Trong khi báo cáo, Lý đùa đùa:

- Nhớ chiều nay gặp, họ đưa tiền, thì sao...

Sếp nghiêm sắc mặt:

- Cô, cậu phải tuyệt đối giữ gìn.

Lý nhìn sếp, cười cười:

- Giữ gìn là giữ gìn cái gì. Nếu họ đưa năm nghìn đô...?

- Tuyệt đối không nhận!

Lý tiếp tục:

- Nhớ họ đưa hơn nữa thì sao, mười nghìn chẳng hạn?

Sếp liếc mắt:

- Tôi cấm. Tuyệt đối cấm các cô các cậu!

Chúng tôi đùa sếp tý thôi, chứ giống đánh mà ăn, thì đánh được ai. Và đã đánh mà ăn là hóc. Muốn ăn thì chỉ đánh bằng báo dọa hay báo thổi kèn thôi.

Nơi hẹn gặp nay là nhà hàng, nằm ngay ngã tư Lý Thường Kiệt và Hàng Bài. Tôi và Lý cùng đi. Đến nơi, chúng tôi lượn một vòng, quan sát trước. Khi tiến vào, nhân vật kia hấp tấp đứng lên, nhũn nhặn ra chào. Chờ khi an toạ, người ấy hỏi chúng tôi, dùng đồ uống gì. Tôi lưỡng lự, có nên từ chối không? Nhưng nghĩ, như thế hơi khiếm nhã. Đang nghĩ vậy, Lý lên tiếng:

- Anh cho ly cam vắt!

Trong lúc chờ, người mời chúng tôi như vô tình phát hiện ra người quen. Anh ta gật đầu chào và đứng lên, bước về phía ấy. Sau khi chào hỏi nhau, rất tự nhiên, ông khách kia tiến lại phía chúng tôi, một cử chỉ lịch sự chào đáp lễ. Khi bắt tay nhau, chúng tôi được nghe giới thiệu về ông ta. Cứ như lời giới thiệu, thì ông này to cấp tá, cấp tướng, chức vụ cục trưởng, cục phó gì đó ngành công an. Thôi rồi, phép cáo núp oai hùm,

tôi nghĩ bụng. Nghe giới thiệu, Chiều Chiều Lý cười, hỏi luôn:

- Ơ, thế sáng này anh có dự cuộc họp của Bộ không. Trong cuộc làm việc, đồng chí Thứ trưởng bộ anh thông báo nhiều vấn đề lắm!

Lý nói rất tự nhiên, còn ông khách hơi lúng túng. Chẳng rõ ông ta nói gì, sau đó xin phép trở lại bàn mình. Tôi nghĩ bụng, chả rõ sáng nay có cuộc họp của *bộ anh không*, hay cái bà Lý này phịa chuyện ra để trở lại ông quan to kia. Thôi, thế là phép cáo núp oai hùm thành công cốc.

Buổi đó chúng tôi nói chuyện khá lâu, chủ yếu nghe người kia trình bày. Trình bày dài lắm, dài đến mức chỉ nhấm nháp, mà ly cam vắt cạn đến gần đáy. Chợt nhìn ly nước cạn, người kia vội hỏi:

- Ơ kìa, anh chị dùng thêm chút gì nữa chẳng?

Tôi lắc đầu. Không ngờ Lý lại bảo:

- Anh cho ly cam vắt nữa.

Nghĩ bụng, sao con mẹ này tham thế. Tham không đúng nơi đúng chỗ. Dù có khát, cũng phải cố mà khước từ. Cuộc giải bày tâm sự của người kia và việc bám lưng địch mà đánh của chúng tôi kéo dài thêm khoảng ba mươi phút nữa. Thấy đã khai thác thêm được một số tư liệu, tôi chủ động ngắt lời, xin phép dừng ở đây. Vừa nghe thế, ông khách cười rất nịnh:

- Ô kìa! Hôm nay tôi mời anh chị dùng cơm cơ mà!

Đến lúc này tôi cương quyết từ chối, không để cái bà Chiều Chiều Lý dấm dớ, nhớ ra nhận lời đi ăn cơm, thì há miệng mắc quai, nó lại vu cho mình ăn hẳn của nó một bữa cơm.

Sau cuộc tiếp xúc trên, tôi nhận được khá nhiều cuộc điện thoại của người kia và những người ở đâu đâu, hẹn ăn cơm và hẹn nhiều thứ lắm.

Có ông nhà văn và là Tổng biên tập một báo, từng mời tôi xơi cơm ở Lake Side hotel và xin mượn cho mấy kẻ kia. Ông này cách đây độ dăm, ba năm, mới bị mất chức vì tài chính. Thế nhưng, các phóng sự về vụ việc vẫn tiếp tục được phát trên Đài và đăng trên nhiều báo khác, như Pháp luật, Hà Nội mới, Nông nghiệp,... Trong vụ viết bài chống tiêu cực

này có hai phóng viên báo bạn tham gia tích cực là Mai Loan, trước ở phòng Phụ nữ nhà Đài, lúc đó là đại diện thường trú báo Pháp Luật tại thành phố Hồ Chí Minh và Lê Việt Hùng, báo Nông nghiệp.

Một hôm, tôi nhận được điện thoại của một vị Phó tổng gọi lên trình bày vụ việc. Gặp sếp, tôi trình bày tỷ mỉ quá trình điều tra và tỏ rõ thái độ, quan điểm của mình trước vụ việc. Nghe xong, sếp thông báo, người kia cũng đến trình bày với sếp rồi. Cuối cùng sếp nói: Có thông tin ... các cậu nhận tiền. Tôi còn nghe, chính người kia nói.

Nghe thấy vậy, tôi điếng cả người. Biết trình bày thế nào đây. Trầm giọng xuống, tôi nói với sếp:

- Nếu vậy... tôi đề nghị, đồng chí cứ bảo anh ta, tố cáo chúng tôi với các cơ quan chức năng. Họ sẽ điều tra tất cả vụ việc. Còn chúng tôi, xin cam đoan, không hề nhận bất cứ một thứ gì. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước những việc đã làm.

Nói tới đây, tôi bình tĩnh trở lại...

- Ngoại trừ... hôm trước, gặp họ ở nhà hàng, tôi... à... em và Chiều Chiều Lý có nhận hối lộ của họ ba ly cam vắt, em một ly và Lý, hơi tham, uống tới hai ly.

Kẻ nhận hối lộ thì không rõ thế nào, thích hay không thích và nhiều hay ít kẻ thích. Những phải đi hối lộ, thì chắc chắn khối người chả thích tý nào, vừa xấu hổ, vừa nhục, vừa tiếc của.

Tôi là một trong những người từng phải đi hối lộ. Âm ảnh chuyện ấy sâu đậm đến mức, sau này cánh sinh viên thực tập, hay học việc ở Phòng, tôi chả bao giờ nhận, dù chỉ một bữa bìa chúng mời. Nếu có điều kiện, còn cố gắng viết cái nhuận bút vài trăm ngàn cho chúng. Cứ nghĩ, ăn uống thế, bằng ngang ăn cứt sốt trẻ con.

Năm ấy tôi mới ra trường, về làm hợp đồng miệng tại Chi cục thú y. Ở Chi cục chả ai gạ gẫm tôi hối lộ đâu, toàn những người tốt cả, như chú Phó giám đốc, Phó tiến sỹ học ở Tây về, chú Triệu, Giám đốc. Khốn nỗi, mấy ông này tốt thật, hết lòng giúp thật, song ngoài họ ra, còn phải qua nhiều cửa nữa. Một cái cửa không thể không qua là Sở và tôi phải đến hối lộ cửa này.

Cái ông quan tôi phải hối lộ, tuy chưa bao giờ nghe thấy ông ta bảo tôi hối lộ, nhưng quà mang tới, bà vợ ta nhận thun thút. Những gói quà từ nguồn thu nhập chết đói của tôi.

Lúc đó, thu nhập mỗi tháng của tôi là mười ki lô gạo, do Chi cục trả công hàng tháng. Ngoài ra là chỉ vàng mẹ tôi cho, bán đi, đem gửi ngân hàng, lấy lãi. Lãi suất ngày đó cao, tháng trên mười phân. Nguồn thu nhập nữa là tối tối đi gạ dạy dỗ trẻ, mấy đứa cấp một, cấp hai. Nếu so với giá cả hiện nay, thì mỗi tháng tổng thu nhập vào khoảng hai trăm ngàn đồng. Số tiền ấy, hai phần ba dùng để sinh hoạt, còn lại phải đem đi hối lộ. Hối lộ bảy mươi ngàn đồng một tháng, chính xác và đều đặn.

Căn hộ kẻ nhận hối lộ kia ở khu Liên Kim. Ông này người phương phi, cao trắng như Tây, đúng đáng ông quan. Mỗi tháng tôi đến nhà ông ta một lần. Khoảng bảy giờ tối, tôi như thẳng ăn trộm, thập thò trực ngoài hành lang. Vào giờ ấy nhà họ đang xơi cơm. Tôi dỏng tai lên nghe động tĩnh trong nhà, khi nào thấy tiếng dọn bát đĩa, đoán bữa cơm tối nhà người đã xong, tôi rụt rè gõ cửa. Cửa mở ra, khép nép tôi xách túi quà vào.

Túi quà khi là cân xoài và gói bánh, khi là táo, hay dưa và tút thuốc lá. Nghĩa là giá trị không quá bảy mươi ngàn đồng. Gói quà được bà chủ niềm nở đón tiếp. Chả khách khí, bà xách ngay xuống bếp, gọt vỏ nó, rồi bày lên bàn. Quà hối lộ thật tiện cho nhà họ, có món tráng miệng sau bữa tối. Tôi vào nhà, ông chủ chỉ gật gật, không rõ có biết tôi là anh cu nào không. Lúc cả nhà tráng miệng, bà chủ không quên hào phóng mời kẻ hối lộ tráng miệng cùng. Tôi vội vàng từ chối, rằng mình cũng mới tráng miệng xong. Tôi chỉ không tâm sự ra, bữa cơm nhà bà thím mình đang sống nhờ toàn ăn rau muống, muối vừng, cần đếch gì phải tráng miệng!

Trong khi nhà họ nói cười, tráng miệng vui vẻ, thì tôi ngồi ngắm con chó lai Tây nhà chủ. Con chó to quá, cứ sục mõm xuống cái bát ô tô tú hụ những cơm, ruột lợn, phổi bò,.... Nhìn con chó

ăn, có bận tôi ao ước, giá mình được làm thân con chó lai kia. Thế thì thág thág, không phải đi hối lộ nữa, lại ăn sướng.

CHƯƠNG VI - Chương kết

Dịp mới về Đài, tôi có chuyến đi công tác với một nhà báo đàn anh. Hai thầy trò tới một huyện thuộc tỉnh Hà Bắc. Chỉ một huyện thôi, mà chúng tôi cày kéo gần tuần. Giáo dục, y tế, thương nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp,... không còn lĩnh vực, cơ sở nào không mò tới.

Lúc ấy, tôi thấy nghề báo oách thật. Xe ô tô đưa đi khắp cơ sở huyện. Còn tại phố thị, dân nhắm mặt hai ông phóng viên. Hai nhà báo cứ máy ghi âm kè kè, lúc nào cũng có cán bộ huyện tháp tùng.

Tuy không nói ra, nhưng tôi sướng nhất là đám quà cáp cơ sở biểu. Nào lớp xe đạp, khi làm việc với công ty xuất khẩu ngoại thương, nào túi ba kích và xấp tắc kè khô, khi làm việc với ông công ty dược, nào bút Kim tinh khi làm việc với Hiệu trưởng trường Dân tộc, nào tấm vải trắng pô sơ lin khi làm việc với thương nghiệp, nào bao lạc vỏ tới ba mươi cân khi làm việc với phòng Nông nghiệp, nào.... Nghĩa là lăm lăm. Gần một tuần công tác, đồng quà biểu chúng tôi tha về phòng khách ở huyện, xếp đầy ngăn tủ, còn tràn cả lên mặt bàn. Có tối nhà báo đàn anh ngủ rồi, tôi nằm trong màn lén ngồi dậy, ngắm nghĩa quà. Sung sướng thật!

Sung sướng, nhưng tôi không dám nói ra. Chỉ bản khoản, hôm này về vào lúc nào đây. Một đôi lớp, hai túi ba kích, hai xấp tắc kè, bao lạc vỏ mấy chục cân, rồi vải, xà phòng,... chắc chắn phải khệ nệ khênh vác mới hết. Không lẽ cứ ngồn nghện vác quà trước bàn dân thiên hạ ư? Cả tuần hai nhà báo hoành tráng diễu phố, dân huyện biết mặt, biết danh. Nhà báo không lẽ đeo lớp lên cổ, lễ mễ xách ca táp căng đầy quà và khệ nệ khênh bao lạc, vậy trông đờ quá.

Chiều trước hôm chuẩn bị về, tôi lưỡng lự thăm dò:

- Anh này! Sáng mai chúng mình về vào lúc nhí?

- Tớ cũng đang tính.

Tôi định tư vấn cho nhà báo đàn anh, mình về thật sớm, ra bến ô tô từ tờ mờ sớm, nhưng chưa dám. Đành uớm lời:

- Về muộn, em sợ nắng!

- Đúng! Nắng!

Đàn anh nhà báo gật gù, rồi lấp lửng :

- Mà khênh vác đám quà kia diễu phố, kể hơi.... chướng.

Được lời như cởi tấm lòng, tôi sốt sắng:

- Đúng, trông chả tiện chút nào!

Hai tư tưởng lớn gặp nhau. Chúng tôi chào cô quản lý phòng khách từ chiều tối hôm trước, sáng hôm sau, còn tờ mờ đất, chúng tôi đã vội vã rời phòng khách, mò mẫm ra bến ô tô huyện, đáp chuyến xe đầu tiên về Hà Nội. Trên xe, lòng tôi phoi phới với đồng quà biểu. Tôi chẳng còn

phân vân, ngượng ngùng và sợ hãi ai nhìn ngó thấy.

Phong bì, có người còn nâng lên thành văn hoá phong bì Việt Nam ta. Cưới hỏi phong bì, giỗ chạp phong bì, hội nghị phong bì, quà biếu, hối lộ phong bì tuốt. Làm báo, món phong bì thành khoản thu nhập của ổi người. Chuyển tôi và Chiều Chiều Lý cùng một số phóng viên báo bạn đi tìm hiểu Ban dự án xây dựng nhà máy xi măng Hải Phòng mới có chuyện khá hài. Chúng tôi túm được thông tin dự án có vấn đề, nên anh em kéo xuống. Khi phóng viên tới, cán bộ Ban dự án bắt buộc phải gặp, nhưng tiếp cảnh giác và hãi chúng tôi. Trước đó cánh nhà báo thống nhất, thái độ làm việc nghiêm túc, thông báo rõ giờ giấc, nếu họ mời ăn, cương quyết từ chối. Có người hỏi, nếu họ đưa phong bì thì sao. Người bảo không nhận, người bảo cứ nhận, nhưng cảnh giác.

Chúng tôi thực hiện như kế hoạch. Buổi làm việc diễn ra khá căng. Sau buổi làm việc, cán bộ Dự án mời chúng tôi dùng cơm, đoàn từ chối ngay. Chủ nhà rụt rè cuốn sổ lấp ló xấp phong bì, ngó thăm dò chúng tôi.

Nghĩ tới chuyện anh em bàn lúc trước, tôi nảy ra ý đùa, liền tươi tỉnh nhìn ông cán bộ lấp ló phong bì kia. Được lời như cởi tấm lòng, ông ta liền mạnh dạn đến trao phong bì cho từng nhà báo. Vừa nhận phong bì, tay tôi xoay xoay xé ra luôn, rồi cẩn thận đếm từng đồng, đếm thành tiếng. Máy ông cán bộ ngạc nhiên quá trước hành động của tôi, mặt đỏ ra. Sau khi đếm xong, tôi nói to:

- Đúng năm chục ngàn ná. Chưa phải mức hối lộ. Xin cảm ơn các đồng chí!

Một dịp báo chí xì xầm địa phương nọ diễn ra đại công trường thủ công. Các chủ thầu như ngồi trên đồng lúa, công trình xây xong, địa phương chưa trả đồng xu nào.

Dịp ấy mấy nhà báo lên địa phương đó công tác, chúng tôi tới nhà riêng ông chủ tịch. Cái nhà ông này cũng buồn cười, nhà có bốn tầng, mà thừa hẳn quả cầu thang máy. Trước đó ông tính gỡ ra rồi, nhưng chưa kịp. Trong lúc chúng tôi ngồi nói chuyện ở phòng khách, đứa con nhà ông dùng thang máy chạy vào phòng khách hỏi bố gì đó.

Anh em nhà báo biết trước cái thang máy tai tiếng này, liền chạy cả ra xem và cứ trầm trồ, khen nó đẹp. Người thì đồn, giá nó tới chục nghìn đô la, người bảo, tới trăm nghìn đô ấy, có anh còn vào đi thử và khi ra, khen thang êm, chạy nhanh quá. Lúc này, ông chủ tịch không còn hơi sức đâu phổng mũi về cái thang máy của nhà mình. Lúc chúng tôi về, anh em mỗi người được ông chủ tịch tặng cho cái phong bì. Đây là lần đầu tiên đi công tác, đến nhà riêng làm việc, tôi được tặng phong bì.

Năm 1994 tôi cùng Quách Mạnh Đồng đến Ủy ban dân số Vĩnh Phúc, Ủy ban cử người đưa chúng tôi đến huyện Yên Lạc, huyện đưa luôn xuống cơ sở. Dân số là vấn đề quan trọng, nên hôm đó xã có nhiều thành phần tham dự, đại diện đảng uỷ, uỷ ban, hội Phụ nữ, đoàn thanh

niên, hội nông dân, mặt trận,... Tại trụ sở uỷ ban, sau khi ổn định, tôi đứng lên phát biểu:

- Kính thưa các đồng chí! Không biết trưa nay, xã nhà sẽ tiếp đón nhà báo bằng khoản gì. Theo tôi, ta nên giết lợn, khoản tiết canh lòng lợn ngon lắm.

Các đại biểu sừng sờ. Dân số là vấn đề quan trọng. Trong không khí nô nức, đại biểu ban ngành đều chuẩn bị phát biểu về tầm quan trọng của dân số, ông nhà báo lại quan tâm đến tiết canh lòng lợn. Còn ăn trưa, xã đã dự kiến kỹ rồi, trưa đó đưa tất cả ra quán, đâu phải giết lợn như ngày xưa, khách ba chủ nhà bầy.

Tôi làm cái chức trưởng phòng, một chức quan con con, vậy mà thỉnh thoảng có lính mang quà biếu. Thôi thì nghĩ, có phải trước khi giúp đỡ, mình mặc cả, ra giá đâu. Đây là tình cảm anh em, đành nhận. Nhận thì nhận, nhưng nhiều khi cũng lo, biết đâu, sẽ làm gương xấu cho con. Con cái nhìn, nghĩ ông bố ăn hối lộ.

Một tết có lính đến chơi, mang gói quà. Trước đó lính nói mấy lời chúc năm mới gia đình mạnh giỏi. Tôi cũng chẳng tiện từ chối, đun đậy mâm bát tiện, đông cả năm.

Khách vừa rời nhà, hai con gái xúm lại xem. Con nhỏ, cháu tám tuổi, bô bô với bố, họ hối lộ bố đấy phải không? Tôi bật cười trước câu nói của con và đùa, giọng thì thầm: Chúng mày nói nhỏ thôi! Công an họ biết, đến trói gô cổ bố chúng mày lại bây giờ, đồ ăn hối lộ. Con gái tôi tưởng thật, im thin thít, vội giấu ngay gói quà vào tủ. Đấy, giá trị gói quà đấy, bài học nhãn tiền về đạo đức và tấm gương cho con, bày ngay ra trước mắt.

Một lần tôi được cậu lính biếu cho chai rượu. Gọi cậu ta là lính cũng không đúng lắm. Có dạo cậu ta nhờ tôi chạy giúp về cơ quan, việc không thành. Sau này cậu ta vào được cơ quan khác. Chai rượu Tây cậu ta biếu đẹp quá! Cái nhãn in hình ông Tây chống gậy trông rất oai. Uống thì tiếc, chai rượu đẹp cỡ vậy. Nghĩ ngợi đến mấy tuần, hay mình lại đi biếu. Biếu sếp nào đây? Mãi mà chưa nghĩ ra ông sếp nào quan trọng nhất.

Cuối cùng, nhân vợ chồng về quê trong dịp hội làng, loé ra trong tôi sáng kiến, mang chai rượu Tây về biếu ông nhạc. Cầm chai rượu Tây của chàng rể, ông nhạc run run, cảm động đến lạc cả giọng. Chai rượu này mà chung ra, thì mát mặt trước bàn dân thiên hạ. Chai rượu bày đến mấy tháng và chắc nó được giới thiệu với hàng xóm láng giềng tử mỹ gốc gác: Thằng rể làm báo, lính nó biếu; chai rượu Tây này đắt lắm, nghe nói mua từ Pháp; thấy bảo, tới mấy ngàn đô cơ... Quý thì quý cũng phải đem ra uống. Rượu có phải tranh, hay tượng đâu mà bày mãi. Nhân một cuộc họp mặt đông đủ gia đình, chai rượu được mang ra dùng. Tôi long trọng cầm chai rượu rót vào mấy cái ly pha lê sáng long lanh. Những giọt rượu sóng sánh, vàng xuộm chảy xuống. Rượu quý nên tôi chỉ rót chừng non nửa ly. Hết một lượt, tôi khẽ nhón ly rượu lên. Trong khi đó, ông bố vợ tôi cũng nhanh nhẩu nhấc ly. Tôi biết, ông chỉ quý rượu chàng rể biếu thôi, chứ có uống được bao nhiêu. Tôi nghe tiếng ông bố vợ khen:

- Thơm! Đúng là anh rượu Tây có khác!

Tôi cũng kịp đưa ly rượu lên. Ô hay, hình như mùi nó khum khum. Hay là mình không quen anh rượu Tây, mùi rượu Tây nó phải vậy. Tôi thoáng nghĩ ngợi, không tin vào khứu giác mình, ông nhạc vừa chả khen thơm đấy ư?

Rồi mọi người nâng ly. Vì có thời gian thăm dò trước, nên tôi dè chừng, chỉ làm một ngụm nhỏ nhỏ. Ôi chao, rượu Tây gì, sao lại có hương vị này! Nó lờ lợ, chua chua và khấn khấn. Ông nhạc và hai người anh vợ tôi vừa tốp một tốp nhỏ, mặt mũi đã nhú lại. Đến lúc này thì không dừng được nữa, thôi vớ phải chai rượu giả rồi, tôi đành phải lên tiếng:

- Hình như... là rượu rởm!

Bố vợ tôi vội đỡ lời:

- Không... rượu Tây đấy chứ!

Đấy là ông bố vợ muốn vớt vát thể diện cho chàng rể. Đến nước này thì không còn được nữa, tôi cương quyết khẳng định:

- Đúng, đúng là rượu giả bố ạ!

Hai anh vợ tôi cũng khẳng định vậy. Hơi bẽ mặt, không biết gỡ gạc bằng cách nào, chợt trong tôi nghĩ tới kẻ biểu rượu kia! Thôi đúng rồi, thằng này chơi khăm mình. Quên bém cả ông nhạc và hai anh vợ đang ngồi quanh mâm, tôi buột miệng:

- Xỏ lá thật!

Buông ra rồi tôi mới thấy mình bất nhã, vội vàng thanh minh, tôi tức là tức thằng lính biểu đồ rởm kia. Nghe giải thích, ông nhạc vội xoa dịu:

- Có khi người ta cũng không biết.

- Không biết là không biết thế nào. Chắc thằng này không xin được vào cơ quan con, giờ nó xỏ lá. Con là con không để yên vụ này cho nó đâu. Sếp cơ quan nó con biết, chuyển này phải viết bài đánh cho thằng sếp nó một bài.

Thấy chàng rể nổi xung, ông bố vợ tôi đâm hãi, sợ việc nhỏ thành sự to:

- Ấy, ấy... anh đừng thế! Việc này làm to ra, mình cũng là người có lỗi! Chẳng gì cũng nhận.... hối lộ đấy sao.

Không phải vì há miệng mắc quai, song sau đó tôi cũng chẳng viết bài đánh cho thằng sếp nó một trận nào cả.

Đã từng nhận hối lộ rồi, mà có bận tôi còn dám đi răn dạy người khác. Đó là một lần về Hải Dương chơi với cậu em Nguyễn Trọng. Giờ Trọng là Giám đốc sở Nội vụ. Anh em chơi với nhau từ hồi đại học. Lần về chơi đó tôi bảo:

Giúp được ai thì giúp, vị đừng có hành người ta.

Nghe tôi nhắc, Thừa "*bấu*" luôn, quê tôi nói từ "bảo" thành "bấu":

- Không, em chả chơi. Giúp được ai thì giúp, một đồng em cũng không nhận. Anh tính, ở cái tỉnh quê này, dân còn nghèo. Xin việc, đi hối lộ, hết nước là mười triệu. Mà đâu phải một lần đến là được. Phải rình rập, chầu chực trước cửa nhà người ta. Cứ đứng trực cả tuần, hàng xóm hai bên biết tất. Chả thà, vợ em gắng thêm kinh doanh, bằng tỷ lần chồng nhận hối lộ.

Hồi Nguyễn Trọng về quê nhậm chức Bí thư huyện được một tuần, tôi xuống phủ lý chúc mừng tân quan. Anh em tôi lạo rạo trên đê, vừa ngắm dòng sông quê vừa nói chuyện, tôi bảo Trọng:

- Thôi, chẳng gì, giờ vị cũng là ông phủ, ông huyện. Dưới thời phong kiến, quan không được về trị nhậm ở quê đâu nhá. Tránh là tránh trừ úm, rồi bao che, thiên vị họ hàng.

Trọng Hỏi tôi có biết ông quan nửa thực dân, nửa phong kiến cuối cùng trị nhậm phủ này là ai không?

Biết chứ, biết cả ông Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời.

Trên đê, nhìn dòng sông mùa nước đông ken, tôi lại nhớ đến những cánh vờ vờ tuổi thơ mỏng mang, lơ vờ,.../.

Hà Nội, viết trọn tháng 8/2007

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>